

VĂN HÓA PHẬT GIÁO

ĐƯỜNG VỀ XỨ PHẬT

TẬP VI

Sách này chỉ kính biếu, không bán!

Quý bạn đọc có thể thỉnh sách tại TU
VIỆN CHƠN NHƯ. Ấn bản điện tử được đăng tải
tại trang web:

<https://www.nguyenthuychonnhu.net>

<http://www.thuvienthaythonglac.net>

TRƯỞNG LÃO THÍCH THÔNG LẠC

ĐƯỜNG VỀ XỨ PHẬT

TẬP VI



NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO

BẠC THÁNH A LA HÁN



"Nếu không có đạo đức, con người chỉ là một con thú vật thông minh, hung ác, gian xảo, lừa đảo nhất trong các loài động vật".

(Lời của Tu viện Chơn Như)

Lời nói đầu

7 ừ ngày có chương trình vấn đạo đến nay, những người có đủ duyên được đọc sách Đường Về Xứ Phật, lần lượt họ đều hiểu thông đường lối tu hành của đạo Phật, và cũng bắt đầu thấy được những điều sai trái trong Phật giáo rất nhiều hiện nay, nguyên do là những ảnh hưởng tập quán dân gian và các pháp môn của ngoại đạo trà trộn làm cho chánh pháp của Phật biến

dạng, mang đầy tính chất mê tín, dị đoan, lạc hậu v.v..

Phần đông số tín đồ Phật giáo đang lầm lạc quay cuồng trong các pháp môn của kinh sách phát triển và Thiền Tông Trung Hoa, cho đó là pháp môn của Phật giáo, nhưng nào ngờ chương trình vấn đạo đã và sẽ lần lượt làm sáng tỏ, pháp nào của Phật là của Phật, pháp nào của ngoại đạo là của ngoại đạo (Bà La Môn). Tà đạo không thể ẩn núp trong Phật giáo, chuyên làm việc lừa đảo và lường gạt tín đồ Phật giáo như vậy được. Đường Về Xứ Phật sẽ chỉ thẳng và vạch rõ giúp các bạn không còn hiểu lệch lạc và sai lầm nữa.

Đã gần hai mươi lăm thế kỷ nay con người đã bị giáo pháp này lừa gạt quá nhiều, đến giờ này mà mọi người còn đang

sống trong giấc mơ của “Đại Thừa và Tối Thượng Thừa” là của Phật giáo ư! Thật là đau lòng!

Một giấc mơ tuyệt vời, đưa con người vào cõi mộng của thế giới siêu hình, “thường hằng, thường biết, thường nghe, thường thấy, bất biến, hạnh phúc, an lạc (thường, lạc, ngã, tịnh)”.

Đại Thừa đã xây dựng một cõi “Cực Lạc Tây Phương” để thỏa mãn mọi nhu cầu dục vọng của con người thế gian, muốn chỉ được nấy, do sự diễn tả cảnh giới Tây Phương Cực Lạc quá đẹp để như trong kinh Di Đà. Một cảnh giới lý tưởng, mà ai nghe đến cũng đều phải ham mê thích thú.

Vì thế, nên hiện giờ có nhiều người do tâm tham đắm cảnh giới Cực Lạc, sống đầy

đủ và sung sướng muốn chỉ có này, nên xúm nhau niệm Phật Di Đà cầu vãng sanh Tây Phương.

Và lại, các Tổ thường ca ngợi pháp môn Tịnh Độ rất dễ tu, phù hợp với căn cơ con người thời đại hiện nay, nghe những lời đường mật cảm dỗ này ai mà không ham thích. Phải không các bạn?

Vấn đạo sẽ lần lượt vạch mặt, vạch tên từng pháp môn của ngoại đạo, để cho tín đồ Phật giáo, thấy được bộ mặt thật thâm độc của tà giáo đã và đang cố tình dìm và giết Phật giáo, nhất là diệt sạch nền đạo đức của đạo Phật. Hiện giờ người ta chẳng biết đạo đức của Phật giáo là đạo đức gì? Hỏi đến ai cũng ngớ ngẩn chẳng biết, dù đó là những bậc Hòa Thượng, Thượng Tọa, Đại Đức v.v..

Kinh sách phát triển đã biến đạo đức của Phật giáo thành một thứ đạo đức “mê tín”, một thứ đạo đức thụ động, phi đạo đức, khiến cho Phật giáo không có đạo đức làm người, chỉ biết tu hành theo đạo Phật là làm việc từ thiện, cúng bái, cầu khấn, van xin, ngõi thiền, nhập định, niệm Phật, niệm chú, bắt ấn, tụng kinh, tụng kệ, sám hối, v.v.. Với việc làm này, mục đích sẽ được giải thoát và cuối cùng thành Phật và ít nhất cũng được dự vào hàng Thánh nhân.

Hành động từ thiện của giáo phái phát triển là Tứ Nhiếp Pháp, dùng để khuyến dụ người theo đạo mình, hơn là làm việc từ thiện. Với những lời lừa đảo “Bố thí, cúng dường sẽ được phước báo vô lượng” như: cúng dường xây cất chùa, tháp, đúc chuông,

*đức tượng và cúng dường trai tăng tứ sự v.v..
sẽ được phước báo vô lượng vô biên.*

*Trong khi đạo Phật ra đời nhằm đem
lại cho loài người một đạo đức giải thoát,
mang lại cho cá nhân mỗi người được hạnh
phúc, an vui, thanh thản, bình đẳng, sống
hoà hợp, biết tha thứ và thương yêu nhau,
biết nhẫn nhục, tùy thuận, và đùm bọc lẫn
nhau, chứ đâu có lường gạt người như thế.*

*Vấn đạo sẽ làm sáng tỏ lại pháp môn
của đạo Phật và dựng lại nền đạo đức
không làm khổ mình, khổ người, mà từ hai
mươi lăm thế kỷ nay không còn ai nhắc nhở
và biết đến.*

*Vấn đạo sẽ giúp cho quý vị giữ gìn giới
luật nghiêm túc, bằng cách hướng dẫn các
pháp tu tập cụ thể, thiết thực để quý vị thực*

hành sống một đời sống đạo đức, đạo hạnh, có một cuộc sống không làm khổ mình, khổ người, an vui, thanh thản và vô sự.

Vấn đạo giúp cho quý vị suy nghĩ, lời nói và hành động luôn luôn buông xả, cởi mở, ôn tồn, nhã nhặn, từ tốn, êm dịu để mang lại cho mình một tâm hồn an vui, thanh thản, và mang lại cho người một tâm hồn khoan dung, thương yêu và đầy lòng tha thứ.

Vấn đạo giúp cho các bạn biết rõ cách thức ngăn ác pháp và diệt ác pháp, luôn sống trong thiện pháp, an trú thiện pháp, thường sống tu tập “Tứ Chánh Cần”.

Vấn đạo còn giúp ta biết cách tu tập “Tứ Niệm Xứ” rất cụ thể, rõ ràng, để

khắc phục tâm tham ưu ở đời bằng phương pháp “Quán thân trên thân”.

Vấn đạo giúp ta rõ thấu cách thức tu tập rèn luyện đạo lực, để điều khiển nhập bốn định (Tứ Thánh Định), làm chủ sanh, già, bệnh, chết và chấm dứt luân hồi.

Vấn đạo còn giúp chúng ta biết rõ cách thức tập luyện pháp hướng tâm để biết cách thành tựu “Tứ Như Ý Túc và Tam Minh”.

Vì vấn đạo có lợi ích như vậy, chúng ta hãy đọc và nghiên cứu, cẩn thận, kỹ lưỡng từng danh từ, ngôn ngữ, để chúng ta hiểu rất rõ và nắm vững cách thức tu tập, không còn bị ai lừa đảo được, do đó tu hành mới đạt được như sở nguyện.

Giáo lý đạo Phật khó, chỉ vì ta chưa thấu triệt và từ lâu đời (1242 năm) đã bị giáo lý ngoại đạo che khuất, bằng cách mạo danh là Phật thuyết.

Đạo Phật khó, chỉ vì ta chưa có nhiệt tâm, thiếu lòng tin tưởng nơi Phật, Pháp, Tăng, vì thời nay Phật, Pháp, Tăng đều giả hiệu, khiến Thầy Tổ chúng ta tu mãi mà chẳng ra gì, đến khi chết phải chịu quá nhiều bệnh tật nghiệt ngã, khổ đau.

Đạo Phật khó, chỉ vì ta chưa biết đời sống con người khổ, khổ như thật, nên còn đắm mê những vật chất dục lạc thế gian, chưa chịu buông xả và dứt bỏ.

Đạo Phật sống khó, chỉ vì tâm chúng ta chưa nhàm chán các pháp dục lạc thế gian, mãi còn chìm đắm trong đó.

Đạo Phật khó, chỉ vì chúng ta bị lừa đảo bằng các pháp môn của Bà La Môn giả hiệu pháp môn của Phật, nên chúng ta tu sai pháp, lạc pháp, không có kết quả cụ thể, phần nhiều là lý thuyết suông.

Đạo Phật khó, chỉ vì chúng ta thiếu một thiện hữu tri thức có kinh nghiệm tu hành theo chánh pháp của Phật, biết rõ đường đi nước bước chơn thật, không còn sợ bị lầm đường, lạc lối.

Đạo Phật khó, chỉ vì từ lâu chúng ta hiểu qua giáo lý của đạo Phật, bằng kiến giải của các nhà học giả. Do đó, vấn đạo sẽ phơi bày các pháp hành cụ thể, thực tế để mọi người biết rõ, dứt bỏ những điều sai quấy bất thiện, biết xa lìa những sự cám dỗ vật chất thế gian, biết ngăn chặn những pháp ác trong tâm, biết thương yêu đùm bọc

lăn nhau đúng cách, biết tùy thuận, tha thứ những lỗi lầm của những người khác, biết nhẫn nhục đoàn kết và xả bỏ lòng hận thù riêng tư, biết làm vui lòng mình, vui lòng người.

Vì thế, đọc văn đạo quý vị đừng vội tin mà hãy suy ngẫm, càng suy ngẫm thì quý vị mới càng thấm thía, có thấm thía quý vị mới tin sâu Phật pháp, có thấm thía quý vị mới thấy đạo Phật ra đời là vì loài người, vì sự khổ đau của con người, vì sự làm chấp thế giới hữu hình và thế giới siêu hình là có thật.

Lần lượt những tập “Đường Về Xứ Phật” sẽ đến với quý vị, tâm tình chia sẻ những nỗi u hoài, khắc khoải trên bước đường tu tập thiền định của đạo Phật với quý vị.

Và những tủi nhục, xấu hổ khi thấy những vị Tỷ Kheo (tu sĩ Phật giáo) ngang nhiên phạm giới luật, xem thường giới luật, và bẻ vụn giới luật trước mặt tín đồ mà chẳng hề có chút lòng xấu hổ, hối hận, ăn năn. Những người không tôn giáo và những tín đồ các tôn giáo khác sẽ phê bình cười chê ra mặt, họ dùng những lời châm biếm, chế giễu của những người bình dân: “Thầy chùa ăn vụng cá kho, bà vải bắt được đánh mo lên đầu” hay “Xoài cà lăm nhỏ trái mà chua, thầy tu mẽ gái bỏ chùa không ai coi”. Còn rất nhiều câu ca dao, tục ngữ dân gian và các thơ văn của các thi sĩ nổi tiếng nói về tu sĩ đạo Phật một cách châm biếm rất là đau lòng xót dạ mà chúng tôi không thể nêu ra đây hết được.

Không biết các bậc tôn túc Hòa Thượng, Thượng Tọa, Đại Đức Tăng và Ni trong cả nước khi phạm giới luật của Phật, quý vị có buồn lòng tự xấu hổ với những việc làm của mình hay không?

Vừa rồi, chúng tôi có đọc một tờ báo ở Hà Nội nói về vụ ăn cướp xe gắn máy là một tu sĩ Phật giáo. Nếu chúng ta không đọc báo chí thì thôi mà theo dõi báo chí thì thỉnh thoảng chúng ta đọc những tin tức về giới tu sĩ Phật giáo phạm pháp luật nhà nước, thật là đau lòng. Đến đây xin tạm dừng hẹn gặp lại quý vị ở tập sau.

Kính ghi

Trưởng Lão Thích Thông Lạc

Tu Viện Chơn Như

Ngày 18-12-1998

THƯ GỬI QUÝ BẠN

--o0o--

*Kính gửi: Quý bạn Tăng, Ni và nam nữ
cư sĩ thân mến!*

Kính thưa các bạn! Sau khi nhận lại bộ sách Đường Về Xứ Phật tập 6 chúng tôi có bổ sung thêm câu hỏi của những tu sĩ và cư sĩ. Vì những câu hỏi này có một giá trị lợi ích thiết thực cho sự tu tập của các bạn. Chúng tôi sẵn sàng trả lời những câu hỏi của những ai có quyết tâm tìm đường thoát khổ của kiếp làm người theo đúng lộ trình của Phật giáo Nguyên Thủy.

Chúng tôi cũng sẵn sàng trả lời những câu hỏi của những ai có tâm huyết muốn xây dựng lại nền giáo pháp chân chánh của Phật giáo Nguyên Thủy đang lúc đen tối.

Chúng tôi cũng sẵn sàng trả lời những câu hỏi của những ai muốn học hỏi đạo đức làm người của đạo Phật, mà từ khi đức Phật nhập diệt đến nay nó đã bị chôn vùi trong lớp giáo pháp mê tín, trùu tượng, ảo giác tưởng giải của các nhà học giả kinh sách phát triển.

Chúng tôi cũng sẵn sàng trả lời những câu hỏi cho những ai đang thắc mắc về giáo lý Phật giáo đầy đầy mâu thuẫn, đầy đầy mê tín, dị đoan v.v..

Sau cùng chúng tôi gửi lời thân mến nhất thăm và chúc quý bạn mạnh khỏe, an vui để tìm ra một lối đi chân chánh của Phật giáo, để thực hiện hoài bão ra khỏi sanh tử luân hồi của mình.

*Kính ghi
Tu Viện Chơn Như.*



TU TẬP ĐỊNH VÔ LẬU CÓ BA VIỆC CẦN PHẢI LƯU Ý

LỜI PHẬT DẠY

- “1- Phòng hộ sáu căn*
- 2- Sanh y là căn bản của đau khổ*
- 3- Giải thoát nhờ đoạn dứt sanh y”.*

CHÚ GIẢI:

1- ***Phòng hộ sáu căn***: Tức là giữ gìn mắt, tai, mũi, miệng, thân, ý không cho dính mắc sáu trần là: sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp.

Phòng hộ sáu căn có nghĩa là giữ gìn tâm không phóng dật, giữ gìn tâm không phóng dật là một việc làm thiện xảo và rất khéo léo, nếu không thiện xảo và khéo léo thì tâm dễ phóng dật.

Phòng hộ sáu căn còn có nghĩa là sống độc cư mà đức Phật đã thường nhắc đi nhắc lại

nhiều lần và nhất là Ngài nhắc chúng ta phải sống độc cư như con tê ngu một sừng.

Đúng vậy chỉ sống như con tê ngu một sừng thì tâm mới không phóng dật. Tâm không phóng dật, tức là tâm bất động trước ác pháp và các cảm thọ, như vậy chúng ta đã đi nốt quãng đường của đạo Phật.

2- Sanh y là căn bản của sự đau khổ: Có nghĩa là những pháp chung quanh ta tạo thành một đời sống, chính vì đời sống chung đụng với mọi người, mọi vật và mọi loài chúng sanh mà chúng ta phải chịu nhiều khổ đau, phiền toái, v.v.. khi mà chúng ta không biết sử dụng trí tuệ nhân bản - nhân quả, cũng như không hiểu biết sống đạo đức làm người.

Sanh y là căn bản của sự đau khổ, đây là lời cảnh giác khuyên nhắc của đức Phật, chúng ta hãy đề cao cảnh tỉnh mọi sanh y đối với người cư sĩ, còn với một vị Tỳ Kheo thì sao? Xin các bạn vui lòng đọc tiếp thì sẽ rõ, có câu trả lời cho các bạn.

3- Giải thoát là nhờ đoạn dứt sanh: Đây là lời khuyên bảo chí tình của đức Phật, nếu muốn tìm tu sự giải thoát mà không đoạn dứt sanh y thì không bao giờ có giải thoát được.

Bởi vậy một vị Tỳ Kheo phải xả bỏ tất cả, sống đúng đời sống phạm hạnh ***“Cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà sa, sống không gia đình, không nhà cửa, chỉ còn ba y một bát, một đời sống thiếu dục tri túc, tâm hồn trắng bạch như vỏ ốc, phóng khoáng như hư không”***. Chỉ có đời sống xuất gia mới tìm thấy sự giải thoát chân thật của kiếp này.



TRÌ GIỚI LÀ LY DỤC

LỜI PHẬT DẠY

1- Nói trì giới, là để chỉ cho tâm ly dục, ly ác pháp.

2- Nói dục, là chỉ cho tâm bất tịnh, cấu uế, ô trược.

3- Nói lậu hoặc, là chỉ cho tâm đau khổ.

4- Nói tịnh chỉ các hành trong thân, là để chỉ sự làm chủ sống chết.

5- Nói Tam Minh, là chỉ cho tâm vô lậu.

6- Nói Niết Bàn, là chỉ cho tâm vô dục, tâm bất động giải thoát.

CHÚ GIẢI:

1- Nói trì giới: Là chỉ cho tâm ly dục ly ác pháp, có nghĩa là người tu sĩ và người cư sĩ sống đúng giới luật nghiêm chỉnh không hề vi phạm một lỗi nhỏ nhất, biết sợ hãi trong các

lỗi nhỏ nhất, biết xấu hổ dù là phạm một giới luật nhỏ hoặc một điều ác nhỏ, người như vậy là người đã ly dục ly ác pháp, người đã ly dục ly ác pháp là người đã sống trong trạng thái tâm thanh thản, an lạc và vô sự, người đã sống được trong trong trạng thái tâm thanh thản, an lạc và vô sự là người tâm Bất Động trước các ác pháp và các cảm thọ, người có tâm Bất Động trước các ác pháp và các cảm thọ là người có đạo đức nhân bản, người có đạo đức nhân bản là người không làm khổ mình, khổ người. Người không làm khổ mình, khổ người là người giải thoát của đạo Phật. Cho nên, người giải thoát của đạo Phật là người có tri kiến giải thoát. Tri kiến giải thoát tức là đức hạnh, tri kiến giải thoát và đức hạnh là giới luật của Phật. Cho nên, đức Phật dạy: ***“Tri kiến ở đâu là giới luật ở đó, giới luật ở đâu là tri kiến ở đó”***.

Tóm lại, người trì giới là người có trí tuệ và đức hạnh, người có trí tuệ và đức hạnh là người trì giới, người trì giới là người tu sĩ chân chánh của đạo Phật.

2- Nói đức: Có nghĩa là nói nguyên nhân sinh ra đau khổ, sự đau khổ trong thế gian này

được đức Phật xem như là sự bắn thủ, ô trược, hôi thối, bất tịnh có nghĩa là chẳng trong sạch, bất tịnh còn có nghĩa là ác pháp, nhưng chúng ta đừng vội vợ dưa cả nắm cho là tất cả dục là ác pháp, là bất tịnh, là sai.

Mặc dù dục là nguyên nhân sanh ra muôn thứ đau khổ nhưng có loại dục không đau khổ, đó là dục không làm khổ mình, khổ người; dục làm lợi ích cho người, cho mình, dục làm chủ sanh, già, bệnh, chết thoát khổ của kiếp làm người; dục chấm dứt luân hồi sanh tử v.v.. Đó là những dục thiện mà người tu sĩ Phật giáo cần phải tăng trưởng.

Bởi vậy dục có thiện dục và có ác dục nên đức Phật dạy chúng ta diệt dục ác không diệt dục thiện. ***“Ngăn ác diệt ác, sanh thiện tăng trưởng thiện”*** là nghĩa ấy vậy.

Diệt dục thiện lẫn dục ác thì chúng ta trở thành cây đá còn đâu gọi là đi tìm sự giải thoát. Phải không các bạn?

Có người nghe kinh Tứ Thánh Đế, đến Diệt Đế họ tưởng rằng diệt hết dục là giải thoát, là Niết Bàn, sự hiểu biết như vậy là sự

hiếu biết nông cạn, là sai, là không hiểu Phật giáo.

Trong kinh Tứ Chánh Cần đức Phật đã xác định rõ ràng: ***“Ngăn ác diệt ác pháp, sanh thiện tăng trưởng thiện pháp”*** như vậy chúng ta nên hiểu Kinh Tứ Diệu Đế dạy về Diệt Đế tức là diệt tâm ham muốn ác, chứ không có dạy diệt tâm ham muốn thiện, vì tâm ham muốn ác là tâm làm khổ mình, khổ người. Tâm làm khổ mình, khổ người là tâm không có đạo đức nhân bản, còn ngược lại tâm ham muốn thiện là tâm không làm khổ mình, khổ người, là tâm làm lợi ích cho mình cho người, là tâm giải thoát của đạo Phật, là tâm Niết Bàn, vì cuối cùng của con đường thiện pháp không làm khổ mình, khổ người thì tâm ham muốn thiện kia cũng không còn.

3- Nói lậu hoặc: Là chỉ cho tâm đau khổ, có nghĩa là bất cứ một việc gì làm đau khổ nào cho mình, cho người, cho chúng sanh thì đều gọi là lậu hoặc chứ không phải chỉ có khổ riêng cho mình mới gọi là lậu hoặc.

Ác pháp thường đến cho mình và cho nhiều người, không bao giờ đến đơn điệu cho một người, cho nên nói lậu hoặc, tức là nói một

chùm nhân quả khổ đau, chứ không phải nghĩa rò rỉ của các chữ nghĩa Hán ngữ.

Lậu hoặc là chỉ cho thân tâm đau khổ nên nó được chia ra làm ba:

- 1- Dục lậu.
- 2- Hữu lậu
- 3- Vô Minh lậu

Người tu hành theo Phật giáo diệt trừ được ba lậu hoặc này liền chứng đạo.

4- Nói tinh chỉ các hành trong thân:

là để chỉ cho sự làm chủ sống chết, tức là nói về năng lực của pháp Như Lý Tác Ý điều khiển chủ động bằng Tứ Như Ý Túc tức là Tứ Thần Túc. Tứ Thần Túc gồm có:

- 1- Dục Như Ý Túc
- 2- Tinh Tấn Như Ý Túc
- 3- Định Như Ý Túc
- 4- Tuệ Như Ý Túc

Do những thần lực này mà người tu sĩ Phật giáo mới làm chủ được sanh, già, bệnh, chết và chấm dứt luân hồi.

5- Nói Tam Minh: Là chỉ cho tâm vô lậu dứt hết nghiệp tái sanh luân hồi (Lậu Tận Minh), chứ không phải nói thần thông. Nói đến Lục Thông, Tam Minh theo như người ta nghĩ tưởng và ưa thích là nói đến thần thông. Đạo Phật không có dạy tu tập để có thần thông mà chỉ dạy đạo đức nhân bản nhân quả cho con người. Khi con người sống đúng đạo đức thì tâm thanh tịnh nghĩa là không còn tâm tham sân si nữa thì nơi tâm thanh tịnh ấy lưu xuất ra những thần lực trên. Những thần lực này có khả năng nhập các định và thực hiện Tam Minh. Với khả năng ấy mới làm chủ sự sống chết và chấm dứt luân hồi.

Cho nên, Lục Thông, Tam Minh không phải thần thông làm trò ảo thuật cho người ta xem chơi như các nhà Yoga, mà Lục Thông Tam Minh là đạo lực có công năng làm chủ sự sống chết của con người.

Lục Thông có:

- 1- Thiên Nhân Thông
- 2- Thiên Nhĩ Thông
- 3- Tha Tâm Thông
- 4- Túc Mạng Thông

5- Thần Túc Thông

6- Lậu Tận Thông.

Tam Minh gồm có:

1- Túc Mạng Minh

2- Thiên Nhân Minh

3- Lậu Tận Minh.

6- Nói Niết Bàn: Là chỉ cho tâm vô dục, tâm bất động giải thoát, tức là tâm đã lìa xa lòng ham muốn và các ác pháp, tâm lìa xa lòng ham muốn và các ác pháp là tâm thanh thần, an lạc và vô sự.



CÁC NHÀ HỌC GIẢ DẠY NHẬP SƠ THIỀN

Câu hỏi của Diệu Quang

Hỏi: *Kính thưa Thầy! Phương pháp nhập Sơ Thiền của nhà học giả dạy: “Muốn nhập Sơ Thiền, thì mười ác pháp đi lui, năm thiện pháp đi tới. Vậy mười ác pháp là gì?”*

- 1- Mắt đắm sắc
- 2- Tai đắm tiếng
- 3- Mũi đắm hương
- 4- Lưỡi đắm vị
- 5- Thân đắm xúc

Cộng năm thứ ngăn che (tham, sân, si, mạn, nghi) kể trên là 10 pháp ác.

Năm pháp thiện là gì? Đó là:

- 1- Tầm
- 2- Tư
- 3- Hỷ
- 4- Lạc
- 5- Nhất tâm

Kính thưa Thầy, nhà học giả dạy như vậy có đúng không?

Đáp: Ở đây nhà học giả dạy theo kiểu tưởng giải, chứ không đúng ý của Phật dạy.

Ác pháp gồm chung có rất nhiều, nhưng giới cư sĩ Phật dạy chỉ có: Thập thiện và thập ác. Thập thiện và thập ác là các pháp căn bản gốc đạo đức của đạo Phật để chỉ cho luật nhân quả thiện ác, tạo ra do ba hành động thân, miệng, ý. Từ đó sanh ra vô lượng pháp ác và pháp thiện.

Nhà học giả, kể ra mười pháp ác cũng đúng, nhưng lại sai, vì lấy ngũ triền cái, cộng với pháp phòng hộ sáu căn, bỏ bớt một căn để thành năm pháp ác. Đó là sự nghĩ tưởng của nhà học giả, chấp nối sai lạc kinh sách của Phật.

Nhà học giả dạy tu hành ở giai đoạn này là giai đoạn ly dục, ly ác pháp, nó còn để không xảy ra bệnh tật thần kinh tưởng. Nếu là giai đoạn tu tập thiền định và Tam Minh thì không tránh khỏi tai họa lớn cho hành giả. Cho nên, nhà học giả kết hợp dạy như vậy, thì chỉ có giết người, chứ không phải dạy tu thiền định như vậy.

Phật dạy: ***“ly dục, ly ác pháp nhập Sơ Thiên”***, chứ không có dạy ***“ly 10 pháp ác,***

nhập Sơ Thiên". Biết rằng trong 10 pháp ác có dục là tham muốn, nhưng không phải vì vậy mà gọi là ly dục. Dạy theo kiểu học giả thì người ta không biết đâu ly 10 pháp ác. Đọc đoạn kinh này ta thấy nhà học giả không có thực hành pháp tu, chỉ nghĩ tưởng ra nói suông mà thôi, chứ không thấy trách nhiệm lời nói của mình đối với đoàn hậu thế mai sau.

Kinh điển, đức Phật đã dạy rất rõ ràng: ***"Mắt đấm sắc, tai đấm âm thanh, mũi đấm mùi hương, lưỡi đấm vị, thân đấm xúc, ý đấm pháp"***. Đó là pháp dạy phòng hộ sáu căn, tức là pháp giữ gìn mắt, tai, mũi, miệng, thân và ý, không cho dính mắc sáu trần là: sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp. Phật không có dạy đó là ác pháp, nhưng chúng ta phải hiểu khi mắt đấm sắc, tai nhiễm âm thanh, mũi thích mùi hương, lưỡi ưa thích vị, thân đấm xúc, ý chấp pháp. Từ chỗ đấm, nhiễm, ưa, thích, dính mắc, chấp kiến pháp đó, mới sanh ra có thương, ghét, giận, hờn, phiền não, đau, khổ v.v.. Các pháp thương ghét, giận, hờn, phiền não đau khổ, mới chính là ác pháp, chứ không phải mắt thấy sắc, tai nghe âm thanh, mũi ngửi mùi... là ác pháp.

Nhà học giả đã giảng dạy theo tưởng giải của mình, khiến cho mọi người lầm chấp, tưởng đó là lời Phật dạy thật, nên sự hiểu biết vô minh lại càng vô minh hơn, sự sai lệch càng sai lệch hơn.

Nhà học giả, dạy Sơ Thiện, không có pháp hành “*Mười pháp ác đi lui, năm thiện pháp đi tới*”. Nghĩa là làm cách nào tu tập, để mười ác pháp đi lui và năm thiện pháp đi tới? Ở đây nhà học giả chỉ có nói suông, không có cách thức hay pháp hành tu tập cụ thể rõ ràng.

Nói về pháp thiện và pháp ác, Đức Phật đã dạy rõ ràng: “***Thập thiện và thập ác***”, thì không có người Phật tử nào không biết, còn thiện ác của nhà học giả viết ra, khiến cho người Phật tử khó hiểu, lại thấy đạo Phật có thêm mười pháp ác lạ.

Như vậy, nhà học giả không dựa vào lời dạy của đức Phật, tự tưởng giải theo sự hiểu biết của mình giảng ra, khiến cho sự tu tập theo đạo Phật không còn đơn giản, rối rắm bởi nhiều danh từ, nghe thì rất kêu, nhưng làm mất ý nghĩa pháp hành, thành ra rỗng tuếch.

Dạy như vậy, đi từ cái sai này đến cái sai khác. Từ đó, kinh sách của các nhà học giả đã biến Phật giáo, thành một giáo phái ngôn

luận, lý thuyết suông, khiến cho các thầy Tỳ Kheo tu hành theo kinh sách này chỉ nói được mà không làm được.



TIẾNG ỒN

Câu hỏi của Diệu Quang

Hỏi: *Kính thưa Thầy, theo như nhà học giả dạy: “cái chuông ngai của Sơ Thiền là tiếng ồn đi vào tai”, có đúng không thưa Thầy?*

Đáp: Không, nhà học giả đã hiểu sai những danh từ Phật dạy. Phật dạy: **“Tịnh chỉ ngôn ngữ nhập Sơ Thiền”**, nhà học giả nghe chữ **“ngôn ngữ”**, rồi nghĩ tưởng ra là tiếng ồn, vì tiếng ồn thường làm động thiền định ức chế tâm, nên Ngài luận: **“Cái chuông ngai của Sơ Thiền là tiếng động đi vào tai”**.

Ngài không hiểu thiền của đạo Phật là thiền gì? Ngài cho Sơ Thiền ngai tiếng động cũng giống như Thiền Đông Độ và Thiền Đại Thừa sao?

Sơ Thiên là một loại thiên xả tâm, nên còn có rất nhiều tên như:

- 1- Tịnh chỉ ngôn ngữ
- 2- Ly dục, ly ác pháp
- 3- Sống trầm lặng
- 4- Sống độc cư
- 5- Sống phạm hạnh
- 6- Bất động tâm định
- 7- Vô tướng tâm định
- 8- Sơ Thiên
- 9- Tầm, tứ, hỷ, lạc, nhất tâm
- 10- Giới luật thanh tịnh
- 11- Tâm không phóng dật
- 12- Tâm vô dục, vô ác pháp

Từ xưa đến giờ, các nhà học giả không có thực hành hoặc thực hành chưa đến nơi đến chốn, cho nên sự hiểu biết của các Ngài bằng tưởng tri, không phải bằng trí tuệ. Xét lại sự hiểu biết về Sơ Thiên của các Ngài, mà dạy như vậy thì kinh sách của các Ngài không còn có giá trị tu hành nữa.

Tịnh chỉ ngôn ngữ, tức là sống độc cư, sống trầm lặng, như đức Phật đã dạy 42 bài kệ

sống độc cư và thường ca ngợi cuộc sống trầm lặng của vị khất sĩ.

Nhà học giả không có thực hành bốn thiền hữu sắc (Tứ Thánh định), nên đã hiểu sai lệch quá nặng, gần như không biết về bốn loại thiền này.

Nên ở đời, mọi người ít ai chịu mình ngu dốt, cái không biết cứ tưởng mình là biết, từ đó cái sai này dẫn đến cái sai khác. Nhà học giả cũng vậy, không biết về loại thiền Tứ Thánh Định này, dám viết ra sách dạy người tu thiền này, xem thiền hạ đều là bọn ngu dốt chẳng biết gì về Phật pháp cả.

Sơ Thiền không phải là một trạng thái thiền vắng lặng, không có tiếng ồn đi vào tai, Sơ Thiền chỉ là một trạng thái an lạc, thanh thản, có tâm, có tứ, có hỷ, có lạc của tâm bất động. Nhà học giả chỉ luận theo danh từ trong kinh nên chẳng rõ trạng thái Sơ Thiền như thế nào? Thấy kinh dạy: ***“Tịnh chỉ ngôn ngữ nhập Sơ Thiền”*** nên tưởng nghĩ ra ***“Cái chướng ngại của sơ thiền là tiếng ồn đi vào tai”***.

Tịnh chỉ ngôn ngữ, mà nhà học giả hiểu là tiếng ồn đi vào tai, làm chướng cho Sơ Thiền, thì rõ ràng nhà học giả chẳng biết gì về

Sơ Thiên cả như trên chúng tôi đã nói, hiểu như vậy thật là hiểu sai ngàn vạn dặm. Nhà học giả xưa đã hiểu sai như vậy, nhà học giả ngày nay cứ theo lối mòn cũ mà giải thích, khiến cho người đời sau chẳng biết đâu mà tu hành.

Ý của Phật dạy ở đây **“tịnh chỉ ngôn ngữ để nhập Sơ Thiên”**, tức là phòng hộ sáu căn, phòng hộ sáu căn, tức là sống độc cư, chỉ có độc cư mới phòng hộ sáu căn trọn vẹn, nhờ có phòng hộ sáu căn trọn vẹn, tâm mới không phóng dật, tâm không phóng dật, tức là tâm mới ly dục ly ác pháp, tâm ly dục ly ác pháp, tức là tâm mới nhập Bất Động Tâm Định. Từ Bất Động Tâm Định mới nhập được Sơ Thiên.

Vào thiền thứ nhất mà nhà học giả hiểu sai, giảng sai thì làm sao giảng dạy Nhị Thiên, Tam Thiên, Tứ Thiên và Tam Minh cho được, nên đời sau không ai nhập bốn thiền thuộc loại Tứ Thánh Định này. Kinh sách thì dạy rõ ràng mà người không tu lại giảng kinh sách, đó là buôn Phật bán pháp, bán chữ bán nghĩa mà ăn, làm một nghề bất lương, chứ không phải dạy người tu hành. Mình có tu được chưa mà dám dạy người tu như vậy?



TÂM TỨ

Câu hỏi của Diệu Quang

Hỏi: Kính thưa Thầy! Nhà học giả cho chương ngại của Nhị Thiên là tâm¹ tứ², cho như vậy có đúng không thưa Thầy?

Đáp: Nhà học giả cho chương ngại của Nhị Thiên là tâm tứ, cho như vậy là đúng, nhưng Ngài không biết cách tịnh chỉ tâm tứ. Tịnh chỉ tâm tứ đâu phải tịnh tọa ức chế tâm như tu tập thiền tĩnh thức theo hành động thân và hơi thở. Nếu tu tập theo kiểu đó thì chẳng khác nào như tu pháp sở tức quán, niệm Phật, các phương pháp khác của kinh sách Đại Thừa và Thiên Đông Độ, thì đó là diệt tâm tứ ức chế tâm, đâu đúng Nhị Thiên của Phật đã dạy.

Nhị Thiên diệt tâm tứ bằng cách dùng pháp hướng tâm Tứ Thần Túc theo đường dây hơi thở, theo như phương pháp Đức Phật đã

¹ Tâm là tư duy suy nghĩ

² Tứ là tác ý

dạy: ***“Muốn nhập Nhị Thiên thì định niệm hơi thở khéo tác ý”***.

Ở đây, nhà học giả không nói lên được pháp hành tu tập Nhị Thiên mà chỉ lờ và lướt qua một cách nhẹ nhàng, vốn là để tránh né, vì chẳng biết cách tu như thế nào?

Như chúng ta đã biết Sơ Thiên là thiên định, thiên định của tâm, chứ chưa phải là định của thân, nhưng nó chính là chánh thiên định của Phật giáo, đi từ chỗ xả tâm ly dục ly ác pháp mà vào. Vì thế, nhờ có thiên này nên tâm được an lạc, thanh thản và vô sự; nhờ có thiên này mà giới luật mới có thanh tịnh và nghiêm trì; nhờ có thiên này mà tâm mới an trú trong Phạm hạnh; nhờ có thiên này mà oai nghi tế hạnh của người tu sĩ mới xứng đáng là đệ tử của đức Phật; nhờ có thiên này chúng ta mới thấy tâm hồn giải thoát thật sự. Vì thế, mới biết rằng Phật giáo không dối người, không lừa đảo người, nếu không có loại thiên định này (Tứ Thánh Định), thì Phật giáo vẫn là một tôn giáo dối trá, xảo quyệt, lừa đảo lường gạt người v.v.. làm chủ sanh, già, bệnh, chết.



LY HỖ

Câu hỏi của Diệu Quang

Hỏi: Kính thưa Thầy! Có nhà học giả dạy: “*Chương ngại của Tam Thiên là hỷ*”. Có đúng không thưa Thầy?

Đáp: Đúng, nhưng nhà học giả không biết pháp hành và không biết hỷ là cái gì sanh ra hỷ, ở đây sự vui mừng của ý thức không còn nữa, vì sáu thức đã gom lại vào một tụ điểm, nơi hành giả đang an trú trong định, ở trạng thái này sáu thức không còn hoạt động, vì thế tướng thức bắt đầu hoạt động. Nếu ai nhập Tam Thiên mà không hiểu chỗ này thì không nhập Tam Thiên được.

Nhà học giả giảng chỗ này không rõ ràng, vì không có kinh nghiệm nhập định nên nói loanh quanh: “***Chương ngại của Tam Thiên là hỷ***”, mà không biết ly hỷ bằng cách nào? Và cũng không hiểu hỷ này thuộc về ý thức, hay tướng thức, hay là tâm thức?

Vào thiên thứ hai và thiên thứ ba nhà học giả dựa vào những danh từ tịnh chỉ tầm tứ, tịnh chỉ hỷ mà dạy theo kiểu kiến giải của

mình, nhưng chẳng biết tịnh chỉ tâm tứ như thế nào? Và loại tâm tứ nào tịnh chỉ? Tâm tứ nội hay tâm tứ ngoại? Và chẳng biết tịnh chỉ loại hỷ nào? Tịnh chỉ như thế nào? Và khi ý thức ngưng hoạt động thì hỷ này thuộc về uẩn nào? Uẩn nào sanh ra hỷ này? Những người không có thực hành Tứ Thánh Định thì không thể nào hiểu nổi những trạng thái này. Muốn thực hành Tứ Thánh Định thì phải có Định Như Ý Túc. Không có Định Như Ý Túc thì Tứ Thánh Định chỉ có đứng ngoài cổng nhìn vào, chứ không bao giờ nếm được mùi vị gì của Thiền định cả. Định Như Ý Túc từ giới luật sinh ra **“Giới sinh định”**, tức là giới sinh ra Định Như Ý Túc. Có Định Như Ý Túc mới nhập Tứ Thánh Định được. Cho nên, các bạn lưu ý ở chỗ này để tránh những thiên tượng của ngoại đạo.

Tâm tứ: có tâm tứ thiện và có tâm tứ ác, có tâm tứ nội và có tâm tứ ngoại, còn hỷ thì có 18 loại hỷ. Vậy xả loại hỷ nào và bằng cách thức tịnh chỉ hỷ như thế nào? Ở đây, nhà học giả không nói ra được, tức là không biết, không biết thì đừng luận về Tứ Thánh Định, mà luận về Tứ Thánh Định thì chỉ có bậc A La

Hán, người đã nhập xong bốn loại định này, mới không luận sai.



SỔ TỨC

Câu hỏi của Diệu Quang

Hỏi: *Kính thưa Thầy! Nhà học giả dạy chương ngại của Tứ Thiền là sổ tức có đúng không thưa Thầy?*

Đáp: Không đúng, nhà học giả đã hiểu sai danh từ Phật dạy, “**tịnh chỉ hơi thở**”, tịnh chỉ hơi thở không phải là sổ tức; sổ tức, tức là đếm hơi thở, còn nếu cho chương ngại của Tứ Thiền là sổ tức thì không đúng. Sổ tức là một pháp môn ức chế tâm, diệt vọng tưởng, bằng cách đếm hơi thở, còn tịnh chỉ hơi thở là hơi thở ngưng nghỉ, không còn thở nữa, nếu chỉ còn thở một chút xíu hơi thở thì cũng chưa nhập Tứ Thiền.

Bởi vậy, Tứ Thiền là một loại thiền định, khi nhập định thân tâm thành một khối, nên nó còn có tên gọi là “**Tâm định trên thân, thân định trên tâm**”. Các pháp môn Thiền

định trên thế gian này chỉ có thiền định này làm chủ sự sống chết và chính nó mà ngày xưa đức Phật đã đạt được đạo giải thoát, chứ không phải là một loại thiền tầm thường như các Tổ đã gán cho nó những danh từ **“Phàm phu thiền, ngoại đạo thiền, Nhị Thừa Thiền”**.

Ngưng đếm hơi thở là một việc làm rất dễ, mà Tứ Thiền chỉ có ngưng đếm hơi thở thì người tùy tức vẫn là nhập Tứ Thiền được sao?

Trạng thái của Tứ Thiền là một trạng thái thân tâm bất động nên nó còn có tên khác như trên đã nói: **“tâm định trên thân, thân định trên tâm”**. Người tu thiền thời nay không hiểu định của Tứ Thiền, nên tưởng rằng tâm không vọng tưởng, thân ngồi bất động là nhập định. Tâm thì không nhúc nhích mà thân thì không ngừng hơi thở, còn rung động thì làm sao gọi là nhập định trên tâm được? Vì thế hơi thở phải ngưng nghỉ, các hành trong thân phải ngưng nghỉ, thì mới gọi là nhập định. Các nhà học giả chỉ hiểu được tâm định ở chỗ ức chế tâm, chứ không hiểu ở chỗ xả tâm là tâm không tầm tứ, tâm không nhúc nhích, tức là tâm tịnh chỉ tầm tứ, **“tịnh chỉ tầm tứ”** là một tên khác của **“Nhị Thừa Thiền”**. Còn thân định thì các Ngài không hiểu, tưởng là ngồi

kiết già lưng thẳng thân không rung động là định của thân.

Vậy người nào muốn thực hiện nhập được định Tứ Thiền thì phải tâm ly dục ly ác pháp, tức là giới luật phải thanh tịnh và pháp hướng tâm phải có hiệu quả, chứ không phải ngưng sổ tức mà nhập được Tứ Thiền.

Các nhà học giả không có tu hành làm sao biết được thân định trên tâm như thế nào? Thế mà các Ngài dám dựa theo chữ nghĩa mà giảng thì các Ngài giết người không cần gươm đao.

Đức Phật đã dạy rất rõ ràng, muốn nhập Bốn Thánh Định và Diệt Thọ Tướng Định thì phải tịnh chỉ ngôn ngữ, phải tịnh chỉ tâm tứ, phải tịnh chỉ 18 loại hỷ tướng, phải tịnh chỉ hơi thở và phải tịnh chỉ thọ tướng. Các bạn lưu ý những lời Phật dạy dưới đây:

“Tịnh chỉ tâm tứ là ngưng khẩu hành.

Tịnh chỉ hỷ là ngưng tướng hành.

Tịnh chỉ hơi thở là ngưng thân hành.

Tịnh chỉ thọ tướng là ngưng ý hành.

Tịnh chỉ ngôn hành là nhập Sơ Thiên.

Tịnh chỉ khẩu hành là nhập Nhị Thiên.

Tịnh chỉ tưởng hành là nhập Tam Thiên.

Tịnh chỉ thân hành là nhập Tứ Thiên.

Tịnh chỉ thọ hành và tưởng hành là nhập Diệt Tận Định còn gọi là nhập Diệt Thọ Tưởng Định”.



DỨT TIẾNG ỒN LÊN NHỊ THIÊN

Câu hỏi của Diệu Quang

Hỏi: *Kính thưa Thầy! Nhà học giả dạy trong Sơ Thiên ta cần chấm dứt tiếng ồn để lên Nhị Thiên, như vậy có đúng không?*

Đáp: Không, Phật dạy diệt tâm tứ nhập Nhị Thiên hay tịnh chỉ khẩu hành nhập Nhị Thiên, chứ không có dạy trong Sơ Thiên chấm dứt tiếng ồn nhập Nhị Thiên. Nhà học giả lầm

tưởng khẩu hành là ngôn ngữ và ngôn ngữ là khẩu hành. Ngôn ngữ là lời nói, khẩu hành không phải là lời nói mà hành động phát ra lời nói, hành động phát ra lời nói tức là tâm tứ.

Tịnh chỉ tâm tứ, tức là tịnh chỉ ý thức, ý thức không còn hoạt động giao lại cho tưởng thức hoạt động, do thế đức Phật dạy diệt tâm tứ định sanh hỷ lạc, hỷ lạc ở đây do tưởng uẩn lưu xuất, vì tưởng thức thay thế cho ý thức đang hoạt động, nên ta có cảm giác hỷ lạc.

Ví dụ: Một người đang ngủ thì mới có chiêm bao, còn người thức thì không bao giờ có chiêm bao. Chiêm bao là tưởng hoạt động.

Khi một người có vọng tưởng, tức là ý thức câu hữu với tưởng thức. Cho nên, thế giới hữu hình và thế giới siêu hình đều ở trong ta và đang hoạt động từng phút giây, vừa hoạt động kết hợp với nhau mà cũng có những sự hoạt động riêng lẻ như trong giấc mộng.



CHẤM DỨT TÂM TƯ LÊN TAM THIÊN

Câu hỏi của Diệu Quang

Hỏi: *Kính thưa Thầy! Trong Nhị Thiên ta chấm dứt tâm tư để lên Tam Thiên, có đúng như vậy không thưa Thầy?*

Đáp: Không, đức Phật dạy diệt tâm tư nhập Nhị Thiên, chứ không có dạy dứt tâm tư để lên Tam Thiên. Nếu dứt tâm tư còn lấy cái gì để lên Tam Thiên, nhà học giả tưởng rằng ở trạng thái của Nhị Thiên chỉ cần là trạng thái hỷ là nhập Tam Thiên (ly hỷ trú xả nhập Tam Thiên). Trong kinh Phật dạy rất rõ ràng: **“xuất Nhị Thiên rồi mới nhập Tam Thiên”**. Ly hỷ trú xả là một tên khác của Tam Thiên chứ không phải là pháp hành. Nếu nói ly hỷ là ly được hỷ liền thì đâu cần gì phải tu tập. Ly hỷ là một danh từ để chỉ trạng thái tịnh chỉ tướng thức, chứ không phải là sự vui mừng của cảm giác ý thức như nhà học giả hiểu.

Người có kinh nghiệm tu hành, nói ly hỷ là họ biết ngay phải tu tập những pháp môn nào mới ly được hỷ tướng.

CHẤM DỨT HỖ LÊN TỨ THIÊN

Câu hỏi của Diệu Quang

Hỏi: Kính thưa Thầy! Trong Tam Thiên ta chấm dứt hỷ để lên Tứ Thiên, như vậy có đúng không thưa Thầy?

Đáp: Không, đức Phật dạy ly hỷ trú xả nhập Tam Thiên, chứ không có dạy trong Tam Thiên chấm dứt hỷ lên Tứ Thiên.

Chấm dứt hỷ đức Phật không có dạy mà dạy ly hỷ trú xả nhập được Tam Thiên, đang này hỷ chưa ly mà nhập trong Tam Thiên được sao? Nhà học giả này lầm lộn quá, không sợ phạm tội Ba dật đề, dọa dọa ngục sao? Dám giảng sai ý của Phật như vậy, làm mất giá trị pháp môn tu hành của Phật giáo.

Tóm lại, muốn nhập Tam Thiên người tu sĩ phải lìa xa các trạng thái (ly hỷ) tưởng, khi đã lìa xa các trạng thái tưởng thì chiêm bao không còn, có như vậy mới nhập được Tam Thiên.

Muốn nhập Tứ Thiên hành giả phải xả lạc, xả khổ, xả niệm thanh tịnh, tức là tịnh chỉ hơi thở, đó là con đường tu tập thiền định mà

Phật đã dạy như vậy, còn nhà học giả dạy chấm dứt hỷ để lên Tứ Thiên, đó là thiên của các Tổ, chúng ta xin miễn bàn.



TRONG TỨ THIÊN NGỪNG SỐ TỨC ĐẠT KHÔNG ĐỊNH

Câu hỏi của Diệu Quang

Hỏi: *Kính thưa Thầy! Trong Tứ Thiên ta ngưng số tức để đạt tới Không Định, như vậy có đúng không thưa Thầy?*

Đáp: Không, đức Phật không có dạy trong Tứ Thiên ngưng số tức để đạt tới Không Định. Đức Phật dạy: “Muốn nhập Không Định thì phải dùng “Tưởng Không” mà tu tập”, như trong kinh Tiểu Không đức Phật đã dạy. Nhà học giả này giàu tưởng tượng tự đặt ra sự nối tiếp giữa bốn thiên hữu sắc và bốn định vô sắc, chứ ông ta đâu biết rằng bốn thiên hữu sắc và bốn thiên vô sắc tu hành khác nhau, không giống nhau chút nào. Thiên hữu sắc dùng ý thức mà tu, còn định vô sắc dùng tưởng thức

mà tu. Cho nên, sự tu hành của hai loại thiên này cách biệt rất xa và cũng không phải là hai bậc thang của một cây thang.

Phật dạy nhập Tứ Thiên hơi thở tịnh chỉ, hơi thở đã tịnh chỉ thì còn đâu phải ngưng sổ tức, nhà học giả này đã tự đặt ra mà không thấy cái sai của mình. Từ xưa đến giờ, các Tổ đều nghĩ tưởng bốn thiên hữu sắc thấp hơn bốn định vô sắc. Vì có nhập được bốn thiên hữu sắc thì mới có thể nhập bốn định vô sắc, hiểu như vậy, tức là hiểu sai. Xưa, đức Phật chưa nhập bốn thiên hữu sắc mà đã được hướng dẫn nhập bốn định vô sắc và Ngài đã nhập được Vô Sở Hữu Xứ Định và Phi Tướng Phi Tướng Xứ Định.

Người muốn nhập định vô sắc thì không cần phải nhập định hữu sắc, vì trong kinh Tiểu Không Đức Phật đã dạy rõ ràng. Quý vị nên đọc lại bài kinh Tiểu Không, ở trong kinh Trung Bộ. Muốn nhập Không Vô Biên Xứ Định, Đức Phật đã dạy: *“ý thức thanh tịnh không liên hệ ngũ căn thì nhập Không Vô Biên Xứ Định”*, chứ không phải nhập Tứ Thiên rồi mới nhập Không Định như nhà học giả đã dạy ở trên.

Tóm lại, các nhà học giả phần đông chưa có tu tập nhập được từ Sơ Thiên đến Tứ Thiên thì không làm sao giảng nổi Tứ Thánh Định. Nếu không có kinh nghiệm tu hành nhập được Tứ Thánh Định chân thật thì Tứ Thánh Định của đạo Phật chỉ còn là một bài kinh chữ nghĩa suông, nếu ai đem giảng nói, mà không có kinh nghiệm tu hành thì không có ích lợi gì cho ai cả mà còn hại cho người tu sau này. Nhiều nhà học giả tự đặt ra bằng trí tưởng tượng nên làm sai lệch ý nghĩa lời dạy của đức Phật, càng giảng Tứ Thánh Định lại càng thêm tối nghĩa, mù mờ không rõ, pháp hành không có.



MƯỜI HƠI THỞ ĐẾM KHÔNG LỘN LÀ Ý CÓ ĐỊNH

Câu hỏi của Diệu Quang

Hỏi: *Kính thưa Thầy! Trong Kinh An Ban Thủ Ý dạy: Trong thời gian 10 hơi thở ấy mà đếm không lộn, là ý bắt đầu có định. Định nhỏ thì có thể kéo dài trong 3 ngày, định lớn 7*

ngày, trong thời gian ấy không có một tướng tạp loạn chen vào, hành giả ngồi yên như người chết, đó gọi là Sơ Thiền, thưa Thầy kinh dạy như vậy có đúng không?

Đáp: Không, đức Phật dạy ly dục ly ác pháp nhập Sơ Thiền, chứ không có dạy như trong kinh An Ban Thủ Ý. Dạy như trong kinh An Ban Thủ Ý thì đó là một loại thiền ức chế tâm bằng pháp môn sổ tức.

Chúng ta phải hiểu Sơ Thiền là loại thiền xả tâm có tầm có tứ, còn sổ tức là pháp môn ức chế tâm không tầm không tứ **“ngồi yên như người chết”** mà gọi là nhập Sơ Thiền thì kinh này dạy sai, không đúng như lời Phật dạy.

Đây là một bài học cho chúng ta thấy, các Tổ viết và soạn kinh sách như vậy, không đúng như lời Phật đã dạy. Như vậy chúng ta còn đủ lòng tin ở các Tổ nữa không? Kinh sách của các Ngài chúng ta còn đội trên đầu vai mang nữa hay không?

Sổ tức, tức là còn đếm hơi thở, đếm hơi thở là còn tác ý, hơi thở là đối tượng của tâm, tâm còn ở trong niệm hơi thở và còn tác ý ức chế tầm tứ thì làm sao gọi là định thứ nhất được? Vậy mà mười hơi thở đếm không lộn là có định, định này là định của các Tổ, chứ Phật

thì không có định như vậy, và cũng không tu sở tức như vậy được, đức Phật chỉ dạy nhập Sơ Thiền là tâm ly dục ly ác pháp thì tâm mới có thiền, chưa có định. Còn ngược lại nhà học giả xác định mười hơi thở là có định thì đó là một sự sai biệt giữa Tổ và Phật một trời một vực.

Tại sao chúng ta biết rõ như vậy?

Tại vì đức Phật dạy rất rõ ràng: Do **“ly dục sanh hỷ lạc nhập Sơ Thiền”**. Chỗ Sơ Thiền Phật không dạy: **“định”** sanh hỷ lạc, mãi cho đến khi nhập Nhị Thiền Phật mới nói: **“Định sanh hỷ lạc”**.

Đếm hơi thở và ly dục ly ác pháp là hai việc làm khác nhau, một đang thì xả tâm để tâm được thanh tịnh giải thoát (dục và ác pháp); một đang thì tu ức chế tâm, để tâm không có tầm tứ; một đang tu thì còn tầm tứ thiện; một đang tu thì diệt cả tầm tứ thiện và ác.

Do đó, chúng ta thấy rất rõ, đếm hơi thở không thể nào nhập Sơ Thiền được. Người tu theo đạo Phật phải sống một đời sống Phạm hạnh, nhờ có sống đời sống Phạm hạnh, tâm mới ly dục ly ác pháp, tâm có ly dục ly ác pháp thì mới nhập được Sơ Thiền.



NHỜ THEO DÔI HƠI THỞ MÀ ĐƯỢC ĐỊNH

Câu hỏi của Diệu Quang

Hỏi: *Kính thưa Thầy! Tâm ý, sở dĩ định được là nhờ theo dõi hơi thở, cấu uế đã được tiêu diệt thì tâm ý dần dần trong sạch, đó gọi là Nhị Thiền. Thưa Thầy những lời dạy này có đúng trong kinh điển của đức Phật dạy hay không?*

Đáp: Không, Phật dạy khi nhập Sơ Thiền thì tâm phải ly dục ly ác pháp, tâm ly dục ly ác pháp là tâm giới luật nghiêm trì, tâm giới luật nghiêm trì là tâm thanh tịnh, tâm thanh tịnh thì cấu uế lần lần tiêu diệt chỉ còn dùng định niệm hơi thở khéo tác ý hướng tâm tịnh chỉ tầm tứ thì liền nhập Nhị Thiền. Còn tâm chưa ly dục ly ác pháp là tâm chưa thanh tịnh, tâm chưa thanh tịnh thì tâm không có cách nào nhập được Sơ Thiền, tâm chưa nhập được Sơ Thiền thì giới luật chưa thanh tịnh, giới luật chưa thanh tịnh thì tâm chưa thanh tịnh, tâm chưa thanh tịnh thì không thể theo dõi hơi thở mà nhập được Sơ Thiền, Sơ Thiền chưa nhập được thì mong gì nhập được Nhị Thiền, còn cấu uế của tâm là nhờ giới luật mới được

tiêu trừ chứ không phải nhờ có định. Nhà học giả dạy nhập định theo kiểu tưởng giải của mình, không đúng như kinh Phật dạy.

Phật dạy nhập định Nhị Thiền không có ức chế tâm chỉ dùng tâm ly dục ly ác pháp tức là tâm thanh tịnh, tâm Sơ Thiền, tâm thanh tịnh ở đây có nghĩa là tâm không phóng dật, thanh thản và an lạc. Người muốn nhập Nhị Thiền phải ở trạng thái này nương theo định niệm hơi thở, dùng pháp hướng tâm như lý tác ý tịnh chỉ tâm tứ.

Phật không dạy tùy tức nhập Nhị Thiền và cũng không dạy nhờ định mà cấu uế được tiêu diệt. Kinh An Ban Thủ Ý dạy điều này để nhập Nhị Thiền là không đúng như kinh Phật dạy.

Đọc bài tựa kinh An Ban Thủ Ý, ta thấy những lối lập luận về Tứ Thánh Định, pháp hành không đúng cách, những từ dùng để chỉ thiền định không đúng như lời Phật dạy trong kinh, định mà còn niệm thì làm sao định được, đếm và tùy đó là hai phương pháp ức chế tâm thì không thể là thiền định được.

Kinh này dạy: Bỏ pháp đếm hơi thở chú tâm vào chóp mũi gọi là chỉ, làm như chỗ tâm ý ở đầu chóp mũi đó là Tam Thiền. Cách thức

dạy nhập Tam Thiên như thế này không giống như Phật dạy: *“ly hỷ trú xả nhập Tam Thiên”*. Cách thức tu tập theo Phật dạy, dùng định niệm hơi thở khéo tác ý hướng tâm tịnh chỉ 18 loại hỷ tưởng, âm thanh và mộng vắng bóng.

Về Tứ Thiên kinh An Ban dạy: Niềm tin Tam Bảo vững chãi, bây giờ tất cả những gì u tối đều trở nên trong sáng, đó gọi là “Tứ Thiên”. Nếu dạy theo kinh An Ban, chỉ cần có niềm tin Tam Bảo vững chãi là nhập được Tứ Thiên, thì như vậy Tứ Thiên nhập quá dễ dàng. Tứ Thiên là một loại định bất động của thân không phải là một việc dễ làm, hơi thở ngưng nghỉ không phải là chuyện dễ. Phật không dạy như thế này mà dạy tịnh chỉ hơi thở nhập Tứ Thiên, tịnh chỉ hơi thở, tức là không còn thở, không còn thở, tức là xả thọ, xả thọ mà trong kinh gọi là xả lạc, xả khổ, xả niệm thanh tịnh.

Lạc, khổ thuộc về thọ, niệm thanh tịnh là đối tượng của tâm, còn có thọ và đối tượng của tâm là chưa nhập được Tứ Thiên. Cho nên, muốn nhập Tứ Thiên thì phải tu tịnh chỉ hơi thở, tịnh chỉ hơi thở, tức là không còn đối tượng của tâm, nên thân định trên tâm và tâm định trên thân.

Nếu còn có đối tượng trong sáng của tâm là chưa phải nhập Tứ Thiền nên kinh An Ban dạy nhập định Tứ Thiền không đúng như theo lời Phật đã dạy trong kinh Nguyên Thủy.



GOM Ý THỨC NHẬP THIỀN THỨ MẤY

Câu hỏi của Diệu Quang

Hỏi: *Kính thưa Thầy! Hành giả gom ý thức lại khiến cho nó không còn sanh vọng tưởng, như vậy là nhập thiền thứ mấy?*

Đáp: Gom ý thức lại khiến nó không sanh vọng tưởng là nhập thiền định tưởng. Gom ý thức lại, tức là ức chế tâm, ức chế tâm tức là ức chế ý thức, ức chế ý thức được thì tưởng thức hưng phấn, tưởng thức hưng phấn thì sanh mười tám loại hỷ lạc tưởng, tùy theo ở mức độ hưng phấn cao thấp mà người tu sẽ bị căng thần kinh sanh ra bệnh điên khùng, nếu mức hưng phấn thấp thì sanh ra kiến giải tưởng giải, nói thiền, nói đạo lung tung.

Người tu thiền phải đề cao cảnh giác loại thiền ức chế tâm, nó rất nguy hiểm, nhất là

những người có nhiệt tâm tích cực tu hành thì dễ bị hưng phấn, rối loạn thần kinh. Phần nhiều hiện giờ, người tu thiền dễ bị tu lạc vào thiền ức chế tâm, tại vì tất cả các pháp môn thiền đều dạy cách thức ức chế tâm ngoại trừ pháp môn của đức Phật là thiền xả tâm mà thôi.

Tuy vậy, thiền của Phật không ức chế tâm, nhưng chúng ta thực hành không đúng và không thiện xảo khéo léo xả tâm thì sẽ biến thành thiền ức chế tâm, nó cũng không kém tai hại như những thiền khác.



SÁU THỨC GOM LẠI SẼ NHẬP ĐỊNH GÌ?

Câu hỏi của Diệu Quang

Hỏi: *Kính thưa Thầy! Gom sáu thức lại một chỗ, thưa Thầy sẽ nhập định gì?*

Đáp: Gom sáu thức lại một chỗ và biết cách hướng tâm xả lạc, xả khổ, xả niệm thanh tịnh thì sẽ nhập Tứ Thiền, tức là tịnh chỉ hơi thở.

Gom sáu thức lại một chỗ mà không biết cách xả lạc, xả khổ, xả niệm thanh tịnh thì sẽ nhập định tưởng, vì sáu thức ngưng hoạt động nên tưởng thức hoạt động, tưởng thức hoạt động thì đó là nhập định tưởng, tức là ức chế ý thức hưng phấn tưởng thức.

Gom sáu thức cũng không phải là một việc dễ làm, gom được sáu thức mà còn phải biết cách xả, nếu không biết cách xả thì rất là nguy hiểm, cũng như ức chế chỗ này mà không biết hướng dẫn hưng phấn chỗ khác cho đúng, để tự nó hưng phấn thì sẽ trở thành điên khùng. Việc tu hành không phải dễ, một vị thầy có kinh nghiệm hướng dẫn tu thiền định thì phải nghe theo và thực hành cho đúng 100 phần trăm, không được tự ý hành theo kiểu tưởng giải của mình. Xưa, đức Phật dạy như thế nào thì các vị Tỳ Kheo làm như thế nấy, còn những vị nào tu sai không đúng lời dạy của Phật thì phải chịu lấy hậu quả, kết quả chẳng ra gì mà phải gánh hậu quả bệnh tật về sau.

Phải cảnh giác sự gom sáu thức, nếu không có người hướng dẫn thì đừng nên tu tập, nó có lực để xả tâm nhanh chóng nhưng nó có

hại làm hưng phấn tưởng thức quá cao, sanh ra bệnh điên khùng nguy hiểm đến tánh mạng.



GOM Ý THỨC BẰNG CÁCH NÀO?

Câu hỏi của Diệu Quang

Hỏi: *Kính thưa Thầy! Gom ý thức bằng cách nào?*

Đáp: Gom ý thức của các Thiền Đại Thừa và Thiền Đông Độ là bằng cách ức chế tâm do pháp môn Sổ tức, Tùy tức, Niệm Phật, Niệm chú, Tri vọng, Chấn trâu, Tham thoại đầu, Tham công án, v.v..

Tứ Thánh Định thiền của Phật giáo là thiền diệt ngã, xả tâm, ly dục, ly ác pháp (tâm không phóng dật), tức là thiền định không ức chế tâm.

Nói tóm lại, gom ý thức của Đại Thừa và Tối Thượng Thừa là ức chế tâm, còn gom ý thức của Phật Giáo Nguyên Thủy là xả tâm, tâm không phóng dật, tức là gom ý thức.

Xin quý vị cần đề cao cảnh giác các pháp môn thiền định khi muốn tu phải cần thận quán xét thiền nào xả tâm và thiền nào ức chế tâm.



GOM Ý THỨC DIỆT TÂM TỨ

Câu hỏi của Diệu Quang

Hỏi: *Kính thưa Thầy! Gom ý thức để diệt tâm tứ nhập Nhị Thiên bằng cách nào?*

Đáp: Gom ý thức diệt tâm tứ để nhập Nhị Thiên bằng cách nương hơi thở dùng pháp hướng tịnh chỉ tâm tứ, chứ không được dùng hơi thở ức chế tâm.

Ở đây, chúng ta phải hiểu chữ “**gom ý thức**” của thiền Phật giáo nghĩa là tâm không phóng dật, đừng hiểu gom ý thức bằng nghĩa ức chế tâm, gom ý thức bằng nghĩa ức chế tâm là sở tức hoặc tùy tức, tọa thiền tập trung ý thức bằng hơi thở hoặc bằng câu niệm Phật, v.v.. Gom tâm ở đây cho đúng nghĩa của Phật dạy là tu tập “Tứ Chánh Cần”.

Tu tập Tứ Chánh Cần là ngăn ác pháp và diệt ác pháp, ngăn ác pháp và diệt ác pháp, tức là ly dục ly ác pháp, ly dục ly ác pháp, tức là tâm không phóng dật, tâm không phóng dật, tức là tâm hướng vào trong thân, nói cách khác là tâm định trên thân; tâm định trên thân, tức là “*gom ý thức diệt tâm tứ nhập Nhị Thiên*”.



TƯỚNG THỨC

Câu hỏi của Diệu Quang

Hỏi: *Kính thưa Thầy! Muốn nhập Tam Thiên phải gom sáu thức nào?*

Đáp: Muốn nhập Tam Thiên phải gom tướng thức, nếu trả lời một cách ngắn gọn như vậy thì quý vị rất khó hiểu.

Khi chúng ta nhập Nhị Thiên, tâm tứ diệt, ý thức ngưng hoạt động, nên bước sang qua Tam Thiên, tướng thức hoạt động, thay thế cho ý thức. Vì vậy, muốn nhập được Tam Thiên phải “*gom tướng thức, tức là ly hỷ trú xả*”.

Tam Thiên không có gom sáu thức vì sáu thức đã được gom và thuần hóa ở Nhị Thiên.

Cho nên, muốn nhập Tam Thiên thì phải lìa xa các trạng thái của tướng thức, lìa các trạng thái của tướng thức, tức là **“Ly hỷ trú xả”**, như trong kinh đã dạy.



NĂM THỨC

Câu hỏi của Diệu Quang

Hỏi: *Kính thưa Thầy! Muốn nhập Tứ Thiên phải gom thức nào?*

Đáp: Muốn nhập Tứ Thiên Phải gom năm thức: thọ thức, nhãn thức, nhĩ thức, tỷ thức, vị thức. Nếu trả lời như vậy, quý vị sẽ cho chúng tôi chẳng hiểu kinh sách Phật, vì trả lời như vậy trong kinh sách Phật không có dạy.

Ở đây chúng tôi tùy theo câu hỏi mà trả lời, nhưng rất đúng nghĩa của Phật đã dạy. Quý vị nhớ lại xem lúc nhập Sơ Thiên là tâm không phóng dật, tâm không phóng dật, tức là sáu thức đã quay vào trong thân, không còn

phóng ra ngoài, nên thân động dụng việc gì thì sáu thức đều biết rõ, biết rõ bên trong mà không biết bên ngoài, lúc này gọi là tâm định trên thân.

Đến Tứ Thiền sao lại còn gom năm thức? Gom năm thức, ở đây quý vị cần phải hiểu, năm thức còn hoạt động bên trong nên gom năm thức, tức là tịnh chỉ năm thức, tịnh chỉ năm thức là điều khiển năm thức ngưng hoạt động, điều khiển năm thức ngưng hoạt động, tức là tịnh chỉ hơi thở, tịnh chỉ hơi thở tức là xả lạc, xả khổ, xả niệm thanh tịnh. Hay nói một cách khác là **“thân hành tịnh chỉ”**. Thân hành tịnh chỉ, tức là nhập Tứ Thiền hay nói cách khác là gom năm thức nhập Tứ Thiền.



NHÂN QUẢ

Câu hỏi của Diệu Quang

Hỏi: *Kính thưa Thầy! Con người từ đâu sanh ra? Chết đi về đâu?*

Đáp: Con người từ nhân quả sanh ra, sống trong nhân quả, chết đi về nhân quả. Trả lời như vậy, quý vị rất khó hiểu và cũng không hiểu được như thế nào là đúng?

Các tôn giáo khác, thường có câu hỏi: **“Con người từ đâu sanh ra, chết đi về đâu?”**. Có tôn giáo cho con người sanh từ đất Tạo Hóa; lại có tôn giáo cho con người sanh ra từ khí Âm và khí Dương; lại có tôn giáo cho con người sanh ra từ Đại Ngã; lại có tôn giáo cho con người từ Bản Thể Vạn Hữu sanh ra; lại có tôn giáo cho con người sanh ra từ miệng Phạm Thiên, do đức Chúa Trời sinh ra v.v..

Tất cả những giả thuyết trên đúng hay sai chúng ta không có ý kiến, nhưng đúng trong tôn giáo Phật giáo, thì đức Phật đã xác định: **“Con người từ nhân quả sanh ra, sống trong nhân quả, và chết trở về nhân quả”**. Đó là lời xác quyết rất hùng hồn, chỉ vì Ngài

đứng trên lập trường **“duyên hợp”** của các pháp. Trong thế gian này không có một vật thể nào độc lập riêng lẽ tự nó. Cho nên tất cả vạn vật sanh ra đều do các duyên hợp mà thành.

Các pháp sanh ra đều phải do có hành động, có hành động mới sanh ra được, nói một cách khác các duyên hợp lại, phải trực tiếp qua các hành động, nhưng mỗi hành động đều không có sự hiểu biết, sự hiểu biết có được là nhờ vào tri thức, nhưng tri thức hiểu biết chỉ biết trong giới hạn **“hữu hạn”** ngoài vô hạn thì tri thức không hiểu rõ, vì thế sự hiểu biết của tri thức còn trong vô minh. Hành động thiện và ác nó đều không biết, cho nên từ đó tri thức tạo tác những hành động thân, miệng, ý khiến cho mình khổ và người khác khổ. Nhưng hễ có hành động, tức là có nhân quả.

Phật dạy: **“Vô minh sanh hành, hành sanh thức”**. Vì vậy, con người từ hành động vô minh sanh ra, nói cách khác cho đúng câu trả lời trên: **“Con người từ nhân quả sanh ra”**.



NHÂN QUẢ LÀ GÌ?

Câu hỏi của Diệu Quang

Hỏi: Kính thưa Thầy! Nhân quả là cái gì? xin Thầy hoan hỷ chỉ dạy cho chúng con được biết.

Đáp: Nhân quả là chữ Hán, nhân: có nghĩa là hạt; quả: có nghĩa là trái, gồm chung hai chữ nhân quả lại nghĩa đen của nó là hạt và trái. Hạt giống nào sẽ cho trái nấy, không thể cho trái khác được. Ví dụ: hạt cam khi gieo lên thành cây sẽ cho trái cam; hạt chanh sẽ cho trái chanh, không thể nào hạt cam mà cho trái chanh được, cũng như hạt chanh không thể nào cho trái cam được, v.v.. Còn nghĩa bóng là hành động thiện hay ác, nếu hành động thiện thì được phước báo an vui, còn hành động ác thì phải thọ lấy sự đau khổ, tức là hành động nào sẽ gặt lấy hậu quả của hành động nấy.

Ví dụ: Như hành động trộm cắp thì phải gặt lấy hậu quả của hành động trộm cắp là bị bắt ở tù, hoặc bị người mất của bắt được đánh đập, có khi họ giết chết.

Hậu quả của sự tham lam trộm cắp, không những ở trong kiếp hiện tại nghèo nàn, đói khổ mà còn kéo dài trong các kiếp vị lai nữa. Cho nên, nhân quả tham lam đem lại cho đời người một sự nghèo đói bất hạnh vô cùng, là con người chúng ta phải tránh gieo nhân quả trộm cắp, cướp giựt của người khác, do không tham lam trộm cướp của người khác thì đời sống của chúng ta sẽ được no cơm ấm áo, nếu càng gieo nhân quả tham lam trộm cắp thì đời sống của chúng ta sẽ đói khổ vô cùng và trong muôn kiếp.

Kẻ làm ác giết hại chúng sanh, ăn thịt chúng sanh thì hậu quả sẽ bị tai ương, bệnh tật, khổ đau, hoạn nạn hoặc bị sự giết hại của kẻ khác, bằng cách này hoặc bằng cách khác v.v..

Hành động thiện thì hưởng được phước báo như: Cơm ăn áo mặc đầy đủ, cuộc sống gặp nhiều may mắn, trong nhà hòa thuận vui tươi, con cái hiếu hạnh biết vâng lời dạy bảo của cha mẹ, còn hành động ác thì thọ khổ như: bệnh tật, tai nạn, trong nhà thường rầy rà, bất hòa chẳng an, con cái cãi lời cha mẹ, đi chơi bỏ học hành, trộm cắp tiền của cha mẹ, thường làm gia đình khổ, người khác khổ.

Luật nhân quả rất công bằng và công lý không ai lo lót, hối lộ tiền bạc mà hết khổ được, dù có quyền thế tiền bạc đến đâu luật nhân quả vẫn công bằng không tư vị.

Vì thế, người gieo nhân ác không thể cầu khẩn chư Phật, chư Bồ Tát và Ngọc Hoàng Thượng Đế cùng các bậc Thánh Vạn Năng cũng không cứu giúp cho mình được. Nên vấn đề cầu an, cầu siêu, cầu xin ban phước lành chẳng bao giờ có được, chỉ là một trò lừa bịp lường gạt người khác, chẳng có ích lợi gì mà còn hao tài tốn của vô lối chẳng ích lợi gì cho ai cả.



NHÂN QUẢ DO ĐÂU MÀ CÓ

Câu hỏi của Diệu Quang

Hỏi: *Kính thưa Thầy! Nhân quả do đâu mà xuất phát?*

Đáp: Nhân quả do ba chỗ xuất phát trong bản thân của mỗi con người, đó là thân, miệng, ý.

Ba nơi này là ba nơi nhân quả thường hoạt động khiến cho con người chịu khổ đau cũng như hưởng hạnh phúc, an vui. Hành động nơi thân, hành động miệng và hành động ý đều xuất phát nhân quả thiện hay ác. Nếu xuất phát nhân quả thiện thì người ấy được an vui, thanh thản và hạnh phúc. Cuộc sống cơm ăn áo mặc, tiền của dư giả không thiếu hụt, ít tai nạn, ít bệnh tật, thường được mọi người yêu mến và kính trọng, cuộc sống đầy dẫy hạnh phúc an vui, dù bất kỳ ở nơi đâu cũng vậy. Ngược lại, ba nơi ấy xuất phát nhân quả ác, thì người ấy phải chịu nhiều tai ương hoạn nạn, bệnh tật khổ đau kéo đến bủa vây không người này đến người khác, trong nhà thường xảy rầy rà bất hòa, lúc nào cũng cơm chẳng lành canh chẳng ngon, khiến cho tâm hồn mọi người đều đau khổ, bất an v.v..

Thân, miệng, ý là ba nơi hoạt động của nhân quả tạo ác, tạo thiện làm mình khổ, người khác khổ và tất cả chúng sanh khổ cũng chính do ba chỗ này.

Vậy ai là người chủ động hoạt động tại nơi ba chỗ này?

Ba chỗ này không có người chủ động hoạt động, chỉ có “Vô minh và Minh” hoạt động mà

thôi, nếu vô minh hoạt động nơi ba chỗ này tạo nhân quả ác, chuyển thành nghiệp lực thì con người và tất cả chúng sanh phải chịu khổ đau tận cùng và tiếp tục tái sanh luân hồi mãi mãi trong vòng nghiệp lực ấy, nghiệp lực ấy do từ hành động thân, miệng, ý đã tạo ra nhân quả hạnh phúc hay khổ đau cho chính mình.

Thấu hiểu được lý duyên hợp của các pháp do vô minh mà định luật nhân quả sâu sắc này mới có luân hồi, nên đức Phật đã dạy chúng ta thấu suốt **“Mười Hai Nhân Duyên”** do **“Vô minh”** hợp lại thành một thế giới khổ đau mà con người và chúng sanh phải chịu lấy cái đau khổ này mãi mãi từ đời này sang đời khác vô cùng, vô tận.

Muốn thoát khổ của kiếp làm người và thân chúng sanh, đức Phật đã dạy cho chúng ta “Minh” để thấu suốt lý nhân quả và đập tan **“Mười Hai Nhân Duyên”** phá sạch thế giới đau khổ, giải phóng con người thoát khổ, chấm dứt luân hồi, làm chủ sanh tử.

Vì thế, người học Phật mà không có trí tuệ **“Minh”**, không phá vỡ Mười Hai Nhân Duyên thì chỉ là một học giả nghiên cứu giáo pháp của Phật để nói láo ăn tiền.

Muốn phá vỡ Mười Hai Nhân Duyên, người tu sĩ đạo Phật phải rèn luyện cái thấy của mình đối với các pháp bằng “**đôi mắt nhân quả**” và sống đúng đời sống “**Phạm hạnh**” như Phật thì Mười Hai Nhân Duyên sẽ tan rã, thế giới khổ không còn, người tu sĩ giải thoát hoàn toàn.



CON NGƯỜI DO BA HÀNH ĐỘNG THÂN MIỆNG Ý SANH RA

Câu hỏi của Diệu Quang

Hỏi: *Kính thưa Thầy! Tại sao con người sanh ra là do ba nơi hành động thân, miệng, ý này?*

Đáp: Con người sanh ra do ba hành động thân, miệng, ý, nếu trong ba hành động thân, miệng, ý này do “Vô minh” điều khiển, tác động thì thế giới đau khổ của một con người sẽ bắt đầu mở ra.

Nếu ba hành động thân, miệng, ý này do “Minh” điều khiển thì thế giới khổ đau của một con người sẽ bắt đầu chấm dứt.

Ba nơi này thường tạo ra nghiệp lực của con người theo hành động nhân quả. Như đức Phật đã dạy cho chúng ta biết, khi con người chết hoàn toàn không còn một vật gì thường hằng bất di, bất dịch, chỉ còn nghiệp lực thiện hay ác tiếp tục tái sanh mà thôi.

Ba nơi này sanh ra nghiệp lực, từ nghiệp lực này mãi mãi tiếp tục sanh tử luân hồi, cho nên gọi ba hành động này con người từ đó sanh ra là vậy.



VÔ MINH VÀ MINH

Câu hỏi của Diệu Quang

Hỏi: *Kính thưa Thầy! Vô minh là gì? Nó điều khiển nơi ba hành động thân, miệng, ý này mà thế giới đau khổ của một con người mở ra như thế nào?*

Và minh là gì? Nó điều khiển ba nơi thân, miệng, ý thì thế giới khổ đau của một con

người chấm dứt, xin Thầy vì chúng con mà chỉ dạy cho rõ ràng để chúng con tu tập?

Đáp: Vô minh là sự hiểu biết theo tâm ham muốn của mình (ái dục), vô minh là sự hiểu biết đối với các pháp không đúng như thật; hiểu biết một cách lệch lạc thiếu khoa học; hiểu biết theo chủ quan thiếu thực tế và cụ thể; hiểu biết trong các pháp đối đãi, hiểu biết trong hạn hẹp và hiểu biết bằng tưởng tượng v.v..

Nói chung cái hiểu biết bằng trí hữu hạn của con người là “vô minh”. Vì thế, biết bao nhiêu bài pháp của đức Phật đã vạch ra cho mọi người thấu hiểu rất rõ ràng, từ thế giới hữu hình đến thế giới siêu hình, toàn là thế giới duyên hợp không có một vật thể gì là thực thể thường hằng, bất biến. Phật dạy rất rõ, thế mà con người cứ hiểu biết mọi vật là thật có, thậm chí đến cái thế giới siêu hình cũng cho là có thật. Vì cho nó là thật, nên luôn luôn bị dính mắc chấp đắm, do sự dính mắc chấp đắm các pháp mà con người tạo biết bao nhiêu điều đau khổ cho nhau, biến cuộc sống con người trên hành tinh này thành địa ngục. Con người chỉ còn là những ác quỷ giết hại lẫn nhau, chà đạp lên nhau, gian xảo, mảnh mung,

lừa đảo, lừa gạt, lường lặn, hại nhau mà chẳng có chút lòng thương xót, chỉ vì vật chất cho nó là thật có.

Trí tuệ vô minh rất tai hại, tức là sự hiểu biết không thấu suốt các pháp thế gian. Có người bảo rằng: ***“Phải học thông suốt Tam Tạng kinh điển của Phật là hết vô minh, sẽ được giải thoát hoàn toàn”***. Nói như vậy, các ông có bằng tiến sĩ Phật học là giải thoát hoàn toàn hết sao? Bằng chứng các ông có bằng tiến sĩ Phật học còn dính mắc hơn ai, sống phạm giới, phá giới. Trong kinh đức Phật đã chẳng dạy: ***“Giới luật ở đâu thì trí tuệ ở đó, trí tuệ ở đâu thì giới luật ở đó, giới luật làm cho trí tuệ thanh tịnh và trí tuệ làm cho giới luật thanh tịnh”***.

Vậy mà, người ta cho rằng có bằng tiến sĩ Phật học là có trí tuệ. Trí tuệ ***“Minh”*** ở chỗ giới luật thanh tịnh, còn ngược lại trí tuệ tiến sĩ Phật học mà sống không đúng giới luật, phạm giới luật thì đó là trí tuệ “Vô minh”. Do trí tuệ vô minh học hỏi, những nhà học giả này chấp ngã bằng Trời hơn ai hết và dính mắc các pháp khó buông bỏ.

Bỏ biết bao nhiêu công lao năm tháng học hành, cuối cùng cũng chỉ học nói như một con

chim, để lừa đảo người, buôn Phật, bán pháp, làm cuộc sống trong danh lợi, ô nhục mà vô minh vẫn hoàn là vô minh.

Ví dụ: Cho thân này là ngã, hoặc cho tâm là ngã hoặc cho thân này là của ta hoặc cho tâm này là của ta hoặc cho các dục là hạnh phúc ưa mến, yêu thích nó; hoặc cho vũ trụ này có thể giới siêu hình, có linh hồn người chết hoặc cho có chư Bồ Tát, Thần, Thánh, ma quỷ v.v.. phò hộ và phá phách. Cho thế gian này là thường còn, cho có Đức Phật Di Đà và thế giới Cực Lạc Tây Phương, cho có Phật Tánh, Đại Ngã, Tiểu Ngã, Bản Thể Vạn Hữu, Bản Lai Diện Mục, cho có Bồ Tát Quán Thế Âm từ bi cứu độ chúng sanh thoát khỏi khổ nạn, cho có mười vua Diêm Vương, Ngưu Đầu, Mã Diện, quỷ Vô Thường, quỷ La Sát, quỷ Sứ v.v.. Những sự hiểu lầm lạc tướng tri đó gọi là vô minh.

Thường con người vì hiểu lầm lạc, hiểu không đúng, nên hành động theo sự hiểu biết không đúng đó mà tạo ra biết bao nhiêu thứ đau khổ và lầm than cho đời mình, người khác và tất cả chúng sanh.

Vì vô minh (hiểu không đúng) tướng sắc dục là khả ái, khả lạc là hạnh phúc nên ham

mê say đắm, đắm đuối chạy theo quyết tìm cho được và hành động dục lạc đó cho thoả mãn. Do sự hiểu biết lầm lạc đó đi đến hành động thoả mãn dục vọng nhưng nào ngờ chẳng thoả mãn dục vọng đó được mà còn bị đắm nhiễm trở thành một nghiệp lực rất mạnh.

Chính những hành động vô minh tạo ra nghiệp lực thúc đẩy đi đến tái sinh luân hồi. Do nghiệp thiện, ác mới có tái sinh luân hồi, có tái sinh luân hồi mới có thức, do có thức mà mọi người vì vô minh lầm tưởng cho là thần thức, linh hồn. Gần đây vào thế kỷ thứ V Thiên Tông phát triển cho thức này là Phật Tánh, nhưng họ khéo lý luận đánh lạc hướng những người còn vô minh, chứ không thể nào lừa đảo được những đệ tử của đức Phật.

Từ vô minh hiểu không đúng như thật, đã đưa con người từ lầm lạc này đến lầm lạc khác tạo ra thế giới đầy lòng tham muốn cái này, cái nọ để rồi gặt lấy hậu quả khổ đau vô vàn.

Cho nên, đức Phật dạy: vô minh sanh hành, hành sanh thức cho đến ưu bi sầu khổ, bệnh, chết đó là một thế giới duyên hợp tạo thành khổ đau, mà con người mấy ai đã biết.

Kẻ nào biết được, dứt hết nguồn mê, bỏ xuống tất cả, thì ngay liền đó là giải thoát.

Phàm, Thánh chỉ có khác nhau là ở chỗ này mà thôi. ***“Phàm thì ôm đồm chẳng bỏ vật nào cả, Thánh thì buông xuống tất cả không lấy một vật gì”***.

Trí tuệ ***“Vô Minh”*** thì ôm đồm, chẳng bỏ vật nào cả, vì thế người có trí tuệ Vô Minh thì phải chịu khổ đau vô vàn, ngược lại trí tuệ ***“Minh”*** thì buông xuống tất cả, không lấy một vật nào hết, vì thế người có trí tuệ Minh thì tâm hồn thanh thản, an lạc và giải thoát.

Cho nên ***“Minh”*** là sự hiểu biết đúng như thật, không mang theo tâm ái dục, hiểu biết không lệch lạc, không chủ quan, đúng như pháp, có khoa học thực tế, cụ thể, rõ ràng, minh chứng và xác thực v.v..

Nhờ sự hiểu biết như vậy mà đã đập tan Mười Hai Nhân Duyên này khiến cho cuộc sống của loài người trên thế gian này được an vui, hạnh phúc.

Người có Minh thấy các pháp đúng như thật nên hành động thân, miệng, ý tạo nhân quả thiện, không làm theo tâm ham muốn ác pháp của mình nên cởi bỏ hoàn toàn sự khổ đau và chấm dứt tái sanh luân hồi.

Người ngộ được 12 Nhân Duyên này là người phải có trí tuệ Minh, cởi bỏ 12 mắt xích sắt này được giải thoát hoàn toàn, không còn khổ đau phiền toái. Nhờ trí tuệ Minh vén sạch ngũ triền cái, dứt bỏ thất kiết sử. Người đó gọi là bậc Duyên Giác hay còn gọi là Độc Giác Phật.

Tóm lại, trí tuệ Vô Minh sẽ đem đến cho loài người khổ đau, tạo nên một thế giới đầy dẫy bất toại nguyện, còn trí tuệ Minh thì đem lại cho loài người một sự hạnh phúc, an vui, vĩnh viễn.



TRÍ HỌC GIẢ

Câu hỏi của Diệu Quang

Hỏi: Kính thưa Thầy! Có người hiểu biết rất rõ đâu là Vô Minh, đâu là Minh và họ còn là những người đã từng học hỏi và thông suốt giáo lý của Phật, thế sao họ không vén sạch ngũ triền cái, dứt bỏ thất kiết sử, tâm họ luôn luôn vẫn còn tham danh đắm lợi, xin Thầy dạy cho chúng con rõ.

Đáp: Họ từ Vô minh lầm chấp hiểu Vô Minh giống như người dốt không có học thức, nên chạy theo học hỏi để thông suốt lời Phật dạy, khi đã thông suốt lời Phật dạy họ đã trở thành chiếc tủ đựng kinh sách, từ đó bản ngã của họ trở thành to lớn hơn, nên sự vô minh của họ, họ còn vô minh hơn. Có người cho rằng, trình độ học thức trên đại học, là những người có trí tuệ, đối với đạo Phật trình độ học thức này chỉ là một cái bao đựng gạo, chỉ toàn nhai lại bã mía của người khác, chứ không phải như trí tuệ của Phật đã dạy: ***“Chỗ nào có trí tuệ chỗ ấy có giới hạnh. Người có giới hạnh nhất định có trí tuệ, người có trí tuệ nhất định có giới hạnh”***. Đoạn kinh này đã được xác chứng một cách cụ thể trí tuệ của đạo Phật tương quan giữa sự hiểu biết và đức hạnh rất đặc thù của đạo Phật mà người đời không thể suy nghiệm ra được. Đó chính là trí tuệ giải thoát hay gọi là tri kiến giải thoát mà đức Phật thường tán thán trí tuệ này.

Cho nên sự học thức của thế gian, không phải là trí tuệ, mà là kiến thức vay mượn, vì thế, có người đỗ bằng tiến sĩ Phật học, tam tạng kinh điển thông suốt, nhưng đối với đạo Phật đó không phải là trí tuệ mà là kiến thức

hữu lậu, càng học hiểu nhiều lậu hoặc càng sanh nhiều hơn.

Trí tuệ của đạo Phật được phát triển là ở chỗ biết **“xả tâm ly dục ly ác pháp”** chứ không phải chỗ học hỏi nhiều. Vì có xả tâm ly dục ly ác pháp thì giới luật mới thanh tịnh, giới luật có thanh tịnh thì đời sống mới có đạo đức, mà đời sống có đạo đức thì ngay đó là trí tuệ, chứ có học hỏi gì đâu?

Họ đâu biết rằng: Tại sao lại có Vô Minh? Có Vô Minh là vì có **“lòng ham muốn”**, do ham muốn mà Vô Minh có, nên đức Phật dạy **“ly dục ly ác pháp”** thì Vô Minh sạch, Vô Minh sạch thì gọi là Minh.

Đức Phật đâu có dạy bảo chúng ta học tập cho thông suốt tam tạng kinh điển hoặc có cấp bằng này, cấp bằng nọ mà gọi là Minh bao giờ? Xưa, ông Bàn Đạc tối tăm dốt nát học không thuộc bốn câu kệ, thế mà Đức Phật dạy ông tu hành chứng quả A La Hán tam tạng kinh điển đều thông suốt, thuyết giảng chẳng thua ai. Đó mới thấy trí tuệ của đạo Phật rất là đặc thù, người nào muốn có được trí tuệ như Phật thì hãy sống ly dục ly ác pháp.

Phật bảo lìa dục lìa ác pháp thì có Minh, người đời hiểu lầm lạc, tưởng là học hỏi cho

nhiều có cấp bằng này cấp bằng kia, do đó từ lớp Vô Minh này chồng lên lớp Vô Minh khác như trên chúng tôi đã nói. Phần đông đó là các giảng sư của Phật giáo chúng ta hiện giờ.

Bởi muốn phá Vô Minh không phải lấy sự học hỏi hiểu biết mà phá được, chỉ có đoạn dứt **“duyên sanh”** tức là lìa dục, sanh còn là dục còn, sanh diệt là dục diệt, dục diệt thì Vô Minh diệt, Vô Minh diệt, tức là Minh sanh. Nên trong kinh Thập Nhị Nhân Duyên Phật dạy: **“*Sanh diệt thì Thủ diệt, Thủ diệt thì Hữu diệt, Hữu diệt thì Ái diệt, Ái diệt thì Thọ diệt, Thọ diệt thì Xúc diệt, Xúc diệt thì Lục Nhập diệt, Lục Nhập diệt thì Danh Sắc diệt, Danh Sắc diệt thì Thức diệt, Thức diệt thì Hành diệt, Hành diệt thì Vô Minh diệt, Vô Minh diệt thì Minh sanh.*”**

Do đó, Đức Phật ngày xưa dạy người tu cắt ái ly gia, xuất gia, cạo bỏ râu tóc, đắp áo cà sa, sống không gia đình, không nhà cửa là vậy. Vì vậy, người nào muốn tu theo Đạo Phật để được giải thoát thì phải dứt lìa “duyên sanh”.

Dứt duyên sanh, tức là ly gia, cắt ái để trở thành một vị Tỳ Kheo chân chánh. Người xưa dứt đời tìm đạo để cầu giải thoát, người

nay dứt đời tìm đời qua hình ảnh một lớp áo cà sa của nhà tu để nuôi vợ, nuôi con, nuôi cha, nuôi mẹ, xây mồ mả ông, bà, dòng họ (hình ảnh một tu sĩ, vị Tỳ Kheo để dễ bề tìm danh tìm lợi, lừa đảo tín đồ rất dễ dàng).

Cho nên, theo đạo Phật cái học không phải là Minh, chỉ có sống đúng giới luật hằng ngày tu tập đúng các loại định:

1. Định Sáng Suốt
2. Định Vô Lậu
3. Định Chánh Niệm Tĩnh Giác
4. Định Niệm Hơi Thở

Nhờ tu các loại định này thực hiện trên Tứ Chánh Cần, ngăn ngừa và đoạn dứt các ác pháp, khiến cho tâm ly dục ly ác pháp, do đó giới luật không vi phạm, không bị bẻ vụn, trở thành thân tâm nghiêm trì giới luật.

Giới luật đã nghiêm túc thì thân tâm thanh tịnh, thân tâm thanh tịnh, tức là thiền định, nên Phật dạy ly dục ly ác pháp nhập Sơ Thiền, thân tâm có định thì trí tuệ triển khai, trí tuệ triển khai gọi là Minh.

Người tu theo Phật giáo ngày nay nghĩ tưởng phá Vô Minh bằng Minh, nên ngay từ lúc ban đầu theo Minh đi vào để phá Vô Minh

bằng sự học thức hiểu thông tam tạng kinh điển của Phật, đó là một sự hiểu sai lầm rất lớn. Thay vì, phá Vô Minh lại chồng lên một lớp kiến chấp học thuật, vì thế bản ngã càng to lớn, chẳng chịu ly dục ly ác pháp, nên tâm không thanh tịnh, do tâm không thanh tịnh, nên không có định, không có định thì Minh chẳng bao giờ có, Minh chẳng có thì lấy gì phá Vô Minh, phá Vô Minh chẳng được nên chồng thêm một lớp Vô Minh nữa. Những người tu sĩ và cư sĩ này giống như một con chim học nói tiếng người, chẳng có ích lợi gì cho họ cả.

Theo sự học thức của họ, từ đó họ tu tập thiền định ức chế tâm nên sanh ra nhiều kiến giải, sản xuất ra nhiều pháp môn thiền định, nhưng toàn là thiền ức chế tâm hoặc sanh ra những pháp môn tha lực chuyên cúng bái, tụng niệm, cầu khẩn, tế lễ, v.v.. đưa Phật giáo đến chỗ mê tín, dị đoan, trừu tượng.

Từ chỗ hiểu lầm lạc dùng trí tuệ phàm phu hữu hạn học hỏi cho là Minh để phá Vô Minh. Phá Vô Minh chẳng được lại đưa Phật giáo dần dần đi đến tối tăm hơn mà ngày nay Phật giáo đã biến thành Thần giáo, Hữu Ngã giáo, Huyền Bí giáo v.v..



HỠ LẠC CÓ XẢ BỎ HAY KHÔNG?

Câu hỏi của Chơn Thành

Hỏi: Kính thưa Thầy! Thân, thọ, tâm, pháp đều có khổ, lạc, bất khổ bất lạc thọ, ở thế gian đều phải xả bỏ, ngược lại hỷ lạc, khinh an khi tu tập thiền định sanh ra thì có cần phải giữ gìn và tăng trưởng hay phải xả bỏ như thế nào?

Nếu không được giữ gìn và tăng trưởng thì những hỷ lạc này sẽ thối thất, mất mát, hoặc hao mòn không thừa Thầy?

Đáp: Dục lạc thế gian là nguy hiểm, là tai họa, là khổ đau v.v.. nên tu theo Phật giáo cần phải xả ly, xa lìa những thứ dục lạc đó.

Do tu hành thiền định có lạc, có hỷ, hỷ lạc này tùy theo ở mỗi loại định xuất hiện, như hỷ lạc của Sơ Thiền do “**ly dục**” sanh ra. Hỷ lạc này không giống như hỷ lạc của dục lạc.

Hỷ lạc của Nhị Thiền do định sanh, hỷ lạc này cao hơn hỷ lạc do ly dục sanh ở Sơ Thiền, nhưng phải hiểu nó là do định ly dục sanh ra, nó không giống hỷ lạc do thiền định ức chế tâm như thiền Đại Thừa và Thiền Đông

Độ, hỷ lạc của hai loại thiền này do dục tướng sanh.

Khi tâm không còn ly dục thì hỷ lạc của Sơ Thiền liền mất, không còn ly dục, tức là tâm phóng dật chạy theo các đối tượng của nó: sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp.

Tâm còn ly dục ly ác pháp, tức là tâm còn an trú trong Sơ Thiền, tâm chạy theo dục lạc, tức là tâm xuất Sơ Thiền.

Khi tâm còn tịnh chỉ tầm tứ, tức là tâm an trú Nhị Thiền, tâm an trú Nhị Thiền có hỷ lạc do định sanh. Khi tâm hết hỷ lạc, tức là tâm không tịnh chỉ tầm tứ.

Do những điều ở trên ta muốn giữ gìn hỷ lạc không cho mất, nếu Sơ Thiền thì phải giữ gìn tâm không phóng dật, còn Nhị Thiền thì phải giữ gìn cho tâm tịnh chỉ tầm tứ.

Hỷ lạc của Sơ Thiền và Nhị Thiền không có tăng trưởng thêm mà chỉ có một mức độ của nó mà thôi, dù có kéo dài trạng thái hai loại thiền này ra hai, ba ngày, thì sự hỷ lạc cũng chỉ như vậy, không tăng, cũng không giảm.

Tam Thiền thì xả sạch hỷ, Tứ Thiền thì xả lạc, xả khổ và xả luôn cả đối tượng của nó tức là tâm thanh tịnh, nên không có hỷ và lạc

của tướng và thọ nữa, mà là một trạng thái vắng lặng bất động.

Ở đây quý vị phải hiểu, hỷ lạc của những bậc Thánh Hiền do từ thiên định xả tâm ly dục ly ác pháp mà sanh ra. Vì thế, hỷ lạc này không phải thứ cảm giác an lạc vui mừng của tâm dục lạc thế gian. Quý vị nên lưu ý, bắt đầu vào Sơ Thiền do ly dục sanh hỷ lạc, nên hỷ lạc này không phải dục mà có, vì thế nó rất thanh tịnh, trong sạch không uế nhiễm. Đến định sanh hỷ lạc ở Nhị Thiền, hỷ lạc của định Nhị Thiền là loại hỷ lạc định ly dục, chứ không phải là các thứ hỷ lạc của các loại định tướng của thiền Đại Thừa và Thiền Đông Độ, loại hỷ lạc đó là do dục tướng sanh ra, nên có khi hiện lại có khi mất, vì thế mà con hỏi cần phải giữ gìn và tăng trưởng, như vậy con tu hành đã lạc vào tà thiên tà định, cho nên xin Thầy chỉ dạy cách thức giữ gìn và tăng trưởng hỷ lạc. Thứ hỷ lạc này là bệnh thiên sẽ đưa hành giả vào cảnh mộng ***“Phản Bốn hoàn nguyên; Phủ trùm vạn hữu; Thông tay vào chợ; Tự tại vô ngại; Đói ăn, khát uống, mệt ngủ”***.

Đó là một thứ bệnh thiên cần phải tránh xa. Hỷ lạc của loại thiên định này, gặp nó như là gặp loài quỷ La Sát. Khi tu thiên gặp nó, thì

quý Thầy cần phải xả ngay hoặc dùng pháp hướng tâm đuổi đi, đừng để tâm theo nó, nó chẳng có lợi ích gì cho sự tu tập của quý Thầy mà còn có nhiều tai hại về sau.



TRƯỞNG DƯỠNG HỖ LẠC

Câu hỏi của Chơn Thành

Hỏi: *Kính thưa Thầy! Khi tu tập các định đã nhập được, sanh ra có trạng thái khinh an, hỷ lạc, lạc thọ, vui mừng v.v.. thì trưởng dưỡng chúng như thế nào?*

Đáp: Muốn trưởng dưỡng trạng thái khinh an, hỷ lạc, lạc thọ thì phải tập luyện khéo léo giữ tâm yên lặng trong trạng thái định đó, thỉnh thoảng hướng tâm bằng sự ước muốn hơn là tác ý thô tháo.

Tại sao các con lại muốn trưởng dưỡng các trạng thái khinh an, hỷ lạc, lạc thọ đó? Trong khi đức Phật dạy bảo phải ly hỷ, xả lạc, xả khổ, xả niệm thanh tịnh. Đối với đạo Phật chỉ cần tìm sự **“làm chủ sanh, già, bệnh, chết”**, chứ đâu có đi tìm hỷ lạc, thọ lạc, khinh an như

các con vậy. Giữ gìn và trưởng dưỡng nó để làm gì? Bỏ dục lạc thế gian để đi tìm dục lạc trong thiên định sao? Nó có lợi ích gì cho đời người? Trạng thái hỷ lạc, khinh an nó có giải thoát cái gì cho con người đâu? Tại sao các con không đi tìm một **“đạo lực”** nào để làm chủ sự sống chết, luân hồi, chấm dứt sự khổ đau của đời người thì đó có phải là lợi ích thiết thực không? Đi tìm chỉ cái hỷ lạc của thiên định không ra gì, ngồi như con cóc để thọ hưởng cái hỷ lạc đó, không lẽ tu hành rồi thành con cóc sao?

Tu hành có hỷ lạc cũng tốt, không hỷ lạc cũng tốt. Có sao có thì mừng, không có thì buồn, cho rằng tu không kết quả, chứ đâu biết rằng kết quả của sự tu là tâm ly dục ly ác pháp, chứ không phải chỗ hỷ lạc, khinh an, lạc thọ.

Ở đây, quý Thầy cần phải biết phân biệt, khi tu hành tâm có hỷ lạc thì loại hỷ lạc đó do ly dục sanh hay do ức chế tâm mà sanh ra. Quý vị phải tự suy xét, cuộc đời tu hành của mình có sống đúng giới luật chưa? Nếu sống không đúng giới luật thì hỷ lạc của quý vị sanh ra là do dục lạc tưởng, là do loại thiên định ức chế tâm.

Tu sĩ thời nay có ai là người sống đúng giới luật đâu? Chỉ chuyên lo tu thiền định, niệm Phật ức chế tâm sanh ra hỷ lạc, đó là thứ hỷ lạc của dục tưởng, do ức chế tâm chứ đâu phải hỷ lạc của ly dục.

Thiền định ức chế tâm sẽ đưa quý vị đi vào chỗ chết, chứ không phải đi vào chỗ giải thoát. Người tu hành cần phải biết tu cái gì có ích lợi cho mình cho người thì mới nên tu, tu mà không biết, chỉ nhắm vào ích kỷ cá nhân của mình. Tu hành mà ích kỷ như vậy thì có ích lợi gì cho mình cho người đâu, thì tu làm chi cho phí uổng cuộc đời.

Người tu hành, vì muốn thoát ra bốn sự khổ đau của kiếp làm người, chứ không phải đi tìm khinh an, hỷ lạc của dục tưởng mà trưởng dưỡng nó, nó có hay không là điều không quan trọng đối với người tu sĩ đạo Phật.

Người tu sĩ đạo Phật, khi tu hành phải nhắm vào mục đích như thế nào? phải biết làm sao? Bằng cách nào? Cho có một đạo lực như thế nào? Để làm chủ sự sống chết luân hồi, thì mới mãn nguyện. Không lẽ tu hành bỏ dục lạc thế gian, bỏ hết cả cuộc đời mình mà lại đi tìm dục lạc thiền định hay đi tìm thần thông để làm gì?

Thần thông thì để lừa đảo, lường gạt thiên hạ; hỷ lạc của thiên định thì để cám dỗ những người còn ích kỷ cá nhân ham mê dục lạc chỉ riêng cho mình.



TỨ CHÁNH CẦN

Câu hỏi của Chơn Thành

Hỏi: *Kính thưa Thầy! Xin Thầy chỉ dạy Tứ Chánh Cần, các pháp ác chưa sanh không cho sanh, các pháp ác đã sanh phải đoạn diệt, các pháp thiện chưa sanh làm cho sanh, các pháp thiện đã sanh làm cho tăng trưởng.*

Nếu dựa vào bài kinh này, qua ngôn ngữ nói trên mà không có người triển khai thành pháp hành, để hiểu biết cách thức tu tập theo con đường của đạo Phật, thì khó có ai tu tập được Tứ Chánh Cần.

Vậy con xin thưa hỏi Thầy, làm thế nào ngăn chặn và đoạn dứt các pháp ác và làm thế nào các pháp thiện chưa sanh lại sanh và tăng trưởng chúng?

Đáp: Nếu muốn tu tập Tứ Chánh Cần, chúng ta cần phải hiểu pháp thiện và pháp ác như thế nào cho đúng như trong kinh Phật đã dạy?

Pháp ác thì cũng vô lượng mà pháp thiện thì cũng có vô lượng, do số lượng quá nhiều, chúng ta làm sao biết đâu mà tu hành cho đúng pháp thiện và pháp ác?

Muốn biết pháp thiện và pháp ác thì chúng ta phải theo lời Phật dạy trong kinh Thập Thiện. Kinh này dạy rất rõ có 10 pháp thiện và 10 pháp ác. Lấy mười pháp thiện và mười pháp ác này áp dụng vào Tứ Chánh Cần thì mới đúng đường lối tu tập mà đức Phật đã hướng dẫn.

Áp dụng vào Tứ Chánh Cần, trước tiên chúng ta phải hiểu có bao nhiêu pháp thiện và có bao nhiêu pháp ác? Pháp thiện như thế nào? Và pháp ác như thế nào?

Có mười pháp thiện là :

1- Không giết hại chúng sanh, không xúi bả người giết hại, thấy người giết hại không vui theo, thường can ngăn người giết hại chúng sanh.

2- Không gian tham trộm cắp lấy của không cho,... dù cây kim sợi chỉ, vật nhỏ mọn nhất nếu người không cho thì không bao giờ lấy.

3- Không tà dâm, có nghĩa là chồng hay vợ không được gian dâm với người khác, vì gian dâm với người khác tạo ra cảnh bất an cho gia đình mình và gia đình người khác, khiến tan nát cả hai gia đình, đó là một ác pháp làm đau khổ mình và đau khổ người và khổ cho con cái của chúng ta.

4- Không nói dối, có nghĩa là chuyện có nói có, chuyện không nói không, chứ không lừa đảo, lường gạt người khác bằng miệng lưỡi.

5- Không nói lưỡi hai chiều nghĩa là không nói lật lọng, tức là không nói qua nói lại.

6- Không nói lời thù dật nghĩa là đến chỗ này nói xấu chỗ kia, đến chỗ kia nói xấu chỗ này.

7- Không nói lời hung ác nghĩa là không nói lời dữ tợn, không chửi rủa người khác, không nói lời chửi thề, không nói lời tục tĩu.

8- Không ham muốn, nghĩa là không tham muốn những gì mình chưa có, dù mình đã có vật đó cũng không tham muốn.

9- Không sân hận nghĩa là không tức giận, giận hờn ai hết.

10- Không si mê nghĩa là không tham ăn, tham ngủ, không làm khổ mình, khổ người, tránh xa các pháp ác, lìa tất cả lòng tham muốn của mình, luôn luôn sống không làm khổ người khác và không làm khổ tất cả chúng sanh.

Ngược lại là 10 pháp ác, bây giờ chúng ta đã rõ 10 pháp thiện và 10 pháp ác, nếu ngăn chặn và đoạn diệt 10 pháp ác được thì ngay đó là sanh khởi và tăng trưởng 10 pháp thiện. Muốn được vậy, chúng ta phải ở trên pháp nào để tu tập cho có kết quả?

Như đức Phật đã dạy: Trên pháp Tứ Niệm Xứ chúng ta quán thân trên thân tu về hành tướng ngoại, tức là tu trong các hành động của thân (Thân Hành Niệm ngoại). Tu về Thân Hành Niệm ngoại, tức là tu **“Chánh Niệm Tịch Giác Định”**. Đó là một pháp môn ngăn các pháp ác tuyệt vời.

Nếu trên thân quán thân tu về hành tướng nội, thân hành niệm nội, tức là hơi thở. Nếu tu về hơi thở thì coi chừng chúng ta sẽ bị lầm lạc tu vào những pháp môn của các Tổ như: Sổ Tức Quán, Lục Diệu Pháp Môn v.v.. Đó là những pháp môn hơi thở tu ức chế tâm, còn tu về hơi thở của đạo Phật thì không phải là những pháp môn này. Trong kinh sách Nguyên Thủy gọi pháp môn hơi thở này là “Định Niệm Hơi Thở”, Định Niệm Hơi Thở cũng là một pháp môn ngăn ác diệt ác pháp tuyệt vời.

Hai loại thiền định này là pháp môn ngăn chặn mười pháp ác, nếu hành giả siêng năng, chuyên cần, tinh tấn tu tập thì các pháp ác không xen vào được trong tâm mình. Vì thế, tâm không phóng dật, luôn hướng vào trong thân và định vào thân, tâm hồn hành giả lúc nào cũng thanh thản, an lạc và vô sự, cuộc sống trở thành trầm lặng, thánh thiện và độc cư.

Nếu các pháp ác đã sanh làm cho tâm hồn đau khổ, phiền toái, buồn lo, giận hờn v.v.. thì phải mau lo đoạn diệt. Vậy đoạn diệt các pháp ác bằng pháp môn nào?

Nếu muốn đoạn diệt các pháp ác thì phải tu pháp môn **“Tứ Niệm Xứ”**. Tu pháp môn Tứ Niệm Xứ là phải ở trên thân quán thân tu về nhân tướng, tức là tu về “Định Vô lậu” quán xét thân, thọ, tâm và các pháp bằng **“luật nhân quả”**; bằng **“Tam pháp ấn”** vô thường, khổ, vô ngã, v.v.; bằng quán Thập Nhị Nhân Duyên; bằng quán Tứ Diệu Đế; bằng quán Thân Ngũ Uẩn không phải là ta, là của ta, là bản ngã của ta và bằng quán thân, thọ, tâm, pháp bất tịnh, hôi thúi, ố trước, bẩn thỉu v.v..

Nhờ có tu tập như vậy, các pháp ác mới đẩy lui được, mới đoạn dứt được, mới đem lại sự thanh bình cho tâm hồn, mới làm nên một cuộc cách mạng tư tưởng, mới chiến thắng được tâm mình, **“Thắng trăm trận không bằng chiến thắng tâm mình”**. Lời Phật dạy như vậy.

Khi ngăn chặn được các ác pháp thì tâm bây giờ lúc nào cũng ở trong thiện pháp, ở trong thiện pháp, tức là sanh trưởng thiện pháp. Nói cách khác là ngăn chặn ác pháp tức là sanh trưởng thiện pháp. Như kinh Thập Thiện dạy: Mười ác pháp không có mặt tức là mười thiện pháp có mặt.

Như vậy, ta chỉ cần ngăn chặn 10 điều ác, tức là ta đã sanh khởi 10 điều thiện, hay nói một cách khác nữa, ngăn chặn 10 điều ác là một tên khác của sự sanh khởi 10 điều thiện.

Đoạn dứt ác pháp, tức là tăng trưởng thiện pháp, nói một cách khác là tăng trưởng thiện pháp là tên khác của sự đoạn dứt ác pháp.

Tóm lại ngăn chặn ác pháp thì phải tu Định Niệm Hơi Thở và Định Chánh Niệm Tỉnh Giác.

Muốn đoạn dứt các ác pháp thì phải tu Định Vô Lậu. Có tu tập như vậy, thì **“Đường Về Xứ Phật”** mới xứng đáng là đạo lộ cho những người đệ tử của đức Phật bước đi. Dù có gian nan, có khó nhọc đến đâu, nhưng tương lai vẫn sáng chói huy hoàng. “Đường Về Xứ Phật” sẽ đưa đường dẫn lối cho quý vị đến nơi đến chốn giải thoát hoàn toàn.



MỘT NGƯỜI MÙ DẪN MỘT Đám NGƯỜI MÙ

Câu hỏi của Chơn Thành

Hỏi: *Kính thưa Thầy! Người đang tu chưa chứng đắc được gì về pháp môn Giới, Định, Tuệ mà vội lập đạo tràng để giảng đạo cho các người khác tu tập, thì số phận người giảng sư lẫn các hành giả sẽ đi về đâu trên đường tu tập? Xin Thầy chỉ dạy cho chúng con được rõ.*

Đáp: Chẳng đi đến đâu cả, giống như một người mù dắt đường cho tất cả những người mù khác để ra khỏi rừng sâu, núi thẳm nhưng không ngờ mọi người đều sa hầm, lọt hố và chết chìm nhau cả đám.

Con người vì đắm mê danh, lợi, tu chưa tới đâu, mà vội đem ra dạy người là người “háo danh”, người tham danh mà Thầy thường gọi là “**Tưởng giải**”.

Kinh sách Đại Thừa dạy: “**Một người vừa tu vừa dạy người khác tu là Bồ Tát độ chúng sanh**”. Kinh sách này khuyến khích những vị Tỳ Kheo và những cư sĩ thọ Bồ Tát giới, thực hiện Bồ Tát Hạnh. Nghĩa là tu sĩ

vừa tu vừa hành Bồ Tát đạo, tức là mình vừa tu vừa dạy người khác tu, còn cư sĩ vừa học tu lại vừa bố thí, cúng dường và làm việc từ thiện, cũng có khi dạy người khác tu hành như cư sĩ Tâm Minh và Đoàn Trung Còn. Thật là đau lòng cho Phật Pháp, người ta lấy sự học mà dạy đạo, chứ không phải lấy sự tu chứng mà dạy. Vì thế, Phật giáo đi dần về phía tà đạo, không có người tu chứng nữa. Kinh sách này dạy như vậy có đúng đường lối của đạo Phật hay không?

Không, đức Phật dạy người phải tu cho mình được giải thoát xong rồi mới dạy người khác tu. Trường hợp như ông Phú Lâu Na khi tu xong đến xin đức Phật đi độ chúng sanh, đức Phật trắc nghiệm thấy ông đủ khả năng độ chúng sanh, liền chấp nhận cho Ngài đi. Đó là sự cân nhắc rất kỹ của đức Phật khi người đệ tử ra đi làm lợi ích cho chúng sanh, nếu không trắc nghiệm và cân nhắc như vậy thì một vị Thầy, tu hành chưa xong mà vội ra hướng dẫn người tu hành thì đó là giết người và giết nhiều thế hệ con người vì mình chưa đủ đạo đức làm gương sáng và kinh nghiệm dạy đạo. Dạy người bằng miệng lưỡi nói được mà mình làm không được, tức là nói láo, hầu hết

các giảng sư hiện giờ đều dạy người tu nói láo như vậy.

Bởi, kinh sách Đại Thừa đã truyền thừa cho đến nay, đối với tu sĩ Phật giáo tu hành chẳng ra gì, đời chẳng ra đời, đạo chẳng ra đạo, chỉ toàn là những hạng người chạy theo danh lợi, buôn Phật, bán Pháp làm chuyện tội tệt, phi đạo đức chỉ cần dùng những danh từ **“Tu Bồ Tát đạo, Hành Bồ Tát hạnh”** là cao thượng, là bịt miệng tín đồ dễ dàng.

Ngoài đời, người ta muốn làm một việc gì, thì cũng phải học tới nơi tới chốn, mới làm nên việc đó. Ví dụ: Như muốn làm một bác sĩ thì phải học 7, 8 năm, sau khi tốt nghiệp ra trường y khoa mới chính thức là một vị thầy thuốc, chừng đó mới trị bệnh thiên hạ, nếu vừa học vừa làm bác sĩ trị bệnh, thì chắc chắn không trị bệnh nhân mà là giết bệnh nhân, cũng như các giảng sư Đại Thừa Phật giáo bây giờ là vậy, giống như con chim học nói tiếng người, nói mà chẳng biết gì cả. Chẳng tu mà dạy người tu, thì cũng giống như một người mù dắt bầy người mù đi.



CHỨNG ĐẮC MỘT ÍT DẠY NGƯỜI ĐƯỢC KHÔNG?

Câu hỏi của Chơn Thành

Hỏi: *Kính thưa Thầy! Xin Thầy chỉ dạy, người đang tu mới chứng đắc được phần nào đó, mà vội lập đạo tràng để dạy người, thì hậu quả của người tu chưa xong này sẽ dẫn họ tới đâu? Và phần chứng đắc được, liệu có giữ gìn được trọn vẹn hay không?*

Và những người học theo giáo pháp của người dạy này, liệu có đúng như lời Phật dạy chăng? Tương lai cả những người học tu này có ích lợi gì cho họ?

Đáp: Con đường tu tập theo đạo Phật khó khăn vô vàn, người tu chưa tới đâu hoặc chứng đắc một phần nào trong các pháp hành của đạo Phật mà vội đem ra dạy người, cũng ví như người học nghề thầy thuốc tay nghề chưa lành mà đi ra trị bệnh cho người khác thì chỉ có giết người hơn là cứu người. Cũng giống như người hướng đạo viên không thông đường xá, chỉ biết có một ít lại dẫn người vượt suối băng

ngàn thì làm sao ra khỏi rừng sâu núi thẳm, chỉ còn chết chung nhau giữa rừng già mà thôi.

Bởi vậy, tu phải đến nơi đến chốn có đủ kinh nghiệm rồi mới hướng dẫn người khác tu. Ở đời người ta xem sự tu hành quá dễ dàng, cho nên đụng đâu dạy người ta tu đó, đó là dạy tu vào con đường chết, chứ không phải giải thoát.

Tu chưa đến nơi đến chốn, tức là tâm chưa giải thoát hoàn toàn, thì tâm ham muốn và ác pháp còn đầy đầy mà vội ra làm Đạo sư thì danh lợi với sắc dục sẽ cám dỗ và lôi cuốn đi sâu vào các ác pháp thế gian khiến cho người này giới luật bị bể vụn, phạm giới, đức hạnh không có. Bây giờ tâm ly dục ly ác đã mất hết, chỉ còn lại tâm phóng dật chạy theo sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp. Do thế hình ảnh thì còn là người tu sĩ mà tâm thì phạm phu tục tử, sống bằng những danh từ lừa đảo tinsel đồ qua sự thuyết kinh giảng đạo từ bài kinh này đến bài kinh khác, pháp hành thì mù mờ loanh quanh không có rõ ràng, chỉ dùng một số ngôn ngữ xảo thuật cho thật kêu để phỉnh gạt người khác dễ dàng.

Những người theo những giảng sư này tu hành, chẳng đi đến đâu giống như con chó gặm

xương, bỏ thì tiếc, nhai thì chẳng có gì lợi ích, phí cả cuộc đời, chẳng ích lợi gì cho mình cho người mà còn thêm tổn phước đức về tội vọng ngữ (nói láo ăn tiền).

Đối với đạo Phật, những hạng người không tu mà dạy đạo, chỉ đem ngôn thuyết lừa đảo thiên hạ để mua danh mua lợi, thì tội đoạ địa ngục muôn kiếp, chứ làm gì có chứng đắc, nhìn thấy cuộc sống của họ phạm giới luật, phi đạo đức, tức là phi Phạm hạnh, chỉ có ba hoa ngoài đầu môi chót lưỡi. Nếu ai đi tìm cầu sự giải thoát của đạo Phật mà gặp các vị Đạo sư này thì chỉ còn có nước đi chung nhau xuống địa ngục A Tỳ tìm vua Diêm Vương, chứ không tìm giải thoát được.

Ở đây, quý vị đừng hiểu địa ngục A Tỳ là một cảnh giới siêu hình để hành phạt những linh hồn tội lỗi. Địa ngục A Tỳ ở đây có nghĩa là cuộc sống của con người tại thế gian này đang chịu đựng những sự khổ sở tận cùng.

Ví dụ: Bệnh bán thân, nằm, ăn, đại, tiểu tiện một chỗ; bệnh ung thư đau nhức khổ sở; bệnh cùi ngứa, đau nhức và chịu hôi thối; bệnh thần kinh la hét chẳng biết chi hết, vì thế người bị bệnh này bị nhốt như một con thú vật không khác hoặc chúng ta đi vào những bệnh

viện thấy những bệnh nhân nằm la liệt đau khổ vô cùng. Đó là địa ngục tại trần gian chứ không phải là sự tưởng tượng địa ngục thế giới siêu hình của con người mà từ lâu người ta đã bị các tôn giáo lừa đảo. Chỉ riêng có đạo Phật chỉ thẳng là không có thế giới siêu hình, sau này Phật Giáo Đại Thừa và Thiền Đông Độ mới xây dựng thế giới siêu hình vĩ đại hơn tất cả các tôn giáo khác.



SỐNG KHÔNG PHẠM HẠNH

Câu hỏi của Chơn Thành

Hỏi: *Kính thưa Thầy! Con xin Thầy dạy bảo, người đã tu xong mà sống phóng dật tâm buông lung, không giữ gìn phạm hạnh, không giữ gìn giới luật trọn vẹn, liệu những điều chứng đắc có còn giữ được không?*

Đáp: Không, người tu xong đã chứng đắc thì không thể nào sống buông thả phóng dật theo tâm ham muốn, Phạm hạnh không có và giới luật không nghiêm chỉnh. Chẳng hề có

một người tu đã chứng đạo nào, mà lại sống trái đạo bao giờ.

Chỉ có những người tu chưa xong, tâm còn phóng dật buông lung, nên không giữ gìn Phạm hạnh và giới luật được, những người này tu hành chưa chứng đắc gì cả, họ chỉ là những người lừa đảo người khác mà thôi. Kinh Phật dạy: Đó là những người **“Đại vọng ngữ, Tăng thượng mạn”**.

Những người tu chưa chứng đắc, cuộc sống thường phạm giới, Phạm hạnh không có, thường sống buông lung phóng dật, chạy theo danh lợi thế gian, chỉ mượn chiếc áo cà sa của đạo Phật để tạo cuộc đời mà thôi, thường dùng những danh từ của các Tổ **“Tự tại vô ngại”** để che đậy. Họ lừa đảo bằng những sự vay mượn kiến giải kinh nghiệm của người khác rồi cho đó là của mình.

Những người này là những con sâu làm rầu nồi canh, là những con bọ chết trong lòng sứt, là Ma Ba Tuần, là quỷ La Sát thể hiện làm suy tàn Phật giáo. Chúng đã đưa ra nhiều thuyết để diệt Phật giáo: nào là ngày tận thế sắp đến năm 2000 ; nào là Đức Phật Di Lặc ra đời; nào là Hội Long Hoa; nào là Đức Phật Thích Ca hết nhiệm kỳ v.v..

Đó là những điều lừa đảo, lường gạt người khác, khiến cho mọi người khiếp đảm và sợ hãi, không còn muốn làm việc. Bởi, bọn Ma Vương lộng hành, khi đạo Phật không có người tu chứng, chúng muốn nói như thế nào tùy ý, chẳng sợ ai biết được và có biết cũng chẳng có ai dám vạch mặt, vạch tên chúng, nên chúng tự do muốn nói Đông, nói Tây, nói sai, nói đúng chẳng ai dám cãi, dám bàn, dám phê bình v.v..

Để chứng minh cho quý vị thấy, một trong những nhà học giả tu hành chưa đến nơi đến chốn, như ở Miến Điện (Malaysia) và Thái Lan, họ đã dám cả gan đem kinh nghiệm tu chưa đến đâu, và sự tu hành đó chưa đúng như lời Phật đã dạy trong các kinh Nguyên Thủy, thế mà họ đã dám dạy cho người khác, thật là một tai hại rất lớn cho những tín đồ Phật giáo đang hướng về Phật pháp với một niềm tin sâu sắc không lay chuyển. Với sự tu hành đó, do đã lạc vào pháp tướng, tướng giải, họ đã dám truyền sang qua Tây Úc và các nước Tây Phương, ngay cả nước Việt Nam những bài kinh đó cũng được dịch sang Việt ngữ đã được đăng trên nguyệt san báo Giác Ngộ số 23

tháng 2 năm 1998 đề tựa “Samadhi, Quán Niệm Hơi Thở”.

Bốn Thánh Định của đạo Phật, khi chưa biết cách tu, chưa biết cách nhập và chưa nhập được, thì đừng nên tưởng giải ra theo kiểu tu thiền hơi thở ức chế tâm như các Tổ đã dạy, mà dạy người tu nhập Sơ Thiền, Nhị Thiền, Tam Thiền và Tứ Thiền như trong bài báo này, thì đừng mong có kết quả giải thoát, chỉ phí công tu vô ích, như đức Phật đã dạy: ***“Nhập phi tưởng phi phi tưởng xứ để mà biết phi tưởng phi phi tưởng xứ, chứ chẳng có ích lợi gì”***.

Biết bao nhiêu người đang tu theo đạo Phật, khi đọc bài này, họ làm sao biết được lời dạy trong đây đúng hay sai? Họ cứ tin tưởng vào các ông học giả này là hành giả đã tu chứng, nhập được Bốn Thánh Định. Nếu không có ai nhập được Bốn Thánh Định thì các ông này lừa đảo, nói dối, gạt người thì còn ai biết được để đánh chính sự tu hành của các ông?

Vì không có ai tu chứng Bốn loại Thánh Định này, nên các ông dễ lừa đảo người khác, bằng chứng, báo Nguyệt San Giác Ngộ đã có những cây bút giáo pháp tên tuổi của các bậc tôn túc Hòa Thượng, Thượng Tọa Phật Giáo

Việt Nam, mà bài này vẫn qua mặt được các Ngài và đã được phép đăng trên báo, thì đủ biết Tứ Thánh Định này chưa có ai tu chứng cả.

Như chúng tôi thường nhắc nhở quý vị, thiền định của đạo Phật không giống bất cứ một loại thiền định nào của các tôn giáo trên hành tinh này. Nó không phải ngồi ức chế tâm bằng hơi thở hoặc bằng bất cứ một đề mục thiền nào, mà nó chỉ có mục đích phải xả tâm bằng cách sống đúng giới hạnh, không phạm phải một giới luật nhỏ nhặt nào, luôn luôn sống đúng Phạm hạnh của một vị Thánh Tăng, thì mới gọi là xả tâm.

Khi tâm giữ gìn giới luật trọn vẹn, sống đúng Phạm hạnh, đầy đủ đức hạnh nhân bản nhân quả, thì giới luật mới thanh tịnh; giới luật có thanh tịnh thì tâm mới thanh tịnh; tâm mới thanh tịnh thì tâm mới ly dục ly ác pháp; tâm có ly dục ly ác pháp thì tâm mới nhập Bất Động Tâm Định. Nhập Bất Động Tâm Định thì tâm mới có Tứ Thần Túc, nhờ có Tứ Thần Túc thì tâm mới nhập được Sơ Thiền, đó là Thiền Thứ Nhất mà trong kinh sách Phật đều dạy như vậy. Thế mà các nhà học giả lại dạy theo các Tổ Sư Thiền Đông Độ và Thiền Đại

Thừa theo pháp môn Sổ Túc Quán và Tùy Túc để tìm định tướng của định, rồi tự đặt cho nó là Sơ định.

Nếu xét cho cùng thì hai lối dạy tu Bốn Thánh Định của đức Phật và nhà học giả Nam Tông, cách xa một trời một vực, không có chút nào giống nhau cả. Thế mà các nhà học giả này dạy nhập bốn Thánh Định như trong bài báo, thì xem các bậc tôn túc Hòa Thượng, Thượng Tọa khắp trên thế giới này toàn là những hạng người Phật tử vô minh, u tối chẳng hiểu một chút gì về Bốn Thánh Định của đạo Phật cả, trong khi kinh sách Phật còn ghi lại rõ ràng.

Đây là một đoạn kinh, trong kinh Trung Bộ, bài kinh **“Ước Nguyện”** đã xác chứng lời đức Phật dạy rất hùng hồn về cách thức nhập Bốn Thánh Định, như chúng tôi đã nói ở trên: ***“Này các Tỳ Kheo, nếu Tỳ Kheo có ước nguyện mong rằng, tùy theo ý muốn, không có khó khăn, không có mệt nhọc, không có phí sức, Ta chứng Bốn Thiền thuộc Tăng Thượng Tâm, hiện tại lạc trú”, Tỳ Kheo ấy phải thành tựu viên mãn Giới Luật”***.

Vậy thành tựu viên mãn giới luật như thế nào? Chúng ta hãy nghe đức Phật dạy: ***“Các Tỷ Kheo, hãy sống đầy đủ giới hạnh, sống đầy đủ giới bổn, sống phòng hộ với sự phòng hộ của giới bổn, đầy đủ oai nghi chánh hạnh, thấy sự nguy hiểm trong các lỗi nhỏ nhặt, chơn chánh lãnh thọ và học tập các học giới”***.

Đức Phật còn nhắc nhở chúng ta phải thực hiện ***“Định Tư Cụ”*** tức là thực hiện ba loại định: Chánh Niệm Tịch Giác Định, Định Niệm Hơi thở và Định Vô Lậu. ***“Tỷ Kheo ấy phải kiên trì nội tâm tịch tĩnh, không gián đoạn thiền định, thành tựu quán hạnh, thích sống tại các trụ xứ không tịch”***. Những danh từ này do các nhà học giả dịch không có kinh nghiệm tu hành, nên khiến cho người nghiên cứu rất dễ hiểu lầm, như những danh từ ***“tịch tĩnh”, “thiền định”, “quán hạnh”, “trụ xứ không tịch”***.

Sau khi nhập xong bốn thiền chúng tôi mới hiểu được những danh từ này. Khi người mới bắt đầu tu, tâm làm sao ***“tịch tĩnh”*** được, cho nên tịch tĩnh ở đây phải hiểu là tĩnh giác chứ không phải là lặng lẽ, tịch chiếu. Thường đức Phật dạy tu tập tĩnh giác theo hành động

của thân nội hoặc ngoại để xả niệm ác hay nói cách khác là để giữ tâm trong chánh niệm, nên có tên gọi loại định này là **“Chánh Niệm Tĩnh Giác Định”**.

Vì thế, đức Phật dạy phải kiên trì nội tâm tịch tĩnh, tức là phải kiên trì tu tập Chánh Niệm Tĩnh Giác Định, tu trong mọi hành động, tức là thân hành niệm, chứ không phải giữ tâm tịch tĩnh, khi tâm chưa có định thì làm sao giữ tâm tịch tĩnh được. Nếu tâm chưa có định mà giữ tâm tịch tĩnh tức là ức chế tâm, ức chế tâm tức là tu sai thiền của đạo Phật, thì dù có tu cho đến ngàn muôn kiếp cũng chẳng đi đến đâu, chẳng ích lợi gì cho mình và người khác.

Phật dạy: **“Không gián đoạn thiền định”**, khi người mới bắt đầu tu để nhập Sơ Thiền thì làm gì có thiền định mà không gián đoạn, nếu không có tu nhập được Bốn Thánh định này, trên những danh từ này mà hiểu thì không ai hiểu nổi và cũng không biết làm sao tu tập cách nào. Phần nhiều các nhà học giả rồi đầu không dám giải thích những danh từ này, thường là tránh né hoặc giải thích không đúng, hoặc mượn ý nghĩa theo kinh Đại Thừa và Thiền Đông Độ mà giảng giải. Do đó thiền

của Phật biến thành thiên của ngoại đạo, vì thế chẳng có ai tu chứng đạt chân lí làm chủ sanh tử, chấm dứt luân hồi.

Không gián đoạn thiên định, tức là đức Phật muốn nhắc chúng ta tu Định Niệm Hơi Thở, tức là nương hơi thở xả tâm không gián đoạn: ***“Quán ly tham tôi biết tôi hít vô, quán ly tham tôi biết tôi thở ra”.. .. “Quán ly sân tôi biết tôi hít vô, quán ly sân tôi biết tôi biết tôi thở ra”.. .. “Quán thân vô thường tôi biết tôi hít vô, quán thân vô thường tôi biết tôi thở ra v.v..”***.

Đức Phật dạy: ***“Thành tựu quán hạnh”***. Muốn nhập Sơ Thiền thì phải thành tựu quán hạnh, tức là phải tu tập Định Vô Lậu, đó là một pháp môn diệt pháp ác tuyệt vời, mà thành tựu Định Vô Lậu, tức là đã lìa ác pháp đã lìa ác pháp là nhập Sơ Thiền.

Muốn nhập Sơ Thiền, Đức Phật dạy: ***“Thích sống tại các trụ xứ không tịch”***, thích sống tại các trụ xứ không tịch, tức là sống độc cư hay nói cách khác là tịnh chỉ ngôn ngữ để nhập Sơ Thiền.

Ở đây, chúng ta phải thấy đường lối tu tập thiền định của đạo Phật rất rõ ràng. Ý

chung của các bài kinh mà đức Phật đã dạy rất cụ thể: **“Muốn nhập được Sơ Thiên phải sống cho đúng giới hạnh và còn tu tập bao nhiêu pháp môn khác nữa mới nhập được”**, chứ không phải như các nhà sư Nam Tông đã tu và dạy người tu pháp môn hơi thở **“sổ tức, tùy tức”** để nhập Sơ Thiên, thì không đúng cách theo đường lối tu tập của đức Phật đã dạy trong các kinh Nguyên Thủy. Ngay cả pháp môn hơi thở, các sư cũng còn dạy không đúng như trong kinh, thì dạy nhập các định làm sao đúng được.

Xin quý vị đọc lại những đoạn văn mà các nhà sư Nam Tông dạy nhập bốn thiên trong nguyệt san báo Giác Ngộ: Bài này được trích dịch từ một quyển cẩm nang tu thiền của Ngài Thiền sư U Acinna, người Miến Điện. (“Light of Wisdom”), W.A.V.E. Malaysia, 1996, cùng với một vài kinh nghiệm của người dịch, đã có duyên may được tu học với sư cô Dipankara, đệ tử của Ngài U Acinna, trong năm 1997 tại Perth, Tây Úc.

Đây là nhà học giả Miến Điện dạy chúng ta nhập Bốn Thánh Định: **“Bây giờ ta đem tâm vào hơi thở, hơi thở vào và hơi thở ra. Nếu thiền sinh không thể chú tâm vào hơi**

thở sau vài buổi thiền, thì có thể tập đếm hơi thở. Việc này để giúp họ phát triển định lực. Thiền sinh đếm số sau mỗi hơi thở như sau: “thở vào.. .. thở ra một”, “thở vào.. ..thở ra hai”, “thở vàothở ra ba”,cho đến thở vào thở ra tám”. Có thể đếm từ năm đến mười rồi trở lại số một. Tuy nhiên thiền sinh nên đếm số tám rồi trở lại từ đầu. Số tám là để nhắc nhở chúng ta về con đường Tám Chánh (Bát Chánh Đạo), mà chúng ta đang cố gắng để hành trì giác ngộ”. Lời dạy trên đây xin quý vị lưu ý trong kinh điển Nguyên Thủy, đức Phật có dạy như vậy hay không?

Những lời dạy trên đây là lời dạy của các Tổ Sư thiền Đông Độ và kinh sách Đại Thừa (Sổ tức Quán). Còn Định Niệm Hơi thở Phật dạy khác: ***“Hít vô tôi biết tôi hít vô, thở ra tôi biết tôi thở ra”***, hoặc ***“Quán ly tham tôi biết tôi hít vô, quán ly tham tôi biết tôi thở ra”***. Phật dạy nương hơi thở để tâm tĩnh giác xả tâm tham, sân, si, mạn, nghi đó là “Quán Ly tham”, Là tâm tham để tâm được thanh tịnh, tức là định của đạo Phật. Xin quý vị nên hiểu chữ ***“định”*** của Sơ Thiền ở đây,

mặc dù chúng tôi cố gắng so sánh định của Phật, định của Tổ Sư Thiên Đông Độ và định của các nhà sư Nam Tông để quý vị rõ hơn, vì dùng danh từ **“Định”** rất dễ hiểu lầm nghĩa.

Đạo Phật dùng chữ **“định”**, để chỉ cho tâm **“vô lậu”**, tâm vô lậu là tâm đoạn diệt ngũ triền cái và thất kiết sử, cho nên đức Phật đặt rất nhiều tên pháp môn của mình có mang tên định như: Định Niệm Hơi thở, Định Chánh Niệm Tỉnh Giác, Định Vô Lậu, Định Vô Tướng Tâm, Định Bất Động Tâm v.v.. Các loại định này đều nhắm vào sự xả tâm ly dục ly ác pháp, chứ không phải ngồi tĩnh lặng như con cóc, để rồi sanh ra các trạng thái dục tướng lầm chấp cho đó là định sanh hỷ lạc, như Thiên Đông Độ và thiền của các nhà sư Nam Tông.

Cho nên, chữ **“định”** của Phật ở đây có nghĩa là tỉnh thức xả tâm dục và ác pháp, tỉnh thức tâm không phóng dật; tỉnh thức tâm thanh thản; tỉnh thức tâm bất động trước các pháp và thọ; tỉnh thức thân tâm tịnh chỉ các hành; tỉnh thức tâm Tứ Như Ý Túc và tỉnh thức tâm trong Tam Minh.

Bây giờ quý vị nghe nhà học giả Nam Tông dạy tiếp cách thức ức chế tâm: **“Các bạn cần phải cương quyết không để phóng**

tâm, tâm lang thang chỗ này chỗ kia trong khi đếm hơi thở. Chỉ chú tâm theo dõi hơi thở và đếm số, từ 1 đến 8 rồi trở lại 1.. .. Qua việc chỉ chú tâm như thế, tâm sẽ trở nên an định hơn. Thông thường thì cần phải thực hành như thế trong một giờ để tâm được an định và vững chắc”. Qua lời dạy trên đây, quý vị thấy rất rõ, đó là lối hướng dẫn thiền ức chế tâm, không phải là thiền xả tâm ngũ triền cái: tham, sân, si, mạn, nghi như đức Phật đã dạy trong kinh.

Thiền của Phật, nếu quý vị lưu ý thì sẽ thấy rất rõ, lúc nào cũng tỉnh thức trong mọi hành động thân nội hay ngoại đều phải kèm theo pháp hướng tâm (Như lý tác ý) ***“Quán ly tham, quán ly sân, quán ly si, quán thân vô thường, quán thân vô ngã, quán tâm như đất v.v..”***.

Trong kinh sách Phật không có dạy định tướng mà chỉ có nói đến: ***“Do ly dục sanh hỷ lạc hoặc định sanh hỷ lạc”***. Ở đây nhà học giả dạy: ***“Đến đây tùy theo giới hạnh của từng cá nhân, định tướng sẽ hiện ra. Mỗi cá nhân khác nhau sẽ có định tướng khác nhau. Dù đang nhắm mắt theo dõi hơi thở,***

dần dần thiên sinh sẽ thấy định tướng hiện ra, có khi như một làn chỉ trắng, một luồng ánh sáng trắng, một ngôi sao, một cụm mây hoặc một nhúm bông gòn. Nó có thể rất to, trùm cả khuôn mặt, hoặc như mặt trăng, mặt trời, hoặc một viên ngọc thạch, một viên ngọc trai. Nó hiện ra trong các hình sắc khác nhau là vì do tưởng uẩn (sana, perception) tạo ra”.

“Lúc ban đầu, định tướng có thể giống như có màu khói xám. Dần dần, nếu giữ tâm được an định vào hơi thở, hơi thở và màu khói xám trở thành đồng nhất với nhau, không khác biệt. Sau đó nếu tâm được an nhẹ và chỉ chú mục vào hơi thở, màu sắc đó trở thành trắng đục. Mặc dù là màu trắng, nhưng nếu bạn chỉ chú mục, hơi thở sẽ trở thành định tướng và định tướng chính là hơi thở. Nếu định tướng và hơi thở là một, không khác biệt, khi bạn chú mục vào hơi thở, thì bạn cũng chú mục vào định tướng, và khi bạn chú mục vào định tướng thì bạn cũng chú mục vào hơi thở. Và như thế bạn hành thiền tốt và nghiêm túc.. .. Khi định tướng có màu khói xám thì đó là sơ tướng

(parikamma nimitta) trong trạng thái sơ định (parikamma samadhi). Nếu nó trở thành màu trắng như một nhúm bông gòn, đó là học tướng (uggaha nimitta). Đây là một trạng thái định khá cao...”

Đọc qua cách thức hướng dẫn này, chúng ta nhận xét: nhà học giả ở đây có nhận thức ra **“Giới hạnh”** sanh định tướng, đó là đúng, nhưng nhà học giả lại chẳng biết định tướng của giới hạnh như thế nào? Cho nên, nhằm tướng định tướng do tướng uẩn lưu xuất, điều này rất sai. Định tướng do giới hạnh sanh ra là một trạng thái tâm không phóng dật, tâm thường tự động hướng vào nội thân, trong nội thân hoạt động điều gì thì tâm đều biết rất rõ mà chẳng biết sự động dụng bên ngoài, nó không hình tướng như màu khói trắng hoặc xám hoặc trắng như nhúm bông gòn hoặc như ngọc thạch v.v.. Còn định tướng của tướng uẩn lưu xuất là những định tướng loại ma có hình tướng màu sắc khói xám hoặc trắng v.v.. do tu tập thiền ức chế tâm sanh ra. Nhà học giả này chỉ mới thấy được sắc tướng của thiền ức chế tâm mà đã vội cho là định tướng của Bốn Thiền thì thật là vô minh vô cùng. Nó có sáu loại ma tướng: Sắc tướng, hương tướng, thỉnh

tưởng, vị tưởng, xúc tưởng và pháp tưởng. Vị Sư Nam Tông đã rơi vào ma sắc tưởng mà không biết.

Thảo nào, chúng ta cũng không nên trách các thiền sư Đông Độ, khi họ tu hành ức chế tâm **“chẳng niệm thiện niệm ác”**, nên gặp loại ma pháp tưởng, do đó họ tưởng họ đã tu chứng đạo, nên trí tuệ phát triển, **“triệt ngộ”** thấu suốt 1.700 công án thiền tông và tất cả kinh sách Đại Thừa đều hiểu rõ không có câu kinh nào mà họ chẳng hiểu. Nhưng không ngờ, đó lại là ma Pháp tưởng của tướng uẩn, chứ không phải trí tuệ. Nhìn giới hạnh của các Ngài thì biết các Ngài đã bị ma Pháp tưởng không có khó khăn gì, vì các Ngài đang sống phạm giới luật.

Dường như tu sĩ từ đông, sang tây, từ nam, sang bắc tu hành đều gặp nhau trên một điểm này, điểm này tức là sáu loại ma tưởng, không một tu sĩ nào thoát ra khỏi nanh vuốt của sáu loại ma này. Cho nên, người ta tu hành tuy có thần thông tưởng và thiền định tưởng để mà có thần thông tưởng và thiền định tưởng, chứ chẳng ích lợi gì cho bản thân họ và ai cả. Họ chẳng làm chủ sanh, già, bệnh, chết và chấm dứt luân hồi.

Tu hành như vậy, làm sao nhập được Sơ Thiên, họ chỉ tưởng tượng ra Sơ Thiên mà dạy người như vậy, tức là phỉ báng Phật Pháp, thật là đau lòng cho Phật pháp ngày nay và tội cho chúng sanh thời này, tu theo Phật mà lại tu nhằm pháp ngoại đạo, cứ tưởng là mình tu đúng pháp Phật.

Thưa quý vị học giả, nếu quý vị đã tu chứng được thiên định và đạt được Tam Minh thì nên mở tu viện, thiên viện hoặc viết kinh sách dạy người tu hành, bằng không thì thôi, đừng vì danh lợi nhỏ mọn mà giết người như thế này. Tu chưa tới đâu mà dám dạy người tu như những lời dạy trên đây, quý vị xem cuộc sống và mạng người như cỏ rác. Ngay cả thiên xả tâm của Phật mà không hỏi kỹ thì tu hành cũng trở thành thiên ức chế tâm, cũng có thể xảy ra tai hại cho tánh mạng con người, huống là tu thiên ức chế tâm mà các vị đã dạy thì tai hại còn biết bao nhiêu.

Quý vị có nghe đức Phật đã dạy chẳng? **“Giới sanh định”**. Ở đây một lần nữa chúng tôi xin nhắc lại, chữ định của giới luật sanh ra là sự **“tĩnh thức”** luôn luôn hoạt động trong **“tâm và tứ thiện”**. Vì thế quý vị đừng hiểu lầm định của giới luật là tâm bất động không

vọng tưởng, chẳng niệm thiện niệm ác; cũng đừng hiểu với nghĩa là tịch chiếu như Thiền Đông Độ. Đến đây lại sanh ra một danh từ khác nữa, quý vị có thể hiểu lầm, đó là Bất Động Tâm Định, Bất Động Tâm Định là một loại thiền định do giới luật sanh ra, Bất Động Tâm Định tức là tâm bất động trước các ác pháp, trước các cảm thọ, chứ không phải bất động là không vọng tưởng, không niệm thiện niệm ác, nói cho dễ hiểu bất động, tức là tĩnh thức trong niệm chơn chánh, niệm chơn chánh tức là niệm thiện. Niệm thiện tức là niệm không có dục lậu, hữu lậu và vô minh lậu.

Cho nên, từ giới luật sống đúng Phạm hạnh, không phạm phải một giới nhỏ nhặt nào thì tâm sẽ ly dục ly ác pháp, tức là tâm sẽ nhập Sơ Thiền. Ở đây, có sao quý vị lại dạy nhập Sơ Thiền như vậy, ***“Định tướng có khói xám thì đó là Sơ tướng trong trạng thái Sơ định”***. Quý vị có loạn thần kinh chưa? Sơ Thiền là do ly dục nhập Sơ Thiền, chứ đâu phải ngồi bất động chẳng niệm thiện niệm ác. Sơ Thiền là một trạng thái bình thường như mọi người nhưng tâm chỉ ly dục ly ác pháp nên ý thức vẫn còn (tâm tứ) thì làm gì có định tướng ảo tưởng được. Quý vị gạt người không

biết thiền định chứ người đã nhập định thì quý vị không lừa đảo dối gạt được.

Quý vị ngồi thiền như con cóc, ngồi lâu tưởng ra khói xám rồi cho đó là định tướng Sơ Thiền, thì thiền như vậy có phải là thiền của Phật không? Hay là một thứ thiền tướng mà quý vị đặt ra để ngồi trong mát ăn bát vàng, để lừa đảo người không biết?

Nói đến Tâm, Tứ quý vị lại hiểu ngoài kinh sách của đạo Phật, quý vị có đọc bài kinh Song Tâm và bài kinh An Trú Tâm chưa? Nếu đã đọc thì quý vị không thể giải thích năm chi thiền như thế này được, năm chi thiền đó là :

“1- Tâm (Vitakka): Dem tâm hướng về định tướng.

2- Tứ (Vicara): Bám sát vào định tướng.

3- Hỷ (pity): Ưa thích định tướng.

4- Lạc (sukha): Cảm giác an lạc, sung sướng khi tiếp xúc với định tướng.

5- Nhất tâm (Ekaggata): Tập trung về một điểm (đó là định tướng)”.

Ở đây chúng tôi không có ý kiến, xin quý vị đọc lại hai bài kinh trên, trong kinh Trung Bộ thì quý vị sẽ rõ.

Sơ Thiền là một loại thiền xả tâm, dùng **“ý thức tỉnh giác trong mọi hành động để xả những tâm niệm ác của mình”**, không bao giờ dùng tưởng thức. Vì thế, phải lấy **“Giới Luật tu tập, lập hạnh, sống đời sống Phạm hạnh có như vậy thì mới xả tâm được”**. Ngoài giới luật ra thì không còn có pháp môn nào xả tâm hữu hiệu hơn nữa. Cho nên, giới luật là pháp môn đầu tiên của đạo Phật để đi vào lộ trình giải thoát “Chánh định”.

Người nào dạy tu tập thiền định Phật giáo mà không dạy giới luật thì người đó chưa hiểu thiền định của đạo Phật. Khi đọc bài Quán Niệm Hơi Thở trong Nguyệt san Giác Ngộ số 23, chúng tôi rất đau lòng vì bài thuyết pháp dạy tu Tứ Thánh Định là của một nhà sư Nam Tông Nguyên Thủy mà dạy như vậy thì chúng ta không nên trách các nhà sư Bắc Tông vì họ dạy theo kinh phát triển Đại Thừa.

Thảo nào, hiện giờ người ta tu theo Phật giáo mà chẳng có ai thực hiện Bốn Thánh Định và Tam Minh được, là vì không theo lời

dạy của đức Phật. Người ta dùng tưởng tu tập thiền định và tu hành chưa tới đâu, chẳng làm chủ sanh tử luân hồi được, mà cũng lập đạo tràng dạy người tu. Bằng chứng qua bài viết này, chúng ta cũng biết Phật giáo hiện giờ không còn ai tu chứng, nên những người học giả này muốn dạy như thế nào tùy ý, dạy sao không ai dám cãi, dám bàn mà còn dám đăng trên báo, phổ biến khắp nơi, xem các bậc Tôn Túc, Trưởng Lão Hòa Thượng, Thượng Tọa ở Việt Nam và các nước trên thế giới là những người vô minh u tối không hiểu kinh sách và lời dạy của đức Phật.

Người nhập Sơ Thiền chưa có định, chỉ có ly dục ly ác pháp, tâm mới thanh tịnh. Vậy mà ở đây lại dạy Sơ Thiền có định tướng.

Người nhập Sơ Thiền là người tu tập giới luật, mới vén lên được năm cái màn ngăn che, đó là: tham, sân, si, mạn, nghi chứ không phải tu tập hơi thở mà phá được ngũ triền cái như trong bài Quán Niệm Hơi Thở này dạy.

Trong bài kinh Song Tâm Phật dạy: ***“diệt tâm ác giữ tâm thiện”*** tức là ly dục ly ác pháp; ly dục ly ác pháp, tức là nhập Sơ Thiền, chứ không như nhà học dạy: Tâm là đem tâm hướng về định tướng; Tứ là bám sát vào định

tướng, dạy như vậy không đúng như lời Phật dạy.

Trong Sơ Thiền có **“Tâm Tứ”**, tâm không phải hướng về định tướng, mà là hướng về thiện pháp; Tứ không phải bám sát vào định tướng, mà Tứ là tác ý (như lý tác ý) để diệt ác pháp. Như trong bài kinh Xuất Tức Nhập Tức, Phật đã dạy về Định Niệm Hơi Thở, như lý tác ý rất rõ ràng: **“Quán ly tham tôi biết tôi hít vô, quán ly tham tôi biết tôi thở ra”**. Đó là **“Tứ”** như lý tác ý để xả tâm tham, sân, si, mạn, nghi, tức là xả ngũ triền cái. Thiền định của Phật không phải dùng hơi thở ức chế tâm mà dùng hơi thở để xả tâm. Cho nên Phật dạy: **“muốn nhập Sơ Thiền cho đến Tứ Thiền thì Định Niệm Hơi Thở khéo tác ý”**.

Ở đây, nhà học giả Nam Tông dạy bốn thiền của Phật theo tưởng giải của mình, nên Phật Pháp trở thành tà giáo ngoại đạo, chính vì vậy đạo Phật dần dần biến dạng, thành tà giáo, pháp môn thành pháp môn của ngoại đạo.

Để so sánh Quán Niệm Hơi Thở của nhà sư Nam Tông và Định Niệm Hơi Thở của đức Phật giống nhau và khác nhau ở chỗ nào?

Nếu ai đã đọc bài kinh Xuất Tức Nhập Tức trong kinh Trung Bộ thì nhận thấy có 16 đề tài tu về Định Niệm Hơi Thở. Mười sáu đề tài đó là 16 câu pháp hướng để xả tâm ngũ triền cái và thất kiết sử, tức là khắc phục tham ưu hay nói cách khác là ly dục ly bất thiện pháp.

Cách thức tu tập, nương vào hơi thở để giữ tâm bằng cách tỉnh thức và xả tâm. Đồng thời một lượt mà đạt cả hai kết quả tỉnh thức và xả tâm, nhưng phải hiểu tỉnh thức là vấn đề phụ, còn xả tâm là vấn đề chánh. Cho nên, khi xả tâm hoàn toàn vô lậu thì tỉnh thức là xả tâm, tức là tâm nghe, hiểu, biết tất cả mà không dính mắc một pháp nào. Đó là mục đích giải thoát của đạo Phật.

Khi tâm đã ly dục ly ác pháp thì tâm thanh tịnh, tâm thanh tịnh thì tâm mới đủ sức lực để sử dụng pháp hướng dẫn thân tâm nhập vào các định (Định Như Ý Túc), cho nên nhập từ Nhị Thiền đến Tứ Thiền không có khó khăn, không có mệt nhọc, chỉ bằng pháp hướng tịnh chỉ các hành trong thân và tâm, chứ không dùng định tướng để nhập các định khác như nhà học giả Nam Tông đã dạy.

Theo lộ trình tu tập của đạo Phật, ngoài Định Niệm Hơi Thở, hành giả còn phải tu các định khác nữa như: Định Sáng Suốt, Định Chánh Niệm Tĩnh Giác, Định Vô Lậu, thì mới mong nhập được Sơ Thiền, chứ không phải chỉ có định Niệm Hơi Thở không mà thôi.

Ở đây, nhà học giả Nam Tông dạy Quán Niệm Hơi Thở bằng cách tùy tức, nếu tùy tức không nhiếp phục được vọng tưởng thì dùng pháp đếm hơi thở (sổ tức), khoảng độ một giờ thì định tướng xuất hiện, khi định tướng xuất hiện, họ sẽ ôm định tướng mà nhập các định khác (Từ Sơ Thiền đến Tứ Thiền). Cách thức nhập Bốn Thánh Định của họ quá đơn giản, nhưng chắc chắn họ sẽ không làm chủ sanh, già, bệnh, chết. Bằng chứng những vị sư này chưa làm chủ bệnh đau của mình và đời sống của họ thì mong gì làm chủ sự sống chết và luân hồi.

Tóm lại, Định Niệm Hơi Thở của Phật và Quán Niệm hơi thở của nhà Sư Nam Tông thì sự tu hành không giống nhau chút nào cả; một bên thì dùng hơi thở ức chế tâm để nhập định; một bên thì dùng hơi thở tĩnh thức để xả tâm.

Đến Thiền Thứ Hai nhà học giả dạy:
“Thiền sinh cũng nên nhận thức rằng các

thiền chỉ Tâm và Tứ trong tầng Thiền Thứ Nhất làm cho tầng thiền này không an định bằng tầng thiền thứ nhì”.

Qua lời dạy trên đây chúng ta thấy nhà học giả không hiểu sự an định của thiền thứ nhất và thiền thứ nhì. Sự an định của thiền thứ nhất là do “tâm tứ” tịnh chỉ tâm dục và ác pháp hay nói cách khác là tịnh chỉ ngôn ngữ, tức là ly dục ly bất thiện pháp. Vì thế, chúng ta phải hiểu sự an định của tầng thiền thứ nhất ***“lấy tâm động, tạo tâm bất động”*** còn sự an định của tầng thiền thứ nhì ***“lấy tâm bất động tạo định”***, chứ không như nhà học giả dạy sự an định của thiền thứ nhì hơn thiền thứ nhất. Hai sự an định của hai loại thiền này không giống nhau, chỉ có hỷ lạc là thiền thứ nhì hơn thiền thứ nhất như đức Phật đã dạy trong bài kinh Sa Môn Quả.

Chỗ này muốn cho dễ hiểu hơn, chúng tôi cho một ví dụ thì quý vị sẽ hiểu rõ ràng: Ví như có một người luôn tìm mọi cách sống trong thiện pháp, sau một thời gian tâm họ hoàn toàn thiện và họ đang ở trong ngôi nhà thứ nhất, bây giờ họ muốn sang ngôi nhà thứ nhì, thì họ có mang theo ngôi nhà thứ nhất hay không? Họ có mang theo cái tâm toàn thiện

của họ hay không? Bây giờ họ muốn sang ngôi nhà thứ ba, thì họ có mang theo ngôi nhà thứ hai không? Và đến ngôi nhà thứ ba họ có mang theo tâm thiện của họ hay không? Bây giờ họ lại muốn sang ngôi nhà thứ tư, họ có mang theo ngôi nhà thứ ba không? Khi đến ngôi nhà thứ tư họ có mang theo cái tâm thiện của họ không?

Nếu tâm không thanh tịnh thì không thể nào nhập được chánh định, tâm chưa thanh tịnh mà nhập định, tức là tà định, định ức chế tâm. Vì thế, người sống không đúng giới hạnh là người nhập tà định.

Đến thiền thứ nhì nhà học giả lúng túng không biết pháp hành. Đây, chúng ta nghe tiếp đoạn trên: ***“Vì thế, từ ước muốn rời bỏ hai thiền chi này và chỉ còn giữ thiền chi Hỷ, Lạc, Nhất tâm, thiền sinh tiếp tục đem tâm vào tợ tướng. Làm như thế thiền sinh có thể đạt vào tầng thiền thứ nhì”***.

Đến thiền thứ nhì nhà học giả quên lời Phật dạy: ***“Xả Sơ Thiền mới nhập Nhị thiền”***. Cái vô minh của nhà học giả đã để lộ chơn tướng u tối, cái không biết của mình quá rõ ràng: ***“tiếp tục đem tâm vào tợ tướng”***, tức là giữ trạng thái định của Sơ thiền mà

nhập Nhị Thiên, nhà học giả hiểu Sơ Thiên và Nhị Thiên là hai nấc thang.

Sơ Thiên và Nhị Thiên không phải là hai nấc thang của một cây thang mà hai loại thiền định tu tập không giống nhau. Sơ Thiên còn có những tên như: Bất Động Tâm Định, Vô Tướng Tâm Định. Cách tu tập của Sơ Thiên là **“Ly”**. Cách tu của Nhị Thiên là **“Diệt”**. Các nhà học giả không có kinh nghiệm tu hành nên bước vào tu thiền định thì chỉ có cách ức chế tâm **“diệt ý thức, hưng phẩn tưởng thức”**.

Thiền thứ ba và thiền thứ tư nhà học giả cũng không biết pháp hành nên dạy cứ ôm tợ tướng của thiền dưới nhập thiền trên: **“Sau đó thiền sinh nhận thức, rằng hỷ cũng không đem lại an định, nên ước muốn bỏ hỷ, chỉ còn giữ lại Lạc và Nhất tâm. Thiền sinh tiếp tục đem tâm vào tợ tướng. Làm như thế thiền sinh có thể đạt vào tầng thiền thứ ba, vốn chỉ còn hai chi: Lạc và Nhất tâm. Sau khi vào được Tam Thiên, thiền sinh hành trì năm loại thuần thục như trên”**.

“Sau đó thiền sinh nhận thức rằng nếu cứ duy trì lạc thì lại là một hình thức

tham thủ vào cảm giác vui sướng. Cho nên với ý định bỏ lạc, thiền sinh tiếp tục đem tâm vào tợ tướng. Làm như thế thiền sinh có thể đạt vào tầng thiền thứ tư”.

Trong kinh Ước Nguyện đức Phật dạy rất rõ: ***“Tùy theo ý, muốn ước nguyện một điều gì thì giới luật phải sống nghiêm trì, không phạm phải một lỗi nhỏ nhặt nào, thì nhập Bốn Thiền, thuộc tầng thượng tâm, hiện tại lạc trú, không có khó khăn, không có mệt nhọc, không có phí sức”.***

Xưa, Thầy Khương Tăng Hội dạy nhập Bốn Thiền trong sách An Ban Thủ Ý theo kiểu học giả mà chúng tôi đã có lần trả lời cho cô Diệu Quang. Đồng thời lúc ấy chúng tôi cũng có nhận được một bức thư của cô Diệu Tịnh hỏi, trong đó nhà học giả lấy kết quả của Bốn Thiền như trong kinh Sa Môn Quả mà đức Phật đã dạy, làm bốn bài kệ dạy người tu nhập Bốn Thiền, giống như kiểu thiền sư Đông Độ v.v.. Xin quý vị đọc tiếp “Đường Về Xứ Phật” phần vấn đạo thì quý vị càng rõ hơn. Trên đây là một nhà học giả Nam Tông dạy nhập Bốn Thiền mà được dịch sang Việt ngữ, theo chúng tôi nghĩ không phải có một bài này mà có rất nhiều bài dạy nhập về Bốn Thánh Định này.

Nhưng chắc chắn chưa có vị sư nào nhập được Bốn Thánh Định, chỉ nói dối lừa đảo người mà thôi.

Người xưa bảo rằng: ***“Biết thì thưa thốt, không biết thì dựa cột mà nghe”***. Thế mà, các nhà học giả thời nay tu hành chưa đến nơi đến chốn, và tu không đúng như lời Phật dạy, tu chưa được giải thoát sanh, lão, bệnh, tử, chưa thực hiện đầy đủ Tam Minh, giống như người chưa biết thì nên dựa cột mà nghe, có đâu lại dạy tu thiền điên khùng cho thiên hạ như vậy.

Dạy thiền như các nhà học giả này mà còn viết soạn ra kinh sách, thì kinh sách này sẽ chẳng ích lợi gì cho con người, mà còn làm cho con người phí hết cuộc đời và có thể những người này sẽ trở thành những người lừa đảo có kinh sách.

Thật ra bài Quán Niệm Hơi Thở này chúng tôi đã được đọc trong tập nguyệt san Giác Ngộ hơn cả năm nay, thấy những điều dạy sai trong pháp hành thiền của đức Phật, nhưng chúng tôi chẳng hề động đến, ai có duyên tu sao cũng được, đúng sai là do nhân quả gieo duyên tu của mọi người.

Nhưng rồi do một nhân duyên, đây cũng là duyên Phật pháp, khi đọc bản thảo Đường Về Xứ Phật trên máy tính về phần vấn đạo nhiều Phật tử gợi ý: Sao Thầy không chứng minh sự lừa đảo, lường gạt bằng những pháp môn kiến giải, tướng giải của một số Sư, Thầy **“háo danh, háo lợi”**, để giúp đỡ biết bao nhiêu người tín đồ Phật giáo tránh khỏi sự lừa đảo, lường gạt này và làm sáng tỏ lại giáo pháp của đức Phật. Nếu Thầy không nói ra thì còn ai biết đâu mà nói, đã từ bao thế kỷ nay, biết bao nhiêu giáo pháp kiến giải, tướng giải của một số tà sư ngoại đạo đã che phủ toàn bộ giáo pháp của đức Phật, khiến cho mọi người nghiên cứu và tu học giáo pháp của đức Phật không thể nào rõ được.

May thay kinh sách Nguyên Thủy của Phật còn đó, nhờ Thầy vạch rõ để giúp cho mọi người thấu hiểu, chứ hiện giờ họ xem những tu sĩ Phật giáo đã chịu ảnh hưởng sâu sắc của kinh sách Đại Thừa và Thiên Đông Độ, nên họ chẳng còn biết lời dạy nào đúng sai của Phật. Vì vậy, họ mới dám dạy thiên tướng qua tướng giải, từ chỗ tu không đúng pháp của Phật. Khi đọc những bài dạy về tu tập Tứ Thánh Định của các sư Nam Tông, các Tổ Đại

Thừa và Thiên Đông Độ chúng tôi rất thương xót và đau lòng cho bao thế hệ trẻ đang hướng về Phật giáo với lòng tha thiết chân thành.



CHỈ CẦN CÓ TÂM TÀM QUÝ LÀ TU CHỨNG ĐẠO

Câu hỏi của Chơn Thành

Hỏi: *Kính thưa Thầy! Thiên sinh đang tu mà phạm nhiều lỗi lầm, phá hạnh độc cư, ăn ngủ phi thời v.v.. Nếu biết hối cải với tâm tầm quý. Biết xấu hổ về lỗi lầm của mình, biết sửa đổi tâm tánh thì trên đường tu tập có gì trở ngại và có thể đạt được cứu cánh hay không?*

Đáp: Người tu hành có lỗi biết xấu hổ và sợ hãi (tâm quý) thì cố gắng sửa đổi tâm tánh và từ bỏ các ác pháp, hằng ngày luôn giữ gìn không cho tái phạm những lỗi lầm cũ, thì người này sẽ tu hành không có trở ngại gì và kết quả sẽ chứng đắc như những người khác.

Danh từ xấu hổ nghe thì rất dễ, nhưng mấy ai biết xấu hổ khi đã làm những điều sai quấy. Thường người ta làm sai quấy lỗi lầm, nhưng ít có người dám nhận sự sai quấy, lỗi lầm của mình, cứ mãi cố gắng che đậy và tự bào chữa cho mình là không sai quấy lỗi lầm. Luôn luôn lúc nào cũng đối quanh, đối quất, đổ lỗi cho kẻ khác.

Vì không đủ can đảm nhận lỗi những sự sai quấy của mình, cho nên hai chữ xấu hổ chỉ để nói cho vui chơi, chứ không áp dụng vào đời sống của ai được cả, nếu kẻ nào biết áp dụng xấu hổ vào sự lỗi lầm, sai quấy của mình, không sớm thì muộn người ấy sẽ trở thành những bậc Thánh Hiền.

Chỉ có hai chữ **“xấu hổ”** mà trên đời này ai là người đã thực hiện được xấu hổ để sửa sai những lỗi lầm của mình cũng như hai chữ “độc cư”, mấy ai đã làm được. Nếu trên đời này ai là người biết xấu hổ mà đừng che giấu, biết sửa sai những lỗi lầm của mình thì người đó là người đạo đức trọn vẹn, là người tốt nhất trong xã hội, là người ly dục ly ác pháp, là người dễ thành tựu Sơ Thiền của Phật. Cho nên, đức Phật đã dạy: **“Ta có một pháp đưa con**

người đến cứu kính giải thoát, đó là pháp Tàm Quý”.

Trong Phật Pháp khi một người tu hành có làm những điều lỗi lầm mà biết xấu hổ sửa sai là tương lai người ấy sẽ chứng đạo, sẽ trở thành những bậc Thánh nhân.

Bậc Thánh nhân là những người biết xấu hổ, biết sửa sai; biết xấu hổ, biết sửa sai tức là biết độc cư; độc cư tức là sống trầm lặng, sống trầm lặng, tức là cuộc sống Thánh thiện; cuộc sống Thánh thiện là cuộc sống của những bậc Thánh nhân, cho nên người phàm phu tầm thường không thể nào sống độc cư nổi. Sống không nổi hạnh độc cư thì đừng hòng đi tìm con đường giải thoát của đạo Phật mà có được. Con đường ấy không thể để dành cho những kẻ còn tâm ham vui, ưa thích dục lạc thế gian; con đường ấy không thể để dành cho những kẻ tâm còn ràng rịt bởi những sợi dây tình cảm luyến ái; con đường ấy không thể để dành cho những kẻ thiếu đạo đức, thiếu đức hạnh.



MỌI NGƯỜI ĐỀU LÀ TU SĨ ĐI XIN ĂN THÌ THẾ GIAN NÀY SẼ RA SAO?

Câu hỏi của Chơn Thành

Hỏi: *Kính thưa Thầy! Giả sử cả đất nước này đều là những người xuất gia tu hành theo đạo Phật ba y một bát đi xin ăn, thì ai là người trồng cây và sản xuất ra lương thực và thực phẩm. Vậy phải xin ăn ở đâu? Xin Thầy chỉ dạy cho chúng con được rõ.*

Đáp: Câu hỏi của con chỉ là một giả thuyết, chứ không bao giờ có hiện thực. Giả sử nếu có thật đi nữa, thì điều này không khó con ạ! Từ các cấp lãnh đạo trong nước cho đến toàn dân đều tu hành theo đạo Phật hết thì con nên nhớ: “Đạo Phật là đạo trí tuệ”. Khi trường hợp ấy xảy ra, thì các nhà lãnh đạo trong nước sẽ chia tu sĩ thành hai dòng tu:

1- Dòng tiếp hiện

2- Dòng chuyên tu

Dòng tiếp hiện tổ chức giữ gìn trật tự, an ninh bờ cõi và sản xuất lương thực, thực phẩm, giúp đỡ cho dòng chuyên tu có thực phẩm sống

hằng ngày, ngày một bữa để thực hiện chiều sâu của Phật pháp. Nếu những tu sĩ dòng chuyên tu, tu hành đã xong, thì rời khỏi dòng chuyên tu, để thay thế cho những tu sĩ dòng tiếp hiện, giữ chức vụ, vai trò thực hiện để tiếp tục giữ gìn an ninh, đất nước và sản xuất, lương thực, thực phẩm, v.v..

Vậy, lúc bấy giờ tu sĩ chuyên tu có chỗ, nơi đi khất thực và có tổ chức hản hồi, chứ có gì đâu mà sợ không có thực phẩm để sống tu hành.

Đó là một điều kiện được đặt ra giả thuyết, cho mọi người trên hành tinh này đều là tu sĩ Phật giáo hết, thì việc tổ chức hai dòng tu như vậy là hợp lý.

Dù con người có tu hay không tu, khi mà có người theo tôn giáo tu hành, thì sự tổ chức của tôn giáo phải có chia làm hai dòng tu, thì tôn giáo đó mới bảo đảm cho những người theo tu hành, còn nếu không có tổ chức như vậy thì tôn giáo ấy phát triển không vững vàng, có lúc thịnh, có lúc suy như tôn giáo Phật giáo hiện giờ. Sự tổ chức của Phật giáo hiện giờ thiếu chặt chẽ, phát triển theo anh hùng cá nhân, không phải phát triển theo tập thể. Một tôn giáo tổ chức phát triển theo tập thể có chiều

sâu và có chiều rộng thì thế đứng vững vàng, còn phát triển theo anh hùng cá nhân, khi cá nhân ấy mất đi, hoặc làm một điều gì mất uy tín thì tôn giáo ấy sẽ bị suy vong và sụp đổ.

Cho nên, đứng về mặt tôn giáo, muốn tôn giáo đó hưng thịnh mãi mãi thì phải xây dựng nền kinh tế của tôn giáo đó vững vàng và mỗi tín đồ phải được trang bị học tập và trau dồi đức hạnh. Một nền đạo đức nhân bản – nhân quả sống không làm khổ mình, khổ người, có được như vậy thì tôn giáo ấy mới sống mãi trường tồn với loài người.

Trên thế gian này nếu có một tôn giáo biết tổ chức được như vậy, thì loài người trên hành tinh này sẽ sống trong cảnh Thiên Đàng, Cực Lạc, Niết Bàn thực tế, chứ không phải còn là một giấc mơ mà con người hằng mơ ước từ bao thế kỷ nay.

Đối với con người trên thế gian này nếu tất cả đều biết tu hành theo Phật giáo sống thiện, sống không làm khổ mình, khổ người và khổ tất cả chúng sanh thì phước báu vô lượng vô bờ nên cây cỏ thảo mộc tự ra hoa trái đầy đủ sung mãn nên có lo gì đến sự đi khát thực. Phải không con?



LỤC CĂN HƯ HOẠI

Hỏi: Kính thưa Thầy! Những người bị hư hoại lục căn, nhưng trí tuệ không bị hư hoại có ảnh hưởng gì trong việc tu tập theo Đạo Phật không?

Đáp: Xưa, thời Đức Phật còn tại thế, người đau bệnh cùi, cụt tay, cụt chân, đức Phật vẫn nhận họ làm đệ tử tu hành xuất gia và những vị này đã tu hành chứng quả A La Hán. Thời nay các Tổ biên soạn giới luật, người cụt tay, cụt chân, chột mắt, nói chung là lục căn bị hư hoại thì không được thọ đại giới như những người khác, chỉ có cho thọ giới Sa Di mà thôi.

Đạo Phật là đạo trí tuệ, nếu ai có trí tuệ biết giữ gìn giới luật đức hạnh sống đúng đời sống Phạm hạnh như Phật, biết sửa những sự sai quấy lỗi lầm, biết xấu hổ khi phạm phải giới luật, biết ngăn ngừa các việc làm ác, biết ly dục ly ác pháp, biết xả tâm diệt ngã, thì dù cụt tay, cụt chân, chột mắt, đui mù, mẻ sứt, khuyết tật thì cũng vẫn tu chứng đạo không ảnh hưởng gì trong sự tu tập theo đạo Phật cả.

Đời sau, người ta cho những kẻ thiếu căn là những người phước mỏng không được thọ

Đại Giới của Phật giáo, tức là không được có mặt trong hàng giáo phẩm như: Đại Đức, Thượng Tọa, Hòa Thượng v.v..

Trong thời đức Phật, người ta tu hành chỉ cần chứng đạo xong, thì người ấy được gọi là Trưởng Lão, còn người tu chưa chứng dù có tuổi đạo bao nhiêu cũng không được gọi là Trưởng Lão.

Đạo Phật không có giai cấp trong hàng giáo phẩm, chỉ có một giai cấp tu chứng Tam Minh mà thôi. Từ con người phàm phu, bình thường đến tu chứng gọi là Trưởng Lão.

Đạo Phật ra đời nhằm phá giai cấp của loài người trên hành tinh này, để đem lại sự bình đẳng cho mọi người như nhau không phân biệt nam, nữ. Thế mà bây giờ Đạo Phật lại có giai cấp trong hàng giáo phẩm để lãnh đạo Giáo Hội, chứ không phải tu hành chứng đắc mà chỉ có học thức và tu lâu năm thì lên chức Thượng Tọa, Hòa Thượng, nhưng lại có bà Thượng Tọa và bà Hòa Thượng thật là đau lòng cho Phật giáo ngày nay. Có nhà thơ đã châm biếm tu sĩ Phật giáo “*Tu lâu cũng thành sư cụ*”. Không thành đạo quả mà lại thành sư cụ, thì thật là xấu hổ vô cùng.

Đức Phật đã nhìn thấy thân người do bốn đại hợp thành, nó giòn bở không bền chắc và bất tịnh, uestrực, hôi thối, chỉ tạm bợ sống 100 tuổi là cao. Đức Phật ví thân này như chiếc bè mượn nó để sang sông, dù thân người có chột mắt, cụt tay, cụt chân v.v.. vẫn mượn làm bè sang sông cũng tốt vậy, chỉ sợ người ấy không có trí tuệ thì không tu được, còn có trí tuệ là còn tu được.



SÁU CĂN QUAY VÀO TRONG

Câu hỏi của Chơn Thành

Hỏi: *Kính thưa Thầy! Có lợi ích gì cho người tu tập, khi mắt, tai, mũi, miệng, thân và ý quay vào trong thân?*

- *Mắt nhìn vào thân, mắt sẽ thấy những gì trong thân?*

- *Tai nghe vào thân, tai sẽ nghe những gì trong thân?*

- *Mũi quay vào trong thân, mũi sẽ ngửi những gì trong thân?*

- *Miệng quay vào trong thân, miệng sẽ ném những gì trong thân?*

- *Xúc quay vào trong thân, xúc sẽ cảm nhận những gì trong thân?*

- *Ý quay vào trong thân, ý sẽ biết những gì trong thân?*

Đáp: Khi mắt, tai, mũi, miệng, thân và ý quay vào trong tụ điểm (điểm định) nơi thân của người ấy thì người ấy đã làm chủ sự sống chết, tức là tâm định trên thân, thân định trên tâm, người ấy đã nhập Định Tứ Thiên, đó là một loại Thánh Định, nên hơi thở tịnh chỉ hoàn toàn, các hành nơi thân ngưng hoạt động. Đây là giai đoạn định để thực hiện Tam Minh, một loại định mà trên thế gian này ít có người tu tập thực hiện được. Nó là một kết quả lợi ích rất lớn cho người tu sĩ đã thực hiện được nó. Người thực hiện sáu căn quay vào trong là người đã làm chủ được sự sống chết và chấm dứt luân hồi, đó là một hạnh phúc lớn nhất cho đời người, không có hạnh phúc nào hơn được.

Ở đây, sáu căn quay vào trong, có hai giai đoạn:

1- Sáu căn quay vào trong thân, lúc tâm không phóng dật, tức là tâm ly dục ly ác pháp, nhập Bất Động Tâm Định hay nhập Sơ Thiền, tức là tâm định trên thân.

2- Sáu căn quay vào trong thân, lúc sáu căn ngưng hoạt động, hơi thở tịnh chỉ, nhập Tứ Thiền, tức là Thân định trên tâm, tâm định trên thân.

Nếu sáu căn quay vào trong thân ở giai đoạn một, thì mắt nhìn vào thân, mắt sẽ thấy: Tầm, Tứ, Hỷ, Lạc và Nhất Tâm.

Tai, mũi, miệng, thân và ý quay vào thân, thì nghe, ngửi, nếm, cảm nhận, biết: Tầm, Tứ, Hỷ, Lạc và Nhất Tâm như trên.

Còn ở giai đoạn thứ hai, sáu căn quay vào thân thì sáu căn thấy, nghe, ngửi, nếm, cảm nhận và biết lặng lẽ không tịch.



NẪM THEO KIỂU KIẾT TƯỜNG

Câu hỏi của Chơn Thành

Hỏi: Kính thưa Thầy! Nằm theo kiểu kiết tường giống như Đức Phật có lợi ích gì cho người tu tập? Làm thế nào và tu như thế nào để suốt thời gian ngủ không thay đổi tư thế này?

Đáp: Nằm kiết tường theo kiểu như đức Phật Niết Bàn, có lợi ích rất lớn:

- 1/ Ngủ không mê, thường tỉnh thức
- 2/ Ngủ không mộng
- 3/ Tỉnh thức dễ dàng trong giấc ngủ
- 4/ Ngủ ít, không mệt mỏi, lười biếng
- 5/ Nằm ngủ kín đáo có oai nghi tế hạnh, giống như con sư tử nằm, mà đức Phật thường tán thán ca ngợi cách nằm này.

Ngày xưa Phật không ngủ chỉ nằm kiết tường nghỉ ngơi khoảng 30 phút, rồi dậy đi kinh hành.

Người nằm kiết tường ngủ nhiều không đúng cách. Vì kiểu nằm kiết tường là cách nằm tỉnh thức, chứ không phải nằm ngủ như người

thế gian. Nếu cố gắng tập luyện sẽ nằm suốt được từ 1 giờ đến 2 giờ rất dễ dàng. Ngồi kiết già 2, 3 giờ đồng hồ còn được hưởng là nằm kiết tường 2, 3 tiếng đồng hồ thì không có khó khăn gì.

Khi tập nằm kiết tường đừng lẫn trở nằm theo kiểu khác, chỉ chịu khó tập nằm từ 30 phút lên 1 giờ rồi đến 2 giờ, 3 giờ thì sẽ đạt được như ý muốn.

Nằm kiết tường, tướng nằm rất kín đáo và khoan thai, không có cách nằm nào hơn được. Nằm ngửa, nằm sấp, nằm co đều là những tướng nằm rất xấu, giống như loài thú vật nằm.

Cho nên, tư cách nằm ngủ của con người phải đúng cách của nó, phần nhiều con người nằm ngủ không đúng cách thì chẳng khác nào như con thú nằm ngủ. Đạo Phật chỉ chọn được cách nằm của bậc Thánh Hiền. Nằm kiết tường, mà đức Phật gọi là dáng nằm của con sư tử.

Giả thiết, có một vị Thánh Hiền mà nằm co ngủ như một con chó, thì chúng ta có tin họ là Thánh Hiền không? Cũng như một vị Thánh Tăng mà nằm sấp ngủ như một con bò, thì chúng ta có thể tin họ là Thánh Tăng không?

Bởi, cách thức nằm ngủ rất quan trọng, thấy cách nằm biết được giá trị của con người đó, thuộc về hạng người nào. Vì thế, chúng ta hãy tập cách nằm kiết tường như đức Phật đã chọn và thực hiện suốt cuộc đời của mình trong tư thế nằm ngủ như một con sư tử chúa. Người phàm phu không thể nằm ngủ như con sư tử chúa được.



NHÂN TƯỚNG NỘI NGOẠI CỦA THỌ

Câu hỏi của Chơn Thành

Hỏi: *Kính thưa Thầy thế nào là:*

- 1- Nhân tướng nội của thọ?*
- 2- Nhân tướng ngoại của thọ?*
- 3- Nhân tướng hành của thọ?*

Xin Thầy chỉ dạy cho chúng con được rõ và cách thức áp dụng vào Tứ Niệm Xứ.

Đáp: Nhân tướng nội của thọ là cảm thọ hành bên trong, hay nói cách khác cho dễ hiểu là sự cảm nhận, cảm giác sự hoạt dụng hỷ lạc, khinh an và đau nhức bên trong của thân.

Nhân tướng ngoại của thọ là sự cảm thọ bên ngoài, hay nói một cách khác cho dễ hiểu là sự cảm nhận, cảm giác sự hoạt dụng hỷ lạc khinh an và đau nhức bên ngoài của thân.

Nhân tướng của hành thọ là sự tăng giảm hoạt dụng cảm nhận, cảm giác, khinh an, hỷ lạc, thanh thản, thoái mái, hoặc đau nhức, khó chịu và sự rung động trong nội ngoại của thân.

Muốn áp dụng sự tu tập nhân tướng nội, ngoại, hành của thọ vào Tứ Niệm Xứ bằng Định Vô Lậu như trong kinh Phật đã dạy: ***“Tìm một nơi vắng vẻ, ngồi kiết già lưng thẳng, khởi niệm tư duy: Các hành cảm nhận và cảm giác hỷ lạc, khinh an và đau khổ là vô thường, cái gì vô thường là cái đó có khổ, nó không có thật và nó là vô ngã, nó không phải là ta, không phải của ta, không phải bản ngã của ta. Vì thế, tất cả cảm nhận và cảm giác của hành thọ nội ngoại không phải là một pháp có thật, ta đừng sợ hãi và lo lắng, đừng để tâm dao động trước các hành thọ, ta phải xem nó như một chiếc áo rách bở, một vật không có giá trị, một món đồ vô dụng”***.

Muốn áp dụng pháp hướng tâm trên nhân tướng nội, ngoại, hành của thọ vào Tứ Niệm

Xứ trong ba loại định: Chánh Niệm Tĩnh Giác Định, Định Niệm Hơi Thở và Định Vô Lậu bằng câu pháp hướng tâm như: ***“Các cảm thọ nội ngoại hành hỷ lạc, khinh an, đau khổ, nhức nhối, khó chịu hãy đi! Đi! Rời khỏi nơi đây”***, hoặc: ***“Thọ là vô thường, khổ đau, vô ngã, không thật có, hãy đi! Rời khỏi nơi đây, không được ở đây, đi cho khỏi! Cút cho mất!”*** v.v..



NHIẾP PHỤC VÀ PHÁ THỌ

Câu hỏi của Chơn Thành

Hỏi: *Kính thưa Thầy! Vậy phải tu như thế nào để khắc phục và phá thọ?*

Đáp: Muốn nhiếp phục và phá thọ (xả lạc, xả khổ, xả niệm thanh tịnh) thì phải tịnh chỉ hơi thở, trước khi muốn tịnh chỉ hơi thở thì phải tu tập tâm ly dục ly ác pháp, khi tâm đã ly dục ly ác pháp, thì tâm đã thanh tịnh mới dùng pháp hướng xả lạc, xả khổ, xả niệm thanh tịnh, tức là tịnh chỉ thân hành, nhờ đó sẽ nhiếp phục và phá thọ dễ dàng.

Nói như vậy, nghe thì rất dễ, nhưng phải biết, đó là một công trình tu tập vĩ đại, nếu không biết pháp hành thì khó mà nhiếp phục các thọ.

Một người có tâm tha thiết cầu đạo giải thoát mà không đủ niềm tin ở một vị Thầy có kinh nghiệm, thường có tính ngã mạn xem thường Thầy, không chịu nghe lời dạy bảo, tu hành theo ý của mình thì chẳng đời nào vị Thầy ấy sẽ đem hết kinh nghiệm dạy cho người học trò bướng bỉnh.

Một vị Thầy có kinh nghiệm dạy đạo, không bao giờ dạy bừa bãi, chọn người học trò có đức hạnh, có tình, có nghĩa mới dạy, còn những học trò thiếu đạo đức không tình, không nghĩa thì vị Thầy ấy chỉ dạy những điều tầm thường và không bao giờ đem những bí quyết dạy cho những người đệ tử này. Nếu có dạy cho những người đệ tử vong ân, bội nghĩa này, khi thành tựu họ sẽ hại lại vị Thầy và còn mang đến cho xã hội loài người một tai nạn rất lớn.

Chính vì tâm tham vọng của họ còn đầy đây, nếu họ có thần thông siêu việt thì loài người sẽ điêu đứng, cho nên vị Thầy có kinh nghiệm không bao giờ dạy cho những người đệ

tử thiếu đạo đức, thiếu lòng tôn kính Thầy như Tứ Thánh Định và Tam Minh.

Một vị Thầy có đức hạnh, có những bí quyết siêu việt, thì họ luôn luôn dạy đạo đức cho đám đệ tử trước tiên, nếu người học trò nào có đầy đủ đạo đức thì mới truyền dạy những bí quyết siêu việt, còn bằng không thì chẳng bao giờ hé môi.

Từ khi tu viện Chơn Như tiếp nhận đệ tử hơn cả trăm người nam có, nữ có, thế mà tìm một người có đức hạnh trọn vẹn lại không có, dạy đạo đức thì họ không nghe không thực hành, cứ mãi mê thiền định, trăm người như một. Đời đã thiếu đạo đức mà dạy đạo đức thì họ không học, chỉ đi tìm cái siêu việt của thiền định, nhưng đạo đức không có thì làm sao có được cái siêu việt của thiền định. Tâm con người còn tham vọng quá lớn làm sao theo đạo Phật tu hành cho được. Người ta đâu hiểu rằng đạo Phật ra đời là đem lại một nền đạo đức giải thoát cho con người, chứ không phải đem lại cái siêu việt thiền định cho họ. Vì thế, họ đi tìm cái siêu việt chẳng bao giờ có, khi họ là người không có đạo đức. Nhưng khi con người có đạo đức thì cái siêu việt thiền định của đạo Phật mới có, dù họ không muốn, nó vẫn có. Vì

thế giáo pháp của Phật lấy đức hạnh làm đầu **“Giới luật”**. Giới tức là đức hạnh của đạo Phật, thế mà tu sĩ đạo Phật thời nay xem giới luật quá rẻ, nên đạo đức chẳng ra gì.

Con người thời nay tu hành chỉ đi tìm cái mơ mộng không thiết thực, còn cái tu hành có đạo đức, ích lợi và thiết thực cho đời sống của mình và đời sống của người khác thì họ chẳng thèm tu.

Con người nhờ có tu hành đạo đức nhân quả thì mới có những hành động sống giải thoát, không còn khổ đau nữa, chứ không phải đạt được những thiền định và những thần thông siêu việt hoặc cầu cạnh Thần, Thánh, chư Phật, Chư Bồ Tát để gia hộ cho họ hết khổ, đó là một điều mơ mộng không thiết thực, cụ thể. Cho nên, hiện giờ người tu hành không giải thoát là vì tu không đúng chánh pháp **“Giới, Định, Tuệ”**.



NHÂN TƯỚNG CỦA NỘI TÂM

Câu hỏi của Chơn Thành

Hỏi: *Kính thưa Thầy! Thế nào là nhân tướng nội của tâm? Ngoại của tâm? Hành của tâm?*

Đáp: Nhân tướng nội của tâm là những niệm vi tế. Nhân tướng ngoại của tâm là những niệm thô phù. Hành tướng của tâm là sự đối phó với các pháp trong hiện tại, câu hữu với tướng về quá khứ và vị lai. Nếu trả lời đơn giản như vậy thì các con rất khó hiểu.

Nhân tướng nội của tâm là những niệm vi tế như thế nào?

Bây giờ, chúng ta giải thích từng chữ, nhân tướng nội của tâm là gì? Nhân tướng nội của tâm là những hình tướng của tâm khởi hiện bên trong thân.

Niệm vi tế là gì? Niệm vi tế là những niệm khởi lên trong đầu chúng ta, phản ảnh được tâm trạng của chúng ta trong cuộc sống sinh hoạt hằng ngày, thể hiện trong hai thời gian: quá khứ và vị lai. Mỗi niệm khởi lên mang theo tính chất thiện hoặc ác. Thiên

Đông Độ gọi là niệm thiện niệm ác, kinh sách Đại Thừa gọi là vọng tưởng, kinh sách Nguyên Thủy gọi là nhân tướng nội của tâm, còn có một danh từ nữa gọi là Tầm. Nói cho dễ hiểu đó là những vọng tưởng sanh khởi liên tục trong tâm của chúng ta.

Nhân tướng ngoại của tâm là gì? Là những tướng trạng khởi lên trong đầu chúng ta đang giải quyết một vấn đề gì trong hiện tại. Kinh sách Đại Thừa gọi là vọng tưởng, Thiền Đông Độ gọi là niệm thiện niệm ác, kinh sách Nguyên Thủy gọi là nhân tướng ngoại của tâm hay còn gọi là tác ý hoặc gọi là Tứ.

Hành tướng của tâm là gì?

Hành tướng của tâm có hai sự hoạt động trong thân chúng ta:

1- Là sự tự sanh khởi của tướng thức, không do ý thức tác ý.

2- Là sự tác ý, do ý thức chủ động điều khiển quán xét, tư duy, không do tướng thức xen vào.

Kinh sách Đại Thừa và Thiền Đông Độ, khi tu thiền thì không chấp nhận hai trường hợp trên đây, vì thế họ đi vào sự ức chế tâm để thực hiện các loại định tướng. Ngược lại,

thiền định của kinh sách Nguyên Thủy Phật dạy: ***“Ngăn và diệt niệm ác, sanh khởi và tăng trưởng niệm thiện và còn luyện tập pháp như lý tác ý để trở thành một đạo lực siêu việt làm chủ sự sống chết và chấm dứt luân hồi”.***

Đức Phật đã biết dùng pháp hướng tâm ***“Như lý tác ý”*** rất là tuyệt vời, nhờ pháp đó mà Ngài mới làm chủ bốn sự khổ đau của kiếp con người. Trên thế gian này Ngài là người duy nhất làm chủ bốn sự đau khổ sanh, già, bệnh, chết qua bốn câu kệ của Ngài đã xác minh cụ thể:

“Thiên thượng thiên hạ,

Duy ngã độc tôn.

Nhất thiết thế gian,

Sanh, lão, bệnh, tử”.

Tóm lại, đức Phật đã biết dùng vọng tưởng và tác ý để xả tâm ly dục ly ác pháp, để thành tựu đạo giải thoát, để ra khỏi nhà sanh tử luân hồi, để đầy đủ Tam Minh trở thành người siêu việt và nhất là đức Phật đã trở thành một nhà đạo đức nhân bản không làm khổ mình, khổ người, phi giai cấp.



NGĂN ÁC DIỆT ÁC

Câu hỏi của Chơn Thành

Hỏi: *Kính thưa Thầy! Phải tu như thế nào để phá cái tâm bất thiện và khắc phục được nó?*

Đáp: Đừng để thất niệm thiện trong Định Niệm Hơi Thở và Chánh Niệm Tỉnh Giác là đã phá cái tâm bất thiện, còn nếu muốn khắc phục tâm bất thiện thì nên tu Định Vô Lậu. Nói một cách dễ hiểu hơn, muốn phá cái tâm bất thiện thì phải tu tập Tứ Chánh Cần, ngăn ác pháp, diệt ác pháp, sanh khởi thiện pháp và tăng trưởng thiện pháp. Đó là con đường tu tập thiền định của đạo Phật chân chánh, mà không giống bất cứ một loại thiền định nào của ngoại đạo trên thế gian này.

Con đường tu tập thiền định của đạo Phật không phải ngồi thiền ức chế vọng tưởng, cũng không phải giữ tâm không niệm thiện niệm ác; cũng không phải niệm Phật mà thành định; cũng không phải tham công án, tham thoại đầu mà có định; cũng không phải bắt ấn niệm chú mà thành định. Định là do tâm bất

động trước các pháp, muốn có định tâm bất động trước các pháp thì chỉ có tu **“Tứ Chánh Cần”**, tức là pháp môn ngăn ác diệt ác pháp. Muốn thực hiện Tứ Chánh Cần được trọn vẹn thì phải tu tập **“Tứ Niệm Xứ”**, muốn thực hiện Tứ Niệm Xứ để khắc phục tâm tham ưu ở đời, thì suốt ngày đêm phải thực hiện ba loại định:

- 1- Chánh Niệm Tỉnh Giác Định.
- 2- Định Niệm Hơi Thở.
- 3- Định Vô Lậu.

Ba loại định này sẽ thực hiện cộng chung với đời sống giới luật nghiêm túc và hạnh độc cư thì quý vị sẽ đạt được tâm bất động trước các ác pháp, tức là quý vị nhập “Bất Động Tâm Định”.

Bất động tâm định là một loại thiền định rất cần thiết và lợi ích cho cuộc sống con người trên hành tinh này, nó có một sức tĩnh thức tuyệt vời nhìn thấu suốt lý nhân quả trong các pháp, nên người nào đã thực hiện được, đều có một đạo đức nhân bản không làm khổ mình, khổ người. Nhưng muốn có một đạo đức như vậy thì cần phải trau dồi rèn luyện thân tâm trong giới luật và Tứ Chánh Cần, không phải

trong một giờ, một ngày mà có được, mà phải có thời gian rất dài.

Tóm lại, Bất động tâm định là một pháp môn thiền định, kết quả của sự ngăn ác và diệt ác pháp rất tuyệt vời mà không có một pháp môn nào hơn được. Đó chính là mục đích của đạo Phật, là mục tiêu mà người tu sĩ đạo Phật cần phải nhắm đến.



NHÂN TƯỚNG

Câu hỏi của Chơn Thành

Hỏi: *Kính thưa Thầy! Thế nào là nhân tướng nội, nhân tướng ngoại và hành tướng của các pháp?*

Phải tu như thế nào để khắc phục và phá các pháp bất thiện?

Đáp: Nhân tướng nội của các pháp là hình trạng và tính chất bên trong của các pháp. Trả lời như vậy khiến cho quý vị khó hiểu. Vậy nhân tướng là gì? Nội là gì? Ngoại là gì? Và các Pháp là gì?

Nhân tướng là hình tướng của nó, ví dụ: Cây có hình tướng của cây, cỏ có hình tướng của cỏ. Hình tướng của cây không thể nào giống hình tướng cỏ; hình tướng của cái nhà không thể nào giống hình tướng của cái bàn được.

Nội là bên trong; ngoại là bên ngoài. Ví dụ: Bên trong của một thân cây là giác và lõi; bên ngoài của thân cây là vỏ.

Các pháp nghĩa là tất cả vạn hữu trên thế gian này có hình tướng hoặc không hình tướng, nói cho dễ hiểu là vạn vật trong thế gian. Ví dụ: thân ta là một pháp, cái nhà là một pháp, bàn, ghế, tủ, giường, cây, cỏ, rừng, núi, sông, rạch v.v.. mỗi thứ là một pháp.

Mỗi pháp đều có hình tướng và tính chất riêng của nó. Ví dụ: cây có hình trụ thẳng đứng, cao, tính chất của nó cứng. Cỏ có hình tướng thấp, ngã nghiêng, tính chất nó mềm yếu v.v...

Nhân tướng nội của bên trong thân là: tim, gan, phèo, phổi, mật, lá lách v.v..

Nhân tướng ngoại của thân là: da, lông, tóc, móng tay, móng chân v.v..

Hành tướng của các pháp là sự rung động của các pháp.

Muốn khắc phục và phá các pháp bất thiện thì phải tu tập tâm bất động trước các pháp như Thầy đã dạy ở trên.

Tuy nhiên, Thầy đã dạy quý Thầy rất nhiều về pháp môn ngăn ác và diệt ác rất đầy đủ, nếu quý Thầy chỉ cần hiểu rõ sự ích lợi của nó thì các ác pháp không xâm chiếm vào tâm của quý vị được, ngay đó quý vị có một đời sống giải thoát hoàn toàn, đầy đủ hạnh phúc, an vui mà không tìm nơi đâu có được.

Nếu quý Thầy biết rằng, thiện định mà có được là do tâm bất động, chứ không phải do có thiện định rồi tâm mới bất động sau. Tâm bất động là nhờ giới luật chứ không phải nhờ thiện định.

Bởi, nhìn sự tu hành của quý Thầy mà biết được sự tu sai hay tu đúng, có kết quả hay không có kết quả, có giải thoát hay không có giải thoát. Chỉ vì pháp môn tu hành của Phật dạy rất rõ, phải tu tập đạo đức trước tiên, nhờ có đạo đức, thiện định mới không lầm lạc vào tà thiện, tà định.

Người tu thiên định, sống không đúng giới luật, không có đạo đức là người tu tà thiên, tà định, chẳng bao giờ có kết quả giải thoát, họ chỉ là những vị Thầy lừa đảo tín đồ bằng miệng lưỡi.



ĐẶC TƯỚNG

Câu hỏi của Chơn Thành

Hỏi: *Kính thưa Thầy! Thế nào là đặc tướng của thân, thọ, tâm, pháp? và pháp tu chứng như thế nào đối với thân, thọ, tâm, pháp?*

Đáp: Đặc tướng là tướng riêng biệt của thân, thọ, tâm, pháp của mọi người.

Người tu theo đạo Phật phải tùy theo đặc tướng của mình, thì sự tu tập mới có kết quả nhanh chóng, không theo đặc tướng của mình tu tập thì kết quả khó thành tựu.

Đặc tướng còn gọi là khả năng riêng biệt của mọi người, không phải trời phú cho, mà do họ khéo huân tập trong nhiều kiếp.

Ví dụ: Một người nghe đức Phật thuyết pháp xong thì chứng quả Tu Đà Hoàn, có đầy đủ pháp nhãn, nhưng lại có người cũng nghe thuyết pháp xong mà tật nào vẫn còn tật nấy, không bỏ được.

Cuộc đời hành đạo của Thầy, Thầy đã đem chánh pháp của Phật ra nói khan cả cổ, chỉ có một pháp duy nhất là nhìn cuộc sống bằng đôi mắt nhân quả để tâm ly dục ly ác pháp là đem lại sự giải thoát cho mình cho người. Một cuộc sống hạnh phúc vô cùng vô tận, thế mà mọi người ai cũng nghe và cũng thấy biết rõ ràng như vậy, nhưng bỏ ác pháp và ly dục thì chẳng ai bỏ được, cứ mãi ôm ấp trong lòng để mà khổ, mà đau, mà phiền não, mà tức giận v.v.. Nhiều khi Thầy tự đặt câu hỏi: *“Tại sao vậy? Tại sao vậy???”*.

Đây cũng là đặc tướng của mỗi con người chúng ta biết làm sao hơn! Khi tu hành Thầy chỉ nhận ra ý này của Phật mà buông xả xuống hết chỉ trong vòng sáu tháng là thành tựu Tứ Thánh Định và Tam Minh một cách cụ thể và rõ ràng, thế mà chẳng ai tin.

Nếu một người không thành tựu được như vậy thì đời sống giới luật không bao giờ

nghiêm túc và không bao giờ bất động tâm trước các pháp.

Người ta đánh giá trị của một tu sĩ ở đức hạnh, chứ không phải đánh giá trị ở thần thông và thiên định. Đức hạnh sanh thiên định và thần thông, chứ thiên định và thần thông không sanh đức hạnh, nói cách khác cho đúng như lời đức Phật đã dạy: **“Giới sanh Định, Định sanh Tuệ”**, chứ đâu có Tuệ sanh Định, Định sanh Giới.

Đặc tướng tốt hay xấu đều do nhân quả huân tập nhiều đời nhiều kiếp mà thành, chứ không phải huân tập trong một sớm một chiều mà có được. Cho nên, người có tài ba lỗi lạc là do sự huân tập nhiều đời nhiều kiếp, cũng như người tu nhanh chậm. Nếu chúng ta nói rằng mình tu chậm thì bỏ cuộc tu, tức là không huân tu nữa thì như vậy đặc tướng của chúng ta sẽ xấu và cuộc đời sẽ trôi lăn trong sáu nẻo luân hồi chịu khổ đau mãi mãi. Người ta tu nhanh là nhờ người ta tu nhiều kiếp rồi, còn mình tu chậm là do mình mới tu trong kiếp này mà thôi. Chính đó là đặc tướng của mỗi người. Vì thế càng tu chậm lại càng tu tập nhiều hơn; càng tu chậm lại càng tu tập kỹ hơn.



THỌ HÀNH

Câu hỏi của Chơn Thành

Hỏi: *Kính thưa Thầy! Trong quá trình tu tập bị thọ hành quá nhiều thì dùng pháp gì để đoạn diệt nó? Có ai trong quá trình tu tập mà không bị thọ hành không?*

Đáp: Gặp thọ hành phải giữ độc cư trọn vẹn, phải gan dạ đừng sợ hãi, phải đầy đủ nghị lực dũng cảm và dùng pháp hướng tâm để đẩy lui các cảm thọ đó, trong quá trình tu tập mọi người ai cũng gặp thọ hành nhưng tùy nghiệp nặng nhẹ mà thôi.

Thọ hành do tu tập sai mà thành bệnh, vì thế khi bị thọ hành thì chúng ta phải quán xét lại sự tu tập của mình xem coi tu sai chỗ nào, để rồi chỉnh lại.

Quý Thầy nên lưu ý, khi đức Phật đã dạy tu hành thì Ngài đã nhắc nhở chúng ta: ***“Pháp của ta, đến để mà thấy, không có thời gian”***. Do lời dạy này khi tu tập bị thọ hành là chúng ta biết đã tu sai, phải mau mau sửa lại. Khi tu tập cảm giác thấy toàn thân thoải mái dễ chịu, cảm giác toàn tâm an lạc, thanh

thản, vô sự thì đó là tu đúng còn ngược lại là tu sai.

Pháp Phật tu hành rất dễ nhận xét sai đúng, như pháp xả tâm, Tứ Chánh Cần ly dục ly ác pháp, khi tiếp duyên ra gặp đối tượng mà tâm sanh sân hận, tức giận, phiền não, dữ tợn thì đó là ức chế tâm không phải xả tâm, nếu có sự giảm bớt sân hận trong lòng là có ức chế và có xả tâm, nếu hoàn toàn gặp đối tượng mà tâm vẫn thản nhiên, thanh thản, an lạc, không có một chút phiền não nào thì đó là xả tâm sạch.

Người xả tâm sạch ác pháp là người giải thoát; là người đi trong đạo lộ của Phật; là người có chánh định, tâm hồn đang ở trong thiền thứ nhất; là người sẽ có đầy đủ Tam Minh, Lục Thông; là người đã làm chủ sanh tử luân hồi, chấm dứt sự tái sanh, làm chủ hoàn toàn cuộc sống. Đó là làm một cuộc cách mạng đòi lại quyền làm chủ sự sống chết của kiếp con người.



MỤC LIÊN THANH ĐỀ

Câu hỏi của một cư sĩ miền Bắc

Hỏi: *Kính thưa Thầy! Câu chuyện Mục Liên, Thanh Đề có phải là sự báo hiếu của Đạo Phật hay không? Báo hiếu như vậy có đúng hay không? Xin Thầy chỉ dạy cho chúng con được rõ.*

Đáp: Kinh Vu Lan Bồn là kinh sách phát triển của Đại Thừa, xây dựng đạo lý của mình trên hình thức cứu độ, kinh khéo léo dùng tập thể cứu độ để đánh lừa người khác, mạo nhận là Phật dạy để không ai truy tìm sự lừa đảo này được.

Như chúng ta đã biết, đức Phật đã từng dạy chúng ta: **“Các con tự thấp đức lên mà đi”**. Giáo pháp của Ngài được xây dựng trên nền tảng **“Đạo đức nhân quả”**, thì không có lý nào đức Phật lại dạy một điều phi đạo đức, phi nhân quả như vậy sao?

Chúng ta phải xem xét lại coi những loại kinh sách phát triển này, chứ đừng vội tin.

Đạo đức nhân quả là một thứ đạo đức được xây dựng trên sự công bằng, công lý và

bình đẳng với một trí tuệ vô hạn, thấu suốt được mỗi hành động của con người làm thiện hay làm ác.

Vì xây dựng tôn giáo của mình trên một nền đạo đức công lý, công bằng và bình đẳng cho mọi người như vậy, nên trên đầu Ngài chẳng có ai là Thầy của mình, chẳng có ai cứu độ cho mình được, chỉ có sức tự lực và trí tuệ của mình mới cứu mình thoát ra cảnh đau khổ của kiếp làm người đang bị luân lưu trong vòng nhân quả luân hồi.

Ngài đã tự cứu mình bằng những giáo pháp mà Ngài tự tìm ra được. Giáo pháp đó là một thứ giáo pháp rất thực tế và cụ thể, mà mỗi pháp môn đều có cách thức tu tập trực tiếp đối trị lại từng tâm niệm ác và sự đau khổ của con người trong cuộc sống để vượt thoát ra khỏi.

Một giáo pháp không có hình ảnh, lý và sự mơ hồ, trừu tượng, không có sự cầu khẩn, van xin, cứu độ; không có sự cúng bái, tụng, niệm và chú thuật v.v..

Một giáo pháp không có thế giới siêu hình, không có linh hồn người chết. Không có đấng Ngọc Hoàng Thượng Đế, không có đấng

Tạo Hóa, không có thần linh và cũng không có ma, quỷ v.v..

Một giáo pháp chỉ dạy cho chúng ta, những gì cần dứt bỏ thì phải dứt bỏ, những gì cần tu tập thì phải tu tập, những gì cần trau dồi thì phải trau dồi và những gì cần thông hiểu thì phải thông hiểu.

Người nghiên cứu và có thực hành giáo pháp của đức Phật thì không thể nào bị người khác lừa đảo bằng những pháp tà giáo, ngoại đạo. Chỉ có những người chưa từng nghe đến giáo pháp của đức Phật thì dễ bị kẻ khác mạo nhận pháp môn tà giáo là của Phật.

Vì giáo pháp của đạo Phật không có một giáo pháp nào của ngoại đạo tương đồng được. Giáo pháp của Ngài là giáo pháp “*xả, ly*”, với một pháp hướng tâm “*Như lý tác ý*” tuyệt vời, với mục đích khiến cho tâm con người bất động trước các pháp và các cảm thọ.

Giáo pháp của Ngài chỉ có tự lực cứu mình, còn giáo pháp của ngoại đạo thì nhờ đến tha lực cứu mình. Do thế, ta nhận ra giáo pháp của Phật một cách rất dễ dàng không có khó khăn, vì một bên là tự lực và một bên là tha lực.

Vì thế, câu chuyện Mục Kiền Liên và Bà Thanh Đề, ta thấy rõ đó là giáo pháp của Ngoại đạo đang lồng trong giáo pháp của đạo Phật, mượn danh đức Phật để lừa gạt tín đồ Phật giáo theo đạo của mình mà không nghi ngờ. Đó là cái khéo léo của Đại Thừa Giáo và Thiền Đông Độ.

Kinh sách Đại Thừa, người ta đọc rất hấp dẫn do sự diễn đạt qua hình thức cấu kết giống như tiểu thuyết và giàu sức tưởng tượng theo kiểu thiền Đông Độ.

Mục Liên đi theo Phật tu hành chứng quả giải thoát đắc Lục thông. Mẹ là Thanh Đề, trước kia sùng kính Phật pháp, cúng dường trai Tăng tứ sự đầy đủ, sau khi Mục Liên bỏ nhà đi tu, bà tức giận làm bánh nhân thịt chó để thử thách chúng Tăng, nên bị tội đọa địa ngục ngạ quỷ.

Mục Liên chứng đắc thần thông dùng thiên nhãn thấy mẹ mình đang đọa địa ngục ngạ quỷ, đói khát vô tận. Thương mẹ Ngài dùng thần thông xuống địa ngục thăm và mang theo một bát cơm cho mẹ. Thanh Đề đang đói khát thấy cơm bà đón nhận và bốc ăn liền, nhưng không thể ăn được, vì cơm đã cháy thành than.

Mục Liên thấy mẹ thọ lãnh quả khổ đói khát như vậy, muốn ăn mà ăn chẳng được, chẳng biết làm cách nào cứu mẹ được, nên Ngài trở về bạch với đức Phật và mong nhờ đức Phật chỉ giáo cứu mẹ mình.

Đức Phật bày vẽ: ***“Trong mùa an cư kiết hạ, chúng Tăng đang tu học thân, tâm thanh tịnh, ngày rằm tháng bảy là ngày giải hạ, nên cung thỉnh chư Tăng cúng dường trai phạn tứ sự, nhờ ơn công đức tu hành của các Ngài hợp lại thành một sức mạnh to lớn, với công đức này có thể mới cứu mẹ Ngài thoát cảnh địa ngục”***.

Mục Liên vâng lệnh Phật làm y như lời dạy, mẹ Ngài thoát cảnh địa ngục.

Qua sự tích này đã biến ngày rằm tháng bảy trở thành một phong tục trong dân gian, ngày báo hiếu, ngày xá tội vong nhân v.v..

Câu chuyện Mục Liên Thanh Đề là một câu chuyện phi đạo đức trong Phật giáo Đại Thừa. Một câu chuyện được dựng lên trong thời đại phong kiến, lúc vua quan chuyên ăn lo hối lộ, mua quan bán chức, làm những điều bất công, không công bằng, công lý.

Đạo Phật Nguyên Thủy chủ trương tự độ không cầu tha lực độ mình. Cầu tha lực độ mình là giáo pháp của ngoại đạo, là của Phật giáo phát triển Đại Thừa như trên chúng tôi đã nói. Đó là một thứ giáo pháp phi đạo đức, phi nhân quả, không công bằng và công lý.

Đọc chuyện Mục Liên Thanh Đề chúng ta thấy đạo Phật tổ chức giống như chế độ phong kiến không khác chút nào. Ăn lo hối lộ với những danh từ rất cao thượng: **“Độ chúng sanh”**.

Cha mẹ làm tội ác bị nhà vua bắt giam cầm, tù tội, con thi cử làm quan, không cứu cha mẹ được vì tội quá nặng, nên phải nhờ những vị quan lớn khác bằng cách phải lo lót hối lộ, (Trai tăng cúng dường tứ sự). Nhờ có lo lót như vậy, bà Thanh Đề mới thoát cảnh tù tội A Tỳ Địa Ngục.

Đối với một tôn giáo lớn như Phật giáo Đại Thừa mà còn có hình thức ăn lo, hối lộ như vậy thì trên đời này còn có nghĩa lý gì là đạo đức công bằng và công lý; còn có nghĩa lý gì gọi là đạo đức nhân quả không làm khổ mình, khổ người; còn có nghĩa lý gì là mang danh là tôn giáo khi dạy tín đồ làm điều phi đạo đức như vậy.

Nếu trên thế gian này không có một đạo luật nhân quả thì loài người đừng nói đến hai chữ công bằng và công lý. Vì không bao giờ có công bằng và công lý khi mà không có luật nhân quả. Không có một đấng Vạn Năng hay một đấng Tạo Hóa hoặc một Đức Chúa Trời hoặc một Ngọc Hoàng Thượng Đế nào cầm cán cân công bằng và công lý cho loài người này được, chỉ có luật nhân quả mới giữ vai trò công bằng và công lý này mà thôi. Vì nhân quả là do hành động của mọi người tự làm tội hay vô tội đều chính nơi họ, cho nên luật nhân quả chính là con người tạo ra, để xử phạt hay ban thưởng chính lại họ, chứ không có một kẻ thứ hai nào khác thưởng phạt. Vì thế, nó rất công bằng và công lý, không ai lo lót và hối lộ nó được. Kẻ nào làm ác thì phải thọ lấy quả khổ, kẻ nào làm thiện thì hưởng được phước báo.

Sau khi tu hành chứng đạo, đức Phật dẫn tâm đến Lưu Tận Minh, Ngài đã thấy luật nhân quả rất rõ ràng, công bằng và công lý vô cùng, cũng vì luật nhân quả có công bằng công lý như vậy, nên con người phải chịu trôi lăn trong sáu nẻo luân hồi thọ biết bao nhiêu sự đau khổ từ kiếp này đến kiếp khác, đều do chính hành động nhân quả của họ.

Ở trên đời người ta có tiền, có thế lực, thì người ta có thể mua được tội lỗi, nhưng với luật nhân quả thì không thể mua tội được. Trải qua một thời gian dài từ chế độ bộ lạc mãi nô đến chế độ phong kiến đã chứng minh điều này **“Đa kim ngân Phá luật lệ”**. Và mãi sau này dù cho bất cứ một chế độ nào thì sự công bằng và công lý sẽ chẳng thực thi được trọn vẹn.

Dưới chế độ phong kiến, con cháu của vua quan có làm tội giết người, cướp của vẫn ung dung phe phẩy tự do mà không ai làm tội làm tình được, pháp luật đối với những hạng người này như bắt cóc bỏ dĩa.

Cho nên, Đại Thừa Giáo là một tôn giáo bị **“thế tục phong kiến hóa”** với sự lý luận vụng về để lộ chơn tướng thế tục: **“Khi chư Tăng chấp nhận thọ dụng trai Tăng và tứ sự cúng dường thì hợp lại công đức tu hành của mình thành một công đức vô lượng, công đức đó sáng chói như ngọn đuốc trí tuệ khiến cho tâm bà Thanh Đề giác ngộ nên bà mới thoát khỏi địa ngục”**. Đó là hình thức ăn lo tập thể của chế độ phong kiến mà Phật giáo Đại Thừa đã bị đồng hóa.

Đó là cách lý giải không chân thật của các nhà Đại Thừa khéo che đậy lừa đảo những

tín đồ mê tín, vô minh, chứ không thể nào che đậy với những người đệ tử của Phật đã được trang bị đạo đức nhân quả. Vì giáo pháp của đức Phật dạy rõ ràng, cụ thể, người tu sĩ phải lấy đức hạnh (giới luật) làm đầu. Chỉ có đạo đức nhân quả thì mới có công bằng, công lý và từ bi đối với mọi người mọi loài chúng sanh. Và vì thế, không thể nào có sự gian xảo lừa đảo dối trá theo kiểu dạy của kinh sách Đại Thừa như trên.

Bài kinh Vu Lan Bồn chỉ gạt những người chưa hiểu giáo lý chân chánh và đạo đức nhân bản – nhân quả của đạo Phật. Bài kinh Vu Lan hôm nay đã trở thành một sự lừa đảo có sách vở và đã trở thành một truyền thống báo hiếu vô đạo đức trong lòng tín đồ Phật Giáo Việt Nam hơn cả nghìn năm mà không ai phát giác ra được.

Mùa Vu Lan! Mùa báo hiếu! Những danh từ này đã lặp đi lặp lại trong lòng người Phật tử hiếu hạnh Việt Nam, nhưng mấy ai đã biết sự hiếu hạnh này là phi hiếu hạnh, là sự bị lừa đảo. Hằng năm người Phật tử đã tốn biết bao nhiêu tiền của trong mùa Vu Lan! Mùa Báo hiếu! Một việc làm chẳng ích lợi gì cho những người thân thương quá cố của mình, chỉ có làm lợi ích cho các nhà sư Đại Thừa mà thôi.

Nếu mọi người ai cũng đều thông hiểu đạo đức nhân quả của đạo Phật thì những kinh sách phi đạo đức của Đại Thừa không thể lường gạt họ được như: Vu Lan Bồn kinh, Phẩm Phổ Môn trong bộ Diệu Pháp Liên Hoa kinh, Di Đà kinh, Bát Dương kinh, Thủ Lăng Nghiêm kinh, Duy Ma Cật kinh vv... Đó là những loại kinh sách phi đạo đức, phi chân thật, phi Phật pháp, nó không triển khai tri kiến giải thoát và tri kiến đạo đức nhân quả, nó khiến cho trí tuệ con người u mê, vô minh, đen tối, liệt tuệ thường sống với sự hiểu biết mơ hồ, trừu tượng, mê tín của thế giới siêu hình tưởng, nó dạy người làm những việc thiếu đạo đức và thiếu chân thật, thường cúng tế, cầu cạnh, van xin, gia hộ, hộ trì v.v...

Với lòng đại từ, đại bi của chư Phật và chúng Thánh Tăng, theo như trong kinh Vu Lan Bồn đã dạy ông Mục Kiền Liên cứu mẹ. Giả thuyết, nếu làm được như vậy thì tất cả chúng Tăng và đức Phật tập trung công đức tu hành giải thoát của mình lại thành một công đức vô lượng vô biên như một ngọn đuốc khổng lồ cháy sáng rực, và hướng đến chúng sanh, khiến cho chúng sanh ngộ được đạo lý giải thoát để mọi người ly dục ly ác pháp thoát ra cảnh địa ngục tại tâm, thì đâu cần gì chúng

sanh phải tu hành vất vả khổ nhọc, mà cũng vẫn được giải thoát như thường, cũng giống như chư Tăng hợp công đức tu hành của mình lại thành một trí tuệ lớn, khiến cho tâm bà Thanh Đề ngộ được đạo lý giải thoát, liền thoát ra cảnh địa ngục A Tỳ. Nếu chư Phật và chư Thánh Tăng làm được những điều này thì thế gian lại có thêm một tôn giáo phi đạo đức, thì chúng tôi là những Phật tử chân chánh sẽ không chấp nhận điều này.

Nếu chư Thánh Tăng trong thời đức Phật đã cứu độ cho bà Thanh Đề thoát cảnh địa ngục như vậy thì với tâm đại từ đại bi của Phật và chư Thánh Tăng không lẽ không làm điều này để độ chúng sanh thoát khổ sao? Có lý đâu vì một cá nhân nhỏ mọn như bà Thanh Đề mà chư Tăng còn độ được thay hướng là với tất cả chúng sanh trên hành tinh này đang đau khổ mà Phật và chư Thánh Tăng đều biết rõ, mà làm ngơ sao? Hay phải đợi cúng dường tứ sự? Có cúng dường tứ sự mới cứu độ thì còn gì là Phật, là Thánh Tăng nữa, phải không các bạn?

Bởi vậy, kinh điển Đại Thừa diễn đạt giáo lý phi đạo đức một cách cụ thể rõ ràng, thế mà mọi người vì quá vô minh, u tối không thấy, nên bị lừa đảo, bị lường gạt một cách đau đớn.

Công đức tu hành của Phật vô lượng vô biên mà Ngài còn từ chối không cứu độ ai hết, Ngài chỉ là một hướng đạo viên mà thôi. Ngài đã rõ thấu đạo lý nhân quả tường tận, mà không ai hiểu đạo lý nhân quả hơn Ngài. Do hiểu đạo lý nhân quả tường tận, dù biết rằng mình có đủ thần lực, có vô lượng vô biên công đức, nhưng Ngài vẫn từ chối không cứu độ ai hết, vì cứu độ là một việc làm phi đạo đức, nên Ngài dạy: ***“Các con hãy tự thấp đức lên mà đi, Ta chỉ là một người chỉ đường mà thôi”***.

Theo đạo lý nhân quả, ai làm ác thì phải chịu nhận lấy quả khổ, không ai cứu khổ cho kẻ làm ác được, chỉ có các nhà Đại Thừa mới có một đức Bồ Tát Quan Thế Âm dám làm điều phi đạo đức này (phẩm Phổ Môn kinh Pháp Hoa) rồi đến chư Thánh Tăng và đức Phật trong kinh Vu Lan Bồn mới dám cả gan làm điều phi đạo đức, phi giáo lý của Phật để cứu bà Thanh Đề thoát cảnh địa ngục, bằng cách ăn lo tứ sự cúng dường.

Xưa, thời đức Phật còn tại thế, Ngài còn phải xin ăn để gieo duyên độ chúng sanh, nhờ có gieo duyên nhân quả thiện như vậy, Ngài mới đủ duyên để thuyết giáo pháp của mình, khiến cho chúng sanh ngộ được chân lý giải

thoát rồi mới lần lần tu tập dứt bỏ và xả ly, mới thoát cảnh địa ngục trần gian đầy đau khổ của kiếp làm người.

Các nhà Đại Thừa xây dựng sự cứu độ một cách vô lý, thiếu công bằng và công lý, thế mà mọi người vẫn tin theo, làm theo với sự thiếu suy nghĩ. Dem công đức tu hành giải thoát của mình, hợp lại làm một ngọn đèn sáng, khiến cho người đang mê gặp ngọn đèn này, trí tuệ bừng sáng, thoát cảnh địa ngục (nếu được như vậy thì đâu cần gì phải tu). Đó là một thứ vọng ngữ của các nhà Đại Thừa, để lừa đảo những người tín đồ thiếu trí tuệ và cũng khiến cho những người có trí tuệ, hiểu biết nghi ngờ Phật giáo và xem thường đạo Phật, cho rằng Phật giáo là một tôn giáo mê tín, một tôn giáo không có đạo đức.

Nếu thật sự những loại kinh sách này là của Phật giáo thì Phật giáo không còn đất đứng trên hành tinh này nữa, một khi thời đại dân trí càng đi lên và khoa học càng tiến bộ, thì người ta càng rõ sự gian xảo này. Trên hành tinh này duy chỉ cần phải có một đạo đức nhân quả và đạo đức ấy phải được phát triển đúng mức để quân bình vật chất và tinh thần của con người được cân bằng, thì xã hội loài người mới có sự an vui, hạnh phúc. Do thế, các

tôn giáo nào thiếu đạo đức, gây mê tín, tạo thế giới siêu hình trừu tượng, viển vông, dạy những điều phi đạo đức, thường lừa đảo tín đồ, thì phải bị khoa học chỉ mặt vạch tên và sẽ bị nhân loại đào thải khỏi cuộc sống của họ.

Bởi vậy, câu chuyện Mục Liên Thanh Đề là câu chuyện phi đạo đức, phi công lý, phi công bằng, phản lại đạo đức nhân quả của Phật giáo. Sự báo hiếu của đạo Phật như trong kinh sách Đại Thừa là không phải của đạo Phật, kinh sách này đã bị dân gian thế tục hóa Phật giáo theo thời đại phong kiến của nó.

Người tu sĩ đạo Phật muốn báo hiếu cha mẹ thì phải tu hành, sống đúng giới hạnh, không hề vi phạm một lỗi nhỏ, sống thiếu dục tri túc, ăn ngủ độc cư đúng cách, đầy đủ oai nghi chánh hạnh, tâm thường thanh thản, an lạc, ly dục ly ác pháp và nhập sâu Bốn Thánh Định thực hiện Tam Minh, làm chủ sự sống chết và luân hồi, thì mới báo hiếu trọn vẹn. Còn người tín đồ muốn báo hiếu thì phải giữ gìn năm giới nghiêm túc, thường khuyên cha mẹ giữ gìn làm điều thiện, đừng làm điều ác. Đó là sự báo hiếu chơn thật của Phật giáo

Thực hiện được những điều này qua đời sống gương hạnh cao quý, khiến cho cha mẹ

nhiều đời nhiều kiếp vì có nhân duyên nhân quả nên quy tụ gặp lại nhau để nhận lấy gương hạnh đạo đức giải thoát và giáo pháp của Phật hướng dẫn cho những người thân thương của mình từ vô lượng kiếp để thoát ra cảnh đời đầy đau khổ. Đó là báo hiếu cha mẹ, chớ không phải làm lễ trai Tăng cúng dường tứ sự để nhờ công đức của chư Tăng cứu độ cha mẹ là báo hiếu.

Báo hiếu kiểu đó là báo hiếu không thực tế, thua xa các nhà Nho giáo Đạo Khổng **“Quạt nồng ấm lạnh”** không làm cho cha mẹ buồn rầu, thường làm vui lòng cha mẹ.

Sống chửi cha, mắng mẹ, làm cho cha mẹ buồn khổ, đến khi chết rước chư Tăng cúng dường Tam Bảo để báo hiếu, thì thật là buồn cười, bày đặt chuyện báo hiếu như vậy không đạo nghĩa và thực tế, đó là lối lường gạt người **“tiền mất tật mang”**, chẳng làm ích lợi gì cho ai cả?



TỆ NẠN MÊ TÍN

Câu hỏi của phật tử Luân

Hỏi: *Kính thưa Thầy! Ở nước ta (VN)*

hiện nay tệ nạn mê tín, dị đoan như cầu siêu, cầu an, xin xăm, bói quẻ, xem ngày giờ tốt xấu, cúng sao, giải hạn, lên đồng, nhập xác... đang là hiểm họa, tệ nạn xã hội là một gánh nặng của con người. Kính thưa Thầy, để đẩy lùi những tệ nạn này ra khỏi loài người và làm cho cuộc sống tốt đẹp hơn, chúng con cần phải làm những gì?

Đáp: Muốn đẩy lùi tệ nạn mê tín dị đoan thì người cư sĩ đệ tử của đức Phật phải sáng suốt nhận định và thông suốt những gì mà đức Phật đã dạy, đừng quá vội tin vào những người khác, hãy nghe nói Phật thuyết là bất cứ cái gì cũng vội vàng tin ngay liền, tin như vậy là tin mù quáng dễ bị kẻ khác lừa đảo, đó là một bằng chứng thật sự hiện giờ các tệ nạn mê tín xảy ra chung quanh trong các ngôi chùa là do Phật tử quá tin theo các Thầy Tổ của mình, Thầy Tổ của mình đang chịu ảnh hưởng của tà giáo ngoại đạo đã biến trở thành những người đang dối trá, mượn sắc áo của Phật giáo để

kinh doanh tôn giáo làm giàu trên mồ hôi nước mắt của tín đồ.

Bởi vậy, người tín đồ Phật giáo phải tin vào đạo đức nhân quả làm người, không làm khổ mình, khổ người, là một điều lợi ích rất lớn, hãy dẹp bỏ lòng tham vọng, ích kỷ nhỏ mọn của mình, những mơ ước thiếu thực tế, hãy tự lực sống đúng đạo đức nhân quả là đã thấy hạnh phúc ngay liền, dẹp bỏ những sự cầu cạnh tha lực nương tựa vào thần quyền, đó là những hy vọng mơ tưởng hão huyền, đừng tin và làm theo những điều phi đạo đức nhân quả mà trong thế giới siêu hình tưởng thường bày vẽ ra thì tệ nạn mê tín trong xã hội sẽ được đẩy lùi ngay tức khắc.

Giáo lý của đạo Phật có những tiêu chuẩn đã được xác định:

- 1- Đạo đức nhân bản.
- 2- Không có thế giới siêu hình.
- 3- Người chết năm uẩn tan hoại tất cả chỉ còn lại nghiệp lực thiện ác (nhân quả) tiếp tục tái sanh.
- 4- Pháp môn tu tập của đạo Phật duy nhất chỉ có GIỚI, ĐỊNH, TUỆ.

5- Ngoài giới, định, tuệ thì không phải giáo pháp của đức Phật nữa.

6- Giới định tuệ là chỉ cho một tâm duy nhất của ba trạng thái kết hợp tạo thành một nguồn sống giải thoát chứ không phải ba pháp.

7- Giới là đạo đức nhân bản - nhân quả.

8- Định là tĩnh giác.

9- Tuệ là sự hiểu biết.

Ba vấn đề này gom chung vào một tâm, nếu tâm có hiểu biết tĩnh giác trong đạo đức nhân bản - nhân quả thì tâm liền có giải thoát.

Đó là một vấn đề (giới, định, tuệ) duy nhất của đạo Phật giúp cho con người vượt qua khổ đau của kiếp làm người, ngoài vấn đề này thì không có giáo pháp nào của đức Phật dạy cầu tha lực cả. Nếu có giáo pháp cầu tha lực là giáo pháp của ngoại đạo, đó là một sự xác định nghiêm túc của đạo Phật.

Đạo Phật cấm kỵ nhất là thần thông và thế giới siêu hình, thần thông đạo Phật cho là huyền hóa, thế giới siêu hình đạo Phật cho là thế giới ảo tưởng.

Thần thông và thế giới siêu hình là hai phương tiện dùng để lừa đảo gây sự mê tín dị

đoan trong lòng người, khiến cho người ta đi vào tội lỗi. Bởi vậy những người hiểu biết cần phải triệt tiêu và quét sạch nó trên hành tinh này.

Người ta gán cho đạo Phật có nhiều pháp môn từ thấp đến cao để tùy theo căn cơ của mỗi chúng sanh mà tu tập, đó là lối biện luận lừa đảo những người mạo danh Phật giáo.

Ngoài Bát Chánh Đạo để thực hiện giới, định, tuệ thì không còn pháp môn nào được gọi là của đạo Phật nữa, đừng đem những tà pháp mê tín dị đoan mà gán cho đạo Phật, đó là một việc làm tội lỗi đối với con người trên hành tinh này.

Khi quý vị đã rõ thấu giáo pháp của đức Phật là giới, định, tuệ thì bất cứ một ngôi chùa nào mà dạy khác pháp môn giới, định, tuệ thì quý vị không chấp nhận, không nghe theo, không cúng dường, không đến chùa đó nữa, không thọ nhận hoặc tu tập theo giáo pháp ngoại lai đó.

Từ khi đức Phật tịch, giáo đoàn Phật giáo bị phân hóa chia thành nhiều bộ phái do những vị tu sĩ lãnh đạo tham danh đắm lợi đã nỡ tâm giết Phật giáo chết, từ đó các Ngài đưa vào những giáo pháp của ngoại đạo để lừa đảo

tín đồ Phật giáo. Do đó, mới có những kinh sách dạy cầu siêu, cầu an, xin xăm, bói quẻ, xem ngày giờ tốt xấu, cúng sao, giải hạn, lên đồng, nhập xác... làm đủ mọi điều mê tín dị đoan, nó được xem là một hiểm họa rất lớn, một tệ nạn xã hội. Các chùa đang hành những nghề nghiệp này là đã tạo một gánh nặng cho xã hội loài người.

Muốn đẩy lùi những tệ nạn này, thì trong các chùa quý Thầy trụ trì phải đình chỉ ngay liền những nghề nghiệp lừa đảo, phi đạo đức này thì tệ nạn mê tín, dị đoan sẽ được chấm dứt. Đó là dứt trừ tận gốc phát sanh ra nó.

Muốn đẩy lùi tệ nạn này thì quý vị cư sĩ không nên tin và không làm theo những giáo pháp mê tín, phi đạo đức này, bằng cách không đến những ngôi chùa có hành nghề như vậy và cũng không cúng dường cho các vị Tăng ở đây. Có như vậy, mới có thể đẩy lùi và dẹp sạch những tà giáo phi nhân quả này thì loài người mới thoát khỏi gánh nặng khổ đau này.



LÀM LỄ QUY Y CHO NGƯỜI CHẾT

Câu hỏi của phật tử Luân

Hỏi: *Kính thưa Thầy! Trong kinh Thập Nhị Nhân Duyên, Đức Phật đã xác định rõ ràng không có thế giới siêu hình, tức là không có linh hồn, thần thức,... sau khi chết. Vậy mà tại sao chúng con thấy quý Thầy, quý Cô và quý cư sĩ Phật giáo lại dựa đâu mà cho rằng có thế giới siêu hình? Bằng chứng quý Thầy, quý Cô và quý cư sĩ đứng ra bày vẽ tổ chức lo toan đám ma, cúng vong, tiền linh, chẩn tế cô hồn giải oan bạt độ, thậm chí còn có rất nhiều quý Thầy ngang nhiên ngồi trên pháp tòa để thuyết pháp giảng đạo làm lễ quy y Tam Bảo và thọ ngũ giới cho những vong linh. Những việc làm của quý Thầy, quý Cô và quý cư sĩ đã đi ngược lại lời dạy chân thật của đức Phật và làm lệch lạc đường đi chân chánh của đạo Phật, khiến cho mọi người có hiểu biết sẽ nghi ngờ Phật giáo. Xin Thầy chỉ dạy cho chúng con được rõ và khiến cho mọi người không còn nghi ngờ Phật giáo nữa.*

Đáp: Người ta không rõ mục đích quy y Tam Bảo và thọ ngũ giới là gì? Cho nên, mới

dám làm những điều mê tín lừa đảo con cháu người đã chết. Quy y Tam Bảo và thọ ngũ giới cho người đã chết là để lấy lòng Phật tử trong khi người Phật tử đang đau khổ vì mất mát những người thân thương, họ không còn sáng suốt nhận định, nên hễ quý Thầy bày vẽ làm điều gì thì cứ làm ngay liền để mãn nguyện lòng thương yêu của mình đối với những người thân.

Mục đích quy y Tam Bảo và thọ ngũ giới là để sống và thực hiện một đời sống đạo đức làm người không làm khổ mình, khổ người, sống trong thiện pháp, sống biết tha thứ và thương yêu mọi người, mọi loài, chứ không phải quy y Tam Bảo là để được làm đệ tử của Phật, để ở cõi Diêm Đĩnh vua Diêm Vương nể mặt, quý sứ, ngục tốt Ngưu Đầu, Mã Diện không dám hành hạ. Hiểu như vậy là mê tín là sai không đúng chánh tri kiến của đạo Phật. Còn nếu bảo rằng quy y Tam Bảo là để gieo duyên với Phật pháp thì lại còn sai hơn nữa, khi cha mẹ còn sống không bằng lòng thọ Tam Quy Ngũ Giới đến khi chết con cháu nhờ Sư, Thầy làm lễ Quy Y Tam Bảo thì vấn đề này không phải tự tâm nguyện của ông bà mà là một sự ép buộc của con cháu, như vậy thử hỏi

làm sao có sự gieo duyên cho được, khi mà tâm không thành, ý không muốn.

Các Sư Thầy ngang nhiên ngồi lên pháp tòa thuyết pháp giảng đạo hoặc làm lễ quy y Tam Bảo cho những vong linh này là một việc làm mê tín, vô minh không thông hiểu đạo Phật, làm một điều phi Phật giáo, vì Phật giáo là một tôn giáo tự lực cánh sinh, chứ không nhờ vào tha lực nào cả mà phải tự mình khi còn sống có một sự thành tâm ước muốn để trở thành một con người có đạo đức làm người, không làm khổ mình, khổ người, để trở thành một con người sống toàn thiện và để trở thành một con người sống với một tâm hồn thanh thản, an lạc, bất động trước các pháp. Và có sự ước muốn như vậy thì quy y Tam Bảo và thọ ngũ giới mới có giá trị và ý nghĩa đúng nghĩa chân chánh của đạo Phật. Còn ngược lại là không có ý nghĩa tự lực, trên con đường cầu đạo giải thoát thì không có một người nào đi thay thế cho ai được mà phải chính nơi người đó, vì thế quy y cho người đã chết là một việc làm sai, gây mê tín, dị đoan, lạc hậu trong đạo Phật, đó là một việc làm tội lỗi.

Đạo Phật không chấp nhận sự thường hằng của linh hồn, thế mà Sư, Thầy lên pháp

tòa thuyết pháp, quy y Tam Bảo và truyền ngũ giới cho vong linh thì đó là một việc làm của ngoại đạo lừa đảo lòng hiếu hạnh và tình thương yêu của tín đồ Phật giáo đối với người quá cố. Việc làm này chẳng có ích lợi gì cho người chết mà còn khiến cho tín đồ hao tiền tốn bạc một cách si mê.

Khi cha mẹ hay những người thân thương qua đời, lòng thương yêu của chúng ta đối với những người này, chỉ có một cách duy nhất là làm ích lợi cho người chết, cũng như giúp cho họ gieo duyên với Phật pháp thì chỉ có việc ấn tống kinh sách dạy về đạo đức làm người không làm khổ mình, khổ người. Nhờ có kinh sách này mà người sống có lợi ích rất lớn thì người chết cũng có lợi ích rất lớn. Tại sao vậy?

Tại vì người chết nghiệp lực sẽ tiếp tục đi tái sanh luân hồi ngay liền sau khi chết và đã trở thành một người mới, có nghĩa là chết đây sanh kia cũng giống như cây đuốc, cây đuốc này vừa tắt thì cây đuốc kia cháy sáng ngay liền để giữ ánh sáng liên tục không bị gián đoạn. Luật nhân quả cũng vậy, thân này mất thì có thân khác ngay liền để giữ đạo luật nhân quả không bị gián đoạn.

Vì thế, kinh sách đạo đức làm người không làm khổ mình, khổ người được ấn tống và được phổ biến khắp cùng thì mọi người, ai cũng đều được đọc kinh sách này giúp cho họ có một đời sống đạo đức toàn thiện, một đời sống giải thoát an lạc. Đó là sự ấn tống kinh sách đạo đức nhân quả là gieo duyên quy y Tam Bảo và thọ ngũ giới cho những người thân thương đã quá cố. Đó là sự báo hiếu rất lớn của chúng ta khi cha mẹ đã qua đời, những việc làm này đem đến lợi ích ngay liền là những người chung quanh chúng ta đang sống, họ trở thành những người sống có đạo đức làm người, biết mang lại sự không đau khổ cho nhau, đó là chân hạnh phúc của loài người thiết thực và cụ thể hơn.



NHỮNG KINH SÁCH MÊ TÍN

Câu hỏi của Phật tử Luân

Hỏi: Kính thưa Thầy, đạo Phật chủ trương phải tự cứu mình, tức là phải dùng sức tự lực của bản thân để ly dục ly ác pháp,

không làm khổ mình, khổ người và khổ muôn loài chúng sanh, giải thoát sanh tử khổ đau luân hồi của kiếp người. Vậy thì, tại sao lại có các loại kinh Thủy Sám, Lương Hoàng Sám, Pháp Hoa, A Di Đà, Địa Tạng, Vu Lan Bồn... dạy toàn tha lực, tức là lo tụng niệm van xin chư Phật, chư vị Bồ Tát, Thiên Long Bát Bộ, Hộ Pháp Già Lam, chư vị thiên thần gia hộ cho tai qua nạn khỏi, bệnh tật tiêu trừ hoặc tiếp dẫn hương linh về cõi Cực Lạc Tây Phương của đức Phật A Di Đà. Như vậy có quá mâu thuẫn không thưa Thầy, xin Thầy vạch rõ chỗ đúng sai để chúng con được biết.

Đáp: Kinh sách Đại Thừa phát triển là kinh sách chịu ảnh hưởng của Bà La Môn giáo, nhất là chịu ảnh hưởng của kinh sách Vệ Đà thuộc về tư tưởng văn minh Ấn Độ, nhưng khi truyền sang qua các nước lân cận thì nó lại tiếp thu những sự mê tín và lạc hậu của dân tộc các nước khác, nên kinh sách Đại Thừa là một loại kinh sách tập hợp nhiều tư tưởng và những phong tục tập quán của con người, có thể gọi kinh sách này là kinh sách bị thế tục hóa có nghĩa là khi nó truyền vào một thời kỳ nào của xã hội thì nó bị đồng hóa với xã hội đó.

Ví dụ: Kinh sách này truyền vào gặp thời phong kiến thì nó bị đồng hóa với thời phong kiến. Với tư bản thì nó bị đồng hóa với tư bản; với khoa học thì nó bị đồng hóa với khoa học.

Kinh sách Đại Thừa không có một đường lối riêng biệt chỉ là một sự vay mượn, một chiếc áo chắp vá nhiều miếng vải, cho nên nó chẳng có gì đặc biệt cả, chỉ nhai lại bã mía của kẻ khác nhưng muốn nuốt cho trôi bã mía đó, tức là nó khéo dùng những danh từ để làm cho người khác khó nhận ra, tưởng đó là một giáo lý mới mẻ, nhưng không ngờ những người hiểu biết đã thấy rõ nó đi giẫm lại lối mòn của người xưa.

Vì thế, những danh từ Lương Hoàng Sám, Thủy Sám, Pháp Hoa, Viên Giác, Thủ Lăng Nghiêm, A Di Đà, Địa Tạng, Vu Lan Bồn, Bát Dương, Thập Vương, Lăng Già, Hoa Nghiêm... Tất cả những loại kinh sách này là tư tưởng của ngoài đạo chứ không phải của Phật giáo, mà đã không phải của Phật giáo thì làm sao chúng ta cho Phật giáo có mâu thuẫn với Phật giáo được.

Chúng ta chỉ cần biết kinh sách này không làm lợi ích cho con người, nó chỉ là một

mánh khỏe lừa đảo con người làm những điều phi đạo đức và rất tai hại cho con người.



TU NHƯ THẾ NÀO ĐÚNG PHÁP?

Câu hỏi của phật tử Luân

Hỏi: *Kính thưa Thầy! Thầy dạy chúng con, hằng ngày phải tu cho đúng pháp, đúng cách, đúng căn cơ đặc tướng của mình, song chúng con chưa thấu triệt lắm, kính mong Thầy chỉ dạy cho chúng con để được thâm hành Phật Pháp, và giải thoát thân tâm.*

Đáp: Muốn tu tập đúng pháp, đúng cách, đúng căn cơ đặc tướng như thế nào?

Chúng ta nên chia làm ba phần:

Đúng pháp

Đúng cách

Đúng căn cơ đặc tướng

□ **ĐÚNG PHÁP**

Sau khi nghiên cứu tường tận biết rõ pháp môn nào là của Phật, pháp môn nào không phải của Phật.

Ví dụ:

1/ Pháp môn của Phật là pháp xả tâm, chứ không phải là pháp môn ức chế tâm.

2/ Pháp môn của Phật là pháp môn vô ngã ác pháp, hữu ngã thiện pháp.

3/ Pháp môn của Phật là pháp môn ngăn ác diệt ác pháp, sanh thiện tăng trưởng thiện pháp.

4/ Pháp môn của Phật là pháp môn toàn thiện.

5/ Pháp môn của Phật là một pháp môn đạo đức nhân bản – nhân quả không làm khổ mình, khổ người và khổ tất cả chúng sanh.

6/ Pháp môn của Phật là một pháp môn huấn luyện tâm, rèn luyện tâm, như lý tác ý.

7/ Pháp môn của Phật là một pháp môn dùng để dẫn tâm vào đạo đức làm người.

Nếu quý Phật tử biết rõ đúng pháp thì sẽ tu tập đúng pháp. Ngoài bảy sự hiểu biết trên đây là đúng về Phật pháp còn là sự hiểu sai, hiểu sai Phật pháp tức là tu sai, tu sai thì phí

công vô ích mà còn tạo thêm gánh nặng cho Phật tử (tín đồ) cúng dường.

Cho nên, trước khi đi tu thì phải nghiên cứu cho tường tận lời dạy của đức Phật rồi mới tu.

□ **ĐÚNG CÁCH**

Tu tập đúng cách, tức là tu tập xả tâm, xả tâm đúng cách, tức là phải khéo léo thiện xảo, tu tập đúng cách là không bao giờ ức chế tâm.

Tu tập đúng cách là phải biết pháp nào tu trước pháp nào tu sau, ví dụ như pháp Tam Vô Lậu Học thì giới luật phải tu trước, sau khi tu giới luật xong nghĩa là sống đúng giới luật không có vi phạm một lỗi nhỏ nhất nào thì mới tu tập thiền định, còn vi phạm giới luật dù là một giới rất nhỏ thì cũng còn phải tu giới luật trở lại, chứ không được tu thiền định chừng nào giới luật thanh tịnh thì mới bắt đầu tập tu Thiền định. Sau khi nhập xong Tứ Thiền thì mới bắt đầu tu trí tuệ, thiền định chưa xong mà vội tu trí tuệ là tu sai, tu như vậy trở thành tưởng tuệ chứ không phải là trí tuệ.

Cũng như tu tập Tứ Thánh Định thì phải tu tập Sơ Thiền trước tiên, sau khi Sơ Thiền

được sung mãn thì mới tu tập Nhị Thiên, sau khi Nhị Thiên được sung mãn thì mới tu tập Tam Thiên, sau khi Tam Thiên được sung mãn thì mới tu tập Tứ Thiên.

Nếu chúng ta tu tập không đúng cách thì cũng giống như con bò, chân trước chưa bước mà chân sau đã bước thì con bò không thể nào đi được. Cũng giống như vậy, người tu sĩ đạo Phật giới luật chưa nghiêm trì mà tu thiền định thì chẳng bao giờ có thiền định được, thiền định của những người tu sĩ phạm giới là thiền định tưởng. Đó là những người tu không đúng cách.

□ TU ĐÚNG CĂN CƠ ĐẶC TƯỢNG

Nếu tu tập không đúng căn cơ của mình thì cũng giống như người nhạc sĩ lên dây đàn, căng quá thì đứt dây, chùng quá thì không thành tiếng.

Do đó, khi tu hành chúng ta phải biết căn cơ của mình. Vậy muốn biết căn cơ của mình thì phải biết như thế nào?

Căn cơ của chúng ta thể hiện qua nhân tướng và hành tướng. Vì thế, khi tu tập chúng ta nên tu tập theo nhân tướng và hành tướng tự nhiên của mình.

Ví dụ: Hành tướng ngoại tự nhiên của mình đi chậm, khi tu tập thì phải theo hành tướng đi chậm mà tu, không được đi nhanh, cũng không đi quá chậm. Khi hành tướng tự nhiên của mình đi nhanh thì tu tập không được đi chậm hoặc quá chậm hoặc quá nhanh, phải đi với tướng tự nhiên của mình.

Hành tướng nội tự nhiên của mình khi hơi thở chậm thì nên tu tập theo hơi thở chậm, hơi thở nhanh thì nên tu tập theo hơi thở nhanh, không nên hơi thở chậm mà khi tu tập thì lại thở nhanh cũng như hơi thở nhanh mà khi tu tập thì lại thở chậm, tu như vậy không tự nhiên. Không tự nhiên thì có sự ức chế mà có sự ức chế thì có chướng ngại pháp, có chướng ngại pháp thì không có giải thoát ngay liền, không có sự giải thoát ngay liền là tu sai pháp Phật, tu sai pháp Phật, tức là tu theo pháp môn của ngoại đạo.

Nhân tướng là hình dáng của cơ thể, có người có nhân tướng cao, nhưng cũng có người có nhân tướng thấp, người đẹp, người xấu, người trắng, người đen, người mập người ốm, người mặt dài, mặt ngắn, mặt vuông, mặt chữ điền, mặt bầu, mặt tròn... Tất cả mọi hình tướng khác nhau đều gọi là nhân tướng.

Người tu theo đạo Phật không nên vì nhân tướng mà tu tập. Ước mơ có một tướng đẹp như Phật, 32 tướng tốt tám mươi vẻ đẹp.

Ba mươi hai tướng tốt tám mươi vẻ đẹp có còn đâu, khi đức Phật nhập Niết Bàn chỉ còn lại một nắm xương vụn bất tịnh thiêu chưa cháy hết.

Mục đích của đạo Phật là tâm bất động trước các pháp và các cảm thọ chứ không phải tướng tốt. Dưới đôi mắt của Phật thì nhân tướng của con người chỉ là tứ đại duyên hợp, bất tịnh uế trước không có đáng cho chúng ta quan tâm, nhưng trong khi tu tập chúng ta biết sử dụng nó như sử dụng một con ngựa để đi đường xa vạn dặm. Vì thế, chúng ta phải biết cách khi thì dụ dỗ khi thì ra lệnh, chứ không bắt ép nó tu tập nhiều thì cũng không tốt mà tu tập ít thì cũng không có lợi, không được khổ hạnh ép xác, mà cũng không được lợi dưỡng phá giới luật.

Ngày ngày tu tập phải tùy theo đặc tướng của mình mà thực hiện cho đúng pháp thì có kết quả lợi ích rất lớn.



NHƯ LÝ TÁC Ý

Câu hỏi của phật tử Luân

Hỏi: Kính thưa Thầy! Cho phép chúng con thưa hỏi về pháp hướng tâm như lý tác ý, con biết pháp trên có lợi ích rất lớn, hiệu quả tuyệt vời cho đường tu tập, đó là giúp cho trí tuệ nhạy bén nhanh chóng và giúp cho tâm tạo ra một năng lực siêu việt không thể nghĩ lường. Xưa, đức Phật đã thành đạo và ngày nay Thầy đã nhập được Tứ Thánh Định và Tam Minh cũng đều nhờ đến pháp này. Vì vậy, chúng con xin Thầy chỉ dạy cách thức hướng tâm và tu tập rèn luyện pháp này như thế nào để thành tựu quả giải thoát.

Đáp: Pháp như lý tác ý là pháp môn dẫn tâm vào đạo rất tuyệt vời, nhờ nó mà huấn luyện được tâm cũng như người huấn luyện voi, cọp, gấu, v.v.. làm xiếc. Người huấn luyện thú làm xiếc, nếu không nhờ đến những loại bánh đặc biệt và không thiện xảo thì khó mà huấn luyện những loài thú hoang dã. Pháp như lý tác ý cũng giống như những loại bánh kia vậy, nhưng cũng phải thiện xảo thì sự tu tập mới có hiệu quả.

Tâm của con người giống như một con thú vật rừng hoang dã. Muốn thuần phục nó để sai bảo làm việc tốt hơn theo ý muốn của mình thì phải biết cách dùng pháp như lý tác ý đúng lúc. Có lúc thì ngọt ngào, có lúc thì cứng rắn, có lúc thì vuốt ve, nhưng có lúc thì roi vọt.

Pháp như lý tác ý nghe thì đơn giản mà thực hành muốn có hiệu quả thì phải vô cùng khéo léo thiện xảo, nếu không khéo léo thiện xảo cũng chỉ hoài công mà thôi.

Ví dụ: Hằng ngày chúng ta thường hướng tâm: *“tâm như cục đất không có tham sân si nữa”*. Nhưng mỗi lần có việc đến, tâm tham, sân, si nổi lên là chúng ta phải ngăn chặn liền, đoạn dứt liền với một lòng cương quyết mạnh mẽ như sắt đá. Không thể để cho tâm tham sân si xâm chiếm tâm hồn mình. Sự cương quyết dũng cảm mạnh mẽ ngăn chặn như vậy, cũng giống như con thú trở chứng ương ngạnh thì phải roi vọt đánh trị khiến cho nó sợ thì mới có thể dễ sai nó được. Nhưng cũng không phải lúc nào cũng dùng roi vọt đánh trị, mà cũng phải có lúc vuốt ve, an ủi, gần gũi, âu yếm, chăm sóc thương yêu.

Người tu hành biết cách tu tập, rèn luyện pháp này khéo léo và thiện xảo như trên đã

dạy thì kết quả mau chóng làm chủ sự sống chết và chấm dứt luân hồi không còn khó khăn như người ta tưởng.

Trong sự tu tập thiền định mà không có pháp như lý tác ý thì không thể nhập định được. Không nhập được thiền định mà dạy người tu tập thiền định thì đó chỉ là thiền định miệng lưỡi mà thôi.

Bởi con đường tu theo Phật giáo mà không có pháp như lý tác ý thì không phải là con đường tu theo đạo Phật, mà là con đường tà giáo. Người tu theo đạo Phật được thành tựu giải thoát là nhờ ở pháp như lý tác ý, nếu không có pháp như lý tác ý thì không làm sao mà giải thoát được.

Vì thế, pháp như lý tác ý là một pháp môn nòng cốt của đạo Phật, “Ý DẪN ĐẦU, Ý LÀM CHỦ, Ý TẠO TÁC CÁC PHÁP”. Cho nên kinh sách Đại Thừa và Thiền Tông Trung Hoa không bao giờ có pháp môn này.



TRÙNG TRONG LÔNG SƯ TỬ

Câu hỏi của phật tử Luân

Hỏi: Kính thưa Thầy! Đạo Phật duy nhất có một pháp môn đưa đến quả giải thoát khổ đau sanh tử luân hồi, đó là pháp môn Giới, Định, Tuệ. Song hiện nay chúng con thấy phần lớn tu sĩ không tu về giới luật nên oai nghi tế hạnh không có, sống phạm giới quá nhiều, tức là họ không tu đúng pháp môn của đức Phật. Vậy chúng con xin Thầy chỉ dạy cho chúng con được rõ, những tu sĩ này tu hành như vậy có lợi ích gì cho Phật giáo, cho xã hội và cho bản thân họ, còn ngược lại thì tai hại như thế nào?

Đáp: Những giới luật của Phật là những hành động đạo đức làm Người, làm Thánh, chứ không phải giới luật của Phật là pháp luật thế gian. Ở đời người ta nghe nói đến giới luật là người ta liền tưởng đến pháp luật của một quốc gia. Không phải như vậy đâu, nếu chúng ta hiểu giới luật Phật như một pháp luật là chúng ta đã tự trói buộc mình, tức là ức chế tâm thì còn có nghĩa lý gì là đạo đức không làm khổ mình, khổ người. Vì tự lấy giới luật mà trói

buộc mình là đã tự làm khổ mình thì không còn gọi là pháp tu giải thoát. Và như vậy thì giới luật làm sao gọi là pháp môn vô lậu được.

Phật dạy có ba pháp môn vô lậu, nếu ai tu tập thì sẽ được giải thoát ngay liền, ba pháp môn tu tập giải thoát đó là:

Giới giải thoát

Định giải thoát

Tuệ giải thoát

Giới luật được tu tập thì tâm được giải thoát, tâm được giải thoát thì không còn khổ đau, phiền não, sợ hãi, lo toan...

Định được tu tập thì thân được giải thoát, thân được giải thoát là làm chủ được thân bệnh tật.

Tuệ được tu tập thì không gian và thời gian không còn chia cắt và trải dài, vì thế mà chấm dứt được sự tái sanh luân hồi.

Ba pháp môn này có lợi ích như vậy thế mà tu sĩ thời nay lại phạm giới, phá giới thì làm sao tâm được giải thoát.

Như lời đức Phật đã dạy: *“Những tu sĩ phạm giới, phá giới là những tu sĩ không làm ích lợi cho Phật giáo mà còn diệt Phật giáo*

giống như trùng trong lông sư tử sẽ giết sư tử chết”.

Những tu sĩ phạm giới, phá giới là những loại ký sinh trùng trong xã hội, không ích lợi cho xã hội mà còn để cho xã hội mang một gánh nặng vì họ.

Hỡi các bạn tu sĩ và cư sĩ thân mến! Các bạn là những người tu sĩ và cư sĩ của Phật giáo, các bạn phải tu như thế nào cho xứng đáng là đệ tử của đức Phật. Đừng vì danh, vì lợi mà quên đi bốn phận trách nhiệm của mình. Trách nhiệm của mình là phải thấp sáng ngọn đèn chánh pháp của Phật.

Hai mươi lăm thế kỷ nay tà giáo ngoại đã xen vào làm cho Phật giáo ô uế, đã làm cho Phật giáo mang đầy những tiếng tai không tốt. Hiện giờ chúng ta là những tu sĩ và cư sĩ Phật giáo, không lẽ chúng ta tiếp tục nối giáo cho ngoại đạo diệt Phật giáo hay sao? Chúng ta phải làm cái gì?

Trước tiên, chúng ta phải giữ gìn giới luật nghiêm túc, sống đúng phạm hạnh. Đời sống thiếu dục tri túc, ba y một bát; sống không chùa to Phật lớn, lấy gốc cây làm giường nằm. Đó là giai đoạn thứ nhất chấn chỉnh lại Phật giáo mà trách nhiệm và bốn phận là Tăng Ni

và cư sĩ. Nếu Tăng Ni và cư sĩ không thực hiện những điều này thì chắc chắn Phật giáo sẽ đi vào trong bóng đêm đen tối.

Kế tiếp, chúng ta phải thực hiện thiền định, thực hiện thiền định như thế nào? Thực hiện thiền định là phải ly dục, ly ác pháp; phải diệt tâm tứ; phải ly hỷ tưởng; phải tịnh chỉ thân hành. Để chứng tỏ cho mọi người biết sức lực của thiền định làm chủ sự sống chết một cách cụ thể rõ ràng. Đó là giai đoạn thứ hai để chứng minh thiền định của đạo Phật siêu việt như vậy, không có một pháp thiền nào hơn được.

Cuối cùng, chúng ta thực hiện trí tuệ vô lậu để chấm dứt tái sanh luân hồi, không gian và thời gian không còn tác dụng lên chúng ta được nữa. Đó là giai đoạn thứ ba để minh chứng đạo Phật cụ thể, thiết thực lợi ích rất lớn cho loài người như vậy.



LÀM SAO PHÂN BIỆT ĐƯỢC TU SĨ GIẢ HAY THẬT TRONG PHẬT GIÁO

Câu hỏi của Phật tử Luân

Hỏi: Kính thưa Thầy, đời sống phạm hạnh của một tu sĩ Phật giáo như thế nào? Làm sao để biết được người nào là tu sĩ Phật giáo thật và người nào là tu sĩ Phật giáo giả để cho chúng con khỏi bị lừa bịp.

Đáp: Đời sống Phạm hạnh của một tu sĩ Phật giáo là đời sống đức hạnh của một bậc Thánh Tăng, vì thế chúng ta dễ nhận xét.

Một vị Thánh Tăng không phải ở chỗ y áo cà sa mà ở chỗ không phạm giới luật. Trong giới luật của một vị tu sĩ giải thoát thì sự ăn mặc không cần sang đẹp, nhưng phải ăn mặc đàng hoàng, sạch sẽ dù là chiếc y phẩn tảo cũng phải được giặt sạch sẽ. Khi bước ra khỏi thất thì y áo phải được tề chỉnh nghiêm trang, mặc y không được để bày da hổ thịt. Ngược lại, ăn mặc y áo sang đẹp cũng như ăn mặc rách rưới lang thang và không nghiêm trang tề chỉnh đều là tu sĩ giả, không phải là những bậc chân tu của Phật giáo.

Không được trang điểm dầu thơm chuỗi hạt, lấy gốc cây làm giường nằm, thường thọ trai ngồi xếp bằng dưới đất. Còn trang điểm làm đẹp bằng chuỗi hạt dầu thơm, còn nằm trên giường cao rộng lớn, mềm êm nệm ấm, còn thích thọ thực trên mâm cao cỗ đầy, thì đây là tu sĩ giả, không phải Thánh hạnh như vậy.

Không được cất giữ tiền bạc châu báu, không được ở trong chùa to tháp lớn như cung đình điện ngọc, không cất giữ tiền bạc châu báu. Còn cất giữ tiền bạc châu báu là tu sĩ giả, không phải Thánh hạnh.

Không được ăn uống phi thời, ngày một bữa đủ nuôi thân sống, ăn uống nhiều bữa là gánh nặng cho Phật tử, ăn uống nhiều bữa là tu sĩ giả, không phải là bậc Thánh Tăng.



HỘ TRÌ CÁC CĂN

Câu hỏi của Nhật Lý

Hỏi: *Kính mong Thầy từ bi chỉ dạy cho chúng con để hộ trì các căn như đức Phật dạy: “Chớ có nắm giữ tướng chung, chớ có nắm giữ tướng riêng”. Làm thế nào để khi sáu căn tiếp xúc sáu trần không nắm giữ tướng chung, tướng riêng của nó?*

Đáp: Sáu căn tức là: mắt, tai, mũi, miệng, thân, ý của mình; sáu trần là: sắc (hình dáng), thanh, (âm thanh), hương (mùi thơm), vị (mùi vị), xúc (cảm giác), pháp (mọi sự việc chung quanh ta).

Bây giờ chúng ta phải hiểu rõ tướng chung như thế nào? Và tướng riêng như thế nào?

Đối với sắc khi mắt vừa thấy một hình dáng toàn diện, đó là tướng chung, còn thấy rõ ràng từng đường nét của hình dáng là tướng riêng.

Ví dụ: Khi chúng ta vừa thoáng thấy một hình bóng cô gái, hình bóng vừa thoáng thấy đó là mắt thấy sắc tướng chung của cô gái.

Nhưng đến khi lại gần thấy rõ gương mặt, mũi, miệng, tay chân, thân hình và cách trang sức của cô, đó là mắt thấy sắc tướng riêng.

Chúng ta hãy nghe đức Phật dạy ông Anan phòng hộ sáu căn khi mắt thấy sắc không nắm giữ tướng chung và tướng riêng của nó.

Ông Anan hỏi Phật: “Bạch Thế Tôn! Chúng con là những tu sĩ trẻ tuổi, khi gặp người nữ thì chúng con phải làm sao?”

Đức Phật đáp: “Không nên gặp”.

Câu hỏi của ông Anan trên đây có nghĩa là khi mắt thấy tướng chung của sắc thì làm sao cho mắt đừng dính sắc?

Đức Phật đáp: ***“Không nên gặp”***. Có nghĩa là giữ gìn mắt đừng cho thấy tướng chung của nó, vì khi đã thấy thì xả bỏ ra rất khó khăn. Đó là cách phòng hộ thứ nhất của người tu sĩ đạo Phật, có nghĩa là ngừa bệnh hơn trị bệnh.

Vì vậy, người tu sĩ đạo Phật muốn phòng hộ sáu căn để khỏi tiếp xúc sáu trần thì khi đi, đứng, nằm, ngồi mắt phải nhìn xuống, không ngó qua, ngó lại, không liếc ngược liếc xuôi. Tai cũng vậy, cố lắng nghe mọi sự hoạt động

trong thân, không được lắng nghe âm thanh bên ngoài.

Vì Thế, đức Phật dạy chúng ta tu tập thân hành niệm nội hay ngoại cũng nhằm mục đích phòng hộ mắt, tai, mũi, miệng, thân, ý của mình không cho dính mắc sáu trần.

Đi tôi biết tôi đang đi, thở tôi biết tôi đang thở hoặc làm việc gì thì tôi biết tôi đang làm việc đó. Đó là pháp phòng hộ sáu căn đệ nhất của đạo Phật mà các nhà học giả họ không hiểu nên thường dạy mọi người tu trong việc làm. Pháp phòng hộ mà thành pháp ức chế tâm thật là buồn cười cho những người mù dốt một đám người mù đi.

Ông Anan hỏi tiếp: “Bạch Thế Tôn! Lỡ chúng con gặp thì sự giữ gìn không cho mắt dính sắc thì chúng con phải làm như thế nào?”

Đức Phật đáp: “Đừng nói chuyện”.

Đây là cách phòng hộ thứ hai. Có nghĩa là thấy được tướng chung của đối tượng thì phải mau mau tránh xa. Đừng nói chuyện, có nghĩa là đừng sáp lại gần, sáp lại gần tức là thấy tướng riêng vì tướng riêng khó bỏ hơn tướng chung.

Trên đây là hai pháp ngăn ngừa. Người tu sĩ biết dùng pháp ngăn ngừa là tốt nhất trong sự tu tập phòng hộ sáu căn. Pháp ngăn ngừa thứ nhất như ông Anan đã hỏi đức Phật ở trên là không cho thấy tướng chung, không thấy tướng chung thì làm sao có dính mắc được.

Pháp thứ hai là pháp ngăn ngừa không cho thấy tướng riêng, mà đã không thấy tướng riêng thì làm sao dính mắc được.

Bây giờ chúng ta đọc lại câu hỏi: ***“Để hộ trì các căn”, đức Phật dạy: “chớ có nắm giữ tướng chung, chớ có nắm giữ tướng riêng”.***

Chúng tôi lấy câu chuyện ông Anan hỏi Phật để trả lời và giảng rộng cách thức hộ trì các căn mà đức Phật đã cô đọng qua lời nói ngắn gọn khiến cho chúng ta không biết đâu mà thực hành.

Tóm lại, sự phòng hộ, hộ trì các căn là tu chánh niệm tỉnh giác thân hành niệm thì tâm không dính mắc sáu trần. Đó là pháp môn ngăn ác pháp, ly dục tuyệt vời của đạo Phật, chúng ta nên nhớ lấy mà tu tập. Phần nhiều tu sĩ thời nay không tu tập phòng hộ, hộ trì các

căn, vì thế tâm thường phóng dật chạy theo sáu trần, do đó mà tu mãi không thành tựu.

Về cách thức hộ trì sáu căn như câu chuyện ông Anan hỏi Phật thì quý Thầy cũng đã hiểu rồi. Nhưng câu hỏi của con ở đây nhắm vào chỗ tu tập khi sáu căn tiếp xúc sáu trần chứ không còn là phòng hộ, hộ trì nữa mà là đi sâu vào phương pháp hóa giải cho căn và trần không dính mắc. Muốn biết pháp hóa giải căn và trần không dính mắc thì chúng ta lắng nghe ông Anan hỏi Phật.

Ông Anan hỏi Phật: “Lỡ chúng con nói chuyện thì làm sao?”.

Đức Phật đáp: “Quán như em, như chị, như mẹ”.

Trong hội chúng này có vua Ba Tư Nặc tham dự nên nhà vua quỳ xuống hỏi Phật: “Bạch Thế Tôn! Chúng con là hàng cư sĩ không thể quán như vậy được”.

Đức Phật đáp: “quán bất tịnh”.

Qua hai câu trả lời trên đây chúng ta hiểu đức Phật đã dạy chúng ta tu tập pháp môn Định Vô Lậu. Đối với sắc tướng của nữ giới để không dính mắc tâm mình thì phải quán như em, như chị, như mẹ, và nếu còn dính mắc thì

phải quán bất tịnh. Đối với các sắc pháp của vạn hữu thì ta phải quán vô thường, khổ, vô ngã; phải thấy sự nguy hiểm, sự tai hại, sự khổ đau của các sắc pháp; phải tưởng nhằm chán các sắc pháp. Có tưởng có quán như vậy thì tướng chung tướng riêng không dính mắc.

Tóm lại, khi sáu căn tiếp xúc sáu trần không nắm giữ tướng chung tướng riêng của nó thì chúng ta nên tu Định Vô Lậu, tức là diệt các ác pháp và ly dục trong ta.

Cách thức tu tập như vậy gọi là phòng hộ, hộ trì các căn không nắm giữ tướng chung và tướng riêng của nó.



THẾ GIỚI SIÊU HÌNH

Câu hỏi của Mỹ Linh (Tú)

Hỏi: *Kính thưa Thầy, trong “Giáo Án... tập 3” Thầy nói: khi còn sống mọi hoạt động của con người đều “lưu lại” ở từ trường trong không gian, và chỉ người nào có tướng thức mạnh mới giao cảm được với tần số của từ trường ấy mà “thấy và nghe được” những sự*

việc đã diễn ra của người chết. Như cô Khang bị rút móng tay... Tóm lại, vậy là “có” linh hồn người chết, nhưng người thấy người không, chứ nói “không có” linh hồn, thì mọi người không ai chịu tin hết Thầy ạ! Rồi họ đưa ra việc cầu hồn, thấy ma...

Thưa Thầy: Hay là Phật nói không có linh hồn, vì nó có nhưng không thật; hay để con người không nhớ thương, không ỷ lại nương tựa tha lực?

Đáp: Không phải vậy, không phải vì lý do nhớ thương hay ỷ lại mà đức Phật nói không có thế giới siêu hình, mà thật sự hoàn toàn thế giới siêu hình không có. Trong vấn đề linh hồn người chết có hay không, điều này đã mang nặng một dấu ấn trong tâm của mọi người là có linh hồn người chết. Muốn xác định cho rõ ràng điều này, thì không có cách nào hay hơn bằng chính người ấy phải tự nhập Tứ Thánh Định, an trú trong ấy, rồi dùng Trạch Pháp Giác Chi hướng tâm đến Thiên Nhãn Minh quan sát thế giới siêu hình, thì chừng đó mới xác quyết chắc chắn rằng: người chết không còn có linh hồn tồn tại hay là không có sự sống sau khi chết.

Ở đây, Thầy đã giải thích rất nhiều về vấn đề thế giới siêu hình, nhưng ai là người hiểu vấn đề này. Người tri âm khó gặp, tri kỉ khó tìm. Người nghe được tiếng đàn của Bá Nha, chỉ có Tử Kỳ mà thôi. Nhưng Tử Kỳ chết, Bá Nha đập nát chiếc đàn. Vì trên đời này còn có ai nghe được tiếng đàn của mình. Thầy cũng vậy, chỉ có người nào tu chứng quả A La Hán mới hiểu được tiếng nói của Thầy.

Thầy sẽ không phụ lòng những câu hỏi của các con, Thầy cố gắng trả lời cho các con hiểu.

Các con nên hiểu thế giới mà loài người đang sống là một thế giới sắc tướng, có sự sống, có vạn vật hiện hữu, thế mà đức Phật gọi nó là thế giới tướng thì chúng ta có tin không?

Thế giới của chúng ta đang sống không phải do ***“tướng uẩn làm ra”*** như thế giới siêu hình mà do các duyên hợp lập thành. Vì thế, không có một vật gì thường hằng, luôn tan hoại theo thời gian năm tháng. Thế mà chúng ta điên đảo tâm, điên đảo tướng, điên đảo tình, điên đảo kiến chấp thủ mọi vật là có thật, là ta, là của ta v.v.. Thế giới hiện hữu là không có thật, vì thế mọi vật thường vô thường. Trên thế gian không có một vật gì là trường cửu vậy

mà mọi người cho nó là có thật thì không phải đó là điên đảo sao? Do cho nó có thật, nên mọi người cố làm ra cho nhiều, cố làm ra cho nhiều nên làm ra nhiều điều ác. Do làm nhiều điều ác nên phải thọ chịu những quả khổ đau.

Với đôi mắt của Phật nhìn mọi vật trên thế gian này, như bong bóng nước, như hoa phù du sớm nở tối tàn, đó là một bằng chứng thật sự. Vì thế, đức Phật cho rằng thế giới mà chúng ta đang sống là thế giới của tướng tri. Vậy mà có ai tin đâu.

Chúng ta lại một lần điên đảo nữa, cái hình bóng của thế giới hiện tượng hữu hình tướng tri này lại cho là thế giới siêu hình.

Ví dụ: Một cuộn băng video thu những hình ảnh núi, sông, nhà cửa, người và vạn vật đang sinh hoạt nhảy múa. Với những hình ảnh này chúng ta cho đó thế giới siêu hình sao?

Những hình ảnh núi, sông, đất đá, cây cỏ, người và thú vật trong băng video hiện ra và hoạt động được là nhờ dòng điện, đầu máy và màn hình.

Còn thế giới siêu hình cũng vậy, nó được hiện ra và hoạt động là nhờ tướng uẩn của

chúng ta bắt gặp và lập thành, chứ nó không có thật.

Các con cũng nên biết và phân biệt tướng cho rõ ràng. Tướng có hai phần cụ thể:

1- Ý thức tướng là chúng ta dùng ý thức mà tướng tượng ra một vật mà vật đó không có ở trước mắt.

2- Tướng thức tướng là do năng lực hoạt động của tướng uẩn khiến cho những hình ảnh của thế giới sắc tướng hiện hữu của loài người đang sống đã được lưu lại trong không gian trở thành linh động, khiến cho mọi người chưa đủ trí tuệ sáng suốt, đang sống trong điên đảo tâm, điên đảo kiến, điên đảo tướng, điên đảo tình mới cho những hình ảnh ấy là có thật thế giới siêu hình thật. Vì thế mới có việc cầu cơ, cầu hồn, thấy ma, thấy quỷ v.v..



PHẬT GIÁO ĐẠI THỪA

Câu hỏi của Thượng Toạ Sắc Tứ

Hỏi: *Kính thưa Thầy! Phật giáo Đại Thừa có phải là Phật giáo chánh thống không?*

Đáp: Phật giáo Đại Thừa không phải là Phật giáo chánh thống, mà là Phật giáo theo kiểu kiến giải giáo pháp của Bà La Môn. Hay nói cách khác Phật giáo Đại Thừa là đạo Bà La Môn lấy tên là Phật giáo Đại Thừa để lừa đảo tín đồ Phật giáo. Cho nên, nghĩa lý toàn bộ kinh sách Đại Thừa là Giáo pháp của Bà La Môn chính gốc.



THIÊN ĐÔNG ĐỘ

Câu hỏi của Thượng Toạ Sắc Tứ

Hỏi: *Kính thưa Thầy! Thiên Tông Trung Hoa có phải là của Phật giáo hay không?*

Đáp: Thiên Tông Trung Hoa không phải là của Phật giáo mà là của Lão giáo Trung Hoa (Tiên Đạo). Tư tưởng Lão Trang Trung Hoa phát triển, có những điểm tương đồng với tư tưởng kinh sách phát triển Đại Thừa giáo, Ấn Độ giáo. Vì thế, sau này Phật giáo Đại Thừa đồng hóa tư tưởng Lão giáo lấy tên là “**Phật giáo Tối Thượng Thừa**” hay còn gọi là

“Thiền Tông”. Chủ trương của Thiền Tông là kết hợp Lão Giáo và Đại Thừa, nên thường gọi là **“Thiền Giáo đồng hành”**.

Phật giáo Đại Thừa là Phật giáo Bắc truyền thuộc Bà La Môn Giáo và Ấn Độ Giáo kết hợp và phát triển theo tưởng giải tạo ra. Cho nên, những tư tưởng trong kinh sách Đại Thừa là tư tưởng của hai giáo phái này. Tư tưởng của hai giáo phái này mang tính chất trừu tượng, mơ hồ, ảo giác và đầy dẫy sự mê tín v.v.. Lấy thế giới siêu hình làm nơi an trú cuối cùng.



NIÊN LỊCH PHẬT GIÁO

Câu hỏi của Thượng Toạ Sắc Tứ

Hỏi: *Kính thưa Thầy! Phật lịch 2.546 năm và 2.626 năm. Vậy niên lịch nào đúng và niên lịch nào sai, xin Thầy dạy cho chúng con biết.*

Đáp: Hiện giờ, tín đồ Phật giáo trong nước, cũng như ở khắp thế giới đều không biết rõ ngày tháng năm sanh của đức Phật, vì lịch

sử của đức Phật không có ghi chép cụ thể. Hiện giờ tín đồ Phật giáo đều dùng Phật lịch 2.546 năm theo hệ Nam Tông, chứ ít ai dùng 2.626 năm theo hệ Bắc Tông.

Niên lịch Phật giáo Bắc Tông không đáng cho tín đồ Phật giáo tin tưởng, vì thế mà không dùng niên lịch Bắc truyền.

Mặc dù lịch sử chưa chứng minh được Phật lịch năm nào đúng, sai là vì không có sử liệu ghi chép lại chính xác. Cho nên, năm 2.546 và năm 2.626 đều không đúng. Nhưng hiện giờ chúng ta dựa vào những cuộc họp Phật giáo thế giới, chấp nhận lấy năm 2.546 làm niên lịch Phật giáo. Bây giờ phần đông tín đồ Phật giáo quen dùng niên lịch Phật giáo năm 2.546 năm là đúng hơn 2.626 năm.



THUYẾT PHÁP 45 NĂM VÀ 49 NĂM, NĂM NÀO ĐÚNG?

Câu hỏi của Thượng Toạ Sắc Tứ

Hỏi: *Sai biệt giữa Nam Tông và Bắc Tông về thời gian trụ thế và thuyết Pháp của đức Phật 45 năm theo Nam Tông 49 năm theo Bắc Tông. Thưa Thầy bên nào đúng?*

Đáp: Căn cứ theo kinh sách Nguyên Thủy là loại kinh sách gốc của Phật thuyết nên 45 năm thuyết Pháp đúng hơn. Còn 49 năm theo Bắc Tông là sai. Vì kinh sách theo Bắc Tông do kiến giải của các Tổ viết ra, nên có sự bóp méo sự thật, vì thế 49 năm thuyết pháp không đúng. Bởi vì Bắc Tông cho bộ kinh Bát Nhã là quan trọng là đệ nhất trong các kinh nên nói rằng: Đức Phật thuyết pháp cho hàng Bồ Tát 20 năm mới xong bộ kinh này.

Vì thế 49 năm thuyết Pháp là không đúng theo lịch sử chân thật của Phật giáo.

Nếu chúng ta tính thời gian tu chứng và bắt đầu giảng đạo cho đến chết thì sẽ rõ thời gian.



KINH SÁCH NGUYÊN THỦY VÀ ĐẠI THỪA, KINH NÀO ĐÁNG TIN CẬY

Câu hỏi của Thượng Toạ Sắc Tứ

Hỏi: *Kính thưa Thầy! Những kinh sách nào đáng được tin cậy để tu được giải thoát xin Thầy chỉ dạy cho chúng con được rõ.*

Đáp: Kinh sách Nguyên Thủy là kinh sách đáng được tin cậy nhất. Vì đó là lời dạy của đức Phật, tuy rằng trong các Tổ bên Nguyên Thủy cũng có thêm bớt rất nhiều, nhưng những lời dạy của Phật còn rõ ràng nguyên gốc hơn nhiều. Còn kinh sách Đại Thừa không đáng tin tưởng, vì các Tổ tự viết kiến giải theo tư tưởng của giáo lý Bà La Môn mà viết ra kinh Đại Thừa. Nên đường lối và cách thức tu tập đều quá sai, từ cúng bái, tụng niệm, chú thuật đều chịu ảnh hưởng của Bà La Môn. Cho đến pháp tu về thiền định cũng đều thuộc về thiền tưởng của ngoại đạo. Cho nên, Thầy Tổ sau này tu hành chẳng có kết quả giải thoát.

Vì thế, kinh sách Đại Thừa là những loại kinh sách không đáng tin cậy, nó là những

loại kinh tướng, kinh nói không đúng sự thật, kinh nói những điều mơ hồ trừu tượng, kinh dùng để tranh cãi hơn thua, chứ không phải kinh dùng để tu tập giải thoát làm chủ bốn sự khổ đau của kiếp người.

Cho nên, kinh sách Đại Thừa các bạn phải đề cao cảnh giác, nếu các bạn không cảnh giác thì cuộc sống tu hành của các bạn chẳng đi đến đâu, đời chẳng ra đời mà đạo chẳng ra đạo, rất uổng phí cho một kiếp làm người tu theo Phật giáo. Thật là xót xa vô cùng.



KINH SÁCH ĐẠI THỪA CÓ PHẢI LÀ CHÁNH PHÁP KHÔNG?

Câu hỏi của Thượng Toạ Sắc Tứ

Hỏi: *Kính thưa Thầy! Kinh Di Đà, Di Lạc, Địa Tạng, Pháp Hoa, Kim Cang, Lăng Nghiêm và mật chú, v.v.. có phải chánh pháp của Phật nói hay không?*

Đáp: Tất cả mọi kinh sách đã kể ra và nêu tên ở trên, toàn là kinh sách chịu ảnh

hưởng của giáo lý Bà La Môn. Từ pháp hành, cúng bái, tụng niệm cho đến pháp thiền đều có vẻ mơ hồ trừu tượng, mê tín. Trong các kinh này luôn luôn tạo cách dụ dỗ và hù dọa như: **“Dù cho tạo tội như núi cả. Diệu Pháp Liên Hoa tụng mấy hàng”** hoặc **“Ai không tin kinh này đầu sẽ bị bể bảy miếng”**. (Kinh Pháp Hoa). Và cuối cùng kinh nào cũng tự cho mình là đệ nhất pháp.

Đọc qua kinh sách này nếu người nào có trí thì nhận ngay ra liền kinh này không phải Phật thuyết, vì thế kinh này nó không phải là chánh pháp của Phật.



LUẬT TỨ PHẦN

Câu hỏi của Thượng Toạ Sắc Tứ

Hỏi: *Kính thưa Thầy! Những điều trong luật Tứ Phần có đầy đủ và đúng lời Phật dạy không?*

Đáp: Luật Tứ Phần là do các Tổ biên soạn, dựa theo giới kinh có thêm bớt rất nhiều cho phù hợp với hoàn cảnh, phong tục của mỗi

người, mỗi dân tộc trên bước đường hành hóa truyền đạo. Do sự tùy thuận vào mỗi nước, mỗi phong tục của dân tộc nên các Tổ đã làm lệch ý Phật qua bộ giới luật Tứ Phần.

Muốn rõ được điều này xin quý vị đọc giới đức Thánh Tỳ Kheo Tăng, Tỳ Kheo Ni thì sẽ rõ.

Bộ giới luật này chưa được xem là đầy đủ, vì trong kinh Nikaya Đức Phật dạy nhiều bài kinh nói về thiện pháp, tức là giới mà trong Tứ Phần Luật không có. Sau này có điều kiện phải được chấn chỉnh để chỉ rõ cho mọi người biết Thánh hạnh của Tỳ Kheo Tăng và Tỳ Kheo Ni.



KINH PHẠM VÕNG BỒ TÁT GIỚI

Câu hỏi của Thượng Toạ Sắc Tứ

Hỏi: *Kính thưa Thầy! Kinh Phạm Võng Bồ Tát Giới có phải chánh pháp của Phật chăng? Xin Thầy từ bi chỉ dạy cho con được rõ.*

Đáp: Kinh Phạm Võng Bồ Tát Giới không phải là chánh pháp của Phật mà là của

Bà La Môn có thâm ý muốn diệt Phật Giáo nên mới chế ra Bồ Tát Giới.

Mục đích của Bồ Tát Giới là bộ sách có hình thức tổ chức người cư sĩ thành một tổ chức để phục vụ cho Phật Giáo Đại Thừa.

Phần thứ nhất là khuyến dụ người cư sĩ thọ Bồ Tát Giới để góp công, góp của xây dựng đạo pháp của Bà La Môn, nhưng sự thật là phục vụ cho quý thầy Đại Thừa:

1/ Cúng bái tế lễ để cho Phật tử bỏ tiền ra đóng góp.

2/ Làm từ thiện cũng do Phật tử đóng góp.

3/ Xây cất chùa to Phật lớn cũng do Phật tử đóng góp.

4/ Cấm Phật tử không được tu theo Phật giáo Nguyên Thủy (Tiểu Thừa).

5/ Làm tất cả mọi công việc trong chùa chuyện lớn, chuyện nhỏ hoặc chuyện nặng nề khó khăn đều do Phật tử đóng góp công sức gọi là công quả.

Bồ Tát Giới là một bộ sách khuyến dụ Phật tử để lừa công sức và lừa của cải, tiền bạc của họ.

Bồ Tát Giới là một loại kinh sách với thâm ý diệt Phật giáo. Quý vị đọc cho kỹ lại bộ sách thì mới thấy rõ âm mưu thâm độc của các vị Tổ sư Phật giáo phát triển Đại Thừa.



SỰ SAI BIỆT GIỮA PHẬT GIÁO VÀ BÀ LA MÔN

Câu hỏi của Thượng Toạ Sắc Tứ

Hỏi: Kính thưa Thầy! Sự sai biệt giữa Bà La Môn Giáo và Phật Giáo như thế nào?

Đáp: sự khác biệt giữa Bà La Môn giáo và Phật giáo có rất nhiều sự sai khác mà ít người để ý đến như:

1- Phật giáo bình đẳng không chấp nhận giai cấp, nên giai cấp nào đến với Phật giáo đều được hướng dẫn tu tập như nhau và đều được chứng quả A La Hán không khác nhau. Trong xã hội Phật giáo không có giai cấp nào cả, chỉ toàn là những người giới luật nghiêm chỉnh gọi là Hiền Giả, đó là những bậc chưa chứng quả A La Hán; còn những bậc vô lậu

chứng quả A La Hán gọi là Thánh Giả, còn gọi là Trưởng Lão.

Ông Ca Chiên Diên là người sanh ra trong giai cấp cùng đinh, được Phật tiếp độ tu tập chứng quả A La Hán. Đó là đã phá giai cấp trong xã hội lúc bấy giờ. Cho giới nữ xuất gia chứng quả Thánh A La Hán, đó cũng là đập phá tư tưởng trọng nam khinh nữ của xã hội Phật giáo lúc bấy giờ.

Bà La Môn chấp chặt bốn giai cấp trong xã hội, cho giai cấp mình là trên hết. Chấp nhận với tinh thần trọng nam khinh nữ của xã hội. Đó là sự khác biệt giữa Phật giáo và Bà La Môn Giáo.

2- Phật giáo không chấp nhận có thể giới siêu hình, thế giới siêu hình chẳng qua chỉ là hình bóng của thế giới hữu hình con người mà thôi.

Cái nhìn của Phật giáo thiết thực, cụ thể hơn, nên thế giới siêu hình là thế giới của tưởng tri, chứ không phải là thế giới của liễu tri.

Bà La Môn chấp nhận có thể giới siêu hình nên không giống đạo Phật ở chỗ này có

về mơ hồ. Đạo Phật phi thế giới siêu hình nên đạo Phật thực tế hơn.

3- Đạo Phật không chấp nhận tụng niệm, Bà La Môn chấp nhận tụng niệm. Đức Phật dạy: ***“Này Bà La Môn, một người tụng niệm chú thuật giỏi mà phạm giới còn tham lam, trộm cắp, còn vọng ngữ, tà dâm thì người ấy có xứng đáng là Bà La Môn không?”***. Xin các bạn trả lời.

Một người không tụng niệm, không vi phạm giới luật không giết hại, trộm cắp, tà dâm, vọng ngữ thì người ấy là người có xứng đáng là Bà La Môn không? Do sự so sánh này giữa tụng niệm và không tụng niệm, giữa trì giới và không trì giới, mà chúng ta biết rất rõ đức Phật không chấp nhận tụng niệm. Thế mà đạo Phật bây giờ đi ngược lại đạo Phật ngày xưa. Đạo Phật ngày xưa có tiến bộ hơn đạo Phật bây giờ. Đạo Phật bây giờ lùi lại ở thế kỷ lạc hậu ngày xưa.

Như vậy, đạo Phật có sự sai khác với đạo Bà La Môn. Nhưng hiện nay các chùa mang danh là Phật giáo, mà thật sự là chùa Bà La Môn. Vì tứ thời tụng niệm ê a, tiếng chuông, tiếng mõ vang rền. Còn chùa Phật Giáo không tụng niệm, chỉ ngày đêm chuyên cần tu tập

ngăn ác diệt ác pháp, đó mới chính là sự công phu tu tập của Phật giáo. Đó là sự sai khác giữa Bà La Môn và Phật giáo.

4- Bà La Môn chấp nhận có tướng tốt mới thành một tu sĩ Bà La Môn, còn Phật Giáo thì không chấp nhận tướng tốt, nên đức Phật dạy: *“Người có tướng tốt mà còn tham lam, trộm cướp, tà dâm, vọng ngữ, còn ăn uống phi thời, còn cất giữ tiền bạc thì chưa thành một Bà La Môn”*. Kinh sách Đại Thừa thường ca ngợi 32 tướng tốt 80 vẻ đẹp của đức Phật, nhưng trong kinh Nguyên Thủy thì đức Phật không chấp nhận, bài bác tướng tốt của Bà La Môn. Như vậy các bạn nghĩ sao? Ba mươi hai tướng tốt 80 vẻ đẹp có phải là của Phật giáo không? Đó là sự khác biệt giữa Bà La Môn và Phật giáo...

5- Phật giáo không mê tín, Bà La Môn giáo mê tín. Kinh sách dạy mê tín như: Kinh Địa Tạng Vương, kinh Vu Lan Bồn, Kinh Di Đà. Kinh Bát Dương, kinh Viên Giác...

6- Phật giáo nương vào tự lực của mình, Bà La Môn giáo nương vào tha lực của thần quyền như: Kinh Pháp Hoa Phẩm Phổ Môn, kinh Quy Ngươn, kinh Vô Lượng Quang, kinh Di Đà...

7- Phật Giáo không khổ hạnh chỉ tu tập xả tâm, Bà La Môn khổ hạnh như: đứng một chân, ngồi kiết già nhiều giờ khiến cho thân mỗi mệt và đau nhức; ăn quá ít, mùa Đông nằm trong nước lạnh, làm cho thân chịu nhiều khổ đau... Phật giáo không làm khổ mình như vậy, những pháp môn của Phật giáo thường tu tập xả tâm, đẩy lui các chướng ngại pháp trong thân, thọ, tâm, pháp. Sống một đời sống thanh thản an lạc và vô sự. Đó là sự sai khác giữa Phật giáo và Bà La Môn giáo.

8- Thiên Phật giáo tu tập chế ngự và xả tâm, nên có bảy năng lực Giác Chi xuất hiện giúp cho hành giả nhập các định và thực hiện Tam Minh. Ngược lại, thiên Bà La Môn tu tập ức chế, không xả tâm, không ly dục ly ác pháp, nên rơi vào thiên định tưởng. Đó là sự sai khác giữa đạo Phật và Bà La Môn.

9- Bà La Môn Giáo chấp có đấng Giáo Chủ, Phật giáo chấp không có đấng Giáo Chủ. Người ta tôn xưng đức Phật lên làm đấng Giáo Chủ, nhưng Đức Phật chỉ xem mình là một Bà La Môn sống đúng phạm hạnh, chứ không phải như những Bà La Môn phạm giới, phá giới, bẻ vụn giới, chuyên cúng tế, cầu siêu, cầu an v.v..

Xin quý vị nên đọc lại kinh Pháp Cú sẽ thấy đức Phật xác định Bà La Môn đúng và Bà La Môn sai, rồi suy ngẫm ra mới thấy đạo Phật được mọi người suy tôn thành đạo Phật, chứ không phải tự đức Phật thành lập ra đạo Phật như các tôn giáo khác.

Đức Phật khi tu xong, Ngài chỉ mong đem giáo pháp chân thiện mỹ của mình, làm lợi ích cho mọi người, khiến cho mọi người sống biết thương nhau, đem lại hạnh phúc cho nhau, không còn làm khổ mình, khổ người nữa, đấy là ước nguyện của Phật cũng đủ lắm rồi, chứ Ngài đâu có nghĩ rằng: Ngày nay Phật giáo là một tôn giáo thật sự như vậy. Một tôn giáo ngoài sự ước muốn của đức Phật.

Những điều chúng tôi nói trên đây là một sự thật. Các bạn hãy nghe lời dạy cuối cùng của đức Phật trước khi chết: ***“Sau khi Ta nhập diệt các thầy Tỳ Kheo hãy lấy giới luật và giáo pháp của Ta làm thầy”***. Lời dạy này rõ ràng đạo Phật không phải là một tôn giáo mà là một môn học về đạo đức nhân bản – nhân quả có phương pháp học tập và rèn luyện hẩn hoi. Như vậy, đạo Phật và đạo Bà La Môn không giống nhau, khác xa mọi mặt.

10- Bà La Môn với Phật giáo khác nhau một trời một vực. Bà La Môn xây dựng có tiểu ngã và đại ngã. Đại ngã là bản thể của vạn hữu ví như nước biển; tiểu ngã là thể tánh của mỗi sinh vật ví như giọt nước. Khi một chúng sanh chết thì thể tánh ấy giống như giọt nước rơi vào biển cả thì chỉ còn là một khối nước. Ngược lại, Phật giáo cho thế giới hữu sắc và vô sắc đều là thế giới tướng, không có một vật gì thường hằng, vĩnh viễn, luôn luôn vô thường thay đổi từng sát na. Vạn vật sinh ra trong vũ trụ do các duyên hợp thành, nên khi tan hoại thì không còn một vật gì tồn tại. Thân tâm con người đã là không thật thì không còn có một vật gì, một thế giới vô hình ảo ảnh nào là chân thật cả. Vì thế, đạo Phật là Đạo vô ngã, chứ không hữu ngã. Mà cũng không phải vô ngã theo kiểu Đại Thừa và Thiền Tông Trung Hoa. Vô ngã mà còn có Phật tánh, còn có cội Niết Bàn, Cực Lạc Tây Phương, vô ngã mà còn có Ngọc Hoàng Thượng Đế, vô ngã thì không có Đại ngã và Tiểu ngã v.v.. Đó là những sự khác biệt giữa Phật giáo và Bà La môn. Nếu các bạn lưu ý thì sẽ thấy rõ giữa Bà La Môn giáo và Phật giáo khác nhau xa lắm.



THÂM Ý CỦA BÀ LA MÔN VỚI PHẬT GIÁO

Câu hỏi của Thượng Toạ Sắc Tứ

Hỏi: *Kính thưa Thầy! Thâm ý của Bà La Môn với Phật giáo như thế nào? Xin Thầy dạy rõ cho chúng con biết.*

Đáp: Thâm ý của Bà La Môn đối với Phật giáo là muốn diệt Phật giáo bằng nhiều thủ đoạn:

1/ Chế Bò Tát giới cấm cư sĩ và tu sĩ học, không được tu tập theo kinh sách Nguyên Thủy (Tiểu Thừa).

2/ Dùng lý luận trí tuệ Bát Nhã đập phá chân lý của Phật giáo. **“Vô khổ, tập, diệt, đạo”**.

3/ Luồn lách đưa giáo lý của mình vào để thay thế giáo lý của Phật giáo.

4/ Đưa đức Phật Di Lặc ra để thay thế đức Phật Thích Ca làm giáo chủ Phật giáo trong thời vị lai.



BÀ LA MÔN

Câu hỏi của Thượng Toạ Sắc Tứ

Hỏi: *Kính thưa Thầy! Bà La Môn trong kinh Pháp Cú mà đức Phật ca ngợi và Bà La Môn nào mà đức Phật chê, bài bác. Xin Thầy dạy cho chúng con được rõ.*

Đáp: Bà La Môn được đức Phật khen ngợi là một Bà La Môn sống đúng giới luật và chánh pháp của Phật, còn sống không đúng giới luật và chánh pháp của Phật thì đức Phật chê, không chấp nhận. Vậy chúng ta hãy đọc lại những bài kinh Pháp Cú thì sẽ biết rõ ràng hơn:

“Với người thân, miệng, ý

Không làm các ác hạnh

Ba nghiệp được phòng hộ

Ta gọi Bà La Môn”

Thân, miệng, ý không làm các ác hạnh tức là sống đời sống giới luật nghiêm chỉnh, thường tu tập các pháp ly dục ly ác pháp diệt ngã xả tâm, tức là phòng hộ ba nghiệp.

“Đoạn hết các kiết sử

Không còn gì lo sợ

Không dấm trước buộc ràng

Ta gọi Bà La Môn”

Đoạn hết các kiết sử, tức là dùng pháp ngăn ác diệt ác (Tứ Chánh Cần) đó là Bà La Môn tu đúng pháp được đức Phật chấp nhận. Không dấm trước buộc ràng, tức là hộ trì các căn: mắt, tai, mũi, miệng, thân, ý không cho dính mắc sáu trần: Sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp.

“Bỏ điều ưa, điều ghét

Thanh lương, không nhiễm ô

Hùng dũng thắng mọi cõi

Ta gọi Bà La Môn”

Thân tâm được trong sạch không cấu uế như vàng trắng sáng, tịnh lặng giữa đêm trường sâu thẳm và tất cả những hữu ái đều được đoạn trừ. Nếu người nào giữ thân tâm được như vậy là tu tập Tứ Niệm Xứ được viên mãn. Người ấy được đức Phật chấp nhận là một Bà La Môn.

“Như trăng sạch không uế

Sáng trong và tịnh lặng

Hữu ái được đoạn tận

Ta gọi Bà La Môn

Tóm lại, người được đức Phật gọi là Bà La Môn là phải sống đúng giới luật thường ngăn ác diệt ác pháp ***“Chư ác mạc tác, chúng thiện phụng hành”***. Một Bà La Môn tu tập và sống như vậy chính là tu sĩ Phật giáo, còn ngược lại là một Bà La Môn của đạo Bà La Môn hay nói cách khác một tu sĩ Phật giáo sống phạm giới, bẻ vụn giới, sống chạy theo danh lợi làm những điều mê tín lừa đảo tín đồ là Bà La Môn của Đạo Bà La Môn.



LỜI GIỚI THIỆU

*B*ước vào rừng kinh Pháp Cú chúng ta ngỡ ngác như người lạc lối vào rừng sâu, không biết lối ra. Kinh Pháp Cú cũng vậy, khi bước vào rừng kinh Pháp Cú, chúng ta không biết kinh nào đúng, kinh nào sai. Đây các bạn hãy đọc một số kinh pháp Cú mà hiện giờ đã được dịch ra Việt ngữ: Kinh Lời Vàng, Tìm Hiểu và Học Tập Kinh Pháp Cú, Kinh Pháp Cú Thí Dụ, Tích Truỵện Pháp Cú kinh v.v..

Trong số kinh Pháp Cú nhiều như vậy, có những bài kinh giống nhau, nhưng cũng có những bài kinh không giống. Vả lại các nhà chú giải các kinh Pháp Cú trên, chỉ ở trên ngôn ngữ giảng thuyết và soạn viết ra. Vì thế mà khó cho chúng ta tìm thấy cho mình một lối đi để có thể giải quyết được đời sống đau khổ cho mình.

Đọc kinh Pháp Cú hay thì thật là hay, nhưng hay trong ngôn từ, chứ không hay trong pháp hành, vì không có pháp hành cụ thể, chỉ vì kinh sách được biên dịch và chú giải do các học giả, chứ không phải hành giả. Vì thế, chúng tôi không biết phải hành như thế nào để

có kết quả giải thoát những đau khổ về nội tâm của mình.

Lúc bấy giờ chúng tôi nghĩ rằng: Không lẽ kinh là lời Phật dạy mà chỉ có nói suông như ca dao, tục ngữ sao? Nếu lời Phật dạy chỉ là lời nói suông thì còn có nghĩa lý gì. Phải không hỡi các bạn?

Bao nhiêu dịch giả, giảng sư giảng dạy, chú thích và cả những mẫu chuyện pháp cú để xác chứng nghĩa lý của những câu kinh này. Ý muốn của những học giả là làm cho kinh Pháp Cú rõ ràng ý nghĩa hơn. Chính vì lẽ đó mà kinh Pháp Cú càng trở nên sai lệch ý Phật, tối nghĩa, mất pháp hành.

Khiến cho đọc giả đọc kinh Pháp Cú chỉ thấy lời nói như tục ngữ, ca dao, cách ngôn...

Sau khi tu hành xong chúng tôi đọc trở lại bộ kinh này do Phật tử ở Tu Viện Như Lai bên Mỹ gửi về, có nhã ý muốn chúng tôi làm sáng tỏ nghĩa của những lời dạy này.

Hơn một năm nay chúng tôi rất bận nhiều việc, nên không làm sáng tỏ kinh này được.

Nay đã đủ duyên, chúng tôi quyết định làm sống lại phương pháp tu tập Tứ Thánh Định trong kinh Pháp Cú.

423 câu kinh Pháp Cú này được Hoà Thượng Minh Châu dịch. Vì chúng tôi chọn lấy những câu kinh của Hoà Thượng Minh Châu, vì Hoà Thượng là người dịch giả không thêm, bớt, không sửa sai từ ngữ mà chỉ trung thực theo chữ nghĩa dịch lại rất sát với nguyên bản. Còn những bản kinh Pháp Cú khác thì chúng tôi xem đó là kinh phát triển thêm bớt rất nhiều.

Như Hoà Thượng Minh Châu đã nói: “423 bài kệ trong kinh này, tóm thâu tinh hoa giáo lý đức Phật”. Như vậy 423 bài kệ này có phải là những pháp hành và những kinh nghiệm của đức Phật trong giáo trình tu tập để đạt được đạo giải thoát.

Vì thế, chúng tôi sẽ cố gắng diễn đạt để quý bạn có một pháp hành cụ thể từ khi bắt đầu cho đến viên mãn.

Muốn được vậy thì chúng tôi xin quý bạn hãy buông xuống tất cả những kiến giải và kiến chấp của quý bạn, để quý bạn hoàn toàn có một tâm khách quan. Và vì thế, khi đọc xong “Những lời Phật dạy” thì quý bạn mới rõ thấu đường đi của đạo Phật từ A đến Z hay nói cách khác, từ căn bản đến Tam Minh.

Trong 423 bài kệ này chính là lời dạy của đức Phật như Hoà Thượng Minh Châu đã xác định: **“Giá trị bất hủ của kinh Pháp Cú là ở chỗ này, và ta cảm thấy không còn có sự trung gian của các vị Tổ sư kết tập kinh điển”**, nhưng theo chúng tôi nghĩ: Sự thêm bớt của người sau không thể nào tránh khỏi.

Riêng chúng tôi đọc kinh Pháp Cú thấy ngay được pháp hành và nền đạo đức nhân bản- nhân quả của đạo Phật.

Để làm sáng tỏ đạo đức của đạo Phật qua 423 bài kệ, và xác chứng cho mọi người biết rằng: Đạo Phật có một nền đạo đức nhân bản thật sự mà trong kinh Pháp Cú đã nói lên tất cả rõ ràng, cụ thể.

Cuối cùng, chúng tôi chỉ ước mong quý bạn hãy lắng nghe những lời chúng tôi diễn đạt với một tâm hồn vô tư trong sáng, thì sẽ có lợi ích rất lớn cho các bạn, còn nếu các bạn cố chấp, tự ái, mặc cảm... thì chẳng lợi ích gì cho các bạn mà khiến cho các bạn thêm căm tức.

Kính thưa các bạn! Chúng tôi chú giải kinh Pháp Cú là vì muốn đem lợi ích cho các bạn, chứ riêng chúng tôi thì phải hao tâm tổn sức. Chúng tôi mong ước mọi người, khi đọc

những lời chú giải này, hiểu rõ cách thức tu tập và thực hành có kết quả ngay liền.

Kết quả giải thoát của mọi người ra khỏi ác pháp và tâm tham, sân, si, thì đó là một niềm vui chân thật của chúng tôi.

Kết quả giải thoát của mọi người là nói lên được giá trị của kinh Pháp Cú này. Và cũng nói lên được nền đạo đức nhân bản-nhân quả của kinh này.

Sau khi nghe lời dạy chân thật này của Phật, không gì hơn là mọi người phải nghiêm túc thực hành mang lại kết quả thực sự. Đó là đền đáp ơn Phật.

Lời dạy của đức Phật không phải là thứ bánh vẽ, chỉ có lời dạy của ngoại đạo mới mang đến cho chúng ta một hy vọng mà không bao giờ đạt được.

*Kính ghi
Tu Viện Chơn Như
Tháng 5 năm 2002*



LỜI TỰA GIỚI THIỆU KINH PHÁP CÚ CỦA HÒA THƯỢNG MINH CHÂU

7ôi dịch tập *Dhammapada* ra tiếng Việt để cúng dường Phật đản 2513 (1969). Quyển kinh *Dhammapada* thuộc tập *Khud daka Nikaya* (Tiểu bộ kinh) được xem như quyển Thánh kinh trong Phật giáo và trở thành một trong những tập sách được dịch ra nhiều thứ tiếng nhất trong kinh sách Phật giáo. Không những 423 bài kệ trong kinh này tóm thâu tinh hoa giáo lý đức Phật, nhưng nhiều bài kệ đã trở thành những lời dạy chính đức Phật thân thuyết. Và đọc những bài kệ này, chúng ta cảm thấy như thân nghe chính lời Phật dạy từ hơn 2000 năm vang lại. Giá trị bất hủ của tập *Dhammapada* là ở chỗ này, và ta cảm thấy không còn sợ trung gian của các vị Tổ sư kết tập kinh điển.

Chúng tôi cho dịch theo thể kệ năm chữ một, để thật trung thành với nguyên văn, và quý vị sẽ thấy rõ sự cố gắng của chúng tôi, đã dịch hết sức sát với nguyên văn, và nhiều bài kệ có thể xem không thêm, không bớt, một chữ Pali chúng tôi cũng cố gắng tôn trọng đến mức

tối đa. Vì đây là thể kệ chứ không phải là thể thơ nên không có thi hóa trong bản dịch của tôi.

Dịch tập Dhammapada này ra thể kệ, chúng tôi chỉ có một tâm nguyện mong sao những lời dạy này của đức Phật sẽ soi sáng dẫn đường cho mọi hành động, tâm tư, ngôn ngữ của chúng ta. Và ở trong một thời đại đầy máu lửa đau thương nước mắt, đầy những phân hóa, hỗn tạp, hận thù, oán ghét, những lời dạy này của đức Phật xoa dịu một phần nào cho tâm tư đã quá căng thẳng hay buồn nản của con người Việt Nam, làm con người Phật tử trở lại con người Phật tử.

Vạn Hạnh ngày Phật Đản 2513(1969)

*Tỳ Kheo Thích Minh Châu Viện Trưởng Viện
Đại Học Vạn Hạnh.*



XÁC ĐỊNH CỦA ĐỨC PHẬT VỀ “Ý THỨC” CỦA CON NGƯỜI CÓ TÂM QUAN TRỌNG NHẤT TRONG ĐẠO PHẬT

LỜI PHẬT DẠY

*“Tâm dẫn đầu mọi pháp
Tâm chủ, tâm tạo tác
Nếu nói hay hành động
Với tâm tư ô nhiễm
Khổ não sẽ theo ta
Như xe theo vật kéo”.*

*(Kinh Pháp Cú: I.Yamakavagga.
Phẩm Song Yếu).*

CHÚ GIẢI:

Đức Phật nói đến tâm, tức là nói đến cái biết của con người, nhưng cái biết của con người có ba cái:

1/ Cái biết của ý thức (cái biết do sự phân biệt của sáu thức hằng ngày).

2/ Cái biết của tướng thức (cái biết trong giấc mộng).

3/ Cái biết của tâm thức (cái biết của thức uẩn, cái biết siêu không gian và thời gian, cái biết để thực hiện Tam Minh vô lậu của bậc A La Hán).

Vậy chữ tâm trong kinh Pháp Cú ở đây là cái biết nào cho đúng với nghĩa của nó này?

Xin thưa các quý bạn, chữ tâm ở đoạn kinh này đã làm cho nhiều người đọc dễ hiểu sai ý Phật.

Theo kinh nghiệm tu hành của chúng tôi thì chữ tâm mà nhà học giả dịch dùng ở đây, chúng ta phải hiểu nó là **“ý thức phân biệt hằng ngày trong cuộc sống của chúng ta”**. Nó chính là tri kiến của mỗi người đang sử dụng hằng ngày.

Con đường tu tập của đạo Phật lấy ý thức phân biệt làm vũ khí tiến quân tấn công giấc tham, sân, si; giấc sinh tử luân hồi. Đó là ý của bài kinh này vậy.

Câu kinh thứ nhất trong kinh Pháp Cú đức Phật đã xác định cho chúng ta biết **“Ý thức”** của con người rất quan trọng trong vấn đề tu tập theo đường hướng của đạo Phật. Vì ý

thức chủ động tạo tác mọi vấn đề trong cuộc sống tốt hoặc xấu đều do nó. Ngoài ý thức ra thì con người không có một vật gì để chủ động điều khiển thiện hay ác pháp được.

Do thấu suốt được lý này, nên bốn chân lý của đạo Phật mới ra đời để giải quyết mọi sự khổ đau của kiếp con người.

Cho nên, Chánh kiến và Chánh tư duy trong Đạo Đức là gì các bạn có biết không? Đó là ý thức các bạn ạ. Ý thức dẫn đầu trong giáo pháp của đức Phật một cách rõ ràng và cụ thể.

“Tâm dẫn đầu mọi pháp

Tâm chủ, tâm tạo tác”

Hai câu này là một pháp hành rất cụ thể. Đó là pháp hướng tâm ***“Như lý tác ý”***. Tức là ***“pháp dẫn tâm vào đạo”***, nghĩa là khi biết tâm là ý thức dẫn đầu mọi pháp thì có đường đi để đạt được mục đích bất động tâm không còn khó khăn.

Hai câu kệ này đã xác định cho chúng ta biết chỉ có loài người mới có một phương tiện tối ưu như vậy. Nếu chúng ta biết sử dụng nó, thì nó sẽ giúp chúng ta thoát khổ của kiếp làm người, còn nếu chúng ta không biết sử dụng, để tự nó dẫn dắt chúng ta đi, thì chắc chắn cuộc

đời sẽ đen tối và sự đau khổ triền miên bất tận.

Nếu biết được **“tâm dẫn đầu mọi pháp”** thì giờ này chúng ta đâu có đau khổ. Phải không hỡi các bạn?

Vì nó dẫn đầu, tức là nó làm chủ mọi pháp. Làm chủ mọi pháp, trong mọi pháp đó, phải có pháp sanh, già, bệnh, chết. Nhưng có sao con người lại không làm chủ những điều này?

Con người không làm chủ được những điều này, là vì con người không biết cách điều khiển **“ý”**, để nó làm chủ mọi pháp.

Cho nên, hiện giờ **“các pháp dẫn đầu tâm”**, chứ không phải **“tâm dẫn đầu mọi pháp”**. Phải không hỡi các bạn?

Các pháp dẫn đầu tâm, vì thế tâm thường phải chịu đau khổ.

Hôm nay đức Phật xác định: **“Tâm dẫn đầu các pháp”** chúng ta đã sáng mắt ra và đã hiểu rõ lời dạy này như ánh đuốc soi vào đêm tối. Lời dạy này như chúng tôi đã nói ở trên là một pháp hành cụ thể **“dẫn tâm vào đạo, chứ đừng dẫn đạo vào tâm”**.

Nhờ hiểu biết câu này, nên hằng ngày chúng ta dẫn tâm vào đạo: ***“tâm như đất, là tham, sân, si cho sạch; tham, sân, si là pháp khổ đau phải xa lìa, viễn ly”***. Đó là câu trạch pháp đầu tiên để thực hiện dẫn tâm vào thiện pháp và dẫn tâm diệt trừ ác pháp ***“Tâm dẫn đầu mọi pháp”***.

Lời chú giải này là một trong những kinh nghiệm tu hành của chúng tôi đã mang đến kết quả giải thoát một cách cụ thể rõ ràng. Chúng tôi chú giải câu kệ này, để các bạn hiểu những lời dạy của đức Phật không còn là thứ ngôn ngữ suông, mà từ lâu các bạn chỉ biết nó là một lời nói đúng và rất hay, chứ không ngờ nó là một phương pháp tu hành căn bản nhất của đạo Phật. Nếu lời chú giải này có lợi ích thật sự cho các bạn thì các bạn hãy thực hành, còn nếu không lợi ích thì xin các bạn ném bỏ nó, như ném bỏ một chiếc giày rách.

“Tâm dẫn đầu các pháp”, khi biết nó là pháp ác thì các bạn có nên để tâm của các bạn dẫn pháp ác đó vào thân tâm bạn không?

Nếu bạn là một người mất trí thì mới dùng tâm mình dẫn pháp ác vào tâm để mình chịu khổ đau. Phải không các bạn?

Muốn làm sáng tỏ pháp dẫn tâm, nên đức Phật đã răn nhắc chúng ta bằng những câu kệ kế tiếp sau:

“Nếu nói hay hành động

Với tâm tư ô nhiễm”

Câu kệ đầu có nghĩa là ***“nói hay hành động”*** tức là dẫn tâm, còn câu kệ ***“với tâm tư ô nhiễm”*** tức là ác pháp.

Hai câu kệ này có nghĩa là ***“dẫn tâm vào ác pháp”***.

Dẫn tâm vào ác pháp thì sẽ như thế nào các bạn? Đức Phật xác định:

“khổ nào sẽ theo ta

Như xe theo vật kéo”

Bốn câu kệ này có nghĩa là: Nếu người nào dẫn tâm vào ác pháp thì sự đau khổ sẽ không bao giờ mất, nó luôn luôn như chiếc xe theo vật kéo, phước còn thì chưa thấy tai họa, đến khi phước hết thì họa khổ sẽ đến liền.

Tâm tư ô nhiễm, tức là tâm ác, tâm làm khổ mình, khổ người và khổ chúng sanh.

“Tâm dẫn đầu các pháp” là một pháp môn rất cụ thể, giúp cho mọi người thoát khổ ngay liền. Nó là pháp môn vừa ngăn ác pháp

mà cũng vừa diệt ác pháp rất tuyệt vời. Nếu ai biết áp dụng thực hành thì tâm hồn sẽ thanh thản, an lạc và vô sự, bất động trước các pháp ác và cảm thọ.

Chúng tôi xin nhắc lại toàn bộ bài kệ:

“Tâm dẫn đầu mọi pháp

Tâm chủ, tâm tạo tác

Nếu nói hay hành động

Với tâm tư ô nhiễm

Khổ não sẽ theo ta

Như xe theo vật kéo”.

Bài kệ này rút ra được bài pháp thực hành cụ thể như:

1- Pháp dẫn tâm “Như lý tác ý”.

2- Không nên dẫn tâm vào ác pháp.

3- Phải tỉnh thức trên mọi hành động của thân, tâm để tránh và dẫn tâm xa lìa các ác pháp.

Chỉ một bài kệ này đã giúp cho người theo đạo Phật thấy được tâm giải thoát bằng những hành động cụ thể dẫn tâm vào đạo.

Trong bài kệ này có một tích chuyện mà chúng tôi không chấp nhận, đó là câu chuyện

của Trưởng Lão Cakkhapāla, vì không thấy đường nên đi kinh hành làm chết côn trùng rất nhiều trong một đêm mưa gió loài côn trùng xuất hiện.

Thưa các bạn! Câu chuyện này thật là vô lý. Trưởng Lão Cakkhapāla là người đã chứng quả A La Hán, thế mà không sáng suốt nhận định được côn trùng xuất hiện được sau cơn mưa. Đó là cái sai thứ nhất.

Người chứng đạo vô lậu, lòng từ, ban rải khắp cùng, có đâu lại nở tâm đi kinh hành để vô tình giết hại chúng sanh. Đó là cái sai thứ hai.

“Tâm dẫn đầu các pháp” là một vị tu sĩ như Cakkhapāla không biết sao? Không dẫn tâm được sao?

Nếu dẫn tâm thì làm sao có vô tâm giết hại chúng sanh. Đó là cái sai thứ ba.

Nếu bảo rằng bài kinh ví dụ này là để đức Phật xác định câu kinh Pháp Cú này, khi vô tâm không tội. Theo chúng tôi nghĩ đạo Phật là đạo trí tuệ, đạo sáng suốt, đạo tỉnh thức, định tĩnh thì làm sao có vô tâm được. Phải không các bạn? Đó chỉ là Đại Thừa kiến giải

theo kiểu học giả, chứ Phật nào có dạy như vậy đâu? Vì dạy như vậy trái với đạo tỉnh thức.

Đạo Phật là đạo trí tuệ, mỗi hành động đều phải có sự tỉnh thức để luôn sống ở trong chánh kiến của đạo Phật thì làm sao có vô tâm? Người vô tâm, vô phân biệt là người của ngoại đạo. Trong đạo Phật Chánh kiến chưa đủ, mà còn phải Chánh tư duy.

Nếu Trưởng Lão Cakkhapāla sống trong Chánh kiến, Chánh tư duy thì làm gì lại đi kinh hành để vô tâm sát hại chúng sanh như vậy.

Cho nên, bảo rằng: Đức Phật đem ví dụ để xác định bài kệ vô tâm giết hại chúng sanh là không tội. Điều đó sai với chân lý của đạo Phật, như chúng tôi đã nói ở trên. Vì đạo Phật có Bát Chánh Đạo. Bát Chánh Đạo không cho phép chúng ta làm việc gì vô tâm cả. Vì vô tâm cũng phải đoạ địa ngục, cũng phải chịu nhiều khổ đau.

Vì vô tâm sát hại thì người lái xe đã gây ra tai nạn giao thông cũng là vô tâm, để rồi phải thọ lãnh sự khổ đau tù tội không phải riêng mình mà còn gây ra cả bao nhiêu người khác đau khổ nữa. Cho nên, bài kinh ví dụ này là sai.

Câu kinh Pháp Cú đã xác định nghĩa của đạo Phật rõ ràng:

“Tâm dẫn đầu các pháp”

Tâm dẫn đầu các pháp mà tâm không sáng suốt, tâm không tỉnh thức, tâm không định tĩnh thì tâm sẽ dẫn chúng ta vào đau khổ.

Nếu hành động vô tâm, tức là không chỉ huy các pháp thì các pháp sẽ dẫn đầu tâm, như vậy không thể gọi là ***“tâm dẫn đầu các pháp”***.

Xét ra tích chuyện Pháp Cú là do người sau bịa đặt, làm sai ý nghĩa câu kinh. Xin quý bạn lưu ý đừng để kiến giải của học giả lừa đảo quý bạn, làm mất ý nghĩa pháp hành quý báu của đức Phật.

Mới vào đầu câu kệ của kinh Pháp Cú mà các Tổ đã lồng truyện tích làm sai ý pháp Phật, thật là đau lòng.

Chúng ta là đệ tử của Phật phải sáng suốt để bài trừ tà kiến trong Phật giáo.

Tóm lại, bài kệ này trong kinh Pháp Cú có một giá trị rất lớn về pháp hành trong chân lý Đạo Đế của đạo Phật, tức là nó thuộc về sáu nẻo trong Bát Chánh Đạo: Chánh kiến, Chánh

tư duy, Chánh ngữ, Chánh nghiệp, Chánh mạng, Chánh tinh tấn.

Đứng về thiền định thì nó thuộc về pháp hành của Tứ Chánh Cần “*Ngăn ác diệt ác, sanh thiện tăng trưởng*”. Còn đứng về giới luật thì nó là “*hạnh ly dục ly ác pháp*”.

Vì thế, biết áp dụng sáu câu kệ này vào cuộc sống hằng ngày thì con đường giải thoát của đạo Phật ở ngay trước mắt các bạn và quả A La Hán cũng ngay tại đó.



LỜI XÁC ĐỊNH THỨ HAI CỦA ĐỨC PHẬT

LỜI PHẬT DẠY

- 2 -

*“ Tâm dẫn đầu mọi pháp
Tâm chủ, tâm tạo tác
Nếu nói hay hành động
Với tâm tư thanh tịnh
Hạnh phúc sẽ theo ta
Như bóng không rời hình”.*

*(Kinh Pháp Cú: I.Yamakavagga.
Phẩm Song Yếu)*

CHÚ GIẢI:

Xin nhắc lại bài kệ trên, tâm dẫn đầu các pháp ác thì tâm khổ não, sự khổ não đó theo ta cũng giống như xe theo con vật kéo. Nếu tâm không dẫn đầu ác pháp thì tâm không khổ. Do tâm dẫn đầu ác pháp nên tâm phải chịu khổ, sự khổ đau đó không thể nào

tránh khỏi, vì thế nên đức Phật ví nó như xe theo con vật kéo.

Cho nên, người sống trong ác pháp mà bảo rằng có hạnh phúc, an vui thì không thể nào tin được vì quả khổ sẽ theo ta như xe theo con vật kéo. Đó lời xác định của đức Phật như vậy. Cho nên, một người còn ăn thịt chúng sanh, mà bảo rằng họ sống có hạnh phúc thì chúng ta làm sao tin được.

Qua bài kệ thứ nhất, chúng ta xét lại bài kinh Song Tâm, thì bài kệ thứ nhất, tức là tâm ác.

Tâm ác là gì?

Là sự suy tư về một ác pháp để biến ra lời nói hay hành động làm đau khổ mình, đau khổ người và chúng sanh.

Ví dụ: Hôm nay là ngày Tết mọi nhà đều giết loài vật để ăn Tết. Trước khi giết loài vật để ăn Tết thì chúng ta suy tư, phải giết con lợn, con gà, con vịt hay cá tôm, v.v..

Sự suy tư như vậy là tâm dẫn đầu ác pháp.

Khi sai bảo người nhà: **“Con hãy ra bắt con gà giết thịt làm cỗ cúng ông bà”**, lời nói này là lời nói ác pháp. Khi ấy, đứa con trai

ra chuồng bắt con gà cột hai chân lại đem ra cắt cổ gà.

Hành động bắt gà, cột hai chân và hành động cắt cổ là hành động ác pháp. Cho nên, lời nói hay hành động ác pháp đều do tâm dẫn đầu trong ác pháp.

Sự suy nghĩ làm đau khổ và giết con gà chết là nhân ác. Nhân ác thì làm sao tránh khỏi quả khổ đau, vì thế đức Phật dạy:

“khổ nào sẽ theo ta

Như xe theo vật kéo”.

Ngược lại, bài kệ thứ hai cũng như vậy, nhưng bài kệ thứ hai lại tâm dẫn đầu vào thiện pháp, tức là sự tư duy thiện. Sự tư duy thiện sẽ biến ra lời nói và hành động thiện tức là tâm thiện như trong bài kinh Song Tầm mà Đức Phật đã dạy phương pháp thiện định ***“ngăn ác diệt ác pháp, sanh thiện tăng trưởng thiện pháp”.***

Người mà tâm dẫn đầu mọi pháp thiện thì lời nói hay hành động đều thiện, tức lời nói và hành động không làm khổ mình, khổ người và khổ chúng sanh và như vậy đức Phật đã xác định:

“Hạnh phúc sẽ theo ta.

Như bóng không rời hình”.

Đọc bài kệ một và bài kệ hai chúng ta thấy rất rõ, một tâm của chúng mà có hai mặt: thiện và ác: mặt ác khổ đau sẽ đến với chúng ta mãi mãi; mặt thiện hạnh phúc và an vui cũng sẽ theo chúng ta mãi mãi.

Xét qua hai bài kệ này chúng ta thấy được phương pháp tu hành của Đạo Phật rất cụ thể.

Nếu một người muốn tìm đường thoát khổ của kiếp làm người thì bất cứ ở đâu, không cần phải vào chùa, lên non, núi, rừng... đều tu giải thoát được cả.

Biết tâm là phương pháp dẫn đầu mọi pháp, nên chúng ta sử dụng tâm dẫn vào sự ngăn chặn và diệt ác pháp, không cho dẫn tâm vào ác pháp. Nói một cách khác, là chúng ta điều khiển tâm xa lìa ác pháp và luôn luôn dẫn tâm vào thiện pháp.

Hằng ngày thường dẫn tâm xa lìa ác pháp và dẫn tâm vào thiện pháp như vậy, thì đó là cách thức tu tập của đạo Phật.

Hai bài kệ trên đây là một phương pháp thực hành sống ngăn ác diệt ác pháp và sanh thiện tăng trưởng thiện pháp bằng cách dẫn tâm theo ý muốn của chúng ta. Chắc chắn kết

quả: ***“Hạnh phúc sẽ theo ta như bóng không rời hình”***.

Trong kinh Pháp Cú có hai bài kệ này là pháp môn tu hành tuyệt vời, nếu ai có duyên gặp được pháp bảo này mà không tu tập để chịu một đời khổ đau thì người ấy là người ngu.

Đừng dẫn tâm vào ác pháp thì đâu phải khổ đau. Biết ác pháp mà dẫn tâm vào ác pháp thì chỉ có người vô minh ngu si mới làm điều này.

Biết ác pháp là khổ đau mà cứ dẫn tâm vào ác pháp thì người ấy chỉ là một con vật ngu si.

Ví dụ: Biết tâm tham, tâm sân là ác pháp là khổ đau mà cứ dẫn tâm vào chỗ đó là người ngu si như con thú vật.

Con người không thể là con vật. Biết giết hại ăn thịt chúng sanh là khổ não sẽ theo ta như xe theo vật kéo, thế mà cứ sống và giết hại và ăn thịt chúng sanh thì làm sao tránh khỏi khổ não.

Trên đời ***“khổ não”*** ai mà chẳng sợ, thế sao lại dẫn tâm vào ác pháp, để chịu lấy khổ não. Người ơi! Sao lại ngu quá vậy?

Thịt cá chúng sanh là những chất bất tịnh tanh hôi uế trước, có gì thanh tịnh trong sạch đâu? Mà lại thích ăn, cái ngon nơi miệng của quý vị là cái ảo giác. Ăn vào miệng có ngon hoài đâu? Nuốt qua khỏi cổ cái ngon còn đâu? Như vậy không phải là ảo giác sao?

Người có trí, có ý thức, có sự hiểu biết một chút về điều này thì chắc chắn sẽ dẫn tâm vào thiện pháp chứ không điên gì mà dẫn tâm vào ác pháp và như vậy người ấy đã thoát khổ.

Hai bài kệ trên đây chính đức Phật dạy chúng ta sống bắt đầu cho nền đạo đức nhân bản - nhân quả, không làm khổ mình, khổ người và khổ chúng sanh. Để kết luận bài này chúng ta đọc lại cả hai bài kệ trên:

“Tâm dẫn đầu mọi pháp

Tâm chủ, tâm tạo tác

Nếu nói hay hành động

Với tâm tư ô nhiễm

Khổ nào sẽ theo ta.

Như xe theo vật kéo.

--o0o--

“Tâm dẫn đầu mọi pháp

Tâm chủ, tâm tạo tác

***Nếu nói hay hành động
Với tâm tư thanh tịnh
Hạnh phúc sẽ theo ta
Như bóng không rời hình”.***

Đọc xong bài kệ này chúng ta hãy lắng nghe dư âm đang cùng khắp trong không gian và thấu tận đáy tâm hồn của chúng ta với một trạng thái thanh thản, an lạc, hạnh phúc tuyệt vời trong môi trường sống của muôn loài, cũng từ đó lòng yêu thương sự sống của chúng ta phủ trùm trên hành tinh này như không khí.



TÂM ÁC VÀ TÂM THIỆN

LỜI PHẬT DẠY

- 3 -

*“Nó mắng tôi, đánh tôi
Nó hại tôi, cướp tôi
Ai ôm ấp niệm ấy
Hận thù không thể nguôi”.*

- 4 -

*“Nó mắng tôi, đánh tôi
Nó hại tôi, cướp tôi
Không ôm ấp niệm ấy
Hận thù sẽ tự nguôi”*

*(Kinh Pháp Cú: I.Yamakavagga.
Phẩm Song Yếu)*

CHÚ GIẢI:

Hai bài kệ đầu của kinh Pháp Cú, đức Phật đã xác định: **“Tâm dẫn đầu mọi pháp”** và kệ đó là những câu trong bài kệ đó là chỉ

cho chúng ta cái sườn tổng quát của phương pháp hành thiền của đạo Phật.

“Tâm chủ tâm tạo tác

Nếu nói hay hành động

Với tâm tư ô nhiễm

Khổ nào sẽ theo ta

Như xe theo vật kéo”.

Đến bài kệ thứ 3 và thứ 4 thì đức Phật xác định cách thức tu tập đi vào chi tiết rất rõ ràng và cụ thể bằng phương pháp dẫn tâm:

Nếu dẫn tâm bằng ác pháp thì phải dẫn tâm như câu kệ 3 dạy.

Đây là lối dẫn tâm vào ác pháp:

“Nó mắng tôi, đánh tôi

Nó hại tôi, cướp tôi

Ai ôm ấp niệm ấy

Hận thù không thể nguôi”.

Bốn câu kệ này là phương cách dẫn tâm vào ác pháp.

Đọc đến đây, chắc quý bạn thấy lối dẫn tâm của đạo Phật rất rõ ràng. Phải không các bạn?

Bốn câu kệ trên đó là lối dẫn tâm vào ác pháp để mà chịu khổ đau. Phải không hỡi các bạn?

Nếu là một người ngu si thường hay nghĩ người ta chửi mình, hại mình, ghét mình, thì đó là tự mình chuốc lấy khổ đau cho mình.

Nếu là một người ngu thường hay nghĩ người ta nói xấu mình, vu oan, làm khổ mình. Đó là tự mình dẫn tâm vào ác pháp, chuốc lấy khổ đau cho mình.

Đối với đạo Phật chỉ có người vô minh, ngu si như loài vật, mới dẫn tâm vào chỗ khổ đau như vậy, còn người có trí không thể sống như vậy được.

Bốn câu kệ này đã trở thành chi tiết của pháp dẫn tâm vào ác pháp. Nó là câu trạch pháp của **“pháp như lý tác ý ác”**.

Nếu đứng về pháp lậu hoặc thì nó là tâm ác, tầm ác tức là tà tư duy.

Trong Bát Chánh Đạo thì tà tư duy không được chấp nhận.

Thưa các bạn! Bốn câu kệ này được xếp loại:

- 1- Pháp như lý tác ý ác.

- 2- Song tâm thì nó là tâm ác.
- 3- Bát Chánh Đạo nó là tà tư duy.
- 4- Định Vô Lậu thì nó là Định Hữu Lậu.

Ngược lại bài kệ thứ tư:

“Nó mắng tôi, đánh tôi

Nó hại tôi, cướp tôi

Không ôm ấp niệm ấy

Hận thù sẽ tự nguôi”.

Bài kệ thứ tư nếu ai thường tác ý như vậy thì thân tâm được thanh thản, an lạc và vô sự không bao giờ có phiền não, khổ đau, sợ hãi v.v..

Nếu gặp ác pháp mà ai cũng tư duy như câu kệ trên đây thì tâm hồn sẽ không bao giờ có khổ đau, phiền lụy, buồn khổ, v.v.. Phải không hỡi các bạn?

Người nào thường hay sống với Chánh tư duy như vậy thì chắc chắn cuộc đời của họ làm gì có khổ đau.

Đọc qua bốn bài kệ trong kinh Pháp Cú, chúng ta thấy rất rõ: Kinh Pháp Cú là một loại kinh dạy về đạo đức làm người, có pháp hành cụ thể, đưa dắt con người vào cuộc đời đầy tình thương yêu giữa mình và người; giữa người và

mọi loài vật. Và ai cố gắng tu tập sẽ biến cảnh giới thế gian thành cảnh giới Niết Bàn một cách thực tế. Nếu một người muốn tìm tu giải thoát thì ngay khi bắt đầu vào bài kệ 1, 2 thì chúng ta cũng đã nhận ngay ra chỉ có con người mới có một phương tiện ý thức để phân biệt để tiến tu đến giải thoát hoàn toàn (Bài kệ 1 và 2).

Bài kệ ba và bốn là chi tiết của pháp tác ý để tiến sâu vào nội tâm giải thoát bằng Chánh tư duy hay bằng phương cách tác ý qua những câu kệ trích pháp trên.

Nếu hằng ngày chúng ta sống với những câu kinh Pháp Cú này, thường xuyên như lý của nó mà người nào tác ý ra thì chúng tôi xin bảo đảm cùng các bạn: Người ấy là người giải thoát. Đó là con đường giải thoát của đạo Phật đang ở trong tầm tay của quý bạn. Các bạn đừng bỏ qua một pháp môn đức hạnh tuyệt vời, quý báu của loài người, rất ủng hộ các bạn ạ!



LẤY ÂN BÁO OÁN

LỜI PHẬT DẠY

- 5 -

*“Hận thù diệt hận thù
Đời này không thể có
Từ bi diệt hận thù
Là định luật thiên thu”.*

- 6 -

*“Và người khác không biết
Chúng ta đây bị hại
Chỗ ấy, ai hiểu được
Tranh luận được lắng êm”.*

*(Kinh Pháp Cú: I.Yamakavagga.
Phẩm Song Yếu).*

CHÚ GIẢI:

Bài kệ thứ năm hai câu đầu là một tà tư duy giúp cho chúng ta hiểu rõ nghĩa lý sống

của cuộc đời: Không thể lấy hận thù diệt hận thù được.

“Hận thù diệt hận thù

Đời này không thể có”

Lời dạy này là một chân lý không thể ai thay đổi được. Bởi vì cuộc đời này không thể lấy hận thù diệt hận thù được. Mà chỉ có lòng thương yêu của chúng ta mới diệt được hận thù. Hai câu dưới đây mới thật sự là Chánh tư duy:

“Từ bi diệt hận thù

Là định luật thiên thu”

Sự tư duy này giúp cho chúng ta thấu rõ định luật bất di bất dịch của loài người, duy nhất chỉ có lòng thương yêu mới diệt được hận thù.

Khi chúng ta tư duy suy nghĩ như vậy, giúp cho chúng ta lớn mạnh trong nền đạo đức nhân bản - nhân quả.

Một bài kệ trong kinh Pháp Cú là một viên gạch xây tòa lâu đài đạo đức nhân bản làm người. Mỗi một viên gạch Pháp Cú sẽ làm tăng trưởng tri kiến giải thoát trong ta, sẽ

giúp đời sống của chúng ta gắn chặt vào nền đạo đức nhân bản - nhân quả.

Hỡi các bạn thân thương! Các bạn hãy tu tập, rèn luyện tâm mình theo kinh Pháp Cú, thì cuộc sống đạo đức của các bạn càng ngày càng thêm lớn mạnh. Và đời sống của các bạn tràn đầy sự an vui và hạnh phúc. Các bạn có tin chẳng? Tin thì có lợi cho các bạn, bằng không tin thì thôi, chứ chúng tôi không có quyền cám dỗ và lôi cuốn các bạn. Chúng tôi chỉ nói một sự thật để may ra ai có hữu duyên gặp pháp bảo này sẽ giúp họ có một cuộc sống an lành thì chúng tôi cũng mãn nguyện lắm rồi.

Nhờ có pháp như thế mà sống giữa các ác pháp, tâm bất động. Vì chúng ta đã biết hận thù không thể diệt hận thù mà chỉ có lòng yêu thương mới được diệt hận thù.

Đến bài kệ thứ sáu:

“Và người khác không biết

Chúng ta đây bị hại”

Một người dùng tâm nhẫn nhục, khởi lòng thương yêu người hung dữ ức hiếp, chửi mắng,

làm hại mình, thì người đời không hiểu cho rằng: chúng ta là kẻ hèn nhát, không dám ăn thua với kẻ kia. Và vì sự nhẫn nhịn như thế mà kẻ dữ hung ác kia sẽ lấy lòng, ăn hiếp, lấn lướt chúng ta nữa. Và nếu chúng ta ăn thua đủ với kẻ hung dữ thì như vậy làm sao gọi: **“Từ bi diệt hận thù”**. Chính sự nhẫn nhục và lòng yêu thương đó mới gọi là **“Từ Bi diệt hận thù”**.

Xin thưa cùng các bạn! Những điều suy nghĩ trên đây rất đúng. Vì đã nhẫn nhịn mà còn khởi tâm thương yêu. Nhất là chúng ta còn biết chịu thua rồi chạy. Do đó, người ấy có hung ác đến bao nhiêu, họ cũng không thể hại ta được. Vì chúng ta biết nhẫn và biết thương yêu, thì hành động thân, miệng, ý của chúng ta không cho phép chúng ta làm cho người kia tức giận hơn nữa. Vì thế, cơn sân hận của họ sẽ được lắng êm.

Người ta hiểu lầm khi **“lấy từ bi diệt hận thù”** không có nghĩa là chịu thua, không có nghĩa là hèn nhát. Mà có nghĩa là biết sống, sống một đời sống đạo đức cao thượng tránh không làm khổ mình, khổ người. Đó mới

xứng đáng là đệ tử của Phật, của người thọ trì kinh Pháp Cú.

Thời nay phần nhiều người ta đọc kinh Pháp Cú thấy nó rất hay, nhưng chẳng mấy ai biết sống như thế nào cho đúng nghĩa của nó. Vì thế, kinh Pháp Cú cũng chỉ giống như những cuốn kinh sách khác với một số ngôn ngữ răn nhắc làm điều thiện, chứ chưa ai biết thực hành như thế nào để sống một đời sống đạo đức và có thể đi xa hơn nữa là tu tập vô lậu hoàn toàn chứng quả A La Hán.

Nếu những ai có kinh nghiệm biết rõ thì kinh Pháp Cú có những pháp hành tu tập từ căn bản đến nhập các định và thực hiện Tam Minh, chứng quả A La Hán.

Những bài kinh Pháp Cú đầu tiên này là dạy chúng ta tu tập ly dục ly ác pháp. Để sống một đời sống đạo đức nhân bản - nhân quả, kể đến những bài kinh khác dạy chúng ta nhập định và thể hiện Tam Minh một cách cụ thể rõ ràng, xin các bạn vui lòng đọc tiếp những bài kinh sau này.

Từ xưa đến nay, không có người tu chứng nên không triển khai được kinh này thành một giáo trình tu tập của đạo Phật.

Kinh này dạy đạo đức rất cụ thể và thực tế. Bắt đầu học là có pháp thực hành ngay liền để tâm được giải thoát an vui và hạnh phúc.

Từ chỗ **“Từ bi diệt hận thù”** người ta đọc tới đây chỉ thấy nó là một lý thuyết suông của ngôn ngữ Phật giáo. Nhưng Sự thật không phải vậy: **“Từ bi diệt hận thù”** là pháp môn tu nhẫn nhục với tâm hồn buông xả. Muốn buông xả được thì phải khởi lòng thương yêu người hận thù mình. Khởi lòng yêu thương tức là tâm từ bi, chỉ có tâm từ bi mới nhẫn nhục mà không bị ức chế tâm. Từ bi là pháp môn chế ngự tâm, hàng phục tâm. Từ bi là pháp môn Tứ Vô Lượng Tâm. Tứ Vô Lượng Tâm gồm có: từ, bi, hỷ, xả. Nếu muốn biết rõ tu tập pháp này thì hãy đọc **“Hành Thập Thiện và Tứ Vô Lượng Tâm”**.

Tại sao lại phải thương yêu người hận thù với mình?

Tại vì người hận thù mình là người đang đau khổ nhất, người đang ở trong ác pháp. Biết

người đang đau khổ mà ta lại làm cho họ đau khổ hơn thì ta đâu phải là con người. Phải không hỡi các bạn?

Chỉ là một con thú mới không biết điều này; mới tức giận kẻ chửi mình. Nếu oán ghét người chửi mình, từ đó hận thù chồng lên hận thù.

Bài kinh thứ 6, ***“Chỗ ấy ai hiểu được”***

Khi một người tu hạnh nhẫn nhục biết thương yêu và tha thứ cho kẻ khác, thì khó có người khác nhận ra được điều này. Người ta chỉ thấy người nhẫn nhục là người hèn nhất, dường như người ấy sẽ bị hại, bị người khác lấn lướt, nên kinh dạy: ***“Mà người khác không biết”*** cho người nhẫn nhục bị hại, bị chà đạp: ***“Chúng ta đây bị hại”***.

Người có hạnh nhẫn nhục, có lòng thương yêu thì chuyện to trở thành nhỏ, chuyện nhỏ được lắng êm như không có chuyện gì xảy ra, nên kinh dạy:

“Chỗ ấy ai hiểu được

Tranh luận được lắng êm”

Tóm lại, bài kệ thứ 3 và thứ 5, là lời của đức Phật dạy về pháp ngăn ác pháp.

Bài kệ thứ 4 và thứ 6 là dạy về pháp diệt ác pháp. Ai biết rõ như vậy thì ác pháp không xâm chiếm tâm mình được.

Khi áp dụng vào pháp ngăn và pháp diệt ác pháp này, thì phải dùng pháp như lý tác ý, pháp quán vô lậu trong Chánh tư duy, còn diệt ác pháp thì phải dùng Định Vô Lậu tư duy quán xét để xả tâm khiến cho ác pháp bị diệt mất không còn tác dụng vào thân, tâm mình được nữa.



PHÒNG HỘ SÁU CĂN

LỜI PHẬT DẠY

- 7

*“Ai sống theo dục lạc
Không nhiếp hộ các căn
Ăn uống thiếu tiết độ
Biếng nhác, chẳng tinh cần
Dễ bị ma nhiếp phục
Như gió lay cây yếu”.*

- 8 -

*“Ai sống quán bất tịnh
Khéo hộ trì các căn
Ăn uống có tiết độ
Có lòng tin, tinh cần
Ma không uy hiếp được
Như núi đá trước gió”.*

*(Kinh Pháp Cú: I.Yamakavagga.
Phẩm Song Yếu)*

CHÚ GIẢI:

Bài kệ thứ bảy là pháp môn dạy giữ gìn sáu căn. Câu kệ đầu dạy: **“Ai sống theo dục lạc”**. Nghĩa là người tu theo đạo Phật thì không nên sống theo dục lạc. Vì dục lạc ở đời dễ cám dỗ con người đi vào đường sa đọa, đắm nhiễm ác pháp khiến cho đời người phải chịu nhiều thứ khổ đau. Cho nên, sống không theo dục lạc là sống không bị ác pháp chi phối. Sống không bị ác pháp chi phối, tức là sống ly dục ly ác pháp.

Sống không theo dục lạc là sống Đạo, sống thoát khổ; sống không theo dục lạc là sống đạo đức không làm khổ mình, khổ người; sống không theo dục lạc là sống ly dục ly ác pháp; sống không theo dục lạc là sống đời Thánh hạnh; sống không theo dục lạc là sống tại thế gian mà thân tâm ở cảnh giới Niết Bàn.

Cho nên, ai sống theo dục lạc là sống trong ác pháp; sống trong đau khổ; sống theo dục lạc tưởng là hạnh phúc, nhưng chính thật là khổ đau; sống theo dục lạc là sống không ly dục ly ác pháp. Người ấy dù muốn tu tập thiền định thì chẳng bao giờ có thiền định; sống theo dục lạc là đời sống không bao giờ có đạo đức

làm người đối với chính mình, đừng nói chỉ có đạo đức đến người khác.

Bài bảy câu 2, **“Không nhiếp hộ sáu căn”**. Câu kệ này Phật dạy: Người tu hành không nhiếp hộ sáu căn, để 6 căn rong ruổi theo sáu trần thì còn gì là ý nghĩa của người tu giải thoát.

Bởi sáu căn tiếp xúc sáu trần sanh ra sáu thức. Do tiếp xúc sáu trần mới có dục (Năm dục trưởng dưỡng). Có dục thì dục mới đưa con người vào ác pháp, vào ác pháp thì mới chịu nhiều khổ đau.

Cho nên, trên bước đường tu tập theo đạo Phật thì sự nhiếp hộ 6 căn là vấn đề quan trọng và cũng là hàng đầu trong pháp môn tu tập của Bát Chánh Đạo: Chánh Kiến, Chánh Tư Duy.

Nhiếp hộ sáu căn có nghĩa là giữ gìn mắt, tai, mũi, miệng, thân, ý, đừng để cho chúng chạy theo sáu trần. Chúng chạy theo sáu trần tức là tâm phóng dật.

Ví dụ: Các bạn tu hành mà thích trò chuyện, tiếp duyên thì đó là các bạn đã tu sai, tu như vậy khó ly dục ly ác pháp.

Trước khi bạn chưa tu, thì bạn nên nghiên cứu, học hiểu nghe băng, những điều cần thiết để thấu suốt đường tu của bạn. Còn nếu bạn bắt đầu tu mà còn nghe băng, đọc kinh sách... Đó là bạn không nhiếp hộ 6 căn thì bạn có tu bao lâu cũng chẳng đến đâu được.

Trước khi bạn tu tập thì bạn còn lao động làm việc này, việc nọ, nhưng khi đã tu tập, mà bạn còn lao động làm việc này, việc nọ, thì đó là bạn không phòng hộ sáu căn. Do đó, con đường tu của bạn chẳng ích lợi gì thiết thực cho bạn. Bạn có biết không?

Chỉ vì bạn không nhiếp hộ sáu căn, nên mới sinh ra việc làm này, việc làm khác.

Muốn nhiếp “*các căn chỉ có phương pháp độc cư là nhiếp hộ 6 căn đệ nhất*”. Nó vừa phòng hộ, vừa nhiếp phục sáu căn của bạn quay vào trong thân.

Cho nên, con đường tu theo đạo Phật thì nhiếp hộ sáu căn là pháp môn cần thiết nhất giúp bạn ly dục ly ác pháp, nhập các loại định hữu sắc.

Khi nhiếp hộ sáu căn thì nhiếp phục sự ăn uống là điều tối ưu quan trọng. Ăn uống phải tiết độ, ăn uống không được ăn uống phi

thời. Vì ăn uống không tiết độ và phi thời, thì đó là tâm bạn chạy theo dục lạc. Tâm chạy theo dục lạc là do thiếu sự phòng hộ và nhiếp phục các căn.

Ăn uống không tiết độ, ăn uống phi thời, thì dễ sanh ra biếng nhác, không tinh cần, thường thích sống trong dục.

Ba câu kệ của bài bảy:

“Không nhiếp hộ sáu căn

Ăn uống thiếu tiết độ

Biếng nhác, chẳng tinh cần”

Ba câu kệ này chỉ dạy cho người mới tu, nó là pháp chế ngự để phòng hộ nhiếp phục sáu căn, là để ăn uống có tiết độ, không được ăn uống phi thời và để siêng năng không được biếng nhác, đó là những điều cần thiết cho những người mới tu tập. Người mới tu tập mà không giữ gìn những đức hạnh này thì cuộc đời tu của mình thật là phí uổng. Chẳng bao giờ tìm được sự giải thoát chân thật.

Hai câu kệ cuối cùng của bài kệ thứ bảy, là để kết luận cho những người tu tập không đúng pháp hay để tâm phóng dật chạy theo dục lạc, không nhiếp hộ sáu căn, thường ăn uống không tiết độ, ăn uống phi thời, do đó

tâm dễ sanh ra biếng nhác, chẳng siêng năng tập luyện, chỉ thích ăn, thích ngủ, thì lúc bấy giờ sáu trần dễ dính mắc và dễ bị cám dỗ, nên kinh dạy:

“Dễ bị ma nhiếp phục

Như gió lay cây yếu”

Ngược lại, bài kệ thứ bảy là bài kệ thứ tám dạy: Ai siêng năng tinh cần không sống theo dục lạc, thường giữ gìn sáu căn không cho dính mắc sáu trần. Ăn uống có tiết độ, không ăn uống phi thời và lúc nào cũng tinh tấn siêng năng làm đúng, tu đúng, sống đúng như lời dạy trong bài kệ thứ tám, thì không bị sáu trần cám dỗ. Không phá hạnh độc cư nên tâm không bị sáu trần lay động, do đó tâm không phóng dật, vững vàng như thạch bàn trước gió.

Tóm lại, bài kệ thứ bảy và thứ tám là phương pháp dạy: sống đúng Thánh hạnh của bậc chân tu. Nếu người tu sống ngược lại Thánh hạnh, thì không phải là đệ tử của Phật. Vì đang bị sáu trần vây hãm, sống như người thế tục.

Sau khi thực hành được giải thoát theo như hai bài kệ này. Chúng ta hãy đọc lại mà

lắng nghe tâm hồn mình đang nghĩ gì, làm gì
cho đúng với chánh pháp của Phật dạy?

“Ai sống theo dục lạc

Không nhiếp hộ sáu căn

Ăn uống thiếu tiết độ

Biếng nhác chẳng tinh cần

Dễ bị ma nhiếp phục

Như gió lay cây yếu”.

--oOo--

“Ai sống quán bất tịnh

Khéo hộ trì các căn

Ăn uống có tiết độ

Có lòng tin, tinh cần

Ma không uy hiếp được

Như núi đá trước gió”.



CHỈ ĐỊNH MỘT THÁNH TĂNG

LỜI PHẬT DẠY

- 9 -

*“Ai mặc áo cà sa
Tâm chưa rời uế trước
Không tự chế, không thật
Không xứng áo cà sa”.*

- 10 -

*“Ai rời bỏ uế trước
Giới luật khéo nghiêm trì
Tự chế, sống chân thật
Thật xứng áo cà sa”.*

*(Kinh Pháp Cú: I.Yamakavagga.
Phẩm Song Yếu)*

CHÚ GIẢI:

7ám câu kệ trên đây để xác định một tu sĩ Phật giáo đúng hay là sai.

Những người tu sĩ chưa rời bỏ những danh, lợi trong cuộc đời, đời sống chưa ba y một bát, chưa thiếu dục tri túc, chưa lấy gốc cây làm giường nằm, chưa cắt bỏ ái kiết sử... thì người ấy chưa rời uế trước. Do đó, người ấy chưa xứng đáng mặc áo cà sa. Như vậy, những câu kinh Pháp Cú đã xác định một tu sĩ Phật giáo đúng tư cách của một tu sĩ rõ ràng. Vậy các bạn đừng bảo rằng: Đức Phật không xác định đệ tử của Ngài, để các bạn nhận định biết ai là Thánh Tăng, ai là giả Tăng.

“Ai mặc áo cà sa

Tâm chưa rời uế trước

Không tự chế, không thật

Không xứng áo cà sa”.

Lời xác định này, chúng ta nhìn lại tu sĩ Phật giáo hiện giờ có xứng đáng là người tu sĩ của Phật giáo chưa? Có xứng đáng mặc áo cà sa chưa?

Bài kệ thứ 10 đức Phật đã xác định đệ tử của Ngài phải sống đúng như thế này mới thật sự là đệ tử của Ngài:

“Ai rời bỏ uế trước

Giới luật khéo nghiêm trì

Tự chế, sống chân thật

Thật xứng áo cà sa”.

Người tu sĩ Phật giáo hiện giờ nhìn chung có ai rời bỏ uế trước đâu. Uế trước ở đây có nghĩa danh và lợi. Chưa bỏ danh lợi có nghĩa là chưa ba y một bát; chưa ba y một bát có nghĩa là chưa thiếu dục tri túc; chưa thiếu dục tri túc có nghĩa chưa là trắng bạch như vỏ ốc, tâm hồn chưa phóng khoáng như hư không. Danh lợi ở đây chỉ cho chúng ta thấy tu sĩ hiện giờ là phú Tăng, chùa to Phật lớn như cung đình, tiền bạc có hằng tỉ tỉ, vật chất sống đầy đủ hơn người thế gian.

Còn nói đến giới luật thì ít thấy Thầy nào nghiêm trì. Nghiêm trì được giới này thì phạm giới kia. Nghiêm trì được giới kia thì phạm giới này. Như vậy, làm sao xứng đáng là đệ tử của Phật, là Thánh Tăng được, chỉ là Ma Ba Tuần đội lột Phật giáo.

Đọc bài kệ thứ chín và bài kệ thứ 10 thì chúng ta xác định vị Sư, Thầy nào là đệ tử của Phật và vị Sư, Thầy nào là đệ tử của Ma, chúng ta thấy không mấy khó khăn.

Đức Phật đã nói lên hai bài kệ này là để cho hàng cư sĩ biết rõ những tu sĩ giả danh Phật giáo, lừa đảo tín đồ, hành nghề mê tín...

Cũng như trong một bầy bò, có lộn một con dê chúng ta cũng dễ nhận thấy, cũng như một bầy dê có lộn một con bò chúng ta cũng dễ nhận ra.

Bởi vậy, người tu sĩ chân chánh của Phật đâu phải ở chỗ có thần thông, bay lên trời, biết chuyện quá khứ vị lai, ngồi thiền nhiều ngày, mà ở chỗ đức hạnh của bậc Thánh Tăng thì mới đúng. Thần thông, biết chuyện quá khứ vị lai, ngồi thiền nhiều ngày không làm nên một đệ tử của Phật. Xin các quý bạn lưu ý.

Chỉ có tám câu kệ này đã giúp cho quý Phật tử không lầm thầy mình là Thánh Tăng Phật giáo hay là thầy mình là một thầy Bà La Môn ngoại đạo.



SONG TÂM

LỜI PHẬT DẠY

- 11 -

*“Phi chân, tưởng chân thật
Chân thật tưởng phi chân
Do tư duy tà vạy
Chân thật không thể thành”.*

- 12 -

*“Chân thật biết chân thật
Phi chân biết phi chân
Do tư duy chân chánh
Chân thật tự nhiên thành”.*

*(Kinh Pháp Cú: I.Yamakavagga.
Phẩm Song Yếu)*

CHÚ GIẢI:

Xét trong 4 chân lý của đạo Phật: Khổ,
Tập, Diệt, Đạo.

Chân lý thứ nhất, **“Khổ Đế”** thì khó có ai lầm, nên ngoại đạo không lồng vào được.

Chân lý thứ hai, **“Tập Đế”** thì khó có ai lầm, vì thế ngoại đạo không bác được.

Chân lý thứ ba, **“Diệt Đế”** thì ngoại đạo đã lồng vào những hình ảnh trừu tượng, ảo giác ³để lừa đảo tín đồ.

Chân lý thứ tư, **“Đạo Đế”** thì được ngoại đạo và các nhà học giả nghiên cứu giáo pháp, kiến giải, tưởng giải và lồng giáo pháp của ngoại đạo vào đã làm lệch lạc **“Đạo Đế”**.

Vì thế cái phi chân, tưởng là chân thật, chân thật tưởng là phi chân. Do sự tư duy không đúng chánh pháp nên từ các Tổ xa xưa cho đến ngày nay chưa có ai chứng quả vô lậu giải thoát của bậc A La Hán.

Nếu chúng ta cứ theo đúng con đường Đạo Đế mà tu tập sống ngăn ác diệt ác pháp, thấy mọi pháp biết cái nào đúng, cái nào sai không bao giờ lầm lạc thì chẳng lo gì không chứng quả vô lậu A La Hán.

³ Cực Lạc Tây Phương, Niết Bàn, chân tâm Phật tánh, bản lai diện mục, linh hồn, thần thức...

Hai bài kệ này đức Phật đã xác định phương cách tu tập rất cụ thể rõ ràng: Nếu một người Chánh Tư Duy, tức là luôn luôn sống trong tâm thiện (suy nghĩ thiện) và luôn luôn diệt tâm ác, ngăn diệt sự tư duy ác thì sự tư duy chân thật sẽ tự nhiên thành tựu đạo quả vô lậu A La Hán.

Pháp hành của hai bài kệ này, tức là đức Phật dạy chúng ta tu tập theo pháp hành Song Tâm.

□ Tâm ác bài kệ thứ 11

□ Tâm thiện bài kệ thứ 12

Đây thuộc về Chánh Tư Duy trong Bát Chánh Đạo.

Đọc lại hai bài kệ chúng ta sẽ thấy pháp hành ngay liền!

Do tư duy không chân chánh (Tà Tư Duy) đưa đến cho ta có cái nhìn tà kiến thường sống trong ác pháp (tà mạng).

□ Tâm ác:

“Phi chân, tưởng chân thật

Chân thật, tưởng phi chân

Chân thật không thể thành”.

Do tư duy chân chánh dạy ta:

□ Tầm thiện:

“Chân thật biết chân thật

Phi chân biết phi chân

Chân thật tự nhiên thành”.

Tuy rằng những câu kinh Pháp Cú đơn giản như vậy, nhưng nó là một bài pháp Song Tầm ngắn gọn dễ hiểu, dễ hành, dễ thấy kết quả ngay liền.



THIỆN XẢO TRONG TU TẬP

LỜI PHẬT DẠY

- 13 -

*“Như mái nhà vụng lợp
Mưa thấm dột dễ dàng
Cũng vậy tâm vụng tu
Tham dục dễ thâm nhập”.*

- 14 -

*“Như mái nhà khéo lợp
Mưa khó thấm dột vào
Cũng vậy tâm khéo tu
Tham dục không xâm nhập”.*

*(Kinh Pháp Cú: I.Yamakavagga.
Phẩm Song Yếu)*

CHÚ GIẢI:

Bài kệ thứ 13 và bài kệ thứ 14 đức Phật khuyên nhắc chúng ta khi tu tập phải thiện xảo khéo léo, đừng chấp chặt những giáo điều

khô chết mà phải linh động, khéo léo để ngăn ngừa ác pháp tham dục.

Một người tu tập không nhiệt tình, thường tu lấy có, không thiện xảo dẫn tâm, không chế ngự được tâm, không nhiếp phục được tâm và không an trú được tâm, thì cũng giống như người lợp mái nhà, làm nhà lấy có, vụng lợp nên mái nhà mưa thấm dột dễ dàng.

Ví dụ: Một người tu Định Niệm Hơi Thở dẫn tâm định trên hơi thở mà không khéo léo thiện xảo thì vọng tưởng hôn trầm, thù miên, vô ký dễ xen vào, giống như mái nhà vụng lợp, mưa thấm dột dễ dàng. Còn người khéo tu, thiện xảo, nhiếp phục, an trú thì vọng tưởng, hôn trầm, thù miên và vô ký khó xen vào.

Người tu tập không khéo léo, không thiện xảo, không nhiếp phục được tâm thì tu hành mất công vô ích.

Tám câu kệ này là một lời khuyên tu của đức Phật: Nếu muốn tu thì phải tu cho kỹ lưỡng từng hành động, từng hơi thở trong mỗi pháp, không được tu lấy có hình thức.

Mỗi lần đọc lại hai bài kệ này là chúng ta thấy lời nhắc nhở của đức Phật rất thấm thía cho sự tu tập của chúng ta.

***“Như mái nhà vụng lợp
Mưa thấm dột dễ dàng
Cũng vậy tâm vụng tu
Tham dục dễ thâm nhập”.***

--o0o--

***“Như mái nhà khéo lợp
Mưa khó thấm dột vào
Cũng vậy tâm khéo tu
Tham dục không xâm nhập”.***



NHÂN QUẢ 1

LỜI PHẬT DẠY

- 15 -

*“Nay buồn, đời sau buồn
Kẻ ác, hai đời buồn
Buồn nản, tự hủy diệt
Thấy việc ác mình làm”.*

- 16 -

*“Nay vui, đời sau vui
Kẻ thiện, hai đời vui
An vui, quá an vui
Thấy việc thiện mình làm”.*

*(Kinh Pháp Cú: I.Yamakavagga.
Phẩm Song Yếu)*

CHÚ GIẢI:

Bài kệ thứ 15 và thứ 16 đức Phật đã khéo phân biệt quả của pháp ác và pháp thiện.

Bài kệ này cũng là bài pháp Song Tâm. Nhưng bài này đức Phật xác định kết quả của Song Tâm.

Nếu đời nay tư duy ác, mang ác pháp vào tâm thì tâm hồn sẽ buồn khổ, buồn khổ không những một đời mà nhiều đời.

“Nay buồn, đời sau buồn

Kẻ ác, hai đời buồn”

Đời người vì vô minh không hiểu luật nhân quả, tưởng mình làm ác để đạt được mục đích danh và lợi cho thỏa mãn lòng dục, nào ngờ quả khổ đến và họ nghĩ rằng: nếu có khổ cũng chỉ khổ một lúc mà thôi. Nhưng không phải vậy, quả khổ không phải đến một lúc mà còn duy trì từ đời này sang đời khác. Vì thế, có người sinh ra gặp ngay liền quả khổ, khổ quá không chịu nổi, nên phải tự tử, nhưng tự tử lại là một việc làm ác, do đó ác chồng ác, khổ chồng khổ.

“Buồn nản tự hủy diệt

Thấy việc ác mình làm”

Bài kệ này chúng ta nhận xét rằng: Nếu cuộc đời khổ vui là tự mình làm lấy cho mình, chứ kịch tuồng nhân quả luôn luôn nó diễn biến theo trò ảo thuật của nó mà thôi. Nếu

chúng ta biết dừng thì nó dừng, còn không biết dừng thì nó vẫn diễn biến mãi mãi không lúc nào dừng nghỉ. Vì thế, khổ vui chồng chất lên mãi.

Nhưng điều chắc chắn, nếu chúng ta không biết dừng và diệt ác pháp, luôn tạo tác và ở trong ác pháp thì đời này, đời sau và đời sau nữa mãi mãi sống trong cảnh buồn khổ, dù bất cứ ở nơi cảnh giới nào cũng chẳng bao giờ có sự an vui và hạnh phúc cả, khi mà đã ôm vào lòng những ác pháp.

Bài kệ thứ 15 này chính là lời của đức Phật đã xác định như vậy, mong quý bạn đừng bảo rằng đức Phật không nói lời này.

Lời cảnh tỉnh này khéo nhắc nhở chúng ta sống phải biết ngăn và diệt ác pháp, nếu các bạn không tin thì các bạn sẽ phải chịu khổ đời này sang đời khác, nếu các bạn tin thì các bạn sẽ trở thành người có đạo đức không làm khổ mình, khổ người thì đời sống của bạn là Thiên Đàng, Cực Lạc.

Chúng tôi có một người bạn dám bảo rằng: *“Này bạn, làm sao bạn có thể xác định được lời này là đúng của Phật nói, hay là lời này là không phải đức Phật nói?”*. Ví dụ như hai câu kệ này:

“Nay buồn đời sau buồn

Kẻ ác, hai đời buồn”

Bởi vì đạo Phật bắt nguồn từ thiện pháp nên bộ giới luật đức hạnh và pháp môn của Ngài luôn dạy tu tập ngăn ác diệt ác pháp, sanh thiện tăng trưởng thiện, cũng đủ để xác chứng những câu kệ trên là Phật nói. Vì thế, hai câu kệ này là đức Phật đã xác định, để chúng ta thấu rõ. Ai ôm ác pháp đời sẽ buồn khổ. Đời buồn khổ sẽ không phải một đời mà nhiều đời. Các bạn cần phải nhớ lời này.

Chúng tôi là đệ tử của Phật nói ra lời nào thì không dám nói sai lời Phật dạy, vì nói sai lời dạy của đức Phật là phỉ báng Phật, cho nên chúng tôi chỉ có lập lại đúng ý nghĩa của nó, xin các bạn hiểu cho.

Bởi vậy, có một số người tu chưa chứng dám lấy kinh Phật thuyết giảng lung tung làm sai lệch ý Phật, khiến cho Phật giáo mất gốc như kinh sách Đại Thừa và Thiền Tông.

Nếu một người hiểu biết đạo Phật, lúc nào cũng ngăn ác diệt ác pháp, luôn sống trong thiện pháp thì tâm hồn luôn luôn thanh thản, an vui và vô sự. Sự an vui, thanh thản và vô sự

ấy không những ở đời này, đời sau và đời sau nữa mãi mãi.

Với tâm hồn thanh thản, an vui và vô sự đó, dù thời gian nào, ở bất cứ nơi đâu, Địa Ngục, Thiên Đàng, Niết Bàn, Cực Lạc... tâm hồn cũng thanh thản, an vui và vô sự đó mãi mãi bất diệt. Như kinh Pháp Cú dạy:

“Nay vui đời sau vui

Kẻ thiện, hai đời vui”

Đó là lời xác chứng mạnh mẽ, hùng hồn, chân thật. Chỉ có sống trong thiện pháp là giải thoát, là hết khổ đau. Muốn được vậy thì ngày ngày chúng ta phải chuyên cần tu tập ngăn ác diệt ác pháp không để tâm mình bị chướng ngại ác pháp. Đây là mình sống cho mình, sống trong thiện pháp; đây là mình tu theo đúng pháp Phật để ly tham đoạn ác pháp.

Hai bài kệ này đã xác định cho chúng ta thấy pháp môn Tứ Chánh Cần là tại nơi đây. Bài kệ thứ 15 cho chúng ta thấy quả của người không ngăn ác và diệt ác pháp, đời này buồn đời sau tiếp tục buồn. Bài kệ thứ 16 do ngăn ác, diệt ác pháp mà đời này vui, đời sau vui:

“Nay vui đời sau vui

Kẻ thiện, hai đời vui”

Hai bài kệ này là chỉ cho kết quả của Tứ Chánh Cần ***“ngăn ác diệt ác, sanh thiện tăng trưởng thiện”*** là đem đến quả an vui. Nói tóm lại, đây là sự giải thoát của đạo Phật chân thật mà không có một pháp nào hơn được.

Phương pháp tu hành của đạo Phật rất đơn giản, cụ thể, thấm thía và hạnh phúc nhất đối với cuộc đời của người tu hành. Chúng ta hãy lắng tâm đọc lại hai bài kệ này:

“Nay buồn đời sau buồn

Kẻ ác, hai đời buồn

Buồn mãi tự hủy diệt

Thấy việc ác mình làm”.

--oOo--

“Nay vui đời sau vui

Kẻ thiện, hai đời vui

An vui quá an vui

Thấy việc thiện mình làm”.

Khi đọc xong các bạn cứ suy ngẫm, càng suy ngẫm, các bạn mới thấm thía lời dạy chân thành thương yêu của đức Phật đối với chúng sanh. Lòng yêu thương ấy rộng lớn vô bờ bến

không thể lấy gì so sánh được. Phải không hỡi các bạn?

Chỉ có sống thiện mới chính đem lại hạnh phúc chân thật cho mình, cho mọi người.

Chỉ có sống thiện mới chính mình ở bờ bên kia, còn những người sống ác thì làm sao đến bờ bên kia được, luôn luôn phải chịu ở bờ bên này và mãi mãi chịu.



NHÂN QUẢ 2

LỜI PHẬT DẠY

- 17 -

*“Nay than, đời sau than
Kẻ ác, hai đời than
Than van: “Mình làm ác”
Đọa cõi dữ, than hơn”.*

- 18 -

*“Nay sướng, đời sau sướng
Kẻ thiện, hai đời sướng
Sung sướng: “Mình làm thiện”
Sanh cõi lành, sướng hơn”.*

*(Kinh Pháp Cú: I.Yamakavagga.
Phẩm Song Yếu)*

CHÚ GIẢI:

Bài kệ thứ 17 và thứ 18 ý nghĩa của nó cũng như hai bài kệ trên nó cũng từ pháp môn Tứ Chánh Cần mà ra.

Xin các bạn hãy đọc lại bài kệ và lắng nghe tâm hồn của các bạn. Các bạn sẽ thấy thấm thía lời dạy đạo đức nhân bản – nhân quả không làm khổ mình, khổ người và khổ tất cả chúng sanh.

“Nay than, đời sau than

Kẻ ác, hai đời than

Than van: “Mình làm ác”

Đọa cõi dữ, than hơn”.

--oOo--

“Nay sướng, đời sau sướng

Kẻ thiện hai đời sướng

Sung sướng: “Mình làm thiện”

Sanh cõi lành, sướng hơn”.

Trong cuộc sống hiện tại lúc nào các bạn cũng than thở: Vì thiếu hụt cơm ăn áo mặc; vì thiếu hụt tiền tài vật chất không đủ; vì thiếu hụt công danh không đạt v.v.. và v.v.. Đó là một sự than thở, thở than mà người đời thường đau khổ nhiều về việc đó. Sự than thở ấy trong hiện tại nhưng nhân quả của nó sẽ tiếp diễn trong tương lai hay từ đời này sang đời khác. Cho nên, đức Phật dạy: ***“Nay than, đời sau***

than”. Đúng vậy, ngay trong hiện tại không giải quyết được mọi sự khổ đau thì mong gì ngày mai được an vui hạnh phúc.



NGƯỜI HỌC NHIỀU KHÔNG BẰNG NGƯỜI TU TẬP

LỜI PHẬT DẠY

- 19 -

*“Dầu tụng nhiều kinh điển
Không hành trì, phóng dật
Chẳng khác đếm bò người
Không hưởng Sa Môn hạnh”.*

- 20 -

*“Dầu tụng ít kinh điển
Nhưng y giáo phụng hành
Từ bỏ tham, sân, si
Giác tỉnh tâm giải thoát
Không chấp trước, hai đời
Tất hưởng Sa Môn hạnh”.*

*(Kinh Pháp Cú: I.Yamakavagga.
Phẩm Song Yếu)*

CHÚ GIẢI:

Hai bài kệ thứ 19 và thứ 20 này: Nếu dù người nào có tụng nhiều kinh điển cũng chẳng có lợi ích gì, chỉ có tu hành từ bỏ tham, sân, si thì mới có lợi ích, mới có sự giải thoát.

Theo con đường tu tập của Phật giáo thì không có tụng kinh ê a như các vị giáo sĩ Bà La Môn gọi là “tán tụng”. Chữ tụng ở đây có nghĩa là học kinh điển. Học nhiều kinh điển mà không tu tập ngăn ác diệt ác pháp, không ly dục ly ác pháp như trong bài kệ này nói: **“không hành trì”** thì chẳng có gì lợi ích.

Trong kinh Sonadanda Đức Phật đã bài bác tụng niệm một cách ráo riết. Trong giới luật đức Phật cấm ca hát. Tụng niệm là một hình thức ca hát.

Không ly dục ly ác pháp thì tâm sẽ phóng dật. Tâm phóng dật thì dù có hiểu rộng biết nhiều kinh điển của Phật cũng chẳng có lợi ích gì, chẳng thấy được sự giải thoát nào. Chẳng nếm được mùi vị giải thoát của Đạo.

Cho nên, người học nhiều kinh sách, có cấp bằng này, có cấp bằng kia mà không chịu hành trì ngăn ác diệt ác pháp, thì người ấy chỉ là người nói láo có sách vở.

Vì thế, bài kệ ví như người chăn bò chỉ biết đếm bò cho chủ.

“Chẳng khác đếm bò người

Không hưởng Sa Môn hạnh”

Đúng vậy, lời dạy này rất đúng, chúng tôi đã từng gặp các quý Thầy, từng học trong các Phật học cao đẳng, từng học các trường đại học Phật giáo, đậu bằng tiến sĩ Phật học, nhưng tâm quý Thầy từng phóng dật, vì thế cuộc đời của quý Thầy chẳng biết được mùi vị giải thoát như thế nào. Mà chỉ loanh quanh trên chữ nghĩa kinh sách và đến khi chết trong bệnh tật, đau khổ một cách rất oan uổng một đời tu học Phật pháp.

Họ viết sách giảng kinh chỉ là kiến giải học giả. Người trước nói sao thì người sau kế thừa nói vậy, chứ chẳng dám sửa sai dù một chữ, một lời hay một ý, họ chỉ biết một chữ, ***“vâng vâng, dạ dạ”*** làm theo cách ***“cha truyền con nối”*** hay ***“Tổ Tổ truyền nhau”***, chứ có tu hành đâu mà dám sửa sai ai.

Học để hiểu biết nghĩa lý thâm sâu của kinh sách cũng như học để hiểu biết pháp nào của Phật dạy, pháp nào của Tổ dạy, để tránh xa những pháp tà ngoại ấy, là sự học kinh

sách như vậy mới có lợi ích. Còn học kinh sách chỉ hiểu chung chung cái nào cũng cho là của Phật dạy thì người học kinh sách như vậy là người vô minh, không biết sai đúng, giống như con chim học nói, chứ chẳng hiểu nghĩa; giống như con thú chỉ biết ăn mà không biết mùi vị.

Còn kinh sách đúng của Phật dạy, chỉ học hiểu cho nhiều mà không thực hành thì có ích lợi gì cho sự học đó đâu.

Học kinh sách để đi nói láo thì học kinh sách mất công sức mà còn thêm tội lỗi (tội vọng ngữ).

Mục đích kinh sách dạy cho đời là để tu tập, là để sống cho đúng đạo đức làm người, không làm khổ mình, khổ người, chứ không phải kinh sách Phật để chúng ta học hành thi lấy cấp bằng cao đẳng, đại học v.v..

Người ta xem kinh sách Phật như một môn học về Phật giáo, giống như các môn học khác ngoài đời. Theo thiện nghĩ của chúng tôi hiểu: Lời Phật dạy không phải là một môn triết lý học suông, mà là một đạo đức nhân bản sống động đem lại sự an vui, hạnh phúc cho mọi người. Vì vậy, học để sống đạo đức, chứ không phải học để hiểu biết suông; để đi tranh luận hơn thiệt với mọi người.

Chúng ta học ít nhưng học tới đâu áp dụng thực hành tới đó và sống cho đúng đạo đức làm người không làm khổ mình, khổ người, thì mới thấy được sự lợi ích của lời dạy này:

“Dù tụng ít kinh điển

Nhưng y giáo phụng hành

Từ bỏ tham, sân, si

Giác tỉnh tâm giải thoát

Không chấp trước, hai đời

Tất hưởng Sa Môn hạnh”.

Bài kệ tuy đơn giản nhưng chúng ta càng đọc càng thấm thía cho cuộc đời tu hành. Nếu chúng ta không chịu đọc kỹ lại những lời dạy này, thì dù có tu cũng sẽ tu sai pháp, tu sai pháp là tại chúng ta không chịu hiểu kỹ, chứ không phải tại đức Phật dạy sai. Bài kệ này, đức Phật đã cảnh giác chúng ta trong hiện tại và những người về đời sau nữa, để tránh đi những loại kinh kiến giải, tướng giải của các nhà học giả biên soạn viết xưa nay như: kinh sách Đại Thừa và Thiền Tông Trung Hoa.

Những bài kinh Pháp Cú này đã xác định cho chúng ta biết sự học và sự tu khác nhau chứ không giống nhau. Sự học chỉ giúp cho

chúng ta hiểu biết để tu tập, chứ không phải sự học là chính, sự học chỉ là vấn đề phụ, sự tu mới là vấn đề chính.

Sa Môn hạnh, tức là Sa Môn quả. Sa Môn quả là kết quả của sự tu tập. Nó để dành riêng cho những người tu tập, chứ không dành cho người học nhiều, hiểu rộng. Người tu tập sẽ có kết quả thanh thân, an lạc và vô sự. Kết quả đó sẽ hiện thực rõ ràng qua hành động thân, miệng, ý tức là oai nghi tế hạnh trong cuộc sống hằng ngày của một vị tu sĩ, mà người ta gọi là Thánh hạnh.



KHÔNG PHÓNG DẬT

LỜI PHẬT DẠY

- 21 -

*“Không phóng dật, bất tử
Phóng dật, phải tử sinh
Không phóng dật, không chết
Phóng dật, như chết rồi”.*

- 22 -

*“Biết rõ sự thật ấy
Người trí không phóng dật
Hoan hỷ không phóng dật
An vui trong cõi Thánh”.*

*(Kinh Pháp Cú: II. Appamàdavagga.
Phẩm Không Phóng Dật)*

CHÚ GIẢI:

Muốn tâm không phóng dật, chỉ có pháp độc cư là đệ nhất. Nếu ai giữ gìn được

pháp độc cư thì sớm muộn gì người ấy tâm cũng sẽ không phóng dật.

Bài kệ thứ 21, đức Phật đã xác định: Người không phóng dật là người bất tử, là người sống mãi muôn đời. Đức Phật cũng nói: ***“Ta thành chánh giác là nhờ tâm không phóng dật”***.

Cho nên, người thích hội họp, thích nói chuyện, thích tranh luận là người phóng dật; người hay làm thơ văn, viết thư thăm viếng gia đình, bạn bè...; người đọc kinh sách, nghe băng là người phóng dật. Người phóng dật là người tu tập không bao giờ có kết quả tốt, chỉ tu tập lấy có hình thức thường dậm chân tại chỗ.

Phóng dật có nghĩa là tâm hướng ra ngoài hay chạy theo các pháp trần.

Đức Phật dạy 42 bài kệ nói về tâm không phóng dật, giống như con tê ngu một sừng. Con tê ngu một sừng là một loài thú vật sống một mình. Khi lớn lên đến tuổi trưởng thành, thì loài vật này bỏ gia đình cha mẹ, anh em và chị em. Không giao kết bạn bè với ai cả chỉ sống một mình trong một khu vực riêng biệt. Vì thế, đức Phật dạy: ***“Người sống độc cư như con tê ngu một sừng”***.

Các pháp dạy tâm không phóng dật như: Định niệm hơi thở, Định sáng suốt, Định vô lậu, Định chánh niệm tỉnh giác, Tứ niệm xứ trên Tứ niệm xứ để khắc phục tham ưu và Thân hành niệm.

Trong bài kệ thứ 21 này, đức Phật đã xác định rõ ràng sự bất tử hay nói cách khác là sự ra khỏi sanh tử, chỉ duy nhất là làm sao phải đạt cho được kết quả là **“tâm không phóng dật”**.

Cho nên, dù tu muôn vạn pháp môn cũng chỉ thực hiện **tâm không phóng dật**. Nhưng chúng ta phải biết tâm không phóng dật là do **xả ly dục và ác pháp**, chứ không phải do **ước chế tâm**. Chỉ có xả tâm tham, sân, si mới có sự giải thoát chân thật.

“Không phóng dật bất tử”

Người không phóng dật là người thoát ra vòng sanh tử, nhưng tu tập tâm không phóng dật không phải là một việc dễ làm. Phải không các bạn?

“Phóng dật phải tử sanh”

Hiện giờ ai ai tâm cũng phóng dật, vì thế mà mọi người đều phải chịu trong qui luật sanh tử.

Thưa các bạn, nếu tâm các bạn còn phóng dật thì các bạn chưa được an ổn đâu. Tại sao vậy?

Vì bệnh tật và tử thần sẽ đến viếng thăm các bạn, bất cứ giờ nào khi chúng muốn. Nên đức Phật bảo: **“Phóng dật như chết rồi”**.

Các bạn hãy đọc bài kệ thứ 21 này mà suy ngẫm về sự tu tập của các bạn.

Hiện giờ tâm các bạn có còn phóng dật hay không? Nếu còn thì các bạn hãy tu tập cho đúng cách để tâm không phóng dật. **“Không phóng dật bất tử**. Đúng vậy, mục đích của chúng ta phải đạt được tâm không phóng dật, vì tâm không phóng dật là tâm bất tử mãi mãi thường hằng.

Tâm không phóng dật là có Bảy năng lực Giác Chi xuất hiện. Do Bảy năng lực Giác Chi xuất hiện mà đức Phật dạy: **“Tâm thuần tịnh, định tĩnh, nhu nhuyến, dễ sử dụng”**.

Nếu tu tập mà tâm các bạn chưa thấy Bảy Giác Chi xuất hiện là do tâm của các bạn còn phóng dật, còn phóng dật là các bạn đã tu sai, tu không kỹ lưỡng hoặc các bạn tu tập đã lọt vào thiên Đại Thừa hay ThiênThiên Tông Trung Hoa.

Nếu tâm bạn không phóng dật trong lúc tu tập, khi xả ra thì phóng dật. Đó là bạn tu tập ức chế bằng những pháp môn **“*Chẳng niệm thiện niệm ác*”** của Thiên Tông Trung Hoạ. Do tu ức chế tâm như vậy nên Bảy Giác Chi không xuất hiện. Bảy Giác Chi không xuất hiện thì bạn không có đủ năng lực nhập các định, làm chủ sanh, già, bệnh, chết và chấm dứt luân hồi.

Chúng ta nên trở lại câu kệ đầu trong phẩm **“*Song Yếu*”**.

“Tâm dẫn đầu mọi pháp

Tâm làm chủ, tâm tạo tác”

Khi chúng ta biết được tâm dẫn đầu mọi pháp, tâm làm chủ, tâm tạo tác. Thì chúng ta phải biết áp dụng vào pháp tu Tứ Chánh Cần thì ngay liền có giải thoát. Ngày xưa khi chúng tôi đọc đến hai câu kệ này và nhớ đến pháp như lý tác ý của Phật dạy thì chúng tôi như bắt được cửa báu. Nhờ nó mà hôm nay chúng tôi mới được yên tâm ngồi viết sách đạo đức nhân bản - nhân quả để giúp cho mọi người sống thoát ra khổ ải của cuộc đời.

Và khi biết rằng: Tâm không phóng dật là bất tử, là không chết, biết rõ như thật điều

này, thì chúng tôi đã cố gắng giữ gìn tâm mình bằng mọi cách, dùng mọi pháp, nhưng rất cảnh giác không được ức chế tâm, để xả tâm dục và ác pháp. Và cuối cùng tâm không phóng dật.

Chúng ta là những người tu theo đạo Phật, được xem là những người trí tuệ, những người trí tuệ xem sự phóng dật của tâm là một điều tối kỵ nhất trong đạo Phật. Muốn làm chủ sanh, già, bệnh, chết mà tâm còn phóng dật thì chẳng bao giờ làm chủ được.

Cho nên, giữ gìn tâm không phóng dật là một điều rất hoan hỷ cho cuộc đời tu hành của mình. Khi tâm thuần thực không phóng dật thì một trạng thái an lạc vô cùng hiện đến, đầu óc rỗng rang, khiến cho hành giả tưởng chừng mình đã được vào thế giới thần tiên.

Đúng vậy, nếu tâm ai không phóng dật, mới thấy sự an vui trong cõi Thánh.

Chỉ có tu tập giữ gìn tâm đừng cho phóng dật. Chỉ có tâm không phóng dật mà sao các bạn tu chẳng vào được?

Nếu với sự nhiệt tâm tinh cần tu tập của các bạn, thì chúng tôi tin chắc rằng: các bạn sẽ vào cõi Thánh dễ dàng như trở bàn tay. Bài kệ trong kinh Pháp Cú này đã xác định:

“Biết rõ sự thật ấy

Người trí không phóng dật”

Khi biết rõ sự thật ấy, người có trí quả quyết, nhất định bằng mọi cách, chúng ta phải giữ gìn tâm không phóng dật.

“Hoan hỷ không phóng dật

An vui trong cõi Thánh”

Như vậy, con đường tu tập giải thoát của đạo Phật đã xác định rõ ràng: ***“tâm không phóng dật”***. Tâm không phóng dật là một điều hết sức quan trọng trong sự việc tu tập giải thoát sanh tử luân hồi. Được xem nó là đệ nhất pháp.



THIỀN ĐỊNH

LỜI PHẬT DẠY

- 23 -

*“Người hằng tu thiền định
Thường kiên trì tinh tấn
Bậc trí hưởng Niết Bàn
Đạt an tịnh vô thượng”.*

*(Kinh Pháp Cú: II. Appamàdavagga.
Phẩm Không Phóng Dật)*

CHÚ GIẢI:

Bài kệ thứ 23 đức Phật khuyên mọi người phải hằng tu thiền định. Vậy thiền định ở đây là loại thiền định nào?

Bài kệ thứ 23 nằm trong phẩm không phóng dật. Như vậy rõ ràng tâm không phóng dật là thiền định, chứ không phải ngồi hít thở, hay niệm Phật nhất tâm, giữ tâm không niệm là thiền định.

Ở đây, đức Phật chỉ khuyên chúng ta hằng tu thiền định, nhưng vì trong đời sống của chúng ta có nhiều loại thiền định như: Thiền Yoga, thiền Xuất hồn, thiền Vô vi, thiền Công án, thiền Đại Thừa, thiền Tổ Sư, thiền Nguyên Thủy, thiền Tối Thượng Thừa, thiền Mật Tông, thiền Tịnh Độ Tông, v.v.. Với một số thiền định như thế này, thì chúng ta biết loại thiền định nào cho đúng, để tu tập tâm không phóng dật?

Do hiểu nghĩa tâm không phóng dật cạn cợt, nên phần đông người ta tu ức chế tâm không còn niệm thiện niệm ác.

Như kinh Pháp Bảo Đàn đã hiểu sai tâm không phóng dật là tâm không niệm thiện, niệm ác. Tâm không niệm thiện ác là một lối thiền ức chế tâm, đó là đường cùng của thiền định ngoại đạo tiến thoái lưỡng nan. Tu đến chỗ vô niệm thì người ta không còn chỗ tu nữa. Nhưng nhìn lại đời thì cũng chẳng ra đời, đạo cũng chẳng ra đạo.

Như trong kinh Bát Chánh Đạo, đức Phật đã chỉ rõ loại thiền định nào để chúng ta tu tập không sai, đó là Bốn Thiền hữu sắc. Trong Bát Chánh Đạo Bốn Thiền là Chánh Định.

Trong Bốn Thiền thì Sơ Thiền là loại thiền định thứ nhất.

Loại thiền định thứ nhất chỉ có tu tập ly dục ly ác pháp. Ly dục ly ác pháp chính là tâm không phóng dật.

Tóm lại, tu tập thiền định là tu tập tâm ly dục ly ác pháp. Ly dục ly ác pháp mà không dính mắc vào năm chi Sơ Thiền thì đó là nhập vào bất động tâm định. Trạng thái bất động tâm định là trạng thái Niết Bàn.

Đức Phật dạy: Người hằng tu thiền định, tức là hằng tu tập Sơ Thiền, tu tập Sơ Thiền chỉ có nhiếp phục tâm để tâm ly dục ly ác pháp, có ly dục ly ác pháp thì tâm mới không phóng dật, mà tâm không phóng dật là Niết Bàn tại thế gian trong cuộc sống này.

Bài kệ này rất quan trọng là chỗ xác định được **“thiền định”**. Nếu xác định đúng **“Chánh định”** thì sự tu tập mới có kết quả đúng. Kết quả đúng thì mới có những năng lực làm chủ sanh, già, bệnh, chết. Còn nếu xác định sai **“Tà thiền”** thì tu tập chẳng có kết quả gì, thì không bao giờ làm chủ sanh, già, bệnh, chết được.

Khi tu tập loại thiền định của đạo Phật thì chúng ta thường hưởng được những trạng thái Niết Bàn an tịnh, vô thượng. Và lúc nào muốn an tịnh là tâm chúng ta sẽ an tịnh liền.

Nếu người nào hằng ngày tu tập thiền định, với tâm siêng năng bền chí, không thoái chuyển thì lúc nào cũng nhập vào sự an tịnh, vô thượng ấy được. Trạng thái an tịnh, vô thượng ấy không có một vật gì trên thế gian này sánh bằng được.

“Thường kiên trì tinh tấn

Bậc trí hưởng Niết Bàn

Đạt an tịnh vô thượng”.

Chỉ có thiền định của đạo Phật mới có sự an tịnh vô thượng. Sự an tịnh vô thượng, nếu ai tu tập đúng pháp, muốn có lúc nào là có được ngay lúc nấy. Do vì tu tập xả tâm, nên tâm tự nhiên không phóng dật mà có.



NỖ LỰC TU TẬP TỨ NIỆM XỨ

LỜI PHẬT DẠY

- 24 -

*“Nỗ lực, giữ chánh niệm
Tịnh hạnh, hành thận trọng
Tự điều sống theo pháp
Ai sống không phóng dật
Tiếng lành ngày tăng trưởng”.*

- 25 -

*“Nỗ lực, không phóng dật
Tự điều, khéo chế ngự
Bậc trí xây hòn đảo
Nước lụt khó ngập tràn”.*

*(Kinh Pháp Cú: II. Appamàdavagga.
Phẩm Không Phóng Dật)*

CHÚ GIẢI:

7INH HẠNH VÀ CHÁNH NIỆM

Bài kệ thứ 24 đức Phật đã xác định pháp hành để chúng ta tu tập tâm không phóng dật. Vậy pháp hành đó là gì?

1- Tịnh Hạnh

2- Chánh Niệm

□ Tịnh hạnh tức là giới luật.

□ Chánh niệm tức là Tứ Niệm Xứ.

Người tu sĩ hằng ngày phải nỗ lực tu tập Tứ Niệm Xứ và thận trọng giữ gìn giới luật đừng để vi phạm, tức là tự điều chế tâm trong sự sống thiện. Nếu tu tập đúng pháp như vậy, thì thân tâm sẽ không phóng dật. Bài kệ trên đây dạy chúng ta chọn pháp tu hành cho đúng chánh pháp.

Bài kệ thứ 25 đức Phật đã xác định: Nếu người nào nỗ lực tu tập 2 pháp trên, tự điều và khéo chế ngự tâm dục và ác pháp thì cũng ví như xây tường thành để bảo vệ chống giặc, thì giặc phiền não, giặc tham, sân, si sẽ không bao giờ xâm chiếm được.

Người trí, tức là người hiểu biết, thì cố gắng tu tập, sự cố gắng tu tập giống như người

xây hòn đảo nên nước không thể lụt và tràn vào, khiến cho đời sống được an ổn yên vui.

Tâm không phóng dật là một điều quan trọng hết sức trong đạo Phật. Chính ngày xưa đức Phật thành đạo cũng nhờ tâm không phóng dật. Đời nay người tu hành không giữ gìn tâm, nên tâm thường phóng dật chạy theo sáu trần, vì thế mà chịu trôi lăn trong sáu nẻo luân hồi, khổ đau vô cùng vô tận.

Người trí là người khôn ngoan, sống theo đúng pháp (Tứ niệm xứ, và giới luật) thường tự điều chế tâm mình, không cho phóng dật, nên thường sống trong an ổn. Chỉ có những người ngu si, thiếu trí mới để tâm phóng dật. Bởi vì còn có tâm phóng dật là còn có khổ đau; còn có khổ đau là còn bị sự chi phối của luật nhân quả. Tâm không còn khổ đau, phiền lụy, là tâm đã chuyển hóa nhân quả. Tâm đã chuyển hóa nhân quả là tâm bất động. Tâm bất động là tâm không phóng dật.

“Ai sống không phóng dật

Tiếng lành ngày tăng trưởng”

“Bậc trí xây hòn đảo

Nước lụt khó ngập tràn”

Đức Phật dạy: **“Người ngu không trí tuệ, chuyên sống đời phóng dật, tự làm khổ mình, khổ người”**. Đúng vậy, phóng dật như chết rồi chưa chôn; phóng dật là tự đem đau khổ vào cho mình. Người tự đem đau khổ vào mình, có phải là người ngu không hỏi các bạn?

Nhưng quán xét nhìn lại đời này, ai là người khôn, tâm không phóng dật?

Những hạng người này rất khó tìm thấy quá. Phải không hỏi các bạn?

Tìm một người tâm không phóng dật trong đời thật là hiếm, là không có.

Người trí là người có sự hiểu biết thì không bao giờ để tâm mình phóng dật, luôn luôn nỗ lực giữ gìn chánh niệm, tịnh hạnh. Mỗi hành động đều thận trọng, luôn tự điều chế tâm mình sống đúng giới hạnh và giáo pháp **“chư ác mạc tác, chúng thiện phụng hành”**. Đó mới thật sự là người trí.

“Người trí không phóng dật

Như giữ tài sản quý”

Đúng vậy, giữ tâm không phóng dật như giữ gìn tài sản của báu mà tài sản của báu này là vô giá.

“Chớ có buông lung phóng dật

Chớ say mê dục lạc”

Kẻ nào sống phóng dật buông lung, say mê dục lạc, kẻ ấy như người chết chưa chôn, chỉ là một cái thân ma hôi thối, bản thủ, bất tịnh sống chỉ biết phục vụ cho sự hèn hạ nhất của kiếp làm người, đó là ăn, ngủ, đi cầu và dâm dục.

Khi tâm không tự chế. Để tự do chạy theo các pháp trần, tức là tâm phóng dật. Tâm phóng dật thì làm sao tránh khỏi sự cám dỗ của các pháp trần. Các pháp trần đủ đầy mọi dục lạc, cho nên người nào tâm buông lung phóng dật thì không thể tránh khỏi sự sa đọa, thường bị sự cám dỗ dục lạc thế gian lôi cuốn. Cho nên, người biết tự chế ngự tâm mình, thực hiện tâm ly dục ly ác pháp (thiền định). Có như vậy, chúng ta mới thấy được sự giải thoát an lạc chân thật của Phật Giáo.

Chúng ta hãy đọc lại bài kệ mà lắng nghe lời khuyên dạy chí tình, chí tâm của đức Phật đối với chúng sanh.

“Chớ buông lung phóng dật

Chớ mê say dục lạc

Người tự chế, thiên định

Mới hưởng đại an lạc”

Sự buông lung phóng dật chỉ có đem lại sự đau khổ cho con người mà thôi. Người đời mấy ai đã để ý đến điều này. Vì thế, mà họ phải chịu nhiều sự khổ đau, phiền lụy. Bởi vô minh nên họ thọ nhiều sự khổ đau, phiền lụy mà chẳng biết do đâu mà ra.

Thưa các bạn! Sự khổ đau, phiền não do từ tâm buông lung phóng dật. Ngoài tâm buông lung phóng dật ra thì không còn khổ đau nữa.

Muốn giải thoát khỏi sự sanh, già, bệnh, chết và luân hồi mà các bạn còn để tâm mình buông lung phóng dật, thì dù các bạn có tu ngàn muôn kiếp cũng chẳng bao giờ chấm dứt sanh tử luân hồi được.

Tâm còn buông lung phóng dật thì các bạn đừng vào chùa tu tập. Vì có vào chùa tu tập thì cũng chẳng có ích lợi gì cho các bạn cả, mà còn mất công sức và làm tổn hại cho Phật pháp, mang tiếng cho Thầy Tổ.

Nếu các bạn thấy mình sống độc cư trầm lặng chưa trọn vẹn được, thì xin các bạn đừng vào chùa tu tập. Vì vào chùa tu tập như vậy, làm mang tiếng tu hành không kết quả, để lại cho chùa những tiếng không tốt. Người ta sẽ cười vào mặt các bạn: Đi tu mà lòng tham, sân, si như người thế gian. Còn đến khi chết thì nằm liệt trên giường bệnh cũng giống như người thế tục. Đi tu không giải khổ được mà còn khổ đau hơn người đời... Người ta thấy các bạn tu hành như vậy, họ ngao ngán quá còn ai dám đi tu nữa. Phải không các bạn?

Những bài kệ trong phẩm không phóng dật, đã xác định được sự quan trọng con đường tu hành của các bạn. Nếu các bạn muốn giữ gìn được tâm mình không phóng dật thì các bạn hãy chấp hành nghiêm túc hạnh độc cư. Vì chỉ có hạnh độc cư mới phòng hộ giữ gìn sáu căn tuyệt vời, giúp sáu căn của các bạn không tiếp xúc với sáu trần, có như vậy thì tâm các bạn mới không phóng dật.

Đây là giai đoạn bắt đầu độc cư của sự tu tập tâm không phóng dật. Nếu các bạn không giữ trọn giai đoạn bắt đầu này thì không bao giờ tu tập viên mãn. Nếu giai đoạn đầu mà không thực hiện được, thì còn mong gì những

giai đoạn kế tiếp, làm sao các bạn tu nổi được. Vì càng tu cao tâm phóng dật càng vi tế hơn.

Các bạn có nghe chẳng? Lời di chúc năm xưa của đức Phật còn văng vẳng mãi bên tai của các bạn: ***“Ta thành chánh giác là nhờ tâm không phóng dật. Muôn pháp lành đều nơi tâm không phóng dật mà ra”***.

Chỉ có tâm không phóng dật là chứng đạo. Sao các bạn vội quên đi lời di chúc ấy!

Đời sống một tu sĩ chỉ nhờ sống vào mồ hôi nước mắt và công lao của người cư sĩ. Đời sống của chúng ta có còn làm ích lợi gì cho ai đâu? Một đời sống ăn bám mà còn để tâm phóng dật, chạy theo dục lạc, ăn ngủ phi thời, phạm giới, phá giới thì còn nghĩa lý gì các bạn ạ!? Thà không đi tu mà đã đi tu thì phải tu tập cho đến nơi đến chốn để không phụ lòng mọi người...

Các bạn phóng dật chùa to Phật lớn, tiện nghi vật chất đầy đủ bằng mồ hôi nước mắt của người khác thì có hãnh diện gì đâu các bạn? Đến khi chết các bạn có mang theo một vật gì đâu hay chỉ mang theo một món nợ vĩ đại.

Bài kệ thứ 28 này đức Phật đã xác định: ***“Nếu một người tu hành diệt tâm buông lung không chạy theo vật chất thế gian, sống đời sống độc cư trầm lặng với hạnh không phóng dật, là người trí tuệ tuyệt vời, là một bậc Thánh sống”***. Ngược lại, người phàm phu không thể sống như những bậc Thánh được, nên tâm thường hữu sự, nay sanh ra việc này, mai sanh ra việc khác, càng sanh ra nhiều việc, tức là tâm phóng dật càng nhiều, tâm phóng dật càng nhiều thì lo âu và đau khổ càng nhiều.

Người tu sĩ Bà La Môn thường tu giả dối hay dùng những danh từ để che đậy tâm phóng dật bằng cách nói: ***“Làm Phật sự”***. Làm Phật sự là tâm phóng dật. Xưa, đức Phật đâu có dạy chúng ta xây chùa to Phật lớn; đâu có dạy chúng ta cúng bái tụng niệm; đâu có dạy chúng ta đi thập tự truy hội cầu an, cầu siêu; đâu có dạy chúng ta làm những điều mê tín; đâu có dạy chúng ta cày cấy, làm vườn, buôn bán... mà chỉ dạy chúng ta đi xin ăn, sống độc cư, ly dục ly ác pháp, diệt ngã xả tâm; mà chỉ dạy chúng ta ngăn ác diệt ác pháp trong tâm; mà dạy chúng ta diệt tâm buông lung, sống hạnh không phóng dật; chứ đâu có dạy chúng ta cầu

an, cầu siêu, xin xăm, bói quẻ, xem ngày giờ tốt xấu...; đâu có dạy chúng ta niệm chú, vẽ bùa, tụng kinh, niệm Phật, lẩn chuỗi v.v..

Phật dạy chúng ta niệm Phật là dạy chúng ta sống như Phật, chứ đâu có dạy chúng ta kêu gọi tên Phật bao giờ.

Trong bài kệ này mục đích chính là dạy chúng ta phải sống đời sống giữ gìn hạnh không phóng dật cho trọn vẹn của một người tu sĩ đạo Phật. Có sống một đời sống tâm không phóng dật mới đúng nghĩa của đạo giải thoát.

Đời sống tâm không phóng dật là đời sống thanh cao, vì tâm không còn âu lo, sợ hãi dù bất cứ một điều gì.

Danh từ không phóng dật nói thì dễ, nhưng sống tâm không phóng dật là khó vô cùng. Vì thế, muốn tâm không phóng dật thì người tu sĩ đạo Phật phải tu hết sức mình, tu kỹ từng pháp một, tu cho có chất lượng chứ không phải tu lấy có hình thức: Ngồi thiền, niệm Phật, tụng kinh, niệm chú v.v.. Có kết quả gì, chỉ là những hình thức tu hành lấy có, lấy danh để lừa đảo người khác, chứ không phải tu cho mình như vậy được.

Người tu hành phải luôn cảnh giác, tỉnh thức cao độ trong mỗi niệm thân hành, khẩu hành, ý hành, để diệt và xả những niệm ác, có tu tập như vậy cũng còn chưa đủ, mà còn phải phòng hộ sáu căn nghiêm ngặt như lính ngự lâm canh gác thành vua.

Cho nên, những câu kệ trong kinh Pháp Cú tuy ngắn gọn nhưng nó mang đầy đủ tính chất pháp hành, nếu chúng ta không nhận ra được những pháp hành trong những câu kệ cô đọng này, thì kinh Pháp Cú chỉ còn là câu ca dao, tục ngữ, cách ngôn hay theo như lời Hòa Thượng Minh Châu giới thiệu.

Chỉ có những người hiểu biết nhàm chán cuộc sống đời này, thì giữ gìn hạnh không phóng dật mới được. Ngược lại, tâm chưa nhàm chán cuộc đời, mà cố gắng tu tập và giữ hạnh, dù tu pháp môn nào, giữ hạnh gì thì tâm cũng phóng dật như thường.

Bài kệ thứ 29 đức Phật ví người tỉnh cần giữ gìn tâm không phóng dật thì chẳng khác nào như con tuấn mã (tuấn mã là con ngựa hay).

“Tỉnh cần giữa phóng dật

Tỉnh thức giữa quân mê

Người trí như tuấn mã

Bỏ sau con ngựa hèn”

Ở đây, có nghĩa là người giữ gìn tâm không phóng dật là người hơn tất cả mọi người.

Bài kệ 28 đức Phật dạy: Người không phóng dật là một bậc Thánh.

“Kẻ trí diệt buông lung

Với hạnh không phóng dật

Leo lầu cao trí tuệ

Bậc Thánh không lo âu”

Khi giữ gìn tâm không phóng dật được rồi, giống như người mù nhìn thấy được ánh sáng. Nhìn lại mọi người đang còn phóng dật, thì tâm bàng hoàng kinh hãi thốt ra lời: ***“Trời ơi! Con người sinh ra có mắt như mù”***. Phóng dật để trôi lăn trong sáu nẻo luân hồi mãi mãi, từng giây từng phút chịu khổ đau vô cùng vô tận.

“Nhìn quần sanh sợ hãi

Chẳng khác lên núi cao

Nhìn muôn vật dưới đất”

Bài kệ thứ 30 đức Phật dạy: Người giữ gìn tâm không phóng dật như là vua Trời Đế Thích.

“Đế Thích nhờ tinh tấn

Thành chủ cõi chư Thiên

Không phóng dật được khen

Phóng dật bị khinh miệt”

Người phóng dật đức Phật ví như những người mù, những con ngựa hèn, những người bị khinh miệt, bị khinh rẻ v.v..

Để kết luận phẩm không phóng dật đức Phật đã khen ngợi và ca tụng người giữ hạnh không phóng dật bằng bài kệ thứ 31:

“Tỳ kheo sợ phóng dật

Ưa thích không phóng dật

Bước tới như lửa hừng

Thiêu kiệt sử lớn nhỏ”

Người sợ phóng dật thường ưa thích không phóng dật thì như đám lửa cháy to, lửa không phóng dật cháy đến đâu thì thiêu rụi các kiệt sử lớn nhỏ đến đó.

Bài kệ thứ 32:

“Tỳ kheo sợ phóng dật

Ưu thích không phóng dật

Nhất định gần Niết Bàn

Không còn bị đọa lạc”

Nhất định người ấy đến Niết Bàn không còn sợ bị đọa lạc. Đó là hai câu kệ xác định chắc chắn như vậy, xin các bạn hãy tin lời dạy của Phật mà cứu mình ra khỏi nhà sanh tử luân hồi, đừng để kiếp kiếp, đời đời trôi lăn trong ba nẻo sáu đường đầy khổ đau.

Đọc phẩm không phóng dật trong kinh Pháp Cú chúng ta thấy đức Phật thường ca ngợi hạnh không phóng dật. Như vậy, hạnh không phóng dật là quan trọng cho cuộc đời tu hành của chúng ta. Phải không các bạn?

Thế nhưng nhìn lại chúng ta quán xét tất cả tu sĩ Phật giáo hiện giờ với hạnh không phóng dật thì khó tìm thấy. Vì mọi tu sĩ Phật giáo hiện giờ đang chạy theo vật chất danh lợi thì làm sao mà tâm không phóng dật.

Phẩm tâm không phóng dật đã nói lên mục đích tu hành của đạo Phật, để xác định ai là người tu chứng đạo. Chứng đạo là chứng cái

gì? Có phải là cái tâm không phóng dật không?

“Ta thành chánh giác là nhờ tâm không phóng dật”. Đó là lời xác định quả quyết của Đức Phật để cho người sau không nghi ngờ chánh Phật pháp.

Đúng vậy, tâm không phóng dật là người chứng đạo, chứ đâu phải cần có thần thông, ngồi thiền nhiều, niệm Phật nhất tâm, giảng kinh, tụng đọc... hay học giáo lý có cấp bằng này, cấp bằng kia, là chứng đạo đâu.



THIỆN XẢO TU TẬP

LỜI PHẬT DẠY

- 33 -

***“Tâm phàm hay dao động
Khó chế khó nhiếp phục
Kẻ trí khiến tâm chánh
Như thợ khéo nắn tên”.***

*(Kinh Pháp Cú: III. Cittavagga.
Phẩm Tâm)*

CHÚ GIẢI:

Người tu hành theo Phật giáo ai cũng biết chế ngự tâm mình là một điều rất khó. Nhưng khó, không có nghĩa là không chế ngự được, không làm được. Muốn nhiếp phục và chế ngự được tâm thì phải tu tập những pháp môn nào?

1/ Muốn chế ngự tâm thì phải cố gắng giữ gìn giới luật nghiêm chỉnh, sống đúng oai nghi tế hạnh của bậc Thánh Tăng. Lấy giới luật làm khuôn phép sống cho mình.

2/ Nhiếp phục tâm thì phải tu tập Bát Chánh Đạo. Bát Chánh đạo gồm có: Chánh Kiến, Chánh Tư Duy, Chánh Ngữ, Chánh Nghiệp, Chánh Mạng, Chánh Tinh Tấn, Chánh Niệm, Chánh Định.

Từ Chánh kiến đến Chánh Tinh Tấn thuộc về Giới luật tu tập giai đoạn một. Giới luật thì phải tu tập Tứ Chánh Cần. Tứ Chánh Cần gồm có bốn loại định:

- 1- Chánh Niệm Tĩnh Giác
- 2- Vô Lậu Định
- 3- Sáng Suốt Định
- 4- Định Niệm Hơi Thở gồm có 18 đề mục tu tập.

Chánh Niệm thuộc về giới, tu tập giai đoạn hai gồm có: Tứ Niệm Xứ và Thân Hành Niệm.

Chánh Định gồm có Bốn Thiền:

- 1- Sơ Thiền
- 2- Nhị Thiền
- 3- Tam Thiền
- 4- Tứ Thiền

Và cuối cùng, thực hiện Tam Minh gồm có: Tứ Như Ý Túc. Tứ Như Ý Túc gồm có:

1. Dục Như Ý Túc
2. Tinh Tấn Như Ý Túc
3. Định Như ý Túc
4. Tuệ Như Ý Túc

Tất cả các pháp trên đây, khi tu tập phải thiện xảo, linh động, khéo léo và trí tuệ sáng tạo trạch pháp tác ý cho có hiệu quả mà trong bài kệ dạy: ***“Như thợ khéo nắm tên”***.



KHEN NGỢI ĐIỀU PHỤC TÂM

LỜI PHẬT DẠY

- 35 -

***“Khó nắm giữ, dao động
Tâm phàm, dục chi phối
Lành thay, điều phục tâm
Tâm điều, hưởng an lạc”.***

*(Kinh Pháp Cú: III. Cittavagga.
Phẩm Tâm)*

CHÚ GIẢI:

7âm dễ dao động, nên dục lợi dụng chỗ ấy mà chi phối tâm, khiến cho tâm chạy theo ác pháp, tạo nhân chẳng lành, thọ lấy quả khổ đau từ đời này sang đời khác.

Người học Phật pháp biết mọi cách thiện xảo, chế ngự, điều phục, v.v.. tâm mình. Khiến cho tâm bất động, không còn rong ruổi chạy theo sáu trần. Do đó, dục không còn điều phục được tâm nữa, nên tâm được an lạc, thanh

nhàn, yên tĩnh. Người làm được như vậy thật là đáng khen, đáng ca ngợi, đáng khâm phục, đáng kính trọng và tôn quý.



NGƯỜI CHIẾN THẮNG

LỜI PHẬT DẠY

- 40 -

*“Biết thân như đồ gốm
Hộ tâm như thành trì
Dẹp Ma với gương trí
Hãy giữ gìn chiến thắng
Vượt ngoài mọi nhiệm ô”.*

*(Kinh Pháp Cú: III. Cittavagga.
Phẩm Tâm)*

CHÚ GIẢI:

7hân người như đồ gốm giòn bở, dễ bể, nay còn, mai mất, như hoa phù dung sớm nở tối tàn; như bóng câu cửa sổ, như bong bóng nước... Nếu làm người không nhận ra điều này mà cứ vui chơi trong dục lạc thì phí một kiếp người chẳng có nghĩa lý gì cả. Tuy thân người giòn bở như đồ gốm, nhưng được thân người đâu phải dễ. Vì thế, câu kệ trong kinh Pháp

Cứ nhắc nhở chúng ta: **“*Biết thân như đồ gốm*”**, thì phải lo tu hành, sớm vượt thoát ra khỏi kiếp làm người.

Muốn làm chủ sự sống chết và chấm dứt luân hồi thì phải giữ gìn sáu căn nghiêm mật giống như giữ thành trì, không cho các pháp trần bên ngoài xâm chiếm vào, **“*nội bất xuất ngoại bất nhập*”**. Tức là giữ hạnh độc cư trọn vẹn. Sống đơn độc như con tê ngu một sừng, **“*Hộ tâm như thành trì*”**.

Trong cuộc chiến đấu với giặc sanh tử, luôn luôn phải dùng trí tuệ quán xét từng tâm niệm, trong từng giây, từng phút thì mới mong chiến thắng các loại Ma chướng. Nếu không cảnh giác như vậy thì mặt trận này sẽ khó thắng mà còn thất bại ê chề: **“*Đẹp Ma với gương trí*”**.

Trong mặt trận này, trí tuệ là vũ khí hàng đầu để chiến thắng giặc sanh tử, như các bạn đã biết: Chánh kiến và Chánh Tư Duy trong Bát Chánh Đạo. Không phải là trí tuệ hay sao? Đây là hai phương pháp đầu tiên tu tập của Bát Chánh Đạo. Nó là đội quân tiên phong khai sơn phá thạch để tiến vào trận đánh Tứ Niệm Xứ. Nếu không có nó thì khó

mà giữ gìn phần chiến thắng về mình: ***“Hãy giữ gìn chiến thắng”***.

Nhờ có trí tuệ Chánh Kiến và Chánh Tư Duy thì chúng ta mới ly dục, ly ác pháp; mới diệt ngã, xả tâm. Có như vậy, tâm mới vượt ra khỏi mọi sự ô nhiễm của cuộc đời. Cuộc đời là một bãi rác ô nhiễm, bất tịnh, hôi thối.



THƯ HỎI ĐẠO

Thư hỏi đạo của Minh Hoàng

Kính gửi các vị đạo hữu ở tu viện!

Trước tiên tôi vô cùng cảm ơn các vị đạo hữu đã làm trang web này phổ biến chánh pháp của đức Phật.

Không biết qua trang web này tôi có thể hỏi Thầy một số điều nghi vấn không ạ! Nếu có thể rất mong các đạo hữu gửi câu hỏi của tôi đến cho Thầy, vô cùng cảm ơn các bạn.

Thưa Thầy! Gần đây đại dịch cúm gà đang trở thành một mối đe dọa khủng khiếp cho toàn nhân loại, dự tính nó sẽ giết chết hàng triệu người. Vậy đây có phải là do nhân ác của loài người vẫn ăn thịt động vật không ạ, ngày nay nó quay lại tiêu diệt loài người chẳng? Với đôi mắt nhân quả của Thầy, xin Thầy chỉ rõ làm thế nào có thể ngăn chặn đại dịch này, cứu giúp hàng triệu người trên thế giới. Con tin rằng nếu loài người nhận thức được về qui luật nhân quả ấy một cách khoa học, họ sẽ giảm rất nhiều các hành động ác của mình, trong đó có việc giết hại động vật. Vậy Thầy có thể bằng trí Tam Minh của mình,

giúp đỡ các nhà khoa học, để họ chứng minh phần nào qui luật nhân quả không ạ! Hoặc là hiển thị thần thông giáo hóa, chỉ rõ cho loài người những tai hại, những hành động ác của mình. Vì thật ra chỉ có ít người tin vào luật nhân quả, đơn giản vì chưa có sự chứng minh xác đáng nào, họ không tìm thấy mối liên hệ giữa việc sát sinh và bị giết hại. Hơn nữa những người biết đến bộ sách ĐVXP là rất ít, nhưng nếu định luật nhân quả được đăng trên một tạp chí khoa học thì sẽ rất nhiều người biết đến, phải chăng là sẽ có ích hơn không ạ!

Rất mong Thầy, bằng trí tuệ và pháp luật của một vị A La Hán, giúp mọi người hiểu rõ hơn ạ!

Kính mong các đạo hữu gửi câu hỏi này đến cho Thầy giùm tôi, vô cùng cảm ơn các bạn.

NHÂN QUẢ

Kính gửi: Minh Hoàng

Thầy đã nhận được thư con, nhưng mãi đến hôm nay con và mọi người mới nhận được

thư trả lời của Thầy. Thầy xin lỗi các con đã để cho các con chờ đợi, thật là một điều ngoài ý muốn của Thầy. Vì gần đây Thầy rất bận nhiều việc..., nhất là việc mở lớp đào tạo những người tu để làm chủ: sanh, già, bệnh, chết, nên phải hướng dẫn hành giả triển khai tri kiến giải thoát bằng Định Vô Lậu và còn phải kiểm tra cách thức tu tập nhiếp tâm và an trú tâm trong thân hành nội, ngoại tức là tu tập Chánh Niệm Tỉnh Giác Định. Cho nên, khi nhận được thư thưa hỏi và lời thiết tha kêu gọi Thầy cứu giúp mọi người của con, mà Thầy không trả lời được thật là phụ lòng, không những phụ lòng con mà còn phụ lòng nhiều người nữa. Nhưng quá bận việc Thầy không biết làm sao hơn, mong con cảm thông.

Kính thưa các bạn! Hiện tượng đại dịch cúm gia cầm là một hiện tượng trong nhiều hiện tượng của nhân quả đang xảy ra trên hành tinh này mà loài người là nói riêng, còn tất cả chúng sanh là nói chung. Vạn vật trên hành tinh này đã và đang trả những quả ác mà chính họ đã gieo nhân không thiện, cho nên họ đã được trừng trị theo qui luật công lý, công bằng của đạo luật này.

Kính thưa các bạn! Nhân quả là một đạo luật duyên hợp thành hoại của vạn vật trong vũ trụ. Vì thế, vạn vật có mặt trên hành tinh này là do các duyên hợp lại mà thành và khi vắng mặt cũng đều do các duyên tan rã mà hoại. Do duyên thành hoại nên nó rất rõ ràng, cụ thể chân thật, vì thế gọi nó là khoa học. Luật nhân quả không có một người nào đứng ra xử phạt, chỉ theo hành động thiện ác nhiều ít của mọi người mà lãnh quả khổ vui nhiều ít. Và cũng vì thế nó rất công bằng và công lý. Cho nên, nhân quả không có gì là mơ hồ, trừu tượng khó hiểu cả, nhưng vì con người không có đôi mắt chánh kiến về nhân quả nên không giải thích tường tận thâm sâu, bao la trùng điệp duyên sanh, duyên khởi, duyên diệt để giúp cho các bạn dễ hiểu đạo luật này mà thôi.

Tại sao luật nhân quả công bằng và khoa học?

Nhân quả công bằng là vì gieo nhân nào thì phải gặt lấy quả nấy, không thể gieo nhân này mà gặt lấy quả khác được. Phải không các bạn?

Nó xác minh và chứng thực mọi sự việc xảy ra chung quanh vạn vật trong vũ trụ một cách cụ thể, rõ ràng nên rất khoa học.

NHÂN QUẢ THẢO MỘC

Muốn hiểu biết nhân quả như thật thì trước tiên chúng ta phải hiểu biết nhân quả thảo mộc. Vậy muốn hiểu biết nhân quả thảo mộc thì các bạn hãy hiểu nghĩa chữ nhân quả. Vậy nhân quả nghĩa là gì?

Theo chữ Hán, nhân có nghĩa là hạt; quả có nghĩa là trái, ghép chung hai từ này lại thành **“*nhân quả*”** có nghĩa là **“*hạt và trái*”**.

Ví dụ: Hạt ớt khi được gieo trồng lớn lên thành cây ớt, từ cây ớt ra bông kết trái cho quả ớt, nhưng quả ớt cay; hạt chanh khi được gieo trồng lớn thành cây chanh, từ cây chanh ra bông kết trái cho quả chanh, nhưng quả chanh chua; hạt xoài, khi được gieo trồng, nẩy mầm lớn lên thành cây xoài. Từ cây xoài ra bông kết trái cho quả xoài, nhưng quả xoài ngọt.

Trên đây là nhân quả của loài thảo mộc theo duyên hợp trùng trùng tạo thành nhân quả, nhân nào thì quả nấy rất là thiết thực cụ thể, cho nên chỉ có những người không chịu hiểu mới cho rằng không có nhân quả.

Từ hạt cây đu đủ cho quả đu đủ, nhưng quả đu đủ ngọt. Cũng từ một hạt cây đu đủ cho

nhiều quả đu đủ, nhưng một quả đu đủ có nhiều hạt, như vậy các bạn thấy nhân quả chưa? Một nhân không phải chỉ cho có một quả mà phải cho nhiều quả, nhưng một quả không thể có một nhân mà phải có nhiều nhân. Có đúng như vậy không các bạn?

Trên đây là nói về đặc tính nhân quả cay, đắng, ngọt, bùi của loài thảo mộc và còn xác định duyên sinh khởi trùng trùng của nhân quả. Cho nên, một nhân có nhiều quả, một quả có nhiều nhân. Lấy nhân quả thảo mộc để chứng minh cho nhân quả của con người. Lấy nhân quả thảo mộc làm một bằng chứng cụ thể để các bạn không còn có một lý do gì mà bảo rằng không có nhân quả.

Kính thưa các bạn! Con người cũng chỉ là một loài sinh vật sống trên hành tinh này như bao nhiêu loài khác, nên đều chịu chung số phận của qui luật nhân quả. Và trên hành tinh này cũng không có một loài vật nào thoát ra khỏi qui luật này.

Trên hành tinh này mọi vật gồm có từ cây cỏ thảo mộc cho đến những loài động vật đều có một sự sống bình đẳng như nhau. Có một sự sống bình đẳng như nhau thì phải theo qui luật nhân quả điều hành. Nhưng loài động

vật trong đó có loài người vì vô minh không hiểu biết chạy theo lòng ham muốn tạo nhiều điều ác độc nên tự làm mất đi sự sống bình đẳng, vì thế mới có kẻ sang người hèn; mới có kẻ giàu người nghèo v.v.. Và do đó, mới có duyên sinh hợp của nhân quả vạn trạng thiện hình, và cũng vì vậy mà duyên tan hoại cũng thiện hình vạn trạng. Vì thế, vạn vật sinh diệt liên tục trùng trùng điệp điệp theo nhân ác, còn ngược lại theo nhân thiện vô lậu thì sinh diệt chấm dứt. Như đức Phật đã dạy: ***“Sinh diệt diệt rồi tịch diệt là vui”***.

NHÂN QUẢ CON NGƯỜI

Nhân quả của con người không khác gì nhân quả của loài thảo mộc, cũng cụ thể, rõ ràng, xác thực. Nó trừu tượng, nhưng không mơ hồ, ảo tưởng, không thiếu chứng thực, không thiếu khoa học.

“NHÂN” của con người là hành động thân, khẩu, ý. Hành động thân, khẩu, ý là nguyên nhân để sinh ra mọi điều thiện, ác.

“QUẢ” của con người là kết quả, là thọ chịu, là nhận lấy những cảm nhận vui buồn, khổ đau, phiền não, bệnh tật, tai nạn, tật nguyền v.v..

Như trên đã nói: Nhân quả của con người không khác gì nhân quả của loài thảo mộc. Vì con người là một sinh vật sống như các loài sinh vật khác trên hành tinh này nên đều bị chi phối theo luật nhân quả như nhau.

Một nhân có nhiều quả, một quả có nhiều nhân. Cho nên, một hành động ác thì phải chịu nhiều quả khổ, những quả khổ ấy diễn biến theo các thời gian quá khứ, hiện tại và vị lai.

Ví dụ: Các bạn mắng chửi một người nào đó thì trong quá khứ các bạn đã tức giận hay thù oán người đó. Vì có tức giận hay thù oán các bạn mới chửi mắng người khác được. Tức giận là **QUẢ QUÁ KHỨ**, nhưng đang chửi người là **NHÂN HIỆN TẠI**. Khi người bị các bạn chửi mắng lấy cây đánh các bạn; các bạn bị đánh đó là **QUẢ VỊ LAI**. Vì vậy, nhân quả luôn có mặt trong ba thời: quá khứ, vị lai và hiện tại, nó tiếp diễn trùng trùng duyên khởi, trùng trùng duyên sanh và trùng trùng duyên diệt. Đó là một nhân có nhiều quả và một quả có nhiều nhân. Vì thế, lý nhân quả duyên khởi, duyên sanh, duyên diệt rất cụ thể, rõ ràng mà không ai dám phủ nhận rằng không có nhân quả. Chỉ trừ những người sống ảo tưởng thần

thánh hoá một đấng siêu hình tối cao có vạn năng sinh ra vạn vật thì mới không chấp nhận nhân quả. Bởi vì chấp nhận nhân quả thì làm sao có đấng tối cao ấy được. Phải không các bạn?

Nhân quả còn là một đạo luật rất công bằng, công lý trong môi trường sống trên hành tinh này như trên đã nói. Trên thế gian này không có một toà án nào xử phạt công bằng, công lý hơn được. Vì đạo luật nhân quả xử phạt theo thiện ác của mọi người, mọi loài sống trên hành tinh này.

Một hành động ác là một nhân, nhưng một nhân không thể có một quả. Các bạn nên xem xét lại nhân quả thảo mộc thì sẽ rõ. Một hạt đu đủ lên thành cây, khi cây cho trái không thể cho một trái mà cho nhiều trái. Phải không các bạn?

Một người ăn cắp khi bị bắt người ta không đánh một bạt tai mà đánh nhiều bạt tai và còn bị nhiều đấm, đá khác nữa. Đó là một nhân mà có nhiều quả.

Một quả mà có nhiều nhân như trái đu đủ. Các bạn có lưu ý quả đu đủ chưa? Trong quả đu đủ có nhiều hạt đấy các bạn ạ!

Xét nhân quả thảo mộc và con người thì không khác nhau. Vì nhân quả là một định luật chung cho vạn vật trên hành tinh này nên một nhân ăn cắp mà phải nhận lãnh nhiều quả bị đánh đập không sao kể hết và mỗi hành động bị đánh đập liền phóng xuất ra những từ trường ác ấy. Do những từ trường ác này tương ứng những ai có tâm trộm cắp như vậy thì hợp duyên làm con của những người này. Mỗi hành động bị đánh đập là một nhân, một nhân sẽ thành một con người gian tham trộm cắp. Xét theo luật nhân quả thì một người làm ác khi chết không phải sinh ra một người ác mà sinh ra nhiều người ác.

Một hành động giết hại và ăn thịt chúng sanh tức là một nhân ác. Một nhân ác thì phải trả nhiều quả khổ. Vì thế, quả giết hại và ăn thịt chúng sanh thì phải nhận lấy quả khổ đau bệnh tật, nhiều thứ bệnh tật, chứ không phải một thứ bệnh tật và còn tai nạn nữa, không phải một tai nạn mà nhiều tai nạn không thể tính hết được. Trong những quả khổ đau ấy lại có những nhân từ trường nghiệp ác để tiếp tục tái sinh ra những loài vật đã bị giết hại và ăn thịt. Cho nên, một người ăn thịt gà là nhân, nhưng nhân ăn thịt gà này không phải sinh

làm một con gà mà sinh ra nhiều con gà; cũng như ăn cá tôm thì phải sinh làm cá tôm nhưng không phải một con cá tôm mà nhiều con cá tôm. Giết hại và ăn thịt chúng sanh bao nhiêu thì phải sinh ra bấy nhiêu và còn nhiều hơn nữa. Vì thế, trại nuôi gia súc và ao hồ nuôi cá tôm phát triển càng nhiều để đáp ứng nhu cầu ăn uống dục lạc của con người thì nghiệp ác của họ càng cao. Nghiệp ác của họ càng cao thì sự sinh khởi diệt nghiệp quả ác báo này lại càng cao hơn. Nhưng nghiệp quả ác báo này không thể dừng lại đây, vì nhân quả ác ngút trời của loài động vật, nhất là loài người. Vì thế, từ trường ác thải ra ngút trời làm nhân quả thời tiết vũ trụ chuyển động thành thiên tai, hỏa hoạn, lũ lụt, sóng thần, động đất, bão tố, chiến tranh, khủng bố, các loại bệnh nhất là dịch cúm gia cầm, chim muông, heo, dê, bò, ngựa v.v..

Cho nên, dịch cúm gia cầm chỉ là một hiện tượng nhân quả duyên tan hoại của nhiều hiện tượng nhân quả duyên tan hoại đang xảy ra trên hành tinh này.

Nếu con người không biết chấm dứt những hành động cực ác giết hại và ăn thịt

chúng sanh không có một chút lòng yêu thương thì thế gian này còn nhiều khổ đau nữa...

Với tấm lòng yêu thương sự sống của con người, trước cảnh đại dịch cúm gia cầm Minh Hoàng có ý muốn nhờ trí tuệ Tam minh của Thầy để soi sáng giúp các nhà khoa học chứng minh nhân quả bằng khoa học để mọi người không còn làm điều ác nữa; để mọi người thoát khỏi cảnh chết thương đau; để mọi người sống được bình an, hạnh phúc.

Với lòng yêu thương sự sống của con người, trước cái chết dịch cúm gia cầm Minh Hoàng không biết làm sao hơn, đành phải kêu gọi Thầy thị hiện thần thông giáo hóa, chỉ rõ cho loài người những tai hại của những hành động ác của mình. Minh Hoàng một con người với lòng hiếu sinh ấy thật đáng cho mọi người kính mến và yêu thương.

Thầy cảm thông được lòng yêu thương mọi người của Minh Hoàng. Thầy không dùng trí tuệ Tam Minh và thần thông giáo hoá, vì đó là ngoài vấn đề chủ trương đạo đức của Phật giáo, nên Thầy dùng tri kiến của một người đã vượt qua nhân quả. Thầy viết thư này gửi đến mọi người để những ai có đủ duyên được đọc, nhờ đó mới có đủ lòng tin nhân quả thì mới sống

đúng đạo đức không làm khổ mình, không làm khổ người và không làm khổ tất cả chúng sanh.

Trước thảm cảnh cái chết la liệt của con người đã xảy ra trên hành tinh này theo qui luật của nhân quả thiện ác. Thầy tha thiết kêu gọi mọi người hãy hướng về đức Phật, một ân nhân của loài người, Ngài đã để lại cho loài người một chương trình giáo dục đào tạo đạo đức nhân bản – nhân quả, để giúp cho con người vượt lên nhân quả sống toàn thiện.

Đức Phật ra đời, sau khi tu hành chứng đạt chân lí, Ngài thấy qui luật nhân quả đang điều hành vũ trụ một cách trật tự, công bằng. Đó là một sự thật nhưng con người quá vô minh không thấy, không hiểu biết, nên lầm lạc đi trong vòng qui luật khổ đau này. Muốn con người thoát khổ, ra khỏi qui luật này, nên lời nói pháp đầu tiên của đức Phật, đã xác định chân lí Tứ Diệu Đế. Chân lí Tứ Diệu Đế là một sự thật chỉ thẳng kiếp làm người là khổ, là nguyên nhân sinh khổ, là trạng thái hết khổ, là chương trình giáo dục đào tạo đạo đức nhân bản - nhân quả sống không làm khổ mình, không làm khổ người và không làm khổ tất cả chúng sanh. Đó là một bài pháp giúp cho mọi

người hiểu biết về nhân quả. Có hiểu biết về nhân quả thì mới biết hành động nào thiện, hành động nào ác. Biết hành động nào thiện, hành động nào ác thì mới chuyển hóa được nhân quả. Chuyển hóa được nhân quả là vượt ra khỏi qui luật nhân quả tức là làm chủ nhân quả nghiệp báo. Tất cả những hành động này là một sự thật không có gì mơ hồ, ảo tưởng.

Kính thưa các bạn! Con người vì vô minh không thấy, không biết nguyên nhân sinh ra muôn vàn sự khổ đau chính là lòng ham muốn của các bạn. Do lòng ham muốn mà con người mới có những hành động thiện ác. Có những hành động thiện ác thì phải nhận lấy những quả khổ vui của những hành động đó. Đây là vô minh không hiểu, không biết mà các bạn đi theo qui luật của nhân quả. Các bạn có biết không?

Biết rõ như vậy nên đức Phật dạy chúng ta: ***“Chư ác mạc tác, chúng thiện phụng hành”*** hoặc ***“Ngăn ác diệt ác pháp, sinh thiện tăng trưởng thiện pháp”***. Nhưng muốn không làm điều ác, luôn luôn làm điều thiện hoặc luôn luôn ngăn ác diệt ác pháp, sinh thiện tăng trưởng thiện pháp thì phải tham dự tu học tám lớp ***“ĐẠO ĐẾ”*** tức là ***“BÁT***

CHÁNH ĐẠO” theo đúng chương trình giáo dục đào tạo ba cấp **“GIỚI, ĐỊNH, TUỆ”** của Phật giáo. Khi tốt nghiệp xong ba cấp tu học ấy, các bạn sẽ trở thành một con người có đạo đức đầy đủ sống không làm khổ mình, không làm khổ người và không làm khổ tất cả chúng sanh. Và như vậy thế gian này trở thành Thiên đàng, Cực lạc, thì dịch cúm gia cầm và thiên tai, lũ lụt, sóng thần, động đất, hỏa hoạn, thủy tai làm sao còn nữa. Phải không các bạn?

Trong thư con hỏi: ***“Với đôi mắt nhân quả của Thầy, xin Thầy chỉ rõ làm thế nào có thể ngăn chặn đại dịch này, cứu giúp hàng triệu người trên thế giới. Con tin rằng nếu loài người nhận thức về qui luật nhân quả ấy một cách khoa học, họ sẽ giảm rất nhiều các hành động ác của mình”***.

Muốn cứu giúp mọi người thoát khỏi làn sóng đại dịch cúm gia cầm và những thiên tai, lũ lụt, động đất, sóng thần, bão tố v.v.. thì chỉ có mọi người phải thông hiểu nhân quả. Chính thông hiểu nhân quả, nên mọi người phải tự cứu mình bằng cách ngưng bàn tay ác độc giết hại chúng sanh, ngưng sự sống ác độc nhẫn tâm đối với sự sống của các loài vật khác và

ngưng ăn thịt chúng sanh tức là phải sống theo sự hướng dẫn của **ĐẠO ĐỨC NHÂN BẢN – NHÂN QUẢ**.

Thứ nhất là họ phải sống **“Chánh tri kiến”**. Vậy sống Chánh tri kiến như thế nào? Sống Chánh tri kiến là phải thấy đúng mọi hoàn cảnh, mọi sự việc, mọi đối tượng thường xảy ra đều thấy đúng là nhân quả thiện ác.

Thứ hai là phải sống **“Chánh tư duy”**. Vậy sống Chánh tư duy như thế nào? Sống Chánh tư duy tức là sống suy tư mọi hoàn cảnh, mọi sự việc, mọi đối tượng đều phải tư duy, suy nghĩ nó là nhân quả thiện ác.

Thứ ba là họ phải sống **“Chánh ngữ”**. Vậy sống Chánh ngữ như thế nào? Sống Chánh ngữ tức là sống dùng lời nói thiện không được nói lời nói ác, nói lời nói không làm khổ mình, không làm khổ người và không làm khổ cả hai.

Thứ tư là họ phải sống **“Chánh nghiệp”**. Vậy sống Chánh nghiệp như thế nào? Sống Chánh nghiệp tức là sống không làm sáu nghề nghiệp ác, thường dùng những hành động không làm khổ mình, không làm khổ người và không làm khổ cả hai.

Thứ năm là họ phải sống “**Chánh mạng**”. Vậy sống Chánh mạng như thế nào? Sống Chánh mạng tức là sống không làm khổ mình, không làm khổ người và không làm khổ cả hai. Sống không nuôi dưỡng thân mạng bằng máu thịt chúng sanh, bằng sự đau khổ của loài vật khác, của người khác.

Thứ sáu là họ phải sống “**Chánh tinh tấn**”. Vậy sống Chánh tinh tấn như thế nào? Sống Chánh tinh tấn tức là sống siêng năng tinh cần hằng ngày từng phút từng giây không làm khổ mình, không làm khổ người và không làm khổ cả hai tức là ngăn ác diệt ác pháp, sanh thiện tăng trưởng thiện pháp.

Thứ bảy là họ phải sống “**Chánh niệm**”. Vậy sống Chánh niệm như thế nào? Sống Chánh niệm tức là sống giữ gìn tâm thanh thản, an lạc và vô sự. Tất cả những chương ngại pháp tác động vào thân tâm họ đều được đẩy lui bằng pháp Như lý tác ý trên Tứ Niệm Xứ

Thứ tám là họ phải sống “**Chánh định**”. Vậy sống Chánh định như thế nào? Sống Chánh định tức là sống bất động tâm trước các pháp ác và các cảm thọ.

Kính thưa các bạn! Với đôi mắt của người chúng đạt chân lí thì nhìn thấy nhân quả là thật, nó giống như xem chỉ trong lòng bàn tay của mình vậy. Còn các bạn với đôi mắt bị hạn chế không gian và thời gian nên không thể thấy rõ như vậy. Vì thế, Thầy phải dùng nhân quả thảo mộc để chỉ cho các bạn nhận thấy cụ thể rõ ràng nhân quả là một sự thật chứ không phải tưởng tượng. Tin hay không tin đó là quyền của các bạn, nhưng Thầy biết rằng các bạn đang bị luật nhân quả điều khiển, nói cách khác các bạn là những người nô lệ của nhân quả. Nếu các bạn không chịu cởi bỏ ách nô lệ thì muôn đời ngàn kiếp phải làm thân nô lệ cho nhân quả mãi mãi.

Cuối cùng Thầy có lời thăm con được mạnh khỏe an khang.

Kính thư
Thầy của con



KINH DUY MA CẬT

Câu hỏi của Tuệ Hạnh, một Phật tử TPHCM

Hỏi: *Kính thưa Thầy! Kinh Duy Ma Cật ca ngợi pháp môn **Bát Tư Nghì** giải thoát. Chẳng hay pháp môn đó cao thâm như thế nào mà người trí nghe thì phát tâm vô thượng Bồ Đề, Bồ Tát nghe thì hân hoan tiếp nhận, còn hàng Thanh Văn nghe thì không hiểu rõ khóc rống lên “khóc cho vang động cả 3000 cõi đại thiên thế giới”? (trích ý mục 4 kinh Duy Ma Cật trang 153).*

Đáp: Pháp môn **Bát Tư Nghì** là một pháp môn tướng của Đại Thừa, do các Tổ tu tập thiền sai pháp, lạc vào thiền tướng, nên tuệ tướng phát triển, từ đó các Tổ triển khai tướng tuệ. Vì thế, các pháp tướng được thành lập trong kinh sách Đại Thừa. Trong những pháp tướng đó có pháp môn **Bát Tư Nghì**.

Khi đạt được tướng giải này các Tổ thấy sự hiểu biết của mình hơn cả Phật, nên dùng các pháp tướng ấy bài bác chánh pháp của đức Phật bằng cách lý luận siêu tướng để diệt Phật giáo. Cho nên, Kinh Duy Ma Cật là một tác

phẩm trong những tác phẩm của Đại Thừa, ra đời là nhằm mục đích thực hiện ý đồ thâm độc để diệt giáo lý của của Phật giáo. Đây các bạn lắng nghe ông Duy Ma Cật giới thiệu pháp môn ***Bất Tư Nghì***:

1- Kinh Duy Ma Cật dạy: ***“Thiên giả không dính mắc Tam Giới và thân tâm vẫn sinh hoạt mới là ngôi thiên”***.

Lời dạy này đúng là lời dạy không nghĩ bàn được, vì đó là tướng giải ra bất tư nghì nên vô nghĩa khiến cho ý thức không suy nghĩ được (vô phân biệt). Có thể nói lời dạy này vô lý. Vậy Tam giới các bạn có hiểu biết nghĩa của nó là gì không?

Theo các nhà Đại Thừa hiểu ***Tam giới*** là ba cõi giới (cảnh giới). Sự hiểu như vậy là hiểu theo tướng giải. Hiểu ba cõi giới là hiểu ba cõi ảo tưởng các bạn ạ!

Cho nên, kinh sách Nguyên Thủy Phật dạy ***Tam giới*** nghĩa lý như thật không mơ hồ ảo tưởng: ***“Tam giới tức là ba trạng thái trong thân tâm của con người”***. Ba trạng thái trong thân tâm của con người gồm có:

- 1- Dục giới
- 2- Sắc giới

3- Vô sắc giới

- Dục giới chỉ cho trạng thái ham muốn của con người.

- Sắc giới chỉ trạng thái của cơ thể con người.

- Vô sắc giới chỉ cho trạng thái tưởng của con người.

- Ba cõi tức là ba trạng thái của một con người. Ba trạng thái trong một con người, nên con người thường luân chuyển sống trong ba trạng thái này, không lìa rời nhau, không xa nhau nửa bước, lúc thì ở trạng thái này, lúc thì ở trạng thái kia, cho nên kinh dạy: ***“Luân hồi trong ba cõi”***.

Bởi kinh Duy Ma Cật dạy câu trên đây không bao giờ thực hành được. Không bao giờ thực hành được là vì một con người mà không ở trong Tam Giới thì ở đâu? Sinh ra làm người thì lúc nào cũng ở trong Tam Giới. Ở trong Tam Giới thường sinh hoạt mà nói rằng không dính mắc là không đúng. Chữ dính mắc của Duy Ma Cật dùng ở đây không đúng nghĩa. Tại sao vậy?

Chữ dính mắc phải được thay thế bằng chữ: ***“Ác pháp không tác động”***. Vì thế, câu

này phải được viết lại: ***“Thiền giả sống trong Tam Giới thân tâm vẫn sinh hoạt bình thường mà dục và ác pháp không tác động”***. Cho nên, ba trạng thái này bảo rằng con người không dính mắc là không đúng nghĩa. Vì ba trạng thái này là ba trạng thái của một con người, chứ không phải ba trạng thái là ba cõi như các nhà Đại Thừa hiểu. Đức Phật đã xác định: ***“Không có cõi giới siêu hình thật mà các cõi giới siêu hình chỉ là cõi tưởng (tưởng tri chứ không phải liễu tri)”***.

Lời dạy trong kinh Duy Ma Cật nghĩa lý không rõ ràng, chứng tỏ ông Duy Ma Cật tưởng giải theo nghĩa lý của kinh sách Đại Thừa, chứ chẳng có gì mới mẻ cả. Đó là một loại thiền tưởng của ngoại đạo. Phật giáo Nguyên Thủy không có những loại thiền này. Cho nên, lời nói của ông Duy Ma Cật không có giá trị tu hành làm chủ sanh, già, bệnh, chết, chỉ là lời nói suông mà thôi, dạy mà không có pháp hành: ***“Thiền giả không dính mắc Tam Giới và thân tâm vẫn sinh hoạt mới là ngôi thiền”***.

2- Duy Ma Cật dạy: ***“Sinh hoạt trong bốn oai nghi như bình nhật mà không rời Diệt Tận Định”.***

Kính thưa các bạn! Duy Ma Cật hiểu Diệt Tận Định như thế nào mà dám bảo: ***“Sinh hoạt trong bốn oai nghi như bình nhật mà không rời Diệt Tận Định”.***

Cư sĩ Duy Ma Cật dám nói câu này chính là cư sĩ đã lộ sự vô minh của mình cho người khác biết, giống như người vạch lưng cho xem theo. Vậy Diệt Tận Định nghĩa là gì?

Diệt Tận Định là một loại thiền định bất động cả thân lẫn tâm. Vì thiền này diệt các cảm thọ và các tướng như vậy thân ngồi bất động. Thân ngồi bất động thì làm sao sinh hoạt trong bốn oai nghi được. Phải không các bạn? Có lẽ ông Duy Ma Cật không hiểu thiền Diệt Thọ Tướng Tận Định là gì? Nên đã nói theo kiểu tướng giải của mình để gọi là pháp môn Bát Tư Nghì. Như vậy pháp môn Bát Tư Nghì chỉ là lời nói “xạo”, nói dối, nói như mình hay nhưng kỳ thực là lời nói xảo ngôn, nói lừa đảo lường gạt người.

Như vậy ở đời ai nói một việc gì vô lý là pháp môn Bát Tư Nghì hết sao!? Chỉ có những

người vô minh mới ca ngợi những lý luận ảo tưởng đó. Người có minh thì không bao giờ chấp nhận. Cho nên, 62 luận thuyết của ngoại đạo Bà La Môn thời bấy giờ đức Phật không chấp nhận và đã bác sạch những lý luận đó. Những lý luận của Bà La Môn là những lý luận tưởng.

Những gì ông Duy Ma Cật đã dạy trong kinh Duy Ma Cật chỉ là nhai lại bã mía của kinh sách Đại Thừa và Thiên Tông Trung Hoa chẳng có gì mới mẻ cả.

3- Duy Ma Cật dạy: ***“Làm mọi việc như kẻ phạm phu mà không sao lãng đạo pháp”***. Lời dạy như vậy có đúng không thưa các bạn?

Lời dạy như vậy chỉ là những lời dạy cho những người bị bệnh tưởng, những kẻ đồng bóng, chứ những người bình thường thì không ai tin lời dạy này, vì làm mọi việc như kẻ phạm phu mà không sao lãng đạo pháp thì chẳng có ai làm được. Lời dạy này không thể sống và tu tập được. Lời dạy này không thể sống và tu tập được là pháp môn Bát Tư Nghì ư! Vậy thì pháp môn Bát Tư Nghì của ông Duy Ma Cật để làm gì? Có ích lợi gì cho đời? Nói để tranh hơn thua cao thấp với những người

khác ư!?: ***“Đây là pháp môn không thể nghĩ bàn không có pháp nào cao hơn được”***. Pháp môn như vậy chỉ là lời nói lừa đảo người khác mà thôi. Ai cũng ca ngợi kinh Duy Ma Cật nhưng có ai tu tập được như kinh Duy Ma Cật dạy chưa? Kinh Duy Ma Cật là kinh vọng ngữ, kinh nói không đúng sự thật. Trong khi kinh sách Phật giáo dạy những gì đều đúng như thật nên giáo pháp của Phật được gọi là Chân lý. Cho nên, bài pháp đầu tiên của Đức Phật gọi là Tứ Diệu Đế. Tứ Diệu Đế tức là bốn sự thật của loài người. Phật không lừa đảo con người, từ bỏ sự giàu sang danh lợi, còn Tổ chuyên lừa đảo người khác để cất chùa to Phật lớn làm giàu trên mồ hôi nước mắt của người Phật tử.

Như các bạn đã biết Phật pháp là phải lìa tâm dâm dục, thế mà sống trong tâm dâm dục lại không lìa Phật pháp. Lời dạy như vậy các bạn cứ suy ngẫm có đúng không? Hay ông Duy Ma Cật là một người trí óc bất ổn. Phải không các bạn?

4- Duy Ma Cật dạy: ***“Tâm không cột vào trong cũng không tản mạn ra ngoài mới là ngôi thiền”***. Câu này ông Duy Ma cật dạy đúng nghĩa theo Phật giáo Nguyên Thủy. Khi

tâm không phóng dật thì tâm không cột vào trong và cũng không tản mạn ra ngoài như vậy câu này đâu phải là pháp môn Bất Tư Nghì. Vì lời dạy này còn nghĩ bàn được, phải không các bạn? Còn nghĩ bàn được thì đâu được gọi là pháp môn Bất Tư Nghì. Như vậy rõ ràng lời dạy của ông Duy Ma Cật không nhất quán, tự nó mâu thuẫn với nhau. Có đúng không các bạn?

Như vậy, bộ kinh Duy Ma Cật chỉ là một bộ kinh góp nhặt cát sạn của Đại Thừa mà bài bác vàng bạc châu báu của Phật giáo Nguyên Thủy thì làm sao bài bác được, chỉ có những người lọt vào tướng tuệ nên mới chấp nhận những pháp môn ảo tưởng đó, chứ người có trí hiểu biết một chút thì không bao giờ chấp nhận. Xem bộ kinh Duy Ma Cật như một bộ môn tiểu luận lừa đảo.

Các bạn nên đọc lại lời dạy này: ***“Tâm không cột vào trong cũng không tản mạn ra ngoài mới là ngồi thiền”***. Câu này mang đầy đủ ý nghĩa giải thoát của đức Phật, khi Ngài thành Chánh giác đã tuyên bố như sau: ***“Ta thành chánh giác là nhờ tâm không phóng dật”***.

5- Duy Ma Cật dạy: ***“Trước bao nhiêu tà kiến, bao nhiêu dị thuyết, bao nhiêu chuyện mê tín hoang đường mà tâm không lay động, không bị mê hoặc cảm dỗ xiêu lòng vững tâm trong 37 phẩm trợ đạo...”***

Câu này dạy đúng có ý nghĩa suy tư đầy đủ của tâm bất động thiền định như vậy câu này đâu phải là pháp môn bất tư nghi. Phải không các bạn. Câu này có ý nghĩa tâm bất động trước các pháp ác và các cảm thọ.

6- Duy Ma Cật dạy: ***“Không khởi tâm đoạn trừ phiền não mà vẫn có Niết Bàn mới là ngôi thiền”***. Bản chất con người là phiền não, đó là chân lý thứ nhất (***Khổ đế***) mà đức Phật đã xác định. Đoạn trừ phiền não là chân lý thứ tư (***Đạo đế***), nếu không đoạn trừ phiền não thì làm sao có Niết Bàn. Còn Niết Bàn là chân lý thứ ba (***Diệt đế***). Cho nên câu: ***“Không khởi tâm đoạn trừ phiền não mà vẫn có Niết Bàn mới là ngôi thiền”***. Nếu ai đã học về bốn chân lý của Phật giáo thì đọc câu này các bạn sẽ có cảm nhận về ông Duy Ma Cật là người kiến giải chứ chưa có thực hành tu tập. Vì thế, ông chưa hiểu Niết Bàn của Phật giáo, ông chỉ hiểu Niết Bàn của

ngoại đạo. Niết Bàn của ngoại đạo là một cảnh giới siêu hình.

Niết Bàn có nghĩa là không có phiền não không phiền não tức là Niết Bàn. Cho nên, câu nói của ông Duy Ma Cật dường như Niết Bàn và phiền não là hai. Ý của Ông nói cứ để phiền não bình thường, không cần đoạn trừ phiền não mà vẫn có Niết Bàn. Xin lập lại câu nói của Ông: ***“Không khởi tâm đoạn trừ phiền não mà vẫn có Niết Bàn”***. Vì thế, ông Duy Ma Cật cho Niết Bàn là một cảnh giới siêu hình ở đâu chứ không phải chỗ tâm không phiền não.

Hiểu như ông Niết Bàn là một cảnh giới của chư Phật, chứ không phải là một trạng thái của tâm con người.

Các bạn lắng nghe chân lý thứ ba của Phật giáo là một trạng thái tâm con người không còn tham, sân, si. Không còn tham, sân, si mới gọi là diệt đế. Diệt tức là diệt hết sự đau khổ phiền não.

Hiểu Phật giáo như ông Duy Ma Cật là hiểu Phật giáo theo nghĩa của Bà La Môn, hiểu theo nghĩa của thế giới siêu hình.



VÔ SỞ ĐẮC

Câu hỏi của Tuệ Hạnh

Hỏi: *Kính thưa Thầy! Trưởng giả Duy Ma Cật dạy Mục Kiền Liên: “Luận đến chỗ cứu kính của vấn đề thuyết pháp thì người nói không nói gì hết, không phô bày gì hết. Người nghe không nghe gì hết và không được có một sở đắc nào. Ví như ảo thuật sư làm ra người ảo, người ảo lại nói chuyện ảo. Phải xác lập ý thức kiên định như thế rồi mới thuyết pháp...; phải biết căn tánh chúng sanh lợi hay độn...; phải lấy tâm đại bi mà khen ngợi Đại thừa”. Con thấy Duy Ma Cật lý luận lòng vòng cuối cùng cũng trở về lối thuyết pháp vô ngôn của Đại thừa cũng giống như chuyện đức Phật niêm hoa ngài Đại Ca Diếp vì tiểu trên đại linh sơn, nối tiếp chánh pháp của Phật. Thầy có thể giảng giải cho hàng sơ học như chúng con hiểu phần nào về lối thuyết pháp không nói không nghe này được không Thầy?*

Đáp: Lối thuyết pháp không lời có ai còn lạ gì Thiên Tông Trung Hoa:

“Bất lập văn tự

Giáo ngoại biệt truyền.

Chỉ thẳng tâm người.

Kiến tánh thành Phật”

Có ai còn lạ gì Lão Trang:

“Đạo khả đạo phi thường đạo.

Danh giả danh phi thường danh”.

Phải không các bạn?

Duy Ma Cật là một nhà nghiên cứu tập hợp những tư tưởng của Phật, Lão, Nho và Bà La Môn thành lập một giáo lý Tối Thượng thừa. Cho nên, câu chuyện niêm hoa trên núi Linh Thú, Tổ Ca Diếp mỉm cười... là khởi đầu cho những trang giả sử 33 vị Tổ Sư thiên Ấn Độ và Trung Hoa, với mục đích là quét sạch Phật giáo Nguyên thủy ra khỏi tư tưởng tín đồ. Vì thế, Bồ Đề Đạt Ma dạy: ***“giáo ngoại biệt truyền, bất lập văn tự, chỉ thẳng tâm người, kiến tánh thành Phật”***. Đó là ý đồ diệt Phật giáo đã hiện nguyên hình trong kinh Bát Tư Nghì mà nhân vật chính là ông Duy Ma Cật. Kinh sách Thiên Tông đều mang tư tưởng Lão Trang. Tư tưởng này xuất phát nơi đất nước Trung Hoa. Vì thế mới tưởng tri sinh ra 1700 công án trên giáo pháp thiên để thay thế kinh sách Nam Tông, chứ không phải kinh sách Bắc Tông, để chỉ thẳng tâm người, kiến tánh thành Phật. Đó là lối dạy để diệt ý thức

“vô phân biệt” làm cho ý thức tê liệt **“Chẳng niệm thiện niệm ác”**. Các thiền sư tưởng giải **“Chẳng niệm thiện niệm ác”** là thành Phật, là giải thoát nơi đó, là hết tham, sân, si, nhưng sự thật đó chỉ là một ảo tưởng Phật tánh. Đức Phật đâu có dạy kỳ lạ như vậy, đâu có dạy tu để làm Phật, đâu có dạy tu để nhập thiền định; đâu có dạy tu để có Tam Minh, lục thông; đâu có dạy tu ngồi thiền ba bốn tiếng đồng hồ; đâu có dạy tu để cầu vãng sanh Cực Lạc Tây Phương; đâu có dạy tu tập để nhập vào cảnh giới Niết Bàn; đâu có dạy tu để lại nhục thân, xá lợi; đâu có dạy cúng bái tụng niệm cầu siêu, cầu an, cầu tài, cầu lợi, cầu cho biết ngày, biết giờ chết; đâu có dạy lạy lễ hồng danh sám hối để tiêu tai, giải nạn, để được phước báu nhân thiên và để ngồi thiền hết vọng tưởng. Chính giáo pháp của đức Phật chỉ dạy tu tập để làm chủ sanh, già, bệnh, chết. Đó là mục đích chân chánh của đạo Phật giúp cho loài người thoát khổ, chứ không phải đạo Phật ra đời để hướng dẫn cho mọi người tu tập để thành Phật, để thành Thánh.

Thiền Tông Trung Hoa và Đại Thừa đã hiểu sai mục đích của đạo Phật nên mới lừa đảo người khác bằng những lời nói **“Vô sở đắc”**, nếu có ai nói tu có chứng, có đắc là gạt

ngang **“chẳng có chứng đắc gì cả”**. Cho nên, ông Duy Ma Cật chỉ lập lại những ý nghĩ tư tưởng vô phân biệt: **“Luận đến chỗ cứu cánh của vấn đề thuyết pháp thì người nói không nói gì hết, không phô bày gì hết, người nghe không nghe gì hết và không được có một sở đắc nào”**.

Thiền Tông đã truyền thừa bắt đầu tại nước Trung Hoa khởi xướng từ Bồ Đề Đạt Ma và phát triển rộng nở từ Lục Tổ Huệ Năng. Nhưng loại thiền này là thiền miệng, thiền la, thiền hét, thiền đánh, thiền thoi và luôn luôn vấn đáp công án nghe thật kêu, nhưng thực chất tu hành không có giải thoát, chỉ rơi vào thiền tưởng ngời lim dim như thi ma người chết, họ cứ tưởng đó là **“Phật tánh”**.

Biết bao nhiêu người bỏ công sức tu hành, cuối cùng cũng chẳng ra gì chỉ an trú trong một trạng thái tưởng không niệm. Cho nên thiền sư Thường Chiếu bảo: **“Đó là bọn đại bịp”**.

Trước khi tịch tổ Pháp Loa bệnh đau rên:

- *Hừ! Hừ!!!*

Thấy thế Huyền Quang hỏi:

- *Sao Hòa Thượng rên?*

- *Gió thổi qua khe trúc*

Tu hành không làm chủ bệnh nên khéo trả lời che đậy **“Gió thổi qua khe trúc”**, câu trả lời thật là tuyệt vời bùng bít.

Thiền tông đã truyền thừa được sáu đời tại Trung Hoa từ Bồ Đề Đạt Ma đến Lục Tổ Huệ Năng và từ đây Thiền Tông phát triển theo kiểu biến dạng thành Tịnh Độ Tông, vì tu thiền không kết quả. Do đó, Tổ Thiền Tông Tuệ Viễn thành lập Liên Trì Thư Xã sơ giải kinh Tịnh Độ. Đó là một hiện tượng báo động cho biết Thiền Tông tu hành chẳng đến đâu nên mới sinh ra pháp môn Tịnh Độ. Thiền tông phát triển đến thiền công án và tham thoại đầu là con đường thiền chấm dứt, không còn phương thế nào phát triển hơn nữa được.

Khi phát triển đến mức độ không còn phát triển được nữa thì lại sinh ra một hệ phái khác: Tịnh Độ Tông, Mật Tông, Pháp Hoa Tông. Tất cả các hệ phái này đều là con đẻ của Thiền Tông. Cho nên, kinh sách Đại Thừa là kinh sách phát triển theo kiến giải, tướng giải của giáo pháp Bà La Môn Ấn Độ, của Thiền Tông Trung Hoa. Các Tổ Sư Thiền Tông Trung Hoa rất khôn khéo, vì biết chắc tin đồ không tin ở họ nên soạn kinh, viết sách đều gán cho

Phật thuyết. Đó là có ý đồ lừa đảo Phật tử bằng cách dùng thuật ngữ ***“Thiền giáo đồng hành”***, có nghĩa là lấy giáo tức là lời dạy của Phật làm niềm tin cho thiền. Khi Bồ Đề Đạt Ma sang Trung Hoa đã tuyên bố: ***“Giáo ngoại biệt truyền. Bất lập văn tự. Chỉ thẳng tên người. Kiến tánh thành Phật”***.

Vì thế, Bồ Đề Đạt Ma diện kiến vua Lương Võ Đế. Nhà vua hỏi: *“- Ai đang ở trước mặt Ta”*.

Bồ Đề Đạt Ma trả lời: *“Không biết”* nên bị vua Lương Võ Đế sai lính hầu đánh gãy răng, và thả Ông ra, cấm không cho truyền tà đạo (đạo không đúng đạo Phật), từ đó Bồ Đề Đạt Ma lên núi nhập thất, mai danh ẩn tích 9 năm. Người ta gọi ông là ông Bà La Môn ngồi nhìn vách đá chín năm.

“Diện bích cứu niệm

Đáng ngộ Bồ Đề.

Dữ Chân Bồ Tát

Tê thành chánh giác”.

Cho nên, kinh Duy Ma Cật chỉ là một lập luận Phật tánh của Thiền Tông Trung Hoa, chứ không có gì mới mẻ cả.



KHI NÓI, VIẾT PHẢI BÌNH TÂM SUY NGHĨ CHO KỸ

Bài viết của Diệu Quang

Hằng ngày, tôi thường mở hộp thư trên mạng để đọc thư các bạn bốn phương gửi về tu viện Chơn Như.

Hôm nay, tôi nhận được nhiều lá thư gửi vào hộp thư của chúng tôi nói về Thầy Thông Lạc.

Sau khi đọc những bài viết về Thầy Thông Lạc của bạn Ng. H.⁴ trên trang thư viện Hoa Sen, tôi có đến trình và thưa hỏi Thầy Thông Lạc, có nên trả lời những bài viết này không?

Thầy Thông Lạc bảo: *“Phải im lặng như Thánh, chúng ta tu tập theo Phật giáo là để cầu giải thoát, chứ không phải để tranh luận*

⁴ Xin phép cư sĩ Nguyễn Hòa cho tôi được xem cư sĩ là một người bạn, để cùng nhau trao đổi những sự hiểu biết về Thầy Thông Lạc, những gì bạn chưa hiểu biết, tôi giúp bạn hiểu biết. Mong bạn vui lòng nhé!

hơn thua, phải trái, đúng sai với ai cả. Nơi đâu có dựng lại chánh pháp của Phật, tu hành có giải thoát thì nơi đó chúng ta nên theo mà học hỏi và tu tập, còn nơi đâu có lý luận hơn thua thì nên tránh xa”.

Lời Thầy Thông Lạc khuyên như vậy, nhưng tâm chúng tôi tu hành chưa tới đâu nên nghĩ đến nhiều người khác, nghĩ đến bạn Ng. H. Khi họ đọc những bài viết của bạn Ng. H thì họ hiểu Phật giáo một cách lệch lạc (hiểu theo kiểu xưa nay của kinh sách phát triển). Nếu những bài viết của bạn Ng. H đưa lên trang thư viện Hoa Sen mà không được chỉnh đốn, làm sáng tỏ lại thì rất tội nghiệp cho bạn Ng. H, vì bạn ấy không thấy được cái sai; cái cố chấp của bạn, mà còn có một số bạn bè hòa theo, a dua với những lập luận nhai lại bã mía của bạn.

Những lập luận a dua nhai lại bã mía của bạn đã làm cho bạn không còn sáng suốt thấy sự vô minh của bạn nữa, do đó bạn sinh ngã mạn cho mình là am tường, thông suốt Phật pháp. Bằng chứng bạn ấy đã bỏ nhiều thì giờ để bình luận những lời tựa của bộ sách Đường Về Xứ Phật theo những kiến giải, tưởng giải của các vị Tổ sư. Trong khi đó, tâm bạn ấy

sống chưa ly dục ly ác pháp ở giai đoạn của người cư sĩ giữ gìn 5 giới, thì còn nói chi đến tâm bạn ấy bất động trước các ác pháp và các cảm thọ; thì còn nói chi đến bạn ấy nhập được Tứ Thánh Định. Cho nên, bạn ấy chưa thực hiện được Tam Minh; chưa làm chủ được sự sống chết; chưa chấm dứt được sự tái sinh luân hồi; chưa biết khi chết bạn ấy sẽ đi về đâu. Nhất là một điều dễ làm mà bạn ấy còn chưa biết, chưa làm được, đó là một ngày sống đúng Phạm hạnh như Phật, như chúng Thánh Tăng như ngày Thọ Bát Quan Trai đúng chánh pháp. Thế mà, những bài viết của bạn ấy đưa lên trang Thư Viện Hoa Sen để chứng tỏ cho mọi người trên thế giới biết bạn là người am tường, thông hiểu Phật Pháp, nhưng cái thông hiểu của bạn giống như con chim nói tiếng người, có nghĩa là bạn chưa làm được những gì bạn đã nói. Vậy mà bạn luận cái sai, cái đúng về sách Thầy Thông Lạc thì tôi e rằng bạn là người háo danh và nông nổi, bạn không biết lượng sức mình chẳng khác gì người mù sờ voi, người đứng dưới chân núi mà nói chuyện trên đỉnh núi.

Nếu bạn muốn luận về sách Thầy Thông Lạc thì bạn phải sống đúng Phạm hạnh của

Phật, tâm phải ly dục ly bất thiện pháp, lúc nào cũng ở trong trạng thái bất động tâm và phải nhập cho được Tứ Thánh Định và thực hiện Tam Minh thì chừng đó bạn mới đủ khả năng luận về bộ sách *Đường Về Xứ Phật* của Thầy Thông Lạc.

Bạn đâu biết rằng rất nhiều tín đồ Phật giáo hiện giờ đang chịu ảnh hưởng tinh thần bệnh hoạn mê tín, kiến chấp lý luận ảo tưởng và bệnh rối loạn thần kinh của Đại Thừa và Thiên Tông; những người bệnh này nhiều lắm bạn ạ! Cho nên, những bậc tu hành chân chánh như Thầy Thông Lạc giống lên tiếng chuông cảnh tỉnh, để mọi người tự cứu lấy mình, chứ không còn có cách nào, hay người nào khác tháo gỡ cho họ thoát khỏi những bệnh hoạn này. Trong khi đó những bài viết của bạn đưa lên trên trang Thư Viện Hoa Sen luận về sách Thầy Thông Lạc thì cũng giống như những người đã bị nọc của loài rắn độc mà lại được tiếp thêm chất nọc độc nữa. Và từ đó về sau bệnh nọc độc kiến chấp ảo tưởng mê tín của kinh sách phát triển càng trầm trọng hơn và không thể nào còn có thuốc nào cứu trị được. Thật đáng thương vậy!

Những lối lý luận của bạn Ng. H là lối lý luận vay mượn của những nhà học giả Phật giáo xưa và nay, cứ dựa theo lối mòn đó, dò dẫm lại, chứ bạn Ng. H. không có sự nghiên cứu kỹ về kinh sách Phật giáo Nguyên Thủy. Do đó, bạn ấy không có sự hiểu biết của riêng bạn, vì thế cái hiểu biết này của bạn về Phật giáo mà tôi bảo là nhai lại bã mía của người khác. Những bài viết của bạn dễ đưa dắt những người chưa hiểu biết về Phật giáo vào thế giới mê tín ảo tưởng của kinh sách phát triển, trừu tượng của Thiền Đông Độ, nhất là những người không có thì giờ nghiên cứu kinh sách Phật giáo Nguyên Thủy, vì thế họ dễ bị ảnh hưởng tà kiến của những loại kinh sách phát triển này.

Thưa các bạn! Nếu trong tất cả những bài viết của bạn Ng. H nói về bộ sách của Thầy Thông Lạc, các bạn hãy chọn một bài nào, một đoạn nào, dù bất cứ ở chỗ nào trong những bài viết ấy đưa ra, thì tôi sẽ chỉ cái sai của bạn Ng. H cho các bạn xem, chỉ vì *“mọi điểm của những bài viết”* của bạn Ng. H không có điểm nào luận đúng, nói đúng về Phật giáo, về Thầy Thông Lạc cả, toàn là luận sai, vì bạn ấy quá xem thường kinh sách Phật giáo Nguyên Thủy.

Ở đây tôi không chọn bài nào, đoạn nào cả mà chỉ ngay bài đầu, đoạn đầu rất ngắn của bạn ấy để vạch ra cho các bạn xem bài viết của bạn ấy đã có rất nhiều cái sai với Phật giáo, vừa theo lịch sử, vừa theo giáo pháp, vừa theo giới luật. Không có bộ môn nào của Phật giáo mà bạn Ng. H luận đúng cả. Nếu chịu khó luận hết những bài viết của bạn Ng. H, thì sẽ cho thấy cái sai của bạn ấy vô số kể bên cạnh còn có tội phỉ báng kẻ chân tu.

1- Theo lập luận của bạn Ng. H cho Thầy Thông lạc viết không đúng lịch sử Phật giáo mà chỉ do suy đoán của riêng Thầy: *“Điều trên ghi không đúng theo lịch sử Phật Giáo, hoặc là chỉ do suy đoán riêng của Thầy Thông Lạc”*. Theo sự nghiên cứu của chúng tôi và qua lời dạy của Thầy Thông Lạc, thì nên căn cứ vào tuổi thọ của ông A Nan để tìm ra Phật giáo Nguyên Thủy nguyên gốc tồn tại được bao nhiêu năm trên thế gian này.

Ai cũng biết ông A Nan đến với đạo Phật vào khoảng 20 tuổi ⁵(tuổi tỳ kheo) cho đến khi

⁵ Có thuyết cho rằng tuổi ông A Nan bằng tuổi Phật, thuyết này không đúng, vì một ông già 80 tuổi phục vụ hầu hạ cho một ông già 80 (Phật) (Lúc sắp Niết bàn

thị tịch là 120 tuổi. Ông là người đệ tử thị tịch cuối cùng của đức Phật. Ông A Nan còn sống là người đại diện cho Phật giáo Nguyên Thủy và cũng là người giữ gìn mạng mạch của Phật giáo chánh tông. Ông A Nan mất là Phật giáo chân chánh mất. Tại sao vậy?

Vì hiện tượng báo cho biết Phật giáo mất, mất trước khi ông A Nan tịch, là do tu sĩ Phật giáo bấy giờ hiểu sai lời Phật dạy, tu học theo kiến giải tà kiến của một số Thầy Tổ của họ.

Trong những năm cuối đời, chính ông A Nan đích thân chỉnh đốn lại những điều sai đó, mà các tu sĩ bấy giờ đều không nghe. Nên ông tự than phiền và cho rằng: *“Chúng sanh đời sau không còn đủ duyên với chánh pháp của Phật”*. Để chứng minh điều này, tôi xin ghi lại một đoạn sử về ông A Nan trong bộ Thập Đại Đệ Tử Sử Chuyện:

“Đến năm tôi già tròn đủ 120 tuổi, một hôm nọ trên đường đi nghe một thầy Tỳ Kheo tụng một bài kệ

*“Nếu người sống trăm tuổi,
Không thấy thủy lão hạc*

*Phật đau lưng, ông A nan trải tấm già lê cho Phật nằm
hoặc đi xuống suối lấy nước cho Phật uống).*

*Chẳng bằng sống một ngày
Mà thấy được hạc ấy”*

Ông A Nan nghe qua bài kệ tụng bị sai lầm một cách tệ hại, thật là râu ông nọ cắm cằm bà kia, Tôn giả bèn lập tức cải chính. Bài kệ phải tụng như thế này:

*“Nếu người sống trăm tuổi
Không hiểu pháp sanh diệt
Chẳng bằng sống một ngày
Mà được hiểu rõ ràng”*

Tỳ kheo kia nghe ông Anan dạy xong, trở về thưa lại với sư phụ, chẳng dè sư phụ nổi sùng nói rằng:

- Ông đừng nghe ông A Nan nói bậy, năm nay ông A Nan đã già cả, lú lẫn rồi, Ta dạy ông không sai đâu.

Thầy tỳ kheo trở lại đem lời sư phụ nói lại với ông A Nan.

Tôn giả A Nan định đi tìm ông ta để hỏi:

- Tại sao lại nói những lời ngu si như vậy? Nhưng suy đi nghĩ lại, con người đã thốt ra lời ấy có nói chưa chắc đã chịu nghe, nên thôi.

Một vị Trưởng lão ôn hoà như ông A Nan thống lãnh giáo đoàn đương thời, nắm trong tay giáo quyền tối thượng, nhưng vẫn áp dụng lối xử sự nhún nhường”.

Qua câu chuyện trên chúng ta xác định Phật giáo tồn tại tính Nguyên Thủy chỉ có một trăm năm. Một trăm năm ấy tính theo tuổi thọ của Ông A Nan. Ông A Nan vào đạo lúc 20 tuổi, đến khi thị tịch 120 tuổi. Như vậy ông A Nan có 100 tuổi đạo và 20 tuổi đời lúc trẻ. Còn tính theo năm đức Phật tu chứng quả đến khi về nước là 10 năm nhưng mất hết 7 năm mới tu chứng. Khi tu chứng xong ba năm sau mới về nước. Như vậy tính theo năm tu chứng đạo của Đức Phật và ông A Nan thị tịch là 103 năm. Nhưng ít nhất ba năm sau cuối đời của ông A Nan thì tu sĩ đã tu sai lệch theo kiến giải Thầy Tổ của họ. Như vậy Thầy Thông Lạc nói: Phật Giáo Nguyên Thủy chỉ có tồn tại 100 năm là đúng, vì Thầy có nghiên cứu và căn cứ vào sử sách hẩn hoi, chứ không phải Thầy suy đoán như bạn Ng. H nói. Các bạn có chấp nhận điều này không?

Đó là cái sai thứ nhất của bạn Ng. H luận về Thầy Thông Lạc.

2- Lại nữa, theo bạn Ng. H nói: *“Phật giáo Nguyên Thủy giữ đúng theo hình thức tu hành thời Phật, vẫn tồn tại vài trăm năm sau khi đức Phật Thích Ca nhập diệt, sau đó mới chia thành nhiều bộ phái mà Thượng Tọa Bộ, Đại Chúng Bộ sau này tập hợp thành Nam Tông và Bắc Tông”*.

Theo sự hiểu biết chung của mọi người, cũng như bạn Ng. H, Phật giáo vẫn tồn tại vài trăm năm sau khi đức Phật Thích Ca nhập diệt, sau đó mới chia thành nhiều bộ phái mà Thượng Tọa Bộ, Đại Chúng Bộ sau này tập hợp thành Nam Tông và Bắc Tông.

Thưa các bạn! Sự phân chia bộ phái không phải đợi đến vài trăm năm sau khi đức Phật nhập diệt, mà ngay khi đức Phật còn tại thế đã có sự phân chia thành hình hai bộ phái rõ rệt. Đó là:

- 1- Một bộ phái do Đức Phật lãnh đạo.
- 2- Một bộ phái do Đề Bà Đạt Đa lãnh đạo.

Nhờ sự lãnh đạo khéo léo của Đức Phật nên bộ phái Đề Bà Đạt Đa bị chìm, chứ không bị diệt mất, chỉ chờ có cơ hội thuận tiện là phát triển ngay liền.

Như vậy, bạn Ng. H hiểu biết sự phân chia Phật giáo thành bộ phái là theo lối mòn của các Tổ như trên đã nói, chứ không phải bạn ấy hiểu biết qua trí tuệ tu chứng. Do đó, đây là điểm sai thứ hai của bạn Ng. H luận về Thầy Thông Lạc.

3- Lại nữa, theo bạn Ng. H nói: *“Theo lịch sử, Phật chỉ giảng pháp trong 49 năm, không phải 100 năm (tại thế) như TL viết”*.

Đoạn luận trên của bạn Ng. H. cho thấy cái hiểu của bạn ấy lẽ mờ không biết Thầy Thông Lạc nói 100 năm Phật giáo trụ thế, hay 100 năm thuyết pháp, do đó Ng. H. đưa ra hai giả thuyết:

a. Giả thuyết thứ nhất: *Vẫn tồn tại vài trăm năm sau khi đức Phật Thích Ca nhập diệt, chứ không phải 100 năm.*

b. Giả thuyết thứ hai: *Theo lịch sử, Phật chỉ giảng pháp trong 49 năm, không phải 100 năm (tại thế) như TL viết.*

Qua lời luận trên các bạn thấy rõ bạn Ng. H rất vội vàng, đọc sách Đường Về Xứ Phật mà không hiểu gì về văn của Thầy Thông Lạc viết. Ở đây, Thầy Thông Lạc viết rất rõ ràng: *“Đạo Phật chỉ có tồn tại được 100 năm”* mà

bạn ấy lại lý luận bảo: *“Phật chỉ giảng pháp 49 năm, không phải 100 năm như TL viết”*. Như vậy bạn Ng. H đã đồng hoá nghĩa của chữ *“tồn tại”* và chữ *“giảng pháp”*. Có lẽ bạn Ng. H. là người tu học theo kinh sách sách phát triển và bạn đã đạt được trí vô phân biệt!

Đến đây các bạn đều biết lời luận của bạn Ng. H là dựa theo lối mòn của các Tổ thuộc kinh sách phát triển, chứ bạn Ng. H không tự nghiên cứu Phật giáo như tôi đã nói, nên sự hiểu biết của bạn ấy không có gì mới mẻ, riêng biệt. Vậy mà cầm bút phê bình kết luận Thầy Thông Lạc viết sai, không đúng.

Thầy Thông Lạc viết một điều gì, điều ấy có căn cứ rõ ràng, chứ không phải tự dự đoán riêng đặt ra, mà cũng không theo lối mòn của các Thầy Tổ học giả xưa và nay. Thầy viết theo trí tuệ do tu tập, chứ không phải viết theo trí tuệ kiến thức học giả phàm phu.

Ông A Nan là hiện thân giáo pháp của đức Phật, ông A Nan mất là giáo pháp Phật mất, ông A Nan còn là giáo pháp Phật còn.

Ai cũng biết khi ông A Nan còn sống mà không chỉnh được những cái sai trong Phật giáo bấy giờ, thì thử hỏi khi ông A Nan chết thì còn ai chỉnh những cái sai này được. Với

khả năng ghi nhớ của ông A Nan được đức Phật cho là đệ tử đa văn đệ nhất, thế mà còn không thể cứu nguy Phật giáo được, nên ông đành thị tịch. Giờ đây chúng ta hãy đọc lại đoạn sử Phật giáo rất náo lòng này:

“Tuy vậy một bậc Trưởng lão Thánh Tăng đã sống 120 tuổi đối với việc đời không còn chút lưu luyến, sau khi gặp chuyện trên lại còn chán ngán thế gian hơn. Tôn giả nghĩ: “cái cõi đời này thật hết ý kiến, đức Thế Tôn nhập diệt chưa bao lâu mà có người hiểu sai Phật pháp như vậy, sau này trong giáo đoàn lại có những điều tà kiến kể sao cho xiết. Ta vì Phật tụng lại giáo pháp mà mọi người chấp chặt vào kiến chấp tà kiến của họ không chịu theo đúng pháp mà tu hành. Ta còn ở lại đây làm gì? (Thập Đại Đệ Tử Sử Chuyện)

4- Thưa các bạn! Tôi chỉ dẫn vài đoạn luận ngắn trên đây để các bạn thấy rõ khả năng hiểu biết về Phật pháp của bạn Ng. H còn tùy thuộc, cần phải tu học nhiều hơn nữa để thực chứng tự trí tuệ thấy hiểu biết như thật, chứ không phải nhai lại bã mía của người xưa như vậy, chẳng có lợi ích gì cho bản thân, mà còn làm cho mọi người hiểu biết lệch lạc về Phật giáo, làm mất chánh pháp của Phật

khiến người sau chẳng biết đường lối nào tu hành đến nơi đến chốn. Thật tội ấy không thể tha thứ được. Như các bạn đã thấy kinh sách phát triển không thiếu, nhiều như rừng, như biển, nhưng tìm một vị tu sĩ Phật giáo sống đúng Phạm hạnh giới luật thì không tìm thấy, huống là tìm một tu sĩ Phật giáo tâm ly dục ly bất thiện pháp và bất động trước các ác pháp và các cảm thọ thì làm sao tìm có. Phải không các bạn?

Một rừng kinh sách phát triển như vậy mà không tìm ra một bậc tu hành sống đúng Phạm hạnh giới luật thì làm gì tìm được một bậc nhập Tứ Thánh Định, thể hiện Tam Minh, làm chủ sự sống chết, chấm dứt luân hồi tái sanh được

Thưa các bạn! Rừng kinh sách phát triển vĩ đại như thế mà chỉ thấy những bộ giới cấm ít ỏi, lơ thơ, còn giới đức, giới hạnh, giới hành thì không có một bộ nào cả. Vậy lấy giới luật gì? Ở đâu? Mà bạn Ng. H dám đem giới luật ra đây nói: *“Có hay không có, phạm hay không phạm”*. Dựa vào mấy bộ giới cấm của các Tổ mà luận về giới luật thì tôi e bạn ấy không biết lượng sức mình. Khi bạn viết ra câu này chúng tôi bạn là người không có nghiên cứu và

học hỏi về giới luật: “*Vì làm sao gọi là phạm giới khi không hay chưa có giới*”.

Thưa các bạn! Các bạn có biết giới luật của Phật bắt nguồn từ đâu mà có?

Từ Phạm Thiên đấy các bạn ạ!

Thưa các bạn! Phật có trước Phạm Thiên hay Phạm Thiên có trước Phật?

Trong kinh sách Nguyên Thủy, Phật thường nhắc nhở các tỳ kheo nên sống một đời sống Phạm hạnh. Vậy Phạm hạnh là gì? Phạm hạnh là đức hạnh của Phạm Thiên. Đức hạnh của Phạm Thiên là giới đức, giới hạnh các bạn ạ!

Phạm Thiên có trước Phật, như vậy giới luật có trước Phật thì làm sao bạn Ng. H bảo rằng: “*Vì làm sao gọi là phạm giới khi không hay chưa có giới!*”.

Như vậy, bạn Nguyễn Hòa thật là đáng thương. Phải không các bạn? Khi nói, khi viết phải suy nghĩ kỹ, biết thì thưa thốt, không biết thì dựa cột mà nghe. Đối với Phật giáo hiểu biết thì phải hiểu biết cho thật rành rẽ (chứng đạo), thì có lợi ích cho mình cho người, còn biết theo kiểu như những nhà học giả (chưa chứng), sự hiểu biết ấy như con dao hai lưỡi,

biết mà im lặng như Thánh thì tốt; đã không biết mà tưởng là biết lại nói ra là một tai họa cho mình, cho người, cho Phật giáo. Các bạn có thấy điều này không?

Kinh pháp Cú dạy:

“Người ngu nghĩ mình ngu

Nhờ vậy thành có trí

Người ngu tưởng có trí

Thật xứng gọi chí ngu”

Trường hợp bạn H. Tr và bạn Ng. H, và một số vị nữa đều là những người viết bài cho trang Thư Viện Hoa Sen. Trang Thư Viện Hoa Sen tiêu biểu tiếng nói chân chánh, đúng đắn của Phật giáo, vì thế các bạn không nên viết sai phạm như thế này. Viết sai phạm thì trang Thư Viện Hoa Sen sẽ mất uy tín đối với các độc giả khắp nơi trên thế giới. Tiếng nói của Phật giáo mà không chân thật, không đúng đắn, lệch lạc, nghiên cứu không thấu đáo là khinh thường độc giả, xem độc giả thiếu hiểu biết về Phật giáo, vì thế mới muốn nói xuôi, nói ngược như thế nào cũng được. Tôi nghĩ các bạn đã lầm, muốn nói một điều gì về Phật giáo, về Thầy Thông Lạc thì các bạn hãy tu chứng đầy đủ trí tuệ Tam Minh, chứ đừng đem

chút học thức ra, uốn ba tấc lưỡi khoe khoang. Các bạn đừng tưởng rằng độc giả toàn là những người dễ tin; rồi đây sẽ có những độc giả sẽ vạch trần những cái sai trong những bài viết của các bạn, khi Thầy Thông Lạc ẩn bóng.

Như vậy, đây là cái sai của bạn Ng. H luận về Thầy Thông Lạc gây ảnh hưởng làm mất uy tín cho trang Thư Viện Hoa Sen nữa. Theo tôi nghĩ trang Thư Viện Hoa Sen là một thư viện Phật giáo chuyên tải những kinh sách Phật, những tiếng nói chân chánh của Phật giáo, chứ không phải là một tiệm sách hỗn tạp chung bày nhiều thứ ô hợp.

4- Bạn Ng. H còn một lỗi về phẩm hạnh nữa. Thầy Thông Lạc là một người lớn tuổi (dù bài viết của bạn Ng. H vào năm 2002 hay 2003 thì Thầy Thông Lạc năm đó cũng đã 75 hay 76 tuổi), vậy mà bạn Ng. H viết trống không và viết tắt như vậy “TL”: *“Theo lịch sử, Phật chỉ giảng pháp trong 49 năm, không phải 100 năm (tại thế) như TL viết”* (còn nhiều nơi khác nữa!). Cách thể hiện của bạn như vậy tôi cho là thiếu văn hóa lịch sự, kém đạo đức, không lễ độ. Có đúng như vậy không các bạn?

Dân tộc Việt Nam là một dân tộc có một truyền thống văn hoá kính trên, nhường dưới,

sống có đạo đức lịch sự, lễ độ, cung kính, tôn ti, trật tự rất tuyệt vời. Vì thế, ngôn ngữ nước ta có đầy đủ những danh từ xưng hô phân biệt tôn ti trật tự mà trên thế giới không dân tộc nào có những danh từ xưng hô nhiều như vậy. Thế mà bạn Ng. H quên mình là dân tộc Việt Nam, quên nguồn gốc đạo đức của Tổ Tiên ông bà, vì thế không chút e dè coi Thầy TL như bạn bè đồng trang lứa, hay bậc trưởng thượng đối với hàng ti thuộc vậy (cho dù bạn Ng. H trên 70 tuổi đi nữa thì lại càng thủ lễ hơn để làm gương cho con cháu) trong khi Thầy Thông Lạc là một cụ già, còn ba năm nữa bằng tuổi Đức Phật nhập diệt. Đó là nói về tuổi tác của Thầy Thông Lạc đáng là cha, là ông của không ít người. Còn giả dụ cho bạn Ng. H hấp thụ văn hoá Âu Tây nên có lối xưng hô như thế thì tôi cũng cho bạn ấy sai nốt, vì chỉ khi nào bạn Ng. H thường giao dịch và thân thiết mới gọi người đó bằng tên trổng không và hấp thụ như vậy là mất gốc.

Chắc nhiều bạn không biết rằng về phần đức độ và tu hành của Thầy Thông Lạc khó mà tìm thấy trong thế gian này: Đời sống giới luật rất nghiêm chỉnh, không hề vi phạm những lỗi nhỏ nhặt, thiền định nhập Tứ Thánh Định,

làm chủ sự sống chết, chấm dứt tái sinh luân hồi, thể hiện Tam Minh, tâm thường bất động trước các ác pháp và các cảm thọ, thường trú trong trạng thái thanh thản, an lạc và vô sự. Người như vậy trên đời này dễ gì thấy, phải không các bạn?

Thưa các bạn! Có sống gần bên Thầy Thông Lạc mới nhận thấy được điều này. Thấy được điều này thực đáng cho chúng ta cung kính, tôn trọng! Có đáng cho chúng ta quỳ xuống đảnh lễ dưới chân Người không các bạn? Như vậy, cách ứng xử của bạn Ng. H là rất đáng trách. Phải không các bạn?

Chỉ mới vào đầu một đoạn ngắn bài tiểu luận của bạn Ng. H. mà đã có nhiều cái sai không đúng Phật giáo. Nếu đem hết các bài của bạn Ng. H. ra luận thì cái sai của bạn ấy còn nhiều gấp trăm lần, nhưng vì không có thì giờ làm việc này, nên Diệu Quang chỉ lấy một đoạn ngắn của bài đầu ra thử phân tích để các bạn nhận xét thấy rằng bạn ấy chưa đủ khả năng luận về sách của Thầy Thông Lạc, dù bạn ấy có bằng Tiến sĩ Phật học đi nữa, cũng chỉ là nhai lại bã mía mà thôi, chỉ trừ khi bạn ấy tu chứng quả A La Hán thì mới đủ sức bình luận được sách của Thầy Thông Lạc.

Thưa các bạn! Diệu Quang quá tất bật nhiều công việc, chỉ xin góp ý với bạn Ng. H. trong một đoạn tiểu luận nhỏ để làm một hạt cát xây dựng lại mái nhà Phật Giáo mà Thầy Thông Lạc ngày đêm miệt mài dựng lại những gì của đức Phật đã bị các Tổ ném bỏ. Mong bạn Ng. H. thông cảm hiểu cho. Nếu tôi có nói điều gì xúc phạm đến bạn, xin bạn tha thứ và từ đây về sau xin được xem bạn và các bạn khác như là những người bạn thân. Bạn Ng. H. đồng ý nhé!

Diệu Quang có lời thăm và chúc bạn dồi dào sức khỏe.

Kính ghi
Diệu Quang
Tháng 5-2004



PHÁP MÔN NGUYÊN THỦY CHƠN NHƯ THEO PHẠM SUY

Bài viết của Từ Quang

Pháp môn Nguyên Thủy Chơn Như lấy năm bộ kinh Nikaya làm giáo pháp tu học. Đây là 5 bộ kinh theo chữ Pali và đã được H.T. Minh Châu Việt dịch đầy đủ. Năm bộ kinh này, theo lịch sử kinh điển Phật giáo và ngày nay học giả Phật giáo khắp thế giới công nhận là những bộ kinh được kết tập, được ghi chép lại bằng văn tự Pali đầu tiên và có thể nói gồm toàn gần nguyên gốc những lời đức Phật giảng dạy chúng Tỳ Kheo và cư sĩ tại gia thời đức Phật còn tại thế. Đó là:

- 1)- Trường Bộ Kinh
- 2)- Trung Bộ Kinh
- 3)- Tăng Bộ Kinh
- 4)- Tương Ưng Bộ Kinh
- 5)- Tiểu Bộ Kinh

Các bộ kinh Trường Bộ, Trung Bộ và Tăng Chi Bộ được kết tập vào kỳ kết tập thứ 3, vào thời vua A-Dục, khoảng 325 năm sau ngày đức Phật nhập Niết Bàn. Hai lần kết tập đầu(100 ngày sau khi đức Phật nhập diệt và 123 năm sau) đều chỉ được khẩu truyền kết tập theo lời dạy của đức Phật lúc còn tại thế: **“Pháp của ta để hành, không phải để thờ”** (Đường Xưa Mây Trắng, HT. Nhất Hạnh), vì lúc bấy giờ Bà-La-Môn Giáo thường thờ cúng các bộ kinh Vệ Đà và Áo Nghĩa Thư. (Theo Bình Anson thì mãi đến kỳ kết tập thứ 5 (20 năm trước Công Nguyên), tại Tích Lan, mới được viết thành văn kinh). Lúc còn tại thế, Đức Phật không bao giờ khẳng định giáo pháp của Đức Phật không phải giáo pháp của Bà-La-Môn và Đức Phật rất khéo léo loại bỏ tất cả (mầm mống) những thái độ nào đem lại sự chống đối Đức Phật. Thường ngày Phật tiếp xúc với các Bà-La-Môn gia chủ, Giáo Trưởng, Đại Thần, Quốc Vương, và tất cả mọi người... thuyết giảng cho họ giáo pháp của Đức Phật để họ tự nhận thấy Giáo Pháp của đức Phật không có gì quá thâm sâu, quá trừu tượng mà trái lại, rất thực tế, dễ hiểu, lợi ích thiết thực trong cuộc sống, khả tu, khả chứng và họ tự ý qui thuận, xin làm đệ tử của Phật từ đó và

trộn đời về sau. Năm anh em Tôn Giả Kiều Trần Như, là những đệ tử Tỳ Kheo đầu tiên của đức Phật, cũng là những Bà-La-Môn, đồng tu đồng chứng Phi Tướng Phi Phi Tướng Xứ Định như đức Phật trong cùng Giáo Pháp Bà-La-Môn của Ngài Ramaputta. Họ cũng noi gương đức Phật, khi tu chứng được định cao chót này của Ramaputta, vẫn không thấy trong giáo pháp này có con đường giải thoát làm chủ sanh tử luân hồi, nên đã theo chân đức Phật vào rừng cùng nhau học hỏi tự tìm đường tu để tiến tới cứu cánh giải thoát này. Nhưng chỉ một mình đức Phật tìm ra giáo pháp TỨ DIỆU ĐẾ bằng con đường THIỀN ĐỊNH HỮU SẮC: SƠ THIỀN, NHỊ THIỀN, TAM THIỀN, TỨ THIỀN và TAM MINH. Hoàn toàn khác biệt con đường ĐỊNH VÔ SẮC: Không Vô Biên Xứ Định, Thức Vô Biên Xứ Định, Vô Sở Hữu Xứ Định, Phi Tướng Phi Phi Tướng Xứ Định của các tôn giáo đương thời với đức Phật tức Bà-La-Môn Giáo với nhiều bộ phái.

Chính CON ĐƯỜNG đi đến kết quả và chính kết quả BẤT ĐỘNG TÂM là ĐẠO PHẬT. Chỉ duy nhất đạo Phật có kết quả này. Những cái gì được thêm hay làm mất đi, thiếu đi con đường và kết quả này thì cái đó là PHI PHẬT

GIÁO, không phải Phật giáo và thường trùng lặp với ngoại đạo. Dù những cái này có tự nhận là Phật giáo thì cũng không phải là Phật giáo do chính sự sai khác đó, nếu họ không đi cho hết con đường, thực hiện đầy đủ các kết quả mà duy nhất chỉ đạo Phật mới có, để mang bản chất Phật giáo, để LÀ Phật giáo.

Trước thời Ngài Long Thọ, ý niệm về TÁNH KHÔNG đã được manh nha, đợi đến khi Ngài Long Thọ với Trung Quán Luận, ý niệm này mới hoàn chỉnh. Được sự tiếp tay trí tuệ của hàng hậu học có nguồn gốc hay chịu ảnh hưởng sâu đậm học thuyết Bà-La-Môn, như các ngài Thế Thân, Mã Minh,... triển khai ý niệm Tánh Không hàm chứa trong những lời giảng dạy của đức Phật nhưng có những nội dung hoàn toàn khác hẳn. Đi song hành với sự phát triển này là sự hình thành một hệ thống kinh sách, tạo nên Phật giáo phát triển với hình ảnh những vị Bồ Tát đã chứng đắc hoặc chưa chứng đắc Phật quả xông pha trong lục đạo hành Bồ Tát Đạo.

Đến đầu thế kỷ 21 này, trong các nước như Trung Quốc, Nhật Bản, Việt Nam,... phổ thông quần chúng chỉ biết Phật giáo phát triển là hình ảnh tiêu biểu của Phật giáo, trong đó

Thiền Tông được xem là pháp môn của những hàng có căn cơ cao; trong khi tại các nước Âu Mỹ người ta thường biết Phật giáo qua hình ảnh những nhà sư Tây Tạng với Mật Tông làm giáo lý nòng cốt. Chỉ có một số các nước như Thái Lan, Miến Điện, Tích Lan,... thì về hình thức còn giữ được một số nét sinh hoạt của thời xưa nhưng bên cạnh thì có những ngôi chùa quá to lớn, nguy nga tráng lệ không khác gì cung vàng điện ngọc của vua chúa, và về nội dung thì tu tập theo những kinh sách của các tổ, trong đó Tổ Mahashi là ưu thế; gần đây có Ngài Ajan Chaah- người Thái Lan, lập ra pháp thiền “Mật Hồ Tĩnh Lặng”, dần dần có những ảnh hưởng một số nơi trên thế giới.

Việt Nam ngày nay, Ân Sư A-La-Hán Thích Thông Lạc không phải khởi xướng lên cái gì mới lạ mà Ân Sư chỉ dựng lại cái gì đích thật của Phật giáo đã bị xô ngã, làm sáng lại cái gì đã bị che phủ lu mờ bởi những lý thuyết lạc lăm trong tưởng thức do tu luyện đi lăm qua tướng tuệ của các Tổ từ hơn hai ngàn năm nay mà các Tổ không hề tự mình hay biết. Căn cứ vào năm bộ kinh Nikaya nói trên, A-La-Hán Thích Thông Lạc đã tự mình học được những gì Phật đã dạy chúng Tỳ Kheo; sống theo lối

đức Phật và chúng Tỳ Kheo ngày xưa đã sống; tu theo pháp môn đức Phật đã tu và dạy chúng Tỳ Kheo tu, rồi cuối cùng Ân Sư chứng được những gì đức Phật đã chứng, cũng như chúng Tỳ kheo thời đức Phật đã chứng. Đó là: Tứ Thiên và Tam Minh, khi đã làm chủ được sự sống chết và biết chắc chắn mình đã làm chủ đúng như thế, tức là làm chủ tái sanh luân hồi; biết chắc mình đã ***“thoát khỏi dục lậu, thoát khỏi hữu lậu, thoát khỏi vô minh lậu”***; biết chắc ***“Ta đã giải thoát, sanh đã tận, phạm hạnh đã thành, những việc cần làm đã làm; sau đời hiện tại không có đời sống nào khác nữa”***.

Đọc suốt bộ sách Đường Về Xứ Phật, nghe xong bộ băng của Ân Sư thuyết giảng, con xin mạo phạm bắt chước vua A-Xà-Thế (Ajatasattu) tán thán đức Phật trong bài kinh Sa Môn Quả (kinh số 2, Samannaphala sutta, Trung Bộ Kinh): ***“Thật là vi diệu thay, thưa Ân Sư. Thật là vi diệu thay, thưa Ân Sư! Thưa Ân Sư, như người dựng đứng lại những gì bị che kín, chỉ đường cho kẻ bị lạc hướng, đem đèn sáng vào trong bóng tối để những ai có mắt thấy sắc. Cũng vậy, Chánh Pháp***

đã được Ân Sư dùng nhiều phương tiện trình bày, giải thích”.

Chánh Pháp mà Ân Sư chỉ dạy cho chúng ta, chính là những gì được đức Phật trong 45 năm giảng dạy cho chúng Tỷ Kheo, bao gồm Tứ Diệu Đế, 37 Phẩm Trợ Đạo và bằng đời sống đúng Giới Luật cần thiết để thực hiện cho bằng được Tứ Thiên và Tam Minh. Giáo Pháp của đức Phật giảng dạy ngày xưa, mà ngày nay Ân Sư giảng dạy lại, không cao siêu, không trừu tượng không tưởng, hoàn toàn khả tu khả chứng bằng con đường GIỚI-ĐỊNH-TUỆ; đầy đủ pháp hành rút ra từ Kinh Sách Nguyên Thủy, đúc kết cùng kinh nghiệm sống tu bằng máu và nước mắt của Ân Sư trong suốt 9 năm đăng đẳng, thừa chết thiếu sống. Ân Sư cả quyết nếu những ai tin vào Ân Sư, tu tập theo đúng những gì Ân Sư chỉ dạy, không pha trộn với các kiến chấp khác, không tưởng giải tu sai, thừa trình mọi biến chuyển tiến bộ, thì sẽ đúng như đức Phật đã xác định trong bài kinh Tứ Niệm Xứ, thời gian tối thiểu 7 ngày, tối đa 7 năm, sẽ chứng Đạo, tức nhập được Tứ Thiên, đắc được Tam Minh.

Mỗi mỗi lời giảng của Ân Sư đều khế hợp, đều căn cứ, đều xuất phát nguồn gốc từ những

bài kinh trong 5 bộ kinh Nykaya, đặc biệt là Trung Bộ Kinh. Có thể kể tên vài bài tiêu biểu: Đại Kinh Tứ Niệm Xứ (*Kinh số 22, Trường Bộ Kinh*); Sa Môn Quả (*Kinh số 2, Trường Bộ Kinh*); Kinh Nhập Túc Xuất Túc (*Kinh số 118, Trung Bộ Kinh, hay có tên Xuất Túc Nhập Túc Niệm*); Kinh Song Tầm (*Kinh số 19, Trung Bộ Kinh*); Kinh An Trú Tầm (*Kinh số 20, Trung Bộ Kinh*); Kinh Đại Kinh Saccaka (*Kinh số 36, Trung Bộ Kinh*)...

Qua sự giảng dạy của Ân Sư mới thấy đức Phật đã chuẩn bị đầy đủ, đã chỉ dẫn rõ ràng mọi khía cạnh, mọi trạng huống con đường tu tập. Đức Phật đã dạy rõ ràng đến chi tiết, cách thức nào để phá trừ những biến chuyển trong khi tu không đúng, hay uốn nắn, hướng dẫn biến chuyển để đưa chúng vào quỹ đạo tu hành. Trong trí vô lậu giải thoát của Ân Sư, trong mắt nhìn thấu rõ căn cơ người đệ tử. Ân Sư bằng nhiều phương tiện tâm linh và hiển thị, giúp cho người đệ tử vượt qua các ma chướng, thông hiểu pháp hành, tăng cường nghị lực tiêu trừ nghiệp quả sâu dày để tiến về chân Phật, bóng Thầy. Khi người đệ tử đã đặt trọn hết niềm tin vào Phật, vào Thầy thì đây là

phần thưởng, thì đây là phước báo, thọ hưởng vô cùng, vô tận.

Trong suốt hơn 22 năm (từ năm 1980, 10 năm sau khi Ân Sư chứng đắc Thánh Quả theo pháp môn của đức Phật dạy trong kinh sách Nguyên Thủy, Ân Sư mới bắt đầu tiếp nhận các hàng Phật tử về đây tu tập, nhưng thật ra Tu Viện đã được thành lập từ 1971, lúc Ân Sư từ Hòn Sơn, An Giang, trở về tiếp tục tu tập theo pháp môn Tri Vọng), nhiều lượt người đã về đây tu học. Trước khi bước qua cánh cổng, lòng họ hăng say, tâm đầy nhiệt huyết; nhưng khi sống trong Tu Viện, tâm họ như bị gáo nước lạnh làm tắt dần ngọn lửa mới nhen. Gáo nước lạnh đây là giới luật Patimokkha, là hạnh sống độc cư, là đức nhẫn nhục, tùy thuận, bằng lòng. Họ chưa hề nghe tới, chưa hề chạm trán, đừng nói là họ đã từng nếm qua. Vì thế, họ phải giữ áo ra đi, đi vào con đường hợp với sự tầm cầu của họ, không phải là sự tầm cầu giải thoát khổ đau, làm chủ sanh tử, luân hồi.

Làm chủ sanh tử luân hồi là một con đường khó khăn vô cùng cho những người không dám buông bỏ - phải buông bỏ lớn lao nhất, buông bỏ sự an lành, buông bỏ sinh mạng sống mới mong đạt được kết quả lớn lao

này. Kết quả tu học đi đôi với sự buông bỏ. Buông bỏ nhỏ kết quả nhỏ. Buông bỏ lớn kết quả lớn. Buông bỏ tận cùng mới đi đến kết quả lớn lao khôn cùng tức Giải Thoát.

Như đức Phật dạy: ***“Đạo ta không có thời gian, đến để mà thấy”***, vừa nhập tu là thấy giải thoát ngay. Tu nhiều, giải thoát nhiều; tu ít, giải thoát ít; không tu, không giải thoát. Tu mà không đi đôi với buông bỏ là không tu, tức không giải thoát. Thí dụ giới ăn một ngụ, không ăn phi thời mà giữ không được thì đâu có giải thoát cái ăn. Giới ba y một bát mà áo đầy rương, đầy sào thì làm sao giải thoát cái mặc, cái y áo. Giới độc cư mà hết nói chuyện với người này sang nói chuyện với người khác thì làm sao đắc tâm định tĩnh...

Giới là căn bản. Giới là pháp tu đầu tiên mà không tu được thì sao gọi là tu. Nếu không tu Giới thì chẳng qua người này chỉ thay đổi hình thức của cái “ĐỜI”. Mọi hình tướng của đời đều có thì đó không phải là tu, chưa phải là tu. Trước khi thành Đạo và suốt trong 45 năm sau, đức Phật giữ hạnh buông xả. Chúng Tỳ Kheo lúc đó những ai buông xả sạch thật sự, họ đều đắc Pháp, đắc Đạo. Những ai chưa buông xả sạch, chưa đắc Đạo. Lúc Phật tại thế

là như vậy, sau khi đức Phật nhập diệt cũng không khác. Buông xả là một “định luật”. Không có định luật này, không áp dụng định luật này thì không có “điều kiện cần thiết” để chứng đắc Tứ Thiên và Tam Minh.

Tứ Thiên là gì? Tam Minh là gì?

Tứ Thiên và Tam Minh là thiên định và trí tuệ mà đức Phật bằng con đường tu riêng biệt do Ngài tự tìm thấy, do một mình Ngài sáng lập và thực chứng, không có trong bất kỳ tôn giáo nào khác, từ trước cũng như sau ngày Ngài thành đạo, và chỉ duy nhất con đường tu chứng Tứ Thiên và Tam Minh mới đưa hành giả vào đúng lộ trình giải thoát, làm chủ sanh tử luân hồi. Chỉ có những ai tu hành bằng con đường trong đó đầy đủ 37 Phẩm Trợ Đạo mới đạt được sự giải thoát mà đức Phật giảng dạy, mới là đệ tử Phật, mới tu đúng đạo Phật. Không có 37 Phẩm Trợ Đạo này hay không đầy đủ 37 Phẩm Trợ Đạo thì đó chưa phải đạo Phật hay không phải đạo Phật.

Trong Tu Viện Chơn Như, trước Tổ Đường Tuyết Sơn, có bảng bia đá ghi:

SƠ THIÊN

1. Nói trì giới là chỉ cho tâm ly dục ly ác pháp.

2. Nói ly dục ly ác pháp là chỉ cho tâm không phóng dật.

3. Nói không phóng dật là chỉ cho tâm vô lậu.

4. Nói vô lậu là chỉ cho tâm vô dục bất động.

5. Nói vô dục bất động là chỉ cho tâm nhập “Sơ Thiên”.

Xem thế đủ thấy chỉ mới ở mức Sơ Thiên, hành giả đã phải trải qua ít nhất 5 bước công phu tu tập khác nhau. Mỗi bước công phu phải hoàn tất, phải an trú dễ dàng ***“không khó khăn, không mệt nhọc, không phí sức”***. Mỗi bước công phu là một bước giải thoát. Không có Ân Sư, không gặp được thiện hữu tri thức (người có kinh nghiệm thực sự tu chứng), làm sao chúng ta biết đường, biết cách tu. Tất cả các từ ngữ “trì giới”; “ly dục ly ác pháp”; “không phóng dật”; “vô lậu”; “vô dục bất động”

đều có trong nhiều bài kinh, nhưng đâu có ai chỉ dạy cho chúng ta cách tu phải như thế nào, phải thực hành tu tập làm sao để đạt trạng thái tâm sau cao hơn trước.

Mỗi giai đoạn tu tập, hay nói cách khác, kết quả của mỗi giai đoạn sống và tu đưa hành giả tới những nấc trạng thái tâm khác nhau. Sống đúng, tu đúng, hành giả thể nghiệm đúng đạo lộ tới Sơ Thiền Bất Động Tâm. Nếu không có vị thiện hữu tri thức hướng dẫn, người ta dễ hiểu lầm đã nhập Sơ Thiền khi ở những mức tâm chưa được bất động.

Đoạn đường để đến từng thiền định một, từ Sơ Thiền tới Nhị Thiền, Tam Thiền, Tứ Thiền và Tam Minh, đều gồm một chuỗi trạng thái tâm, kết quả từ sự tu tập mỗi pháp môn mà trong Kinh rất ít khi nói rõ ràng, thông thường chỉ ghi tên; dường như vào lúc đó khi nghe được danh từ này thì người ta đương nhiên hiểu phải tu như thế nào.

Trải qua 25 thế kỷ, chỉ có người đã tu chứng như Ân Sư A-La-Hán Thích Thông Lạc mới thấu hiểu rõ ràng và chỉ có những ai đầy đủ phước duyên mới được Ân Sư chỉ dạy cận kề. Hơn nữa, có mức thiền mà khi hành giả đạt được và ổn định rồi mới từ đó tu tập nhập

nhiều mức thiền khác cao hơn kế tiếp. Chỉ có sự tu tập nhuần nhuyễn, an trú dễ dàng vào 18 đề mục trong Định Niệm Hơi Thở (Ân Sư nói đầy đủ là 22, trong khi Hoà Thượng Nhất Hạnh thu gọn lại chỉ còn 16) thì Thất Giác Chi (hay Thất Bồ Đề Phần) xuất hiện và hành giả sẽ dẫn tâm, đưa tâm vào Tứ Thiền, rồi Tam Minh.

Ân Sư chỉ dạy cận kề cách tu từng đề mục một, hoặc xét xem người đệ tử có thể vượt qua đề mục nào, hoặc cho tập luyện trước đề mục cao hơn để tạo hỗ trợ lực cho đề mục đang tu, *“Thiện xảo như vậy, trí tuệ là như vậy”* (Lời Ân Sư dạy). Ân Sư khuyến khích đệ tử tự mình phải thiện xảo, phải trí tuệ mới tu tập Phật Pháp được. Phật Pháp cần có trí tuệ trong khi tu mới thành công. Thiếu trí tuệ, sự thành công chỉ là ước vọng.

Thí dụ đề mục thứ 17 của Định Niệm Hơi Thở ***“Với tâm định tĩnh, tôi biết tôi hít vô; với tâm định tĩnh tôi biết tôi thở ra”***, là đề mục thích ứng với người có sự tỉnh giác cao, mức làm chủ ý thức mạnh mẽ, sắp hay đang có Thất Giác Chi, thế mà Ân Sư bảo người đệ tử bị hôn trầm, thùy miên nặng nề thay đổi đề mục đó để đưa nó vào pháp môn Kinh Hành

Tỉnh Giác giúp phá hôn trầm: **“Với tâm định tỉnh, tôi biết tôi đang đi kinh hành”**, hay sử dụng nguyên văn vào đề mục thứ 1, thay thế hay bổ túc cho **“Hít vô, tôi biết tôi hít vô; thở ra, tôi biết tôi thở ra”** của Định Niệm Hơi Thở.

Không có Ân Sư chỉ dạy, làm sao chúng ta biết, làm sao chúng ta dám thay đổi, sử dụng đúng lúc, đúng thời khéo léo, thiện xảo như vậy.

Ân Sư chỉ dạy cho chúng tôi, những người mới học tu, bốn pháp Thiền Định căn bản: Kinh Hành Tỉnh Giác Định, Định Niệm Hơi Thở, Định Vô Lậu và Định Sáng Suốt (hay Tỉnh Giác với Tâm Thanh Thản, An Lạc, Vô Sự nói vắn tắt là Tâm Vô Sự) và tập làm quen Thân Hành Niệm. Mỗi pháp có nhiều trình độ, cho nên Ân Sư theo căn cơ của đệ tử chỉ dạy cho người này mức pháp đúng với trình độ căn cơ của họ. Ân Sư chỉ dạy căn cứ từ lý thuyết đến thực hành từng pháp môn. Người đệ tử an trú được trình độ căn bản xong thì Ân Sư (khuyến khích) sách tấn tiến lên mức cao hơn. Cứ như thế, người đệ tử trong thời gian đầu được vươn tới từ từ cho đúng trình độ của mình

xong thì bắt đầu chậm lại để nhuần nhuyễn các pháp được học.

Những pháp môn trên có thể giải thích tóm tắt như sau:

KINH HÀNH TỈNH GIÁC ĐỊNH được tu tập nhằm đạt mục đích tỉnh giác, phá hôn trầm. Mọi tu sinh cần phải đánh giá sự tu tập định này tối quan trọng trong bước đầu tu tập. Ai không chịu đi kinh hành nhiều thì phá hôn trầm không được; những ai cứ chuyên ngồi thiền nhiều thì đến một giai đoạn nào đó đều bị hôn trầm đánh quỵ, sinh ra giải đãi rồi tu chỉ có hình thức thôi. Ân Sư ân cần khuyên bảo mọi tu sinh ngay từ bước đầu phải đi kinh hành càng nhiều càng tốt, cho tới khi phá được hôn trầm mới nên ngồi tu Tứ Niệm Xứ để quét sạch tham ưu - giai đoạn tu rất ráo để nhập bốn Thiền.

ĐỊNH NIỆM HƠI THỞ nhằm mục đích điều khiển tâm, sử dụng tâm đạt được kết quả của từng đề mục trong tổng số 18 đề mục:

- Đề mục số 1 tập tâm tỉnh thức trong hơi thở đồng lúc gom tâm về một điểm.

- Đề mục số 2 tập luyện hơi thở cho có nội lực và để tâm nhận ra được hơi thở bình

thường căn bản làm căn cứ cho hơi thở thiền định về sau.

- Đề mục số 3 giải phóng tâm ra khỏi tụ điểm để nhận thức được các chương pháp của thân.

- . . .

Mỗi đề mục đều nhằm luyện tập tâm đạt một mục đích và tập cho tâm ngày càng có đầy đủ năng lực để đạt mục đích đó - và khi tâm có đầy đủ năng lực thì Thất Giác Chi sẽ xuất hiện để làm dụng cụ nhập các mức thiền định của Thánh Quả cũng như chuẩn bị trước cách thức đối trị với chương ngại pháp khi chúng hiện ra trên bước đường tu tập.

ĐỊNH VÔ LẬU làm cho tâm quán triệt các pháp thiện, pháp ác để buông xả, để tâm bất động, giải thoát tâm ra khỏi các lậu hoặc, chuẩn bị cho giai đoạn Tứ Niệm Xứ đối trị với các chương ngại pháp trong thân, tâm.

ĐỊNH SÁNG SUỐT giúp tâm được thư giãn, bớt căng thẳng quá sức chịu đựng của hệ thần kinh trong khi tu tập. Tu tập định này khiến cho tâm an trú vào trạng thái nhẹ nhàng của Sơ Thiền (không phải Sơ Thiền). Tu tập trạng thái tâm này phải cẩn thận để khỏi

rơi vào trạng thái tâm của các định vô sắc, hoặc chỉ loanh quanh với trạng thái tỉnh giác. Đây là tiền thân của tâm tu tập Tứ Niệm Xứ. Không thành công an trú Định Sáng Suốt thì sẽ mất nhiều thì giờ và khó khăn hơn khi tu tập Tứ Niệm Xứ.

THÂN HÀNH NIỆM được tu tập ở giai đoạn này chẳng qua chỉ là sự tập làm quen, dần dần sẽ trở thành thói quen sử dụng tâm và thân cho có sự phối hợp chặt chẽ mà Ân Sư thường dạy **“trở nên một cỗ xe”**; một cỗ xe thật tốt để sẵn sàng dùng trong giai đoạn tu rốt ráo của Tứ Niệm Xứ để **tâm định trên thân, thân định trên tâm**.

Điều kiện duy nhất Ân Sư đòi hỏi nơi người đệ tử là phải biết nhận thức, suy luận để tu cho kỹ lưỡng, cùng với giữ gìn giới luật cho nghiêm, đừng vi phạm: Ăn một ngụ; Ngủ, thức đúng giờ; Độc cư, không tiếp duyên, không nói chuyện.

Ân Sư nhấn mạnh trong suốt thời gian vừa qua, những người về đây thì có một số giữ gìn giới hạnh đầy đủ lại tu tập không kỹ lưỡng; ngược lại, một số tu tập kỹ lưỡng lại không nghiêm trì giới luật. Vì thế, chưa có ai đạt được kết quả như Ân Sư mong chờ.

Theo thiền ý, mọi người đều đã bị kinh sách phát triển hướng dẫn sai lệch quá sâu dày. Mỗi khi nghĩ tới tu hành, trong trí họ hiện lên hình ảnh của người gõ mõ tụng kinh, niệm Phật, trì chú, ngồi thiền. Tụng nhiều bộ kinh, niệm Phật hiệu hằng muôn ngàn biến, trì chú suốt ngày đêm, ngồi thiền giờ này qua giờ khác là chân chánh tu hành. Đặc biệt là tu thiền với nhiều pháp của các Tổ, những công án kỳ đặc làm mê hoặc ý thức, hay niệm chú với những thần thông xuất hiện, nên khi họ về đây, không thể nào dễ dàng bỏ được tập quán sâu dày đó. Họ bị choáng ngợp với các truyền thuyết chứng đắc của các Tổ, với những lý luận trừu tượng cao siêu của kinh sách luận giải nên thiếu niềm tin vào đường lối tu tập của Ân Sư. Bởi vậy, nếu các tu sinh trước khi về đây đã là Tăng Ni tu học các Tổ Sư Thiền, cũng như các cư sĩ đã nghiên cứu và thực hành theo các kinh sách này thì rất khó bỏ các kiến chấp họ đã huân tập, cho nên họ chỉ chuyên tâm ưa thích ngồi thiền và ngồi thật lâu, quên đi lời Ân Sư tha thiết thương yêu ***“Các con phải đi kinh hành! Đừng ngồi! Hãy mở cửa thất mà đi ra ngoài!”***.

Ngoài ra còn một yếu tố khác là trong tay họ ít có người nào có đầy đủ kinh sách, bằng giảng của Tu Viện lưu hành và thời gian nghiên cứu chưa được kỹ, chưa thấm nhuần, lãnh hội chưa thấu đáo. Cho nên Tu Viện cần bổ khuyết càng sớm càng tốt một CẨM NANG TU HỌC CHÍNH THỨC hướng dẫn cho tu sinh tu tập các pháp môn ở giai đoạn đầu (mặc dù hiện có các tập Cẩm Nang của Nhóm Tu Học California, Mỹ quốc, nhưng chưa được gọn, chưa có thứ lớp của một hệ thống chương trình). Một CẨM NANG mà bất kỳ ai, dù là Tăng Ni đã tu tập lâu năm bên ngoài, một khi đã về đây cũng phải tu tập những bước đầu của các pháp môn này, vì đây là các pháp môn chân chánh mà đức Phật đã chỉ dạy, đây là con đường đi tới Thánh Quả Alahán mà chỉ một mình Chân Như có mà thôi. Chính vì muốn các Phật tử quay trở về tu học các pháp môn này mà Tu Viện Chơn Như được thành lập.

Tôi tin chắc trong số quý vị về đây sống tu trong thời gian ngắn hạn, có vị mãi khi trở về lại trú xứ vẫn chưa nắm vững các pháp môn tu của Tu Viện Chơn Như, vẫn nghi ngờ không biết mình thực hành đã đúng chưa vì cơ hội

thừa hỏi quá ít; lại có người nghĩ chỉ cần đọc thông suốt các bộ sách lưu hành của Tu Viện là biết cách hành và hành đúng pháp, không cần phải thừa thỉnh. Nhiều khi cái hiểu này lại sai lầm vì là kiến giải cá nhân. Thí dụ cách đi kinh hành, cách thức xả tâm,... tuy trong sách đã giải thích nhiều nhưng từ lý thuyết qua thực hành vẫn có sai khác, cần nhanh chóng thừa thỉnh điều chỉnh; có khi ta lại không nhận ra được cái sai khác này. Đó là những vị may mắn có đủ sách, đủ thì giờ nghiên cứu; còn nhiều vị khác không có may mắn đó thì thật là khó khăn (vị nào ở trường hợp này, xin mời vào “thư viện” của Từ Quang ở địa chỉ <http://nguyenthuychonnhu.net> có hầu hết các kinh sách lưu hành của Tu Viện Chơn Như).

Tất cả các pháp môn Ân Sư dạy đều nhắm mục đích thực hiện cho bằng được **“Tâm định tĩnh, thuần tịnh, không cấu nhiễm, không phiền não, nhu nhuyến, dễ sử dụng, vững chắc, bình thản”**. Mỗi pháp môn nhằm luyện tập thực hiện một hay nhiều trạng thái của tâm tối hậu trên, nên cần phải tu tập nhuần nhuyễn và tu tập phối hợp, không thể chọn tu tinh tấn một pháp môn mà lơ là các pháp môn khác. Tu như vậy khiến cho tâm bị

“què quặt”, thiếu năng lực, lệch lạc, dễ đưa vào đường tà định của ngoại đạo. Những ai chỉ chuyên ưa ngồi thiền theo hướng các kinh sách phát triển do các Tổ biên soạn sẽ chẳng bao giờ nếm được mùi vị giải thoát của thánh quả Alahán; họ chỉ đi dần vào đường cùng của các định vô sắc, không định.

Khi tu tập ta sẽ dễ dàng thấy cái thiện xảo của từng pháp môn. Thí dụ tu tập Định Niệm Hơi Thở; “đề mục” nhằm tạo cho tâm có năng lực, “tác ý” làm giảm bớt sự căng thẳng thần kinh, chuyển đưa tâm từ đề mục qua hướng tâm. Hệ quả là tâm được nhu nhuyễn, dễ sử dụng, tâm không bị ức chế một hướng, khiến tâm luôn ở trạng thái tỉnh thức, không bị lạc vào tưởng thức. Càng tu tập nhuần nhuyễn nhiều pháp môn thì tâm càng được nhu nhuyễn, dễ sử dụng, các trạng thái của “Tăng Thượng Tâm” đó càng được sung mãn thì khiến cho bảy Giác Chi xuất hiện làm “lực đẩy ” cho tâm nhập được các Thiền.

Nói tóm lại, pháp môn Chơn Như mà Ân Sư dạy cho chúng ta có nền tảng căn bản là GIỚI ĂN, NGỦ, ĐỌC CỬ và tu tập các thiền định: KINH HÀNH TỈNH GIÁC, ĐỊNH NIỆM HƠI THỞ, ĐỊNH VÔ LẬU, ĐỊNH SÁNG SUỐT và

cuối cùng là TỨ NIỆM XỨ và THÂN HÀNH NIỆM. Nếu chúng ta thông suốt, thực hành chuyên cần là chúng ta đã báo đáp công ân của Phật, của Thầy.

Con đường đã có, cỗ bàn đã được sẵn. Chúng ta chỉ cần quyết tâm đi, chỉ cần khéo léo ăn thì phải no; tức là đi phải đến đích, phải được an lạc, giải thoát.

Cầu mong tất cả mọi người đều thành công.

Chí thành đánh lễ Ân Sư!

Từ Quang

Tu Viện Chơn Như

Ngày 11-2-2003

----卐☪卐----

HẾT TẬP VI

MỤC LỤC

Lời nói đầu	5
Thư gửi quý bạn	18
Tu tập định vô lậu có ba việc cần phải lưu ý.....	21
Trì giới là ly dục	24
Các nhà học giả dạy nhập sơ thiền	31
Tiếng ồn.....	35
Tầm tứ	39
Ly hỷ.....	41
Sổ tức.....	43
Dứt tiếng ồn lên Nhị thiền.....	46
Chấm dứt tầm tứ lên Tam thiền.....	48
Chấm dứt hỷ lên Tứ thiền.....	49
Trong tứ thiền ngưng sổ tức đạt Không định	50
Mười hơi thở đếm không lộn là ý có định.....	52
Nhờ theo dõi hơi thở mà được định	55
Gom ý thức nhập thiền thứ mấy	58
Sáu thức gom lại sẽ nhập định gì?.....	59
Gom ý thức bằng cách nào?	61
Gom ý thức diệt tầm tứ.....	62

Tưởng thức	63
Nhân quả.....	66
Nhân quả là gì?	68
Nhân quả do đâu mà có	70
Con người do ba hành động thân miệng ý sanh ra ..	73
Vô minh và minh	74
Trí học giả.....	80
Hỷ lạc có xả bỏ hay không?	86
Trưởng dưỡng hỷ lạc	89
Tứ chánh cần	92
Một người mù dẫn một đám người mù.....	99
Chúng đắc một ít dạy người được không?	102
Sống không phạm hạnh	105
Chỉ cần có tâm tầm quý là tu chứng đạo	135
Mọi người đều là tu sĩ đi xin ăn thì thế gian này sẽ ra sao?	138
Lục căn hư hoại	141
Sáu căn quay vào trong.....	143
Nằm theo kiểu kiết tường	146
Nhân tướng nội ngoại của thọ	148
Nhiếp phục và phá thọ	150
Nhân tướng của nội tâm	154

Ngăn ác diệt ác	157
Nhân tướng	159
Đặc tướng	162
Thọ hành.....	165
Mục Liên Thanh Đề	167
Tội nạn mê tín.....	182
Làm lễ quy y cho người chết.....	187
Những kinh sách mê tín.....	191
Tu như thế nào đúng pháp?	194
Như lý tác ý	200
Trùng trong lòng sư tử.....	203
Làm sao phân biệt được tu sĩ giả hay thật trong Phật giáo	207
Hộ trì các căn.....	209
Thế giới siêu hình.....	214
Phật giáo Đại Thừa.....	218
Thiền Đông Độ.....	219
Niên lịch Phật giáo	220
Thuyết pháp 45 năm và 49 năm, năm nào đúng?.	222
Kinh sách Nguyên Thủy và Đại Thừa, kinh nào đáng tin cậy	223
Kinh sách Đại Thừa có phải là chánh pháp không?	224

Luật tứ phần.....	225
Kinh phạm võng Bồ tát giới	226
Sự sai biệt giữa Phật giáo và Bà la môn	228
Thâm ý của Bà la môn với Phật giáo.....	235
Bà la môn.....	236
Lời giới thiệu	239
Lời tựa giới thiệu kinh pháp cú của Hòa Thượng Minh Châu	244
Xác định của đức Phật về “ý thức” của con người có tâm quan trọng nhất trong đạo Phật.....	246
Lời xác định thứ hai của đức Phật	257
Tâm ác và tâm thiện	264
Lấy ân báo oán.....	269
Phòng hộ sáu căn	277
Chỉ định một Thánh Tăng.....	284
Song tâm	288
Thiện xảo trong tu tập.....	292
Nhân quả 1.....	295
Nhân quả 2.....	302
Người học nhiều không bằng người tu tập	305
Không phóng dật	311
Thiền định.....	318

Nỗ lực tu tập Tứ Niệm Xứ	322
Thiện xảo tu tập.....	337
Khen ngợi điều phục tâm	340
Người chiến thắng	342
Thư hỏi đạo	345
Nhân quả.....	346
Kinh Duy Ma Cật	363
Vô sở đắc.....	373
Khi nói, viết phải bình tâm suy nghĩ cho kỹ	379
Pháp môn Nguyên Thủy Chơn Như theo phạm suy	399

GIỚI THIỆU SÁCH

1. Đường về xứ Phật (Mười tập, bộ mới - 2011).
2. Những lời gốc Phật dạy (4 tập, bộ mới - 2011).
3. Văn hóa Phật giáo truyền thống (2 tập, bộ mới - 2011).
4. Đạo đức làm người (Tập I, II...).
5. Cẩm nang tu Phật (Hai tập).
6. Thiền căn bản.
7. Hành thập thiện & Tứ vô lượng tâm.
8. Những chặng đường tu học của người cư sĩ.
9. Thời khóa tu tập trong thời đức Phật.
10. Giáo án rèn nhân cách lớp Ngũ Giới: Đức Hiếu Sinh (Tập I, II, III).
11. Giáo án rèn nhân cách lớp Ngũ Giới: Đức Ly Tham (Tập I...).
12. Giáo án rèn nhân cách lớp Ngũ Giới: Đạo Đức Gia Đình (Tập I...).
13. Mười Đức Thánh Sa Di (Tập I, II).
14. Giới đức Thánh Tăng, Thánh Ni.
15. Định niệm hơi thở.
16. Phật giáo có đường lối riêng biệt.
17. Pháp môn niệm Phật tứ bất hoại tịnh

- 18.Nghi thức thọ trai.
- 19.Những lời tâm huyết...
- 20.Mười hai cửa vào đạo (2009).
- 21.Tạo duyên giáo hóa chúng sinh (mới 2009).
- 22.Lòng yêu thương (2009).
- 23.Linh hồn không có (2010 quý I).
- 24.Muốn chứng đạo phải tu pháp môn nào? (2010)
- 25.Ba mươi bảy phẩm trợ đạo (2010).
- 26.Giới đức làm người – 2 tập (bộ mới - 2010).
- 27.Lịch sử chùa Am (bộ mới - 2010).
- 28.Linh hồn không có – tái bản lần I (2010 quý IV).
- 29.Sống một mình như con Tê Ngưu (2010)
- 30.Thanh qui Tu viện Chơn Như (2010)
- 31.Lòng yêu thương – tập 2 (2011 quý I)
- 32.Sống mười điều lành (2011)

Các trang web hiện hành có đăng tải sách
của Trưởng lão Thích Thông Lạc:

<http://www.nguyenthuychonnhu.net>

<http://www.chonlac.org>

<http://www.chonnhu.net>

<http://www.thuvienthaythonglac.net>

...

Ước mong mọi người sống không làm khổ
mình, khổ người và khổ chúng sinh.

PHẬT TỬ ẤN TỔNG KINH

“ĐƯỜNG VỀ XỨ PHẬT - TẬP VI”

- Gia đình Thích Nữ Liễu Nghĩa
- Gia đình Thích Nữ Liễu Châu
- Gia đình Thích Nữ Liên Phước
- Gia đình Thích Nữ Diệu Minh
- Gia đình Thích Nữ Diệu Tâm
- Phật tử Hà nội
- Phật tử Tp. Hồ Chí Minh
- Nhóm thọ bát quan trai sư P.N

ĐƯỜNG VỀ XỨ PHẬT - TẬP VI

Trưởng lão THÍCH THÔNG LẠC

NHÀ XUẤT BẢN TÔN GIÁO

Phường Yên Hòa – Q.Cầu Giấy - Hà Nội

ĐT: (04) 37822845 - Fax: (04) 37822841

Email: nhaxuatbantongiao@gmail.com

Chịu trách nhiệm xuất bản:

Nguyễn Công Oánh

Biên tập: **Nguyễn Hà**

Bìa & Trình bày: **Thanh Tuệ**

Sửa bản in: **Ngọc Phúc**

Đối tác liên kết:

TU VIỆN CHƠN NHƯ

Điện thoại: 066.3892911

Email: chonnhu.info@gmail.com

Số lượng in: 1.000 bản, khổ: 13 x 20,5 cm

In tại **CTY CỔ PHẦN IN KHUYẾN HỌC PHÍA NAM**

(Tp.HCM. ĐT: 38164415)

Số xuất bản: ...

In xong và nộp lưu chiểu ...

